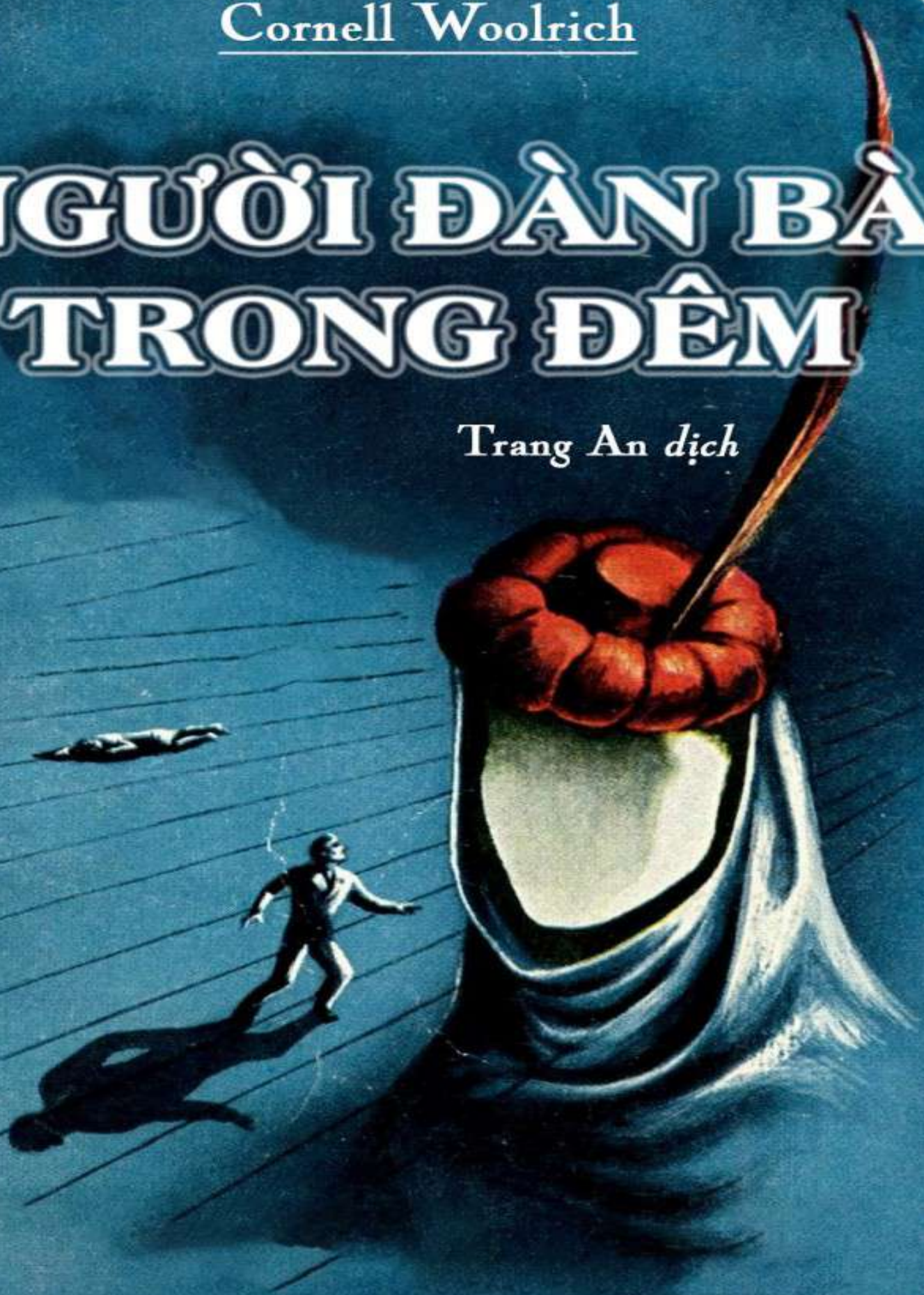


Cornell Woolrich

NGƯỜI ĐÀN BÀ TRONG ĐÊM

Trang An dịch



NGƯỜI ĐÀN BÀ TRONG ĐÊM

Nguyên tác: Phantom Lady (1942)



Tác giả: Cornell Woolrich (William Irish)

Dịch giả: Trang An

Xuất bản: 5/2018

ebook©vctvegroup

“Tôi không trả lời và cũng không quay lại.”

• **JOHN INGALL**

GIỚI THIỆU

Cornell Woolrich (1903-1968) - cha đẻ của tiểu thuyết trinh thám đen, bậc thầy của sự hồi hộp. Với cách kể và dẫn dắt đầy lôi cuốn, mỗi tác phẩm của ông không hẳn là cuộc kiếm tìm chân dung kẻ sát nhân mà còn đưa lên sân khấu những nghịch lý về sự thật bị che giấu và những bất ngờ không đoán trước.

Cornell Woolrich được coi là một trong những nhà văn có sức ảnh hưởng lớn, đưa thể loại truyện noir fiction (tiểu thuyết đen) đến đỉnh cao của sự thành công. Ông cũng là tác giả trinh thám có số lượng truyện chuyển thể thành phim nhiều nhất thế giới, trên trang IMDB có tới 103 bộ phim được ghi tên ông. Những bộ phim chuyển thể từ tiểu thuyết của Woolrich thường trở thành đề tài nghiên cứu sáng giá liên quan đến “kỷ nguyên của thể loại phim noir”.

Tấn công, hoang tưởng, mối đe dọa, cái chết, là những chủ đề xuyên suốt trong tác phẩm của Woolrich. Ngoài ra, khi nói đến tiểu thuyết của tác giả này, hình tượng người phụ nữ với “tính nữ” cũng là một nét tiêu biểu.

Trong truyện của ông có những nỗi sợ hãi chẳng rõ ràng, cảm giác luôn bị đe dọa. Các nhân vật thì luôn trong một cuộc chạy đua với thời gian. Theo đó là những nỗi tuyệt vọng ngày càng lấp đầy. Điều đặc biệt trong truyện của Woolrich chính là những “anh hùng” thường là nạn nhân, bị buộc tội về tội ác mà họ không thực hiện, hoặc phạm tội vì những đau buồn, tuyệt vọng và bất công trong cuộc sống.

Thế giới Woolrich tạo ra giống như một mê cung, đánh lạc hướng suy luận của người đọc. Tác giả đặt ra những “cái bẫy” cho các nhân vật chính không may mắn của mình và sau đó chờ đợi nhân vật chính sa vào bẫy và

độc giả bị đánh lừa. Đầu tiên là tính bất khả thi. Tính “không thể” được sử dụng Woolrich làm cho tình huống trở nên khó hiểu hơn, che giấu sự thật đằng sau.

Dường như, trong các tác phẩm của Woolrich các nhân vật ban đầu bao giờ cũng khởi điểm từ tình yêu, sự chung thủy, từ những điều tốt đẹp nhưng sau đó, bởi vì sự "tham lam" mà dần dần đánh mất đi bản ngã của chính bản thân mình. Kết hợp với đó, yếu tố bạo lực cũng được áp dụng triệt để để mang đến cảm xúc mãnh liệt cho người đọc.

Với sự khai phá mới cho tiểu thuyết trinh thám, Cornell Woolrich đã cung cấp những ẩn dụ về sinh mệnh con người thật rẻ mạt, cái thứ đạo đức trắng đen lẫn lộn. Bằng lối kể hấp dẫn, luôn giấu kín sự thật, mỗi tác phẩm của ông luôn làm người xem phải tò mò. Ở Việt Nam, nhiều truyện ngắn của Cornell Woolrich đã được dịch và đăng trên tạp chí Kiến Thức Ngày Nay vào cuối thập niên 1990, Cô Dâu Đen (The Bride Wore Black) được xuất bản năm 2018.

Trong *Người Đàn Bà Trong Đêm*, người đọc cũng như nhân vật sẽ phải đau đầu vì làm thế nào một người phụ nữ có thể biến mất hoàn toàn như vậy, đến nỗi mọi người xung quanh cũng chối bỏ sự tồn tại của cô? Mỗi chương của cuốn sách là nỗ lực tìm kiếm và cũng là sự thất vọng.

150 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

6 GIỜ TỐI

Trời mới bắt đầu tối, hăn cũng chưa hăn về già. Nhưng không gian thắm đượm sự ngọt ngào còn hăn thì cáu bẳn. Cái cáu bẳn đó người ta có thể thấy từ xa vì nó sừng xia trên khuôn mặt hăn. Cái cáu bẳn đó là một trong những trạng thái giận dữ bị kìm nén, bị dồn ép trong khi nó vẫn không ngừng rộ lên từng giờ. Cái cáu bẳn đó cũng là một điều đáng xấu hổ vì nó lạc điệu hoàn toàn với những gì đang diễn ra xung quanh. Nó như một vết rách trên bức tranh phong cảnh.

Tối đó là một tối tháng năm, giờ đó là giờ tụ tập. Vào giờ này đến nửa dân số ở thành phố này, miễn là dưới ba mươi tuổi, đều đã chải chuốt đầu tóc, nạp thêm tiền vào ví rồi tất tả ngược xuôi để đến kịp chỗ hẹn. Nửa dân số còn lại, cũng dưới ba mươi tuổi, đã trang điểm xong, không quên khoác thêm lên người một cái gì đó đặc biệt, rồi cũng nhanh chóng đến chỗ hẹn. Nhìn đi đâu hay chỗ nào thì ta cũng thấy hai nửa thành phố này đang tìm tới nhau. Ở mọi góc phố, trong các nhà hàng hay quán bar, bên ngoài hiệu thuốc, bên trong sảnh khách sạn, bên dưới biển hiệu các cửa hàng nữ trang, hay ở bất kỳ chỗ nào mà các cặp đôi chưa bị cặp đôi nào khác chiếm mất. Và ta có thể nghe thấy những câu thoại cũ rích đã được dùng từ xưa từ xưa như, “Giờ em mới đến được, anh đợi lâu chưa?” hay “Em trông đẹp lắm. Mình đi đâu nhỉ?”

Hôm đó là một buổi tối như vậy. Bầu trời phía tây tó một chút ráng đỏ, như thể mặt trời cũng đang hối hả cuộc hẹn của chính mình, và trước khi đi còn kịp cài lại hai ngôi sao lấp lánh như kim cương trên tấm áo choàng buổi tối.

Biển hiệu đèn nê-ông trên phố bắt đầu nháy mắt làm duyên với những vị khách qua đường, những chiếc taxi bấm còi gọi khách, tất cả mọi người đều đang tập trung đi tới nơi dành cho mình. Không gian lúc này không chỉ là không khí mà nó có mùi vị champagne, phảng phất hương nước hoa, rõ rệt đến nỗi nếu không biết cách tránh thì chắc chắn nó sẽ xộc thẳng vào khứu giác, thậm chí là trái tim của khách qua đường.

Hắn cứ đi như thế, đẩy cái bộ mặt sưng xia ra phía trước, làm xấu cả một khung cảnh trữ tình. Mọi người khó tránh khỏi việc đưa mắt nhìn theo khi hắn bước qua, trong lòng tự hỏi về nguyên nhân dẫn tới cái thái độ khó chịu đó. Chẳng phải là do sức khỏe rồi. Ai mà đi theo kịp bước hắn thì mặt cũng phải đỏ lựng cho xem. Cũng chẳng thể là do hoàn cảnh kinh tế. Quần áo hắn mang trên người rõ ràng là hàng đắt tiền, không phải là đồ giả hay đồ nhái. Cũng không phải là do hắn đã già. Nếu ai đó nói ra con số ba mươi về tuổi của hắn thì đó hẳn là số thán chứ không phải năm. Hắn sẽ trông sáng sủa gấp hai lần nếu hắn cho những bộ phận trên mặt một cơ hội không bị làm nhăn nhúm. Ta có thể dễ dàng thấy được cơ sở cho nhận định đó tại những vùng da phía bên ngoài, xa tâm điểm của sự cau có.

Hắn cứ thế sải bước, mang trên mặt cái vẻ hậm hực không giải tỏa được, hai mép trễ xuống khiến viền môi trở thành một nửa hình ê-líp, như một cái móng ngựa dính vào phía dưới mũi. Chiếc áo choàng hắn khoác trên tay nảy lên nảy xuống theo mỗi nhịp bước. Hắn có đội mũ, nhưng chiếc mũ lại bị ngã quá đà ra phía gáy, vết lõm trên thân mũ cũng lại không đúng chỗ, chắc hẳn đã tiện tay bóp mà cũng không buồn chỉnh lại cho đúng. Lý do duy nhất, có lẽ vậy, khiến đôi giày của hắn không tóe lửa trên vỉa hè là vì có lót bằng đế cao su.

Nơi hắn tới có vẻ như không phải là nơi hắn có ý định ngay trong đầu từ trước, minh chứng bằng việc hắn phanh gấp tại đúng nơi đó. Khó có thể

kiếm được từ nào khác để diễn tả việc hấn dừng bước tại chỗ đó, giống như đột nhiên chân hấn bị cứng lại, khóa chặt, khiến hấn phải đứng im một chỗ. Có vẻ như hấn cũng chẳng buồn để ý tới chỗ đó nếu như biển hiệu không đột nhiên lóe sáng đúng lúc hấn bước qua. Biển hiệu có chữ Anselmo màu đỏ rực, tỏa chiếu nhuộm tất cả những ai đi qua khu vực vỉa hè đó như những người vừa bị phủ một lớp sương cà chua lên quần áo.

Hấn chuyển hướng, rõ ràng là do một cơn bộc phát nào đó, đi thẳng vào bên trong. Đó là một căn phòng thôn dã, có trần khá thấp, cách mặt phố khoảng ba đến bốn bậc thang. Nơi này không hẳn là một quán lớn, và tại thời điểm này, cũng không đông khách. Khung cảnh bên trong trông khá dị mắt; ánh sáng vừa đủ, màu vàng nhạt, được chiếu bằng đèn hắt trần. Hai bên có hai dãy bàn được gá lên tường bằng giá sắt. Hấn không để mắt tới chỗ đó mà đi thẳng tới quầy bar có hình bán nguyệt, đối diện với cửa vào, tận cuối phòng. Hấn cũng không để mắt xem người ở quầy là ai, hay thậm chí xem có ai đang ở quầy hay không. Hấn lẳng chiếc áo khoác lên một chiếc ghế, sau đó đặt mũ lên trên, rồi ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh. Thái độ này cho thấy hấn đã quyết ở đó cả đêm.

Một bóng áo trắng mờ mờ xuất hiện ngay phía trước tầm mắt đang nhìn xuống của hấn. Bóng trắng nói, “Chào ông, ông dùng gì?”

“Một ly Scotch,” hấn nói, “thêm một ít nước nữa. Thế nào gọi là ít thì mặc xác ông.”

Ly nước chẳng hề được đựng tới sau khi chiếc ly được mang ra cùng với nó đã rỗng không.

Chắc hấn trong tiềm thức, lúc ngồi xuống, hấn đã nhận thấy có một bát đựng bánh hay đại loại gì đó tương tự ở phía bên tay phải, nên hấn thò tay sang phía đó mà không phải nhìn. Tay hấn hạ xuống, không phải chạm vào một cái gì đó sần sùi như bánh mà vào một bề mặt mềm mại di chuyển rất nhanh.

Hấn ngoảnh đầu sang nhìn, rút tay lại để tránh bàn tay đã tới đích là cái bát bánh trước. “Xin lỗi,” hấn lầm bầm trong cổ họng, “cô lấy trước đi.”

Hắn lại quay mặt về chỗ cũ, tiếp tục bận tâm tới việc của hắn như trước. Rồi hắn quay sang, nhìn người phụ nữ lần thứ hai. Hắn cứ thế nhìn tiếp, không bị gì khác làm ngắt quãng, tất nhiên là vẫn bằng ánh mắt tính toán và do dự.

Điều lạ lùng ở người phụ nữ này là chiếc mũ. Chiếc mũ trông giống như một quả bí ngô, cả về hình dáng, kích thước lẫn màu sắc. Một màu da cam cháy rừng rực, tới mức có thể khiến người nhìn lóa mắt. Chiếc mũ dường như làm cả quây bar sáng lên, như thể nó là một chiếc đèn lồng người ta hay treo trong các bữa tiệc. Mọc ra từ chính giữa chóp mũ là một cọng lông vũ mỏng và dài, hiên ngang như một cái râu của côn trùng. Trong một nghìn người phụ nữ thì may ra mới có một người đủ dũng khí đội mũ màu đó. Người phụ nữ này dám đội, và hợp với màu đó. Cô ta khiến người ta ngạc nhiên, nhưng là thú vị chứ không phải là nực cười. Phần còn lại của cô ta thì bị ẩn đi với gam màu đen, gần như là vô hình phía sau sự nổi bật của chiếc mũ. Có lẽ đó là biểu hiện của một dấu hiệu phóng túng nào đó ở cô ta. Có lẽ tâm trạng đi kèm với biểu hiện đó là, ‘Tôi đã đội mũ này lên thì các người phải cẩn thận đấy. Cái gì tôi cũng chơi hết.’

Lúc này, người phụ nữ đang nhấm nháp chiếc bánh, cố gắng thể hiện rằng không để ý tới cái nhìn xăm xoi của hắn. Cô ta ngừng cắn, đó là dấu hiệu duy nhất rằng có biết hắn đã rời khỏi chỗ ngồi, bước qua và đang đứng bên cạnh.

Cô ta hơi nghiêng đầu một chút, thái độ lắng nghe, dường như muốn nói, ‘Anh muốn nói gì thì cứ nói đi, tôi không cản đâu. Còn sau đó thì tùy thuộc vào điều anh nói ra thế nào thì tính tiếp.’

Điều hắn nói ra đi thẳng vào vấn đề. “Tối nay cô có kế hoạch gì chưa?”

“Có và không.” Cách cô ta trả lời rất nhẹ nhàng, nhưng cũng không cho thấy tín hiệu khích lệ. Không có nụ cười nào đánh tín hiệu mời gọi cả. Cô ta cư xử khéo léo, cho thấy dù cô ta thế nào đi nữa thì cũng không phải hạng rẻ tiền.

Phía hần cũng không phát ra tín hiệu nào thúc giục cả. Hần nói tiếp với vẻ bàng quan, “Nếu cô có hẹn rồi thì cứ nói, tôi sẽ không làm phiền cô nữa.”

“Anh không làm phiền tôi – cho tới lúc này.” Cô ta, bằng cách nào đó, thể hiện được rất rõ ý của mình: quyết định của tôi hiện tại vẫn để ngỏ.

Hần ngược nhìn chiếc đồng hồ treo trên quầy ba, đối diện cả hai người. “Bây giờ đã hơn sáu giờ rồi.”

Cô ta cũng nhìn lên theo. “Đúng vậy.” Lời tán thành ở mức trung lập.

Trong lúc đó thì hần rút ví, lấy ra một chiếc phong bì dài và nhỏ. Hần mở phong bì, lại lấy trong đó ra hai miếng giấy bì cứng màu vàng nhạt, xòe chúng như xòe bài. “Tôi có một đôi vé hạng nhất xem nhạc kịch tại rạp Casino. Hàng ghế AA, cạnh lối đi. Cô có muốn đi cùng tôi không?”

“Lời mời của anh dường đột quá.” Người phụ nữ chuyển hướng nhìn từ đôi vé lên khuôn mặt hần.

“Tôi thấy cần phải đường đột.” Hần găm gù nhỏ. Hần cũng chẳng hề nhìn người phụ nữ mà hần chỉ nhìn cặp vé với vẻ bức tức. “Nếu cô đã có hẹn trước rồi thì cứ nói, tôi sẽ tìm người khác đi xem cùng tôi cũng được.”

Một thoáng quan tâm xuất hiện trong mắt người phụ nữ. “Vậy ra anh bắt buộc dùng tới hai vé này bằng mọi giá?”

“Vấn đề nguyên tắc mà thôi,” hần vẫn đáp bằng giọng hậm hực.

“Như thế rất dễ làm người ta nhầm lẫn với một cách làm quen thô lỗ đấy,” cô ta nói. “Lý do tôi không tưởng nhầm như vậy là vì lời đề nghị rất cộc lốc, không hề có rào đón gì. Tôi thấy ý nghĩa thực sự đúng như những gì anh nói.”

“Đúng như cô nghĩ.” Mặt hần vẫn đầy những nét nhăn nhúm.

Người phụ nữ đã hơi xoay người sang phía hần. Cách chấp nhận lời mời của cô ta là một lời nhận xét, “Trước tới nay tôi vẫn muốn làm một việc gì đó thế này. Có lẽ giờ là đúng dịp rồi. Cơ hội này – theo đúng bản chất của nó – có lẽ sẽ rất lâu nữa mới lại có.”

Hắn đỡ người phụ nữ xuống khỏi ghế. “Ta phải thống nhất với nhau một chuyện, trước khi đi, nhé? Để đến khi xong xuôi thì mọi thứ sẽ đơn giản hơn.”

“Còn tùy xem điểm thống nhất là gì.”

“Chúng ta chỉ là hai người đi cùng nhau tối hôm nay. Hai người ăn tối cùng nhau, xem kịch cùng nhau. Không tên, không địa chỉ, không có những thông tin cá nhân thừa thãi. Chỉ là...”

Người phụ nữ tiếp lời, “... là hai người đi xem kịch cùng nhau, đi cùng nhau một buổi tối. Tôi thấy như thế là hợp lý thôi, hay nói đúng hơn là cần thiết. Cứ như vậy đi. Làm thế thì cũng đỡ phải e dè hơn, cũng tránh được phải nói dối nữa.” Cô ta đưa tay ra cho hắn. Hai người bắt tay thống nhất về ý đó. Lần đầu tiên, người phụ nữ cười – nụ cười có thể nói là dễ mến nhưng cũng không quá ngọt ngào.

Hắn ra dấu gọi nhân viên quầy, định thanh toán đồ uống cho cả hai người.

“Tôi đã trả tiền phần tôi rồi, trước khi anh tới cơ,” người phụ nữ nói. “Tôi vẫn đang uống dở ly đó thôi.”

Nhân viên quầy móc trong túi ra tập giấy nhỏ, ghi bằng bút chì ‘Scotch – 60’ lên trên cùng, xé tờ giấy ra rồi đưa cho hắn.

Hắn thấy rằng tập giấy đó có đánh số thứ tự, hắn cũng thấy nhân viên quầy đã ghi vào đó một con số tròn trịa màu đen – 75 - ở góc trên. Hắn cười, đưa trả lại cho nhân viên quầy, kèm theo số tiền tương ứng, rồi quay người đi ra sau người phụ nữ.

Cô ta lúc này đã đi trước ra phía cửa. Một cô gái trẻ ngồi cùng bạn trai ở bàn cạnh tường liền ngoái lại, tròn mắt nhìn theo chiếc mũ rục rở khi nó lướt qua. Hắn, đi đằng sau, vừa kịp nhìn thấy hành động đó.

Ra đến bên ngoài, cô ta nói với hắn, cũng là đặt câu hỏi. “Giờ tôi sẽ theo anh.”

Hắn ngoắc tay gọi một chiếc taxi đang đợi cách đó một quãng. Một chiếc lướt tới, dù cái ngoắc tay không dành cho nó, cố gắng chen ngang bắt

khách. Chiếc taxi kia, vì bức xúc, lập tức chồm lên chiếm vị trí tiên phong, nhưng không tránh khỏi có chút va chạm nhẹ khiến đầu xe bị đối thủ cạnh tranh làm cho bị móp. Cho đến lúc xung đột giữa hai chiếc xe đã trở nên êm thấm hơn và người tài xế của chiếc taxi được ngoắc gọi đã hạ hỏa đến mức đủ để quay sang tiếp khách thì người phụ nữ đã vào trong xe.

Còn hẳn thì đợi một lát ở cạnh ghế của lái xe để thông báo nơi đến, “Maison Blanche,” rồi mới theo cô ta vào xe ngồi.

Đèn trong xe vẫn sáng, họ kệ nó sáng như vậy. Có lẽ là họ cho rằng việc tắt đèn đi là thể hiện một điều gì đó thân mật mà cả hai người bọn họ đều thấy dịp này là không phù hợp.

Hẳn nghe thấy cô ta khẽ cười khúc khích, nhìn theo hướng mắt thì cũng cười theo, tỏ ý đồng tình. Ảnh trên bảng lái của tài xế taxi thì hiếm khi được coi là mẫu mực về vẻ đẹp khi chụp ảnh chân dung, nhưng ảnh của người này lại tiến thêm một bậc vì nó trông giống như một bức biếm họa với đôi tai vênh, cằm dài nghều và đôi mắt trố lồi. Cái tên được in kèm trên đó cũng ngắn một cách khác thường: Al Alp.

Tâm trí hẳn ghi nhận điều này, nhưng rồi lại bỏ qua.

* * *

Maison Blanche là một nhà hàng dành cho những bữa ăn thân mật, đồng thời cũng rất nổi tiếng về chất lượng tuyệt hảo của đồ ăn. Đây là một trong những nơi ngay cả một tiếng *suyt* cũng là lớn, ngay cả trong những giờ đông khách nhất. Ở đây không được phép phát nhạc hay bất kỳ một cái gì khác có thể làm hỏng mục đích duy nhất của nó.

Tại tiền sảnh, người phụ nữ tách khỏi hẳn. “Có lẽ tôi phải đi sửa chữa lại những tác động của thời gian. Anh đừng đợi ở đây. Cứ vào trong, ngồi trước đi nhé. Tôi sẽ vào sau.”

Khi cánh cửa phòng vệ sinh mở ra trước mặt cô ta, hẳn thấy cô ta đưa tay lên phía chiếc mũ, dường như định cởi mũ ra. Cánh cửa đóng lại trước khi

cô ta hoàn tất động tác này.

Hắn đoán già đoán non rằng việc này chẳng qua là do dững khí của người phụ nữ này đã có một chút giảm sút, thế nên cô ta phải tách ra, bỏ cả mũ ra nữa, để rồi giản dị hơn khi bước vào trong sau hắn, tránh lời kéo quá mức những đôi mắt tò mò.

Một tay bồi bàn, có lẽ là bồi trưởng, chào hắn ngay ở cửa phòng. “Bàn một chỗ, thưa ông?”

“Không, tôi đã đặt bàn cho hai người.” Rồi hắn nói tên, “Scott Henderson.”

Cái tên đó có trong danh sách. “Đúng rồi.” Người bồi bàn nhìn chéo qua vai vị khách. “Ông chỉ đi một mình chẳng, ông Henderson?”

“Không phải,” Henderson phủ nhận.

Hắn chỉ thấy còn một bàn trống. Bàn này nằm ở vị trí đặc biệt là trong một khoảng không gian ăn vào bức tường do đó nếu muốn nhìn thấy người ngồi tại bàn đó thì chỉ có thể đứng từ đằng trước vì ba phía đều đã ngăn với các bàn khác.

Khi người phụ nữ xuất hiện tại lối vào phòng ăn, cô ta không còn đội mũ nữa, và hắn thực sự ngạc nhiên về tác động của chiếc mũ đối với cô ta từ trước tới lúc này. Ở cô ta có một cái gì đó đơn điệu. Sự rực rỡ đã không còn; tác động từ cá tính lúc này mờ nhạt và yếu ớt. Cô ta đơn giản là một người phụ nữ mặc đồ đen, tóc màu nâu sẫm, là một cái gì đó chắn ngang tầm mắt – thể thôi. Không hắn giản dị, không hắn xinh đẹp, không cao, không gầy, không què mùa, cũng không lạc mốt; chẳng có gì nổi bật, mọi thứ như không có màu sắc, chỉ là một người mang đặc điểm của phụ nữ như mọi người trên phố. Một con số không. Mà cũng có thể là một tập hợp các yếu tố.

Không có cái đầu nào ngoái lại rồi tiếp tục ngoái lại lâu hơn cần thiết dù chỉ một giây, cũng không có cái đầu nào ngoái lại rồi lại phải ngoái lại lần nữa để khẳng định điều mình thấy.

Tay bồi trưởng, do lúc này đang bận rộn với một đĩa salad, nên không thể chỉ đường cho cô ta. Henderson đứng lên để cô ta biết hẳn ở đâu. Cô ta không bước thẳng tới qua giữa phòng, hẳn có để ý, mà lại ý tứ đi lòng vòng ở hai bên, quãng đường dài hơn nhưng cũng kín đáo hơn.

Chiếc mũ được chuyển từ trên tay người phụ nữ sang mặt chiếc ghế thứ ba tại bàn họ ngồi, được che một phần bằng chiếc khăn trải bàn, có lẽ là để khỏi bị dây bẩn.

“Anh có hay đến đây không?” cô ta hỏi.

Hắn cố tình làm như không nghe thấy.

“Xin lỗi,” cô ta nói nhẹ nhàng, “chuyện đó liên quan tới hoạt động cá nhân của anh mất rồi.”

Người bồi bàn của họ có một nốt ruồi trên cằm. Hắn thấy khó có thể mà không nhìn thấy nốt ruồi đó. Hắn gọi món cho hai người, không hỏi ý kiến người phụ nữ đi cùng. Còn cô ta thì chăm chú lắng nghe, đến khi hắn gọi món xong thì còn tặng cho hắn một cái nhìn mếu mọt.

Câu chuyện khởi đầu khá khó khăn, cũng bởi vì có rào cản lớn về phía người phụ nữ khi lựa chọn chủ đề để nói cũng như thái độ khó chịu của chính hắn. Cũng như đàn ông nói chung, hắn hầu như để người phụ nữ tùy nghi mở đầu câu chuyện, chẳng mấy khi hắn chủ động nói trước. Mặc dù bề ngoài hắn cũng tỏ vẻ đang lắng nghe lời cô ta nói, nhưng thực ra phần lớn thì tâm trí hắn đang lang thang đâu đó. Thịnh thoảng hắn cũng nỗ lực đưa tâm trí trở lại với thực tại một cách khó khăn khi mà sự sao nhãng trở nên rõ ràng, rất có thể sẽ biến thành thái độ bất lịch sự nếu không kịp kìm hãm.

“Cô không muốn cởi găng tay ra sao?” hắn nói một lúc nào đó. Đôi găng tay màu đen, cũng như những phần khác trên trang phục của người phụ nữ, tất nhiên là trừ cái mũ. Đeo găng tay dự tiệc cocktail, tiệc đứng thì cũng không bị coi là dị hợm, nhưng nó khiến người ta lóng ngóng khi phải cầm đĩa để xiên một miếng chanh trên đĩa như cô ta đang làm lúc này.

Người phụ nữ lập tức tháo găng tay bên phải. Găng tay bên trái thì tháo ra chậm rãi hơn, có vẻ như cô ta vẫn có ý định giữ nó trên tay trước khi có quyết định cuối cùng là nó nên đi theo chiếc kia.

Hắn cố gắng không nhìn vào vết nhẵn cười trên tay mà hướng ánh mắt sang một cái gì đó khác. Nhưng hắn biết là cô ta biết là hắn đã nhìn thấy.

Cô ta là người dễ tiếp chuyện, mặc dù không phải thật sự đặc sắc. Cô ta đủ tinh tế để tránh không nói tới những chuyện tầm thường hay nhỏ nhặt: thời tiết, tựa báo, mấy món ăn trên bàn.

“Cái bà diễn viên người Nam Mỹ trong buổi diễn lát mình đi xem ấy, tên là Mendoza ấy, tôi đã có dịp xem một lần rồi, khoảng một năm trước. Lúc đó bà ta hầu như nói không có âm hưởng ngoại quốc. Thế mà càng diễn nhiều ở đây thì tiếng Anh của bà ta lại càng dở đi thì phải, nói càng ngày càng nặng. Thêm một mùa diễn nữa thì bà ta sẽ chỉ còn nói được tiếng Tây Ban Nha thôi.”

Hắn đáp lại cô ta bằng một nửa nụ cười. Cô ta là người có giáo dục, hắn thấy được điều đó. Chỉ có người có giáo dục đường hoàng mới có thể làm được những gì cô ta làm hôm nay mà không bị bẽ mặt hay chuyển sang một hướng hoàn toàn khác. Cô ta giữ được phong thái cân bằng giữa một bên là đoan trang và một bên là buông thả. Và đó, nếu như cô ta nghiêng dù chỉ một chút thôi về một bên nào đó thì cô ta sẽ có nét đáng nhớ, dễ nhớ hơn nhiều.

Nếu như cô ta được giáo dục ít đi một chút thì hẳn cô ta sẽ có những thái độ xuông xã, ham hố hay tham lam. Nếu như được giáo dục tốt hơn một chút thì sự thông minh, lanh lợi cũng sẽ được thể hiện rõ hơn – như thế thì đáng nhớ hơn. Dù nghiêng về thái cực nào đi nữa thì như thế cũng sẽ tốt hơn là đứng đưa ở giữa như hiện giờ.

Đến cuối bữa, hắn thấy cô ta quan sát chiếc cà-vạt hắn đang đeo. Hắn nhìn xuống như dò hỏi. “Màu có vấn đề ư?” hắn gợi ý. Chiếc cà-vạt đó là loại đơn sắc, không có chút họa tiết nào.

“Không, đẹp, đừng riêng nó thì đẹp,” cô ta vội trấn an. “Có điều tôi thấy không hợp – có mỗi chiếc cà-vạt là không hợp tông với trang phục của anh. Xin lỗi nhé, tôi không có ý định chỉ trích gì đâu.”

Hắn nhìn xuống một lần nữa, lúc này cũng có chút tò mò, như thể chính hắn đến giờ cũng mới để ý xem là mình đeo cà-vạt nào. Người phụ nữ có thể thấy hắn khá ngạc nhiên khi thấy màu sắc của nó. Hắn gỡ gạc phần lạt điệu mà cô ta mới chỉ ra đó bằng cách ấn chiếc khăn tay đang thò ra trên túi áo tụt hẳn vào trong.

Hắn châm thuốc cho cả hai người. Hắn và người phụ nữ tiếp tục ngồi đó uống cognac một lúc, sau đó cùng nhau đi ra.

Ra đến tiền sảnh – đến tận phần mái kính bên ngoài – thì cô ta mới lại đội chiếc mũ da cam lên đầu. Cô ta lại trở nên sinh động, lại có điểm đáng nhớ. Hiệu ứng chiếc mũ tạo ra được với người phụ nữ này thật là tuyệt vời, hắn thầm nghĩ, giống như người ta bật điện cho đèn chùm trên trần sáng lên vậy.

* * *

Một người khổng lồ, cao gần hai mét, đang đứng giữ cửa tại nhà hát ra mở cửa taxi cho họ khi chiếc xe tấp vào lề. Đôi mắt của anh ta như lồi ra một cách hài hước khi chiếc mũ lướt qua ngay bên dưới mắt. Ông ta có cặp ria trắng to, cong như ngà voi, trông giống như một bức ảnh minh họa về người gác cổng nhà hát trên tạp chí *New Yorker*. Cặp mắt lồi đó đảo từ phải sang trái khi người đội mũ bước xuống xe, đi qua trước mặt. Henderson có nhận thấy tình tiết ngộ nghĩnh này, nhưng chỉ thoáng chốc là lại quên ngay. Quên như những việc chẳng cần gì phải nhớ vậy.

Đại sảnh nhà hát lúc này hoàn toàn trống trải – dấu hiệu cho thấy họ đến muộn tới mức nào. Ngay cả người soát vé cũng không còn ở vị trí làm việc ở cửa nữa. Một bóng người đen đen không rõ mặt xuất hiện chắn ngang luồng sáng từ sân khấu, chắc đó là nhân viên hướng dẫn, đến bên họ ngay

khi họ bước qua cửa, xem vé bằng đèn pin, sau đó dẫn họ men theo lối đi, dùng đèn pin tạo thành một hình trái xoan trắng trên nền, chỉ cho họ tới chỗ ngồi.

Họ ngồi ngay hàng đầu tiên. Hơi quá gần. Sân khấu như nhòe đi trước mắt họ với màu da cam, trước khi mắt họ quen dần với những gì được bố trí cận cảnh.

Cả hai kiên nhẫn theo dõi tất cả những tình tiết trên sân khấu, hết cảnh này tới cảnh khác, hòa quyện vào nhau với sự ảnh hưởng rõ rệt từ nghệ thuật điện ảnh. Người phụ nữ có lúc mở to mắt thường thức, có lúc lại bật cười thành tiếng. Trong khi đó thì hẳn chỉ có thể miễn cưỡng cười theo như để hoàn thành nghĩa vụ. Tiếng nhạc ồn ào kết hợp với màu sắc rực rỡ từ ánh đèn sân khấu đạt đến cao trào, tấm màn rủ được hạ xuống, báo hiệu giờ tạm nghỉ đã tới.

Đèn trong rạp hát bật sáng, mọi người xung quanh lục đục đứng dậy rồi đi ra ngoài.

“Cô ra làm điều thuốc không?” hẳn hỏi.

“Cứ ngồi ở đây đi. Ta đâu có ngồi lâu bằng họ đâu chứ.” Cô ta dựng cổ áo khoác thẳng lên phía sau gáy. Nhà hát lúc này cũng khá ngột ngạt, nên động thái vừa rồi, theo hẳn nghĩ, là để khiến cô ta càng ít bị trông thấy càng tốt.

“Có thấy cái tên nào anh quen không?” cô ta nói nhỏ, kèm theo một nụ cười.

Hắn nhìn xuống, mấy ngón tay đang bận rộn gập góc phía bên phải của từng trang chương trình biểu diễn, bắt đầu từ phía trang cuối. Tất cả các trang lúc này đều đã bị gập, tạo thành những hình tam giác nhỏ chồng lên nhau ở góc. “Tôi hay làm thế này, thành thói quen rồi, nhiều năm rồi. Tôi nghĩ nếu cô gọi là thành tật rồi thì cũng được. Nhiều lúc tôi còn không biết tôi đang táy máy như thế.”

Cánh cửa sập nhỏ dưới sân khấu bật mở, từ đó đi lên là dàn nhạc, vào vị trí, sẵn sàng cho phần hai buổi diễn. Người đánh trống là người ở vị trí gần

họ nhất, chỉ cách có một thanh chắn. Anh ta trông như một con chuột cá chục năm chưa được ra ngoài hít không khí trong lành. Da mặt bám căng trên xương gò má, tóc bị vuốt bẹp như thể người ta đang đội mũ chùm tóc trong buồng tắm, chẻ ngói ở giữa. Anh ta có một bộ ria mép nhỏ, nhìn qua khiến người khác tưởng nhầm là vết bẩn dưới mũi.

Anh ta lúc đầu không nhìn xuống phía khán giả mà chỉ bận bịu chỉnh ghế, buộc cái gì đó cho chặt trên bộ trống. Sau đó, khi đã bắt đầu rảnh rang, anh ta chợt phát hiện ra người phụ nữ và chiếc mũ đặc biệt.

Rõ ràng cái anh ta nhìn thấy có một tác động thị giác rõ rệt. Khuôn mặt đờ đẫn, thiếu tinh lực của anh ta đột nhiên đông cứng như bị thôi miên. Miệng anh ta khê mở, như miệng cá, và cứ mở như vậy. Thịnh thoảng anh ta cũng cố gắng không tròn mắt nhìn người phụ nữ đó, nhưng cô ta đã choán hết tâm trí anh ta rồi, nên việc xao nhãng nhìn chỉ là thoáng chốc, cặp mắt anh ta lại trở về vị trí quan sát như cũ.

Henderson cũng để ý tới việc này một lúc với vẻ quan tâm xen lẫn thú vị. Nhưng đến khi thấy cái nhìn chăm chú đó bắt đầu khiến cô ta không còn thoải mái thì hẳn quyết định phải ngăn lại ngay bằng cách trợn mắt đáp trả tay trống, khiến anh ta phải quay trở lại với đồng nhạc cụ rồi không quay sang nữa. Nhưng rõ ràng là dù cho anh ta đã quay đi chỗ khác, nhưng anh ta vẫn không ngừng nghĩ về người phụ nữ này, chỉ cần xét từ cái cổ cứng đờ, nganh ngảnh của anh ta lúc này.

“Hình như tôi gây chú ý quá,” người phụ nữ khúc khích cười.

“Tay trống này sẽ không còn chơi hay như lúc trước được nữa đâu,” hẳn nhận xét.

Những hàng ghế phía sau họ lại bắt đầu kín chỗ. Đèn trong nhà hát giảm ánh sáng, rèm được kéo lên và đoạn mở đầu cho phần hai bắt đầu. Hẳn lại tiếp tục vừa xem vừa nghịch mép các trang chương trình đã bị gập thành hình tam giác.

Khoảng giữa phần hai của vở kịch thì tới một đoạn cao trào, sau đó cả dàn nhạc không còn chơi nữa. Trên sân khấu lúc này vang lên tiếng trống

nhỏ *tum tum* và tiếng lạo xạo, tiếp theo là sự xuất hiện của ngôi sao lớn nhất của đêm diễn, Estela Mendoza, nữ diễn viên nhạc kịch gốc Nam Mỹ.

Người phụ nữ bên cạnh hẳn chưa quậy khá mạnh trước khi chính hẳn phát hiện ra nguyên nhân của việc đó. Hẳn nhìn cô có vẻ không hiểu, rồi lại nhìn lên sân khấu.

Hai người phụ nữ lúc này đều đã nhận ra tình huống trở trêu mà nam giới không thể theo kịp được trong nhận thức. Một tiếng thì thầm tới tai hẳn. “Nhìn mặt bà ta kìa. May mà có đèn rọi sáng, chứ không bà ta dễ giết tôi lắm.”

Ngọn lửa căm hận là thứ chẳng khó khăn gì có thể thấy được trong cặp mắt đen láy của người nghệ sĩ trên sân khấu, lẫn át cả nụ cười thường trực trên môi của bà ta khi cặp mắt đó dừng ở chiếc mũ trông giống hệt chiếc mũ mà bà ta đang đội, ở cạnh hẳn, ngay tại hàng thứ nhất, nơi người nghệ sĩ đó chẳng thể không trông thấy.

“Giờ thì tôi hiểu người ta lấy cảm hứng cho tác phẩm này của tôi từ đâu rồi,” người phụ nữ cạnh hẳn buồn rầu lẩm bẩm.

“Nhưng có gì mà phải bực đến thế? Tôi nghĩ có khi bà ấy còn thích là đằng khác.”

“Ôi, đàn ông các anh sao mà hiểu được chứ. Nữ trang giống cũng được, răng vàng giống cũng được, nhưng mũ mà giống thì không được. Nhất là lúc này lại là tiết mục gây chú ý nhất của bà ta nữa, tiết mục bà ta tạo nên tên tuổi. Có khi là ăn cắp bản quyền rồi, tôi chắc là bà ta không đời nào cho phép...”

“Cũng có thể là đạo ý tưởng.”

Hẳn xem phần biểu diễn với sự hứng thú chỉ được cải thiện một chút ít, nếu như trước đó với hẳn thì mọi điều chẳng có gì đáng bận tâm.

Thứ nghệ thuật của bà ta thật đơn giản. Nghệ thuật thực sự vốn như vậy. Và nhiều lúc để thành công thì cũng chỉ cần đơn giản. Bà ta hát bằng tiếng Tây Ban Nha, nhưng hẳn thấy ngay cả khi nghe bằng thứ ngôn ngữ đó thì

lời hát hân cũng chẳng mấy ý nghĩa gì. Lời hát nghe như ‘Chica chica bum bum. Chica chica bum bum’. Cứ thế lặp đi lặp lại.

Người nghệ sĩ vừa hát vừa đảo mắt qua lại sang hai bên, lắc hông nhịp nhàng theo từng bước đi trên sân khấu, tay không quên ném những bông hoa nhỏ từ một cái giỏ bà ta mang bên mình xuống chỗ các nữ khán giả.

Đến khi đoạn điệp khúc trên đã được lặp lại tới hai lần thì tất cả những khán giả nữ ở hai, ba hàng ghế đầu đều đã có một món quà nho nhỏ trong tay. Ngoại trừ người phụ nữ đi cùng với Henderson.

“Bà ta cố tình lờ tôi đi để trả đũa cho vụ cái mũ đấy,” cô ta thì thầm. Và thực tế cũng cho thấy mỗi lần cái bóng mềm mại vừa đi vừa gõ đế giày trên sân khấu kia lướt qua vị trí quan sát thuận tiện thì sự thù địch như điện giật từ cặp mắt trang điểm kỹ càng kia lại hướng tới đúng vị trí của nữ khán giả trên hàng ghế đầu.

“Tôi gọi bà ta cho anh xem,” cô ta nói nhỏ, chỉ đủ cho hân nghe thấy. Dứt lời, cô ta chụm tay lại, để ngay trước mặt, hòng thu hút sự chú ý.

Nhưng hành động đó bị phớt lờ.

Cô ta vẫn chụm tay, nhưng lần này là vươn cả cánh tay ra, và cứ giữ như khẩn cầu.

Cặp mắt trên sân khấu có vẻ thoáng tròn hơn, nhưng lấy lại đường nét thông thường rất nhanh, hướng về phía khác.

Đột nhiên người phụ nữ đi cùng Henderson búng tay khá to, không thể lẫn được. Một tiếng *tách* khô khốc, đủ để át cả tiếng nhạc. Cặp mắt trên sân khấu vòng trở lại, ngọn lửa lại bùng lên như muốn thiêu đốt kẻ thách thức. Một bông hoa nữa bay xuống hàng ghế bên dưới, nhưng vẫn không phải dành cho cô ta.

“Khi người ta cố tình chơi tôi thì tôi biết ngay,” hân nghe thấy tiếng người phụ nữ thì thầm thì. Nhưng trước khi hân hiểu được hết ý của câu nói đó thì cô ta đã đứng dậy, ngay giữa đám khán giả, miệng cười như hoa, tỏ rõ thái độ muốn có phần cho mình.

Trong khoảnh khắc đó, giữa hai người tồn tại một khoảng lặng mênh mông. Nhưng cán cân quá thiên lệch. Người nghệ sĩ, nói cho cùng, đang phải chịu áp lực quá lớn từ vị khán giả này, vì bà ta phải bằng mọi giá duy trì được cái ảo ảnh về sự ngọt ngào và quyến rũ đối với những khán giả còn lại.

Việc người phụ nữ cạnh Henderson đứng lên còn gây ra một tác động không lường trước khác. Khi người nghệ sĩ trên sân khấu chậm chậm từng bước quay trở lại, thì đèn rọi vẫn tiếp tục ngoan ngoãn dõi theo bước chân bà ta, chệch xuống, rồi bất ngờ chiếu thẳng vào phần đầu và vai của người khán giả đang đứng thẳng, chắn trước dàn nhạc. Sự giống nhau của hai chiếc mũ lập tức bị phát hiện và nó lập tức tạo ra những làn sóng liên tiếp những lời bình phẩm rầm rì lan dần ra bên ngoài, giống như khi người ta ném một viên sỏi xuống ao nước lặng.

Người nghệ sĩ chịu thua, chịu thua ngay lập tức, để chấm dứt sự so sánh đáng xấu hổ này. Một bông hoa có phần héo úa được ném ra, tạo thành một đường cong nhỏ qua ánh đèn rọi. Bà ta khóa lấp thiếu sót đó bằng một nụ cười buồn, như thể muốn nói, ‘Tôi bỏ qua cô ư? Tha lỗi cho tôi, tôi đâu có ý như vậy.’ Nhưng phía sau đó, ta có thể thấy được một cơn bão biển miền nhiệt đới đang hoành hành.

Người bạn đồng hành của Henderson khéo léo bắt lấy món quà và ngồi lại xuống ghế, trên môi cũng có một nụ cười rạng rỡ. Chỉ có hần mới đọc được những từ thực sự phát ra từ đó, “Cám ơn, cám ơn... con điểm Latinh.” Hần như thấy bị ghen trong cổ.

Người nghệ sĩ bại trận chậm chậm thoái lui vào hậu trường với những bước đi không đều, cùng lúc với tiếng nhạc tắt dần như tiếng còi tàu mỗi lúc một xa.

Trong hậu trường, dù chỉ thoáng qua, nhưng người ta có thể thấy khá rõ rằng khi khán giả vẫn còn đang vỗ tay rộn ràng bên ngoài, hai cánh tay áo sơ-mi lực lưỡng, hần là của người phụ trách sân khấu, phải cản người nghệ sĩ đang cố gắng quay trở lại sân khấu một lần nữa – chắc là định cúi chào thêm mấy cái mà thôi. Hai bàn tay của người nghệ sĩ bị giữ chặt ở bên

sườn, do bị kiềm chế trong gọng kìm của người đàn ông không rõ mặt kia, đã co lại thành hình năm đấm và đang vùng vẫy quyết liệt. Nhưng lúc đó đèn sân khấu đã tắt, chuẩn bị cho màn diễn tiếp theo.

Khi đã hết màn diễn cuối, họ đứng lên ra về, hãnh quảng tờ chương trình vào trong ô để rác của chiếc ghế hãnh vừa ngồi. Hãnh lại một lần nữa ngạc nhiên khi thấy cô ta cúi xuống nhặt, xếp cùng vào tờ chương trình cầm trên tay. “Để lưu ký ức,” cô ta nói.

“Tôi không ngờ cô cũng đa cảm thế,” hãnh vừa nói vừa tiến tới đi sát ngay sau cô ta trên lối đi.

“Không phải đa cảm đâu, thật đấy. Thực ra... thỉnh thoảng tôi có rà lại những phút bốc đồng, thiếu kiểm soát của mình. Giữ lại những thứ như thế này sẽ có ích cho tôi.”

Thiếu kiểm soát ư? Chắc là vì cô ta đã đi cùng với hãnh cả buổi tối cho dù trước đó chưa hề gặp, hãnh nghĩ vậy. Hãnh nhún vai – dĩ nhiên là trong lòng, không thể hiện ra ngoài.

* * *

Khi họ chen trong đám đông nhộn nhạo ngoài cửa rạp về phía một chiếc taxi thì lại có một sự cố nhỏ xảy ra. Lúc này họ đã gọi được taxi rồi, nhưng chưa kịp vào xe thì có một người hành khất mù bước tới, nấn ná ở bên cạnh người phụ nữ, không nói gì nhưng dứ dứ chiếc bát trước mặt. Điều thuốc cháy dở trên tay cô ta bị rơi, có thể là do lỗi của chính người hành khất hoặc là do bị những người khác xung quanh xô đẩy, và nó lại rơi thẳng vào chiếc bát đó. Henderson trông thấy, nhưng cô ta thì không. Trước khi hãnh kịp can thiệp thì con người tội nghiệp kia đã thò tay vào trong bát tìm vận may, để rồi phải chịu đau đớn mà rứt tay lại.

Henderson nhanh chóng dụi tắt điều thuốc, đặt tờ một đô-la vào tay người hành khất để bù đắp. “Xin lỗi anh bạn, không phải cố ý đâu,” hãnh thăm thẳm. Thấy rằng kẻ bị nạn kia vẫn đau đớn thối phù phù vào đầu ngón

tay tẩy đỏ, hấn rút một đô-la nữa cho người hành khất, đơn giản là vì việc đó rất dễ bị hiểu nhầm là một hành động chơi xỏ, xấu xa, mà về phía hấn thì thấy rõ cô ta không hề có ý định như vậy.

Hấn và người phụ nữ chui vào xe, rồi xe chạy đi. “Thật là đáng thương, nhỉ?” cô ta chỉ nói có thế.

Lúc này hấn vẫn chưa nói điểm đến cho lái xe.

“Mấy giờ rồi nhỉ?” cô ta hỏi.

“Gần mười hai giờ kém mười lăm.”

“Hay là ta quay lại quán Anselmo, chỗ gặp lúc đầu ý. Uống ở đó một chút rồi chia tay. Anh đi đường anh, tôi đường tôi. Như thế là trọn một vòng tròn rồi.”

Vòng tròn thì thường trống rỗng ở giữa, hấn nghĩ vậy, nhưng hấn thấy nếu nói ra thì quả là bất lịch sự.

* * *

Quầy bar lúc này còn đông khách hơn lúc sáu giờ. Thế nhưng gã vẫn kiếm được một chiếc ghế cho cô bạn đồng hành ở góc cuối, sát vào tường, còn gã thì chấp nhận đứng bên cạnh.

“Bây giờ,” cô ta nói, nâng chiếc ly chỉ khoảng hai xăng-ti-mét phía trên mặt quầy, mắt nhìn nó chăm chú, “nâng cốc và chào vĩnh biệt. Rất vui có dịp gặp anh.”

“Cám ơn cô đã có lời như vậy.”

Họ uống; hấn uống cạn, còn cô ta chỉ uống một phần. “Tôi sẽ ở lại đây một lúc nữa,” cô ta nói như đuổi khéo, rồi chìa tay ra. “Chúc anh ngủ ngon... và cả may mắn nữa.”

Họ bắt tay chóng vánh, giống như những người chỉ quen nhau chóng vánh. Sau đó, khi hấn chuẩn bị quay đi, cô ta khẽ nheo mắt như thể trầm tư. “Giờ anh đã giải tỏa được rồi, sao anh không về làm lành với cô ấy đi?”

Hắn có phần kinh ngạc.

“Anh tưởng cả tối nay tôi không hiểu gì hay sao?” cô ta nói nhỏ.

Sau câu nói đó, họ chia tay. Hắn đi ra phía cửa, còn người phụ nữ quay trở lại với ly rượu. Chương sách ngắn ngủi về họ đã hết.

Hắn có nhìn lại khi đến cửa bên ngoài, hắn vẫn thấy cô ta ngồi đó, tít phía tường bên trong, mép ngoài cùng của quầy bar, đầu cúi xuống trầm tư, có thể là đang vờn chân đế chiếc ly. Chiếc mũ da cam rực rỡ lúc này tạo thành một vùng hình chữ V nằm giữa hai vai của hai người xuất hiện phía sau lưng cô.

Đó là điều cuối cùng, cái màu da cam rực rỡ của chiếc mũ nhòe dần sau làn khói thuốc và bóng người, phía cuối căn phòng sau lưng hắn, như một giấc mơ, như thể khung cảnh đó chẳng hề có thực, chưa hề có thực.

NỬA ĐÊM

Mười phút sau, cách đó tám khu nhà và một đường thẳng – hai đường thẳng: một đường thẳng dài bảy khu nhà rồi sau đó là một đường thẳng tiếp về bên trái – hắn ra khỏi taxi khi xe tấp vào góc đường cạnh một khu chung cư.

Hắn bỏ số tiền lái xe trả lại vào trong túi, rồi lấy chìa khóa riêng ra mở cửa tiền sảnh, sau đó bước vào trong.

Trong sảnh, có một người đàn ông đang lững thững chờ ai đó. Ông ta không ngồi mà đi hết góc này tới góc kia, chỗ này tới chỗ kia, giống như người ta hay làm khi đợi ở sảnh. Ông ta không sống ở tòa nhà này; Henderson chưa gặp ông ta bao giờ. Ông ta cũng chẳng phải đang đợi thang máy vì đèn báo không sáng, thang máy vẫn nằm yên đâu đó ở các tầng phía trên.

Henderson bước qua ông ta mà không nhìn lần thứ hai, tự bấm nút gọi thang máy xuống.

Người đàn ông giờ đã dừng lại trước một bức tranh trên tường, có vẻ quan sát nó một cách quá kỹ lưỡng hơn mức nó đáng được hưởng. Ông ta đang quay lưng lại phía Henderson. Thực ra có vẻ như ông ta đang cố tình tỏ ra là không biết có ai khác ở trong sảnh.

Chắc tay này có lương tâm tội lỗi gì đó, Henderson thầm nghĩ. Bức tranh đó có gì đáng quan tâm tới mức đó đâu. Chắc tay này đang đợi ai trên kia xuống – đang đợi người mà tay này không có quyền được đưa đi chơi giờ này.

Nhưng rồi Henderson lại nghĩ: nhưng mà quan tâm làm gì chứ, có gì liên quan tới mình đâu?

Thang máy xuống tới nơi, hắn bước vào. Cánh cửa bằng đồng nặng nề khép lại. Hắn bấm nút số sáu, hàng trên cùng. Gian sảnh như tụt xuống, chỉ còn thoáng thấy qua ô kính nhỏ hình thoi gắn trên cánh cửa khoang thang máy. Nhưng cũng vừa lúc đó thì hắn trông thấy người-xem-tranh, rõ ràng là đã mất kiên nhẫn vì phải đợi lâu nên đã bước nhanh tới phía chiếc điện thoại. Vẫn lại là một hành động hắn thấy chẳng cần để tâm làm gì.

Đến tầng sáu, hắn ra ngoài, bắt đầu lục tìm chìa khóa nhà. Lối đi hoàn toàn yên tĩnh; không hề có một âm thanh nhỏ nào xung quanh hắn, trừ tiếng lách cách của mấy đồng xu lẻ trong túi hắn khi hắn tìm kiếm chìa khóa.

Hắn cắm chìa khóa, cánh cửa nằm ngay bên phải thang máy, rồi mở cửa ra. Trong nhà đèn tắt, mọi thứ tối đen như mực. Thấy cảnh này, vì một lý do nào đó, hắn găm gừ bực tức như không tin nổi vào mắt mình.

Hắn bật công tắc đèn, gian phòng nhỏ lập tức sáng bừng trước mắt hắn. Nhưng bóng đèn đó chỉ đủ sáng cho đúng căn phòng ngoài này mà thôi. Phía phòng trong trước mặt hắn, cách đó một khung cửa cong cong, vẫn tối đen như cũ, hoàn toàn không thể nhìn thấy gì.

Hắn đóng cửa lại, quăng cả mũ lẫn áo lên một chiếc ghế trong phòng. Sự yên lặng và bóng tối kéo dài dường như làm gã khó chịu. Vẻ cau có bắt đầu

tái hiện trên gương mặt gã – chính cái vẻ cau có lộ liễu hẳn mang ra đường vào lúc sáu giờ tối.

Hắn gọi một cái tên, hướng về phía không gian đen kịt ở phòng trong, cách cái vòm cửa. “Marcella!” Hắn gọi như ra lệnh, không hề có một chút nhẹ nhàng, thân thiện nào.

Bóng tối không trả lời.

Hắn sải bước tiến vào, vẫn giữ cái giọng cộc cằn, trịch thượng như trước. “Thôi đi, đừng giở trò nữa! Tôi thừa biết cô còn thức. Cô lại định vờ vĩnh với ai đây chứ? Tôi thấy đèn phòng ngủ còn sáng lúc ở dưới phố ấy. Dậy đi, thế này chẳng ăn thua gì đâu.”

Sự yên lặng không đáp trả.

Hắn bước dần tới trong bóng tối, hướng về một điểm trên tường mà hẳn đã thuộc nằm lòng. Giọng hẳn lúc này đã có phần dịu đi rồi. “Trước lúc tôi về thì cô vẫn còn thức. Cô vừa nghe thấy tôi về là cô lại ngủ say. Như thế càng làm cho mọi thứ khó khăn thêm thôi.”

Tay hẳn vươn ra, dò dẫm ở phía trước. Một tiếng *tách* vang lên trước khi tay hẳn chạm được vào cái gì đó. Ánh sáng đến bất ngờ khiến hẳn giật mình; sáng nhanh quá, trước dự định của hẳn.

Hắn nhìn về phía trước cánh tay, thấy một đoạn nữa mới tới công tắc đèn; hẳn còn chưa chạm tới mà. Nhưng từ chỗ công tắc có một bàn tay mới rụt lại, thoái lui dọc theo bức tường. Mắt hẳn đuổi theo, dọc theo cánh tay, chếch lên, bắt gặp một gương mặt đàn ông.

Hắn kinh ngạc, hơi ngoái nhìn thì lại thấy một người khác đang đứng quan sát hẳn từ phía đó. Hẳn lại ngoái nhìn tiếp, xa hơn, gần như quay hẳn lại đằng sau, thì thấy có một người thứ ba đứng ngay sau lưng hẳn. Cả ba người đứng đó như ba bức tượng, không cử động, tạo thành một vòng bán nguyệt vây quanh hẳn.

Hắn đứng chết trân, quá đỗi ngạc nhiên, giữa ba người đàn ông này một lúc – không ai nói một lời nào – rồi hẳn đảo mắt quanh phòng, tìm kiếm

những đường nét, những vật quen thuộc để xem hẳn có vào đúng chỗ hay không, để xem có phải hẳn đã vào đúng nhà hay không.

Hắn dùng mắt tại cái đèn màu xanh đặt trên bàn cạnh tường. Đèn của hẳn. Hẳn thấy một chiếc ghế thấp đứng tựa trong góc phòng. Ghế của hẳn. Hẳn thấy một quyển album ảnh mở dựng đứng trên nóc một cái tủ thấp. Một bức ảnh về một khuôn mặt xinh đẹp, mắt to, mái tóc dày và quăn. Một bức ảnh khác là ảnh của chính hẳn. Hai khuôn mặt đang thờ ơ nhìn sang hai hướng đối diện nhau.

Thế nghĩa là hẳn đã về đúng nhà rồi.

Hẳn là người nói trước. Có vẻ như những người kia không có ý định nói gì. Có vẻ như họ có ý định cứ đứng thế mà nhìn hẳn cả đêm. “Máy người làm gì trong nhà tôi thế?” hẳn gằn giọng.

Họ không trả lời.

“Các người là ai?”

Họ không trả lời.

“Các người muốn gì ở đây? Các người vào bằng cách nào?” Hẳn lại gọi tên cô, lần này với thái độ bề trên, như thể yêu cầu cô giải thích về sự hiện diện của những kẻ lạ này. Hẳn ngoái nhìn về cánh cửa khi gọi cô – đó là cánh cửa duy nhất trên tường ngoài vòm cửa hẳn vừa đi qua – nhưng cánh cửa vẫn đóng. Đóng im im, giấu giếm điều gì đó bí mật.

Họ nói gì đó. Hẳn quay ngay về phía họ. “Ông là Scott Henderson?” Vòng vây quanh hẳn lúc này đã thu nhỏ lại một chút.

“Đúng, đó là tên tôi.” Hẳn lại quay về cánh cửa kia, nhưng nó vẫn đóng. “Sao, có chuyện gì?”

Họ tiếp tục, với ý đồ rõ ràng là hỏi những câu hỏi họ muốn chứ không trả lời câu hỏi của hẳn.

“Và ông sống ở đây, đúng không?”

“Đương nhiên là tôi sống ở đây.”

“Và ông là chồng của Marcella Henderson, đúng vậy không?”

“Đúng! Còn các ông mau nói cho tôi biết chuyện này là thế nào?”

Một trong ba người làm một động tác gì đó với lòng bàn tay – động tác này hẳn nhất thời không lĩnh hội được, mà chỉ về sau – khi mọi chuyện đã rõ ràng – hẳn mới hiểu.

Hắn định bước về phía cánh cửa đóng im ỉm đó, nhưng thấy rằng một trong ba người đã chặn trước mặt. “Cô ấy đâu? Cô ấy ra ngoài rồi ư?”

“Cô ấy không ra ngoài đâu, ông Henderson,” một trong ba người nói khá nhỏ.

“Nếu cô ấy ở trong đó thì sao không ra đây?” Giọng hắn lúc này đã lại khá lớn. “Các người nói đi chứ? Nói đi!”

“Cô ấy không ra ngoài này được, ông Henderson.”

“Chờ chút, ông vừa cho tôi xem cái gì ấy nhỉ? Phù hiệu cảnh sát à?”

“Bình tĩnh lại nào, ông Henderson.”

Họ đang biểu diễn một màn ca múa tập thể vụng về với bốn nghệ sĩ. Hắn nhích một chút là họ cũng nhích cùng hắn. Hắn lại về chỗ cũ thì họ cũng lại bám theo hắn.

“Bình tĩnh cái gì? Tôi muốn biết chuyện gì đã xảy ra ở đây. Có cướp hay gì? Hay có tai nạn? Cô ấy bị đâm xe à? Buông tay ra, để tôi vào trong đó.”

Nhưng họ có ba đôi tay, còn hắn chỉ có một. Hắn gỡ được một đôi thì hai đôi kia đã nắm lấy hắn ở chỗ khác. Chẳng mấy chốc hắn đã ở vào trạng thái kích động không kiểm soát được nữa. Sắp chuyển sang giai đoạn ấu dâm. Tiếng thở dồn dập của cả bốn người lúc này phủ đầy căn phòng yên tĩnh.

“Các người không được phép làm thế này với tôi. Đây là nhà tôi. Các người có quyền gì mà bắt vợ tôi ở trong phòng...”

Bất ngờ, họ ngừng. Người ở giữa ra hiệu gì đó với người ở gần cửa nhất, thể hiện sự nuông chiều miễn cưỡng. “Thôi được rồi. Để ông ta vào, Joe.”

Cánh tay đang ấn cản hắn ngay lập tức rút lại, khiến hắn suýt nữa mất thăng bằng khi mở cửa, đi vào trong, loạng choạng một, hai bước đầu tiên.

Một căn phòng xinh xắn, thanh lịch. Căn phòng của tình yêu. Mọi thứ đều có màu chủ đạo là xanh dương và bạc, kèm theo là mùi hương thơm nhẹ nhẹ trong không khí mà hẳn rất quen. Một con búp bê mặc váy xòe màu xanh dương đang ngồi trên chiếc bàn trang điểm, hình như đang nhìn hẳn với ánh mắt đầy vẻ kinh hoàng và vô vọng. Một trong hai chiếc que thủy tinh trong suốt dùng để đỡ vải lụa xanh bao đèn giờ rơi gãy trên lòng con búp bê. Hai chiếc giường đều phủ vải xa-tanh màu xanh. Một chiếc thì phẳng lì như mặt băng, còn chiếc kia tạo thành một hình người đang nằm. Có ai đó đang ngủ, hoặc có ai đó đang ốm. Người đó bị phủ kín hoàn toàn từ đầu tới chân, chỉ có một hai lọn tóc xoăn thò ra ở phía trên, trông như những đám bọt bằng đồng thau.

Hắn khựng lại. Khuôn mặt hẳn dần trở nên trắng bệch. “Cô ấy... cô ấy làm sao thế này! Ôi trời ơi...” Hẳn kinh hoàng chuyển sang nhìn cái bàn nhỏ đặt giữa hai giường, nhưng không thấy gì trên đó cả. Không có cái cốc nào, không có cái chai nào, cũng không có lọ thuốc nào.

Hắn lật đặt bước tới bên giường, cúi xuống, chạm vào cô qua lần vải phủ, nhận ra đó là bờ vai tròn trịa. Hẳn khẽ lắc lắc. “Marcella, em có sao không...?”

Ba người kia cũng đã theo gã vào trong phòng. Hẳn có cảm giác tất cả những gì hẳn làm đều không thoát khỏi ba cặp mắt đang chăm chú kia. Nhưng hẳn không có thời gian cho họ, chỉ còn tập trung vào cô.

Ba cặp mắt dừng ở cửa, quan sát. Quan sát hẳn run rẩy lật tấm vải xa-tanh màu xanh dương. Quan sát tay hẳn gập một góc tấm vải thành hình tam giác.

Khoảnh khắc tiếp theo thật kinh khủng, sẽ tạo thành một vết sẹo trong tim hẳn cả đời, một khoảnh khắc hẳn sẽ chẳng thể nào quên, khi hẳn thấy cô cười. Một nụ cười không còn sức sống, đông cứng. Mái tóc xõa ra trên gối, xòe như một chiếc quạt.

Hai tay hẳn chấp lại, hẳn lùi ra đằng sau, từng bước một. Tấm vải xa-tanh về vị trí cũ, và cô lại biến mất. Vĩnh viễn, mãi mãi.

“Anh đâu có muốn thế này,” hấn sụp đồ. “Anh đâu phải là muốn thế này...”

Ba cặp mắt nhìn nhau, trao đổi gì đó, ghi nhận gì đó vào trong cuốn sổ tâm trí.

Họ đưa hấn ra phòng ngoài, dẫn hấn tới chiếc sô-pha. Hấn ngồi xuống đó. Một trong ba người quay lại đóng cửa phòng ngủ.

Hấn ngồi đó yên lặng, một tay che mắt như thể ánh sáng trong phòng lúc này là quá sức chịu đựng của hấn. Có vẻ họ không còn quan sát hấn nữa. Một người lúc này đang đứng ở cửa sổ, nhìn ra khoảng không trống rỗng bên ngoài. Một người đứng ở cạnh chiếc bàn nhỏ, lật giở một cuốn tạp chí. Người thứ ba thì ngồi bên tường đối diện với hấn, nhưng không nhìn hấn. Ông ta đang lấy một cái gì đó để làm sạch móng tay mình. Theo cách ông ta tập trung thì việc đó có vẻ như là điều quan trọng nhất với ông ta vào lúc này.

Henderson buông tay khỏi mắt, chợt thấy mình đang nhìn vào bức ảnh của vợ trong album, lúc này đang hơi ngả về phía hấn. Hấn với quyển album và gập lại.

Ba cặp mắt lại một lần nữa hoàn tất một giao thức liên lạc siêu nhiên.

Không gian yên lặng nghẹt thở trong phòng dường như càng nặng nề thêm. Cuối cùng, người ngồi đối diện với hấn phía bên kia phòng nói, “Chúng tôi sẽ phải nói chuyện với ông.”

“Cho tôi thêm một phút nữa được không?” hấn mỗi mệp nói. “Tôi vẫn đang choáng...”

Người ngồi trên ghế gật đầu tỏ vẻ chia sẻ tâm trạng đó. Người đứng bên cửa sổ thì vẫn tiếp tục nhìn ra ngoài. Người đứng cạnh bàn vẫn tiếp tục lật xem cuốn tạp chí phụ nữ.

Hồi lâu, Henderson mở to mắt như muốn loại bỏ những khó khăn trước mắt. Hấn nói đơn giản, “Được rồi đấy. Các ông bắt đầu đi.”

Quá trình thẩm vấn bắt đầu như một cuộc trò chuyện thông thường, thật khó mà nói là nó thực sự bắt đầu vào lúc nào. Hoặc đó có thể là một thủ

thuật để họ có thể khai thác được những thông tin cần thiết điền vào chỗ trống.

“Ông bao nhiêu tuổi, ông Henderson?”

“Ba mươi hai.”

“Vợ ông?”

“Hai mươi chín.”

“Hai người lấy nhau bao lâu rồi?”

“Năm năm rồi.”

“Ông làm nghề gì?”

“Tôi làm môi giới.”

“Tối hôm nay ông ra khỏi nhà lúc mấy giờ, ông Henderson?”

“Khoảng giữa năm rưỡi và sáu giờ.”

“Ông nói cụ thể hơn được không?”

“Cụ thể hơn thì cũng được. Nhưng chắc là không thể nói chính xác từng phút lúc tôi đóng cửa đầu. Tôi cho rằng khoảng giữa sáu giờ kém mười lăm tới sáu giờ gì đó. Tôi có nhớ đồng hồ điểm sáu giờ thì tôi đã ra tới góc phố rồi, tiếng đồng hồ điểm từ nhà thờ nhỏ ở khu phố kế bên.”

“Ra vậy. Lúc đó ông ăn tối rồi chứ?”

“Chưa.” Một giây trôi qua. “Chưa, lúc đó chưa.”

“Nghĩa là ông ăn tối ở bên ngoài.”

“Tôi ăn tối bên ngoài.”

“Ông ăn tối một mình à?”

“Tôi ăn tối bên ngoài, không ăn cùng vợ tôi.”

Người đứng cạnh bàn đã lật tới trang cuối cùng của cuốn tạp chí. Người đứng cạnh cửa sổ cũng đã không còn hứng thú với cảnh quan bên ngoài nữa. Người ngồi trên ghế cố gắng đặt câu hỏi sao cho tránh gây ra những ý nghĩa tấn công trực diện, “À, như thế là không theo thói quen – đi ăn tối không có vợ ấy – đúng không?”

“Không, không theo thói quen.”

“Nếu ông đã nói thế thì ông cho biết là tại sao tối nay ông lại làm như vậy?” Viên cảnh sát không nhìn hăn mà nhìn vào đồng hồ đeo tay anh ta đã tạo ra ở bên cạnh.

“Chúng tôi thực ra có ý định đi ăn tối cùng nhau ở bên ngoài. Nhưng đến phút cuối thì cô ấy lại nói là không được khỏe, bảo là bị đau đầu, thế nên... tôi đi một mình.”

“Cãi nhau hay gì à?” Lần này câu hỏi được đặt ra khá nhỏ, như một nốt nhạc nhấn khẽ trên phím.

Henderson đáp, cũng bằng nốt nhạc ấy khẽ như vậy, “Có vài lời qua lại. Ông chắc cũng biết thừa.”

“Đúng rồi.” Viên cảnh sát có vẻ hiểu rất rõ những lục đục trong gia đình kiểu như vậy. “Nhưng không có gì nghiêm trọng chứ?”

“Chẳng có lời nào có thể khiến cô ấy gây ra chuyện như thế, nếu ý ông muốn nói về chuyện đó.” Hăn dừng lời, rồi đặt câu hỏi ngược lại, trong giọng nói có một chút cảnh giác mới nhóm lên. “Thế chuyện đó là sao? Các ông chưa nói cho tôi biết. Nguyên nhân là...”

Cửa ngoài mở ra, hăn ngừng nói giữa chừng. Hăn quan sát sự việc trước mắt như bị thôi miên, cho đến khi cửa buồng ngủ lại đóng. Hăn gần như đứng lên. “Họ muốn gì trong đó? Họ là ai? Họ định làm gì trong đó?”

Người ngồi trên ghế bước tới chỗ hăn, đặt một tay lên vai hăn khiến hăn ngồi xuống, cho dù không có một chút lực nào ấn xuống cả. Đó chỉ đơn thuần là một cử chỉ an ủi.

Người đứng ở cửa sổ nhìn qua. “Ông có vẻ hơi căng thẳng, ông Henderson?”

Một cái gì đó như phẩm giá tự nhiên, bản năng của một con người bình thường đến hỗ trợ cho Henderson. “Làm sao mà tôi... bình tĩnh hay an lành được lúc này hả?” Câu trả lời kèm một chút cay đắng. “Tôi về nhà thì thấy vợ mình chết trong buồng ngủ đấy.”

Điều hẳn nói là có lý. Người cảnh sát đứng bên cửa sổ không còn gì để nói tiếp nữa.

Cửa buồng ngủ lại một lần nữa mở ra. Từ phía cánh cửa phát ra một số tiếng động lục đục. Mắt của Henderson như lồi ra, chăm chăm nhìn theo từ cửa buồng ngủ, tới khuôn cửa vòm rồi ra đến bên ngoài. Lúc này hẳn đứng bật dậy. “Không thể như thế được. Các ông xem họ làm gì kia kìa. Họ cứ như đang bê một bao tải khoai tây... Họ để tóc cô ấy chạm hết xuống sàn kia kìa... cô ấy quý tóc lắm...!”

Mấy bàn tay ghim hẳn xuống ghế. Cửa ngoài đã đóng lại. Một chút hương thơm từ phòng ngủ trống rỗng bay ra như thì thầm với hẳn. ‘Còn nhớ không? Còn nhớ lúc em còn được anh yêu không? Nhớ không?’

Hẳn rũ người xuống, vùi mặt vào hai bàn tay. Họ có thể nghe thấy tiếng hẳn thốn thức, đồn dập, nhịp thở bị ngắt thành những quãng ngắn. Hẳn nói với họ, sau khi đã bỏ tay xuống, với vẻ ngạc nhiên. “Tôi từng nghĩ đàn ông thì không bao giờ khóc. Giờ thì tôi khóc rồi.”

Người cảnh sát từng ngồi trên ghế lúc trước đưa cho hẳn một điều thuốc, thậm chí còn châm cả lửa. Đôi mắt ông ta rục cháy trong ánh lửa.

Có thể là do bị sự việc vừa rồi làm gián đoạn, hoặc cũng có thể là không có gì để nói tiếp nữa nên cuộc thăm vấn không được tiếp tục ngay. Để rồi đến khi họ lại bắt đầu nói chuyện thì nội dung không còn trọng tâm gì cả, cứ như họ nói chuyện chỉ để giết thời gian, hoặc đơn giản là cảm thấy cần phải nói một điều gì đó.

“Ông ăn mặc đẹp thật đấy, ông Henderson,” người-ngồi-ghế nhận xét một cách ngẫu nhiên.

Henderson nhìn ông ta một cách gần như khinh miệt, chẳng buồn trả lời.

“Mọi thứ đều rất hợp với nhau.”

“Đó cũng là một dạng nghệ thuật,” người-xem-tạp-chí chêm vào.

“Rất hợp. Tất, áo, khăn tay...”

“Trừ cà-vạt,” người-bên-cửa sổ phản đối.

“Những lúc thế này mà các ông lại nói mấy cái vớ vẩn thế là làm sao?” Henderson mệt mỏi nói.

“Nhẽ ra phải là màu xanh, đúng không nhỉ. Mọi thứ khác đều xanh cả cơ mà. Tôi thấy thế là lạc lõng lắm ấy. Tôi thì không phải dân biết nhiều về thời trang đâu, nhưng nhìn qua là tôi thấy...” Rồi ông ta nói như vô tình. “Làm sao mà ông lại bỏ qua một cái quan trọng như cà-vạt thế được chứ, khi đã cất công chọn những cái khác cho hợp rồi? Hay ông không có cà-vạt màu xanh?”

Sự phản đối của Henderson rõ rệt hơn. “Tóm lại là các ông muốn gì ở tôi thế? Chẳng nhẽ các ông không thấy mấy chuyện vặt vãnh này...”

Ông ta hỏi lại, vẫn không có gì thể hiện trong ngữ điệu. “Ông không có cà-vạt màu xanh à, ông Henderson?”

Henderson cào tay lên đầu. “Các ông muốn tôi phát điên à?” Hắn nói như thăm thì, tưởng như mấy lời trao đổi vừa rồi sắp vượt khỏi ngưỡng chịu đựng của hắn. “Có, tôi có cà-vạt xanh. Trong tủ ấy, trên giá treo cà-vạt, chắc thế.”

“Thế làm sao mà ông lại không dùng khi ông đã bận cả bộ thế này nhỉ? Mọi thứ đều đang kêu gào gọi cái màu xanh đấy.” Viên cảnh sát tỏ vẻ thất vọng. “Trừ phi, dĩ nhiên, là lúc đầu ông đã đeo vào người rồi, nhưng sau thế nào đó mà ông lại đổi ý rồi cởi nó ra, sau đó lại đeo cái ông đang đeo lúc này ấy.”

“Nhưng như thế thì có khác gì chứ?” Henderson nói. “Ông hỏi chuyện này cho mục đích gì?” Giọng hắn cao hơn một nốt. “Vợ tôi vừa mới chết. Tôi đang sắp điên lên đây. Cà-vạt màu gì thì có liên quan cái gì chứ hả?”

Câu hỏi từ phía cảnh sát vẫn tới, nhẩn tâm như những giọt nước nhỏ trên đầu phạm nhân. “Ông chắc chắn là lúc đầu ông không đeo lên người rồi đổi ý...?”

Giọng hắn đã lại mềm đi. “Phải, tôi chắc. Chiếc cà-vạt đó treo trên giá trong tủ ấy.”

Viên cảnh sát không thống nhất ý kiến với hãn. “Không, nó không có trên giá treo cà-vạt đâu. Thế nên tôi mới hỏi ông như vậy. Ông vẫn nhớ mấy cái ngạnh nhỏ trên giá cà-vạt đó chứ, trông như xương cá ấy nhỉ? Chúng tôi tìm thấy chỗ của cái cà-vạt đó, nơi ông thường treo nó ấy, vì đó là chỗ trống duy nhất ở giữa cả mấy cái cà-vạt. Nó lại ở vị trí dưới cùng nữa. Nói cách khác là bình thường thì nó sẽ bị tất cả những cái cà-vạt khác treo trên đó đè lên. Thế mà, ông thấy đấy, nó lại đã được gỡ xuống khỏi giá chứ không phải những cái kia. Có nghĩa là ông đã phải chủ động tìm đến nó, chủ động lựa chọn nó, chứ không chỉ là ngẫu nhiên lấy ngay cái cà-vạt ở trên cùng. Điều khiến tôi phân vân là sau khi mà ông đã mất công nâng cả mớ cà-vạt lên để lấy cái bên dưới, gỡ khỏi giá thì điều gì đã khiến ông đổi ý, chuyển sang cái ông đeo trên người cho cả buổi tối – mà thậm chí nó lại chẳng hợp gì với trang phục của ông cả.”

Henderson giận giữ dùng cườm tay đập vào trán mình. Hãn đứng bật dậy. “Tôi không thể chịu đựng thế này nữa,” hãn rên rỉ. “Tôi không chịu đựng thêm được nữa. Ông muốn nói gì thì nói toạc ra đi, đừng úp mở, không thì thôi. Nếu nó không ở trên giá thì ông nói xem nó ở đâu? Tôi không đeo trên người rồi. Nó ở đâu? Ông biết thì ông nói xem nào. Mà có khác gì đâu chứ?”

“Khác nhiều lắm đấy, ông Henderson.”

Sau đó là một khoảng lặng khá dài, dài đến nỗi hãn bắt đầu tái đi, trước khi cuộc thẩm vấn kết thúc.

“Chiếc cà-vạt đó thít chặt vào cổ của vợ ông. Chặt đến nỗi làm vợ ông chết. Chặt đến nỗi phải dùng đến dao cắt mới gỡ nó ra được.”

149 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

RẠNG SÁNG

Một nghìn câu hỏi sau đó, khi những tia nắng sớm mai len lỏi qua cửa sổ bắt đầu mang lại một cái nhìn khác cho căn phòng, cho dù thực tế mọi thứ trong đó vẫn y nguyên, kể cả con người. Căn phòng lúc này trông như là nơi tổ chức một bữa tiệc thân đêm. Đầu mẫu thuốc đầy trong tất cả những gì có thể dùng để chứa, thậm chí có cả ở những nơi không dùng để chứa được. Chiếc đèn màu xanh vẫn ở đó, giờ trông lạ lẫm trong ánh sáng bình minh kết hợp với quầng sáng điện mờ mờ tỏa ra từ đó. Những bức ảnh cũng vẫn còn đó: ảnh của cô và của hắn – một bức thì chủ nhân không còn tồn tại nữa.

Bọn họ đều trông và hành động như những anh chàng say rượu mới tỉnh. Họ không còn mặc áo khoác hay áo vest; áo sơ-mi để mở cổ. Một người lúc này đang ở trong buồng tắm, cố gắng làm mình tỉnh táo lại bằng nước lạnh từ vòi. Tiếng ông ta xì mũi vang hắn ra phòng ngoài. Hai viên cảnh sát còn lại thì vẫn vừa đi tới đi lui vừa hút thuốc không ngừng nghỉ. Henderson là người duy nhất ngồi yên lặng. Hắn vẫn ngồi trên chiếc sofa đó cả đêm – với hắn thì cuộc đời gần như gói gọn trên chiếc ghế đó rồi, hắn chẳng còn biết nơi nào khác ngoài căn phòng này nữa.

Viên cảnh sát trong phòng tắm – tên là Burgess – trở ra, tay vẫn đan miết tóc để vắt ra những giọt nước thừa thãi cuối cùng. Có vẻ như ông ta đã

nhúng cả đầu vào bồn rửa. “Khăn tắm để đâu hết ấy nhỉ?” ông ta hỏi Henderson với âm điệu bình thản một cách lạ lùng.

“Tôi cũng chẳng mấy khi tự tìm được trên giá đâu,” hăn ủ rũ thú nhận. “Cô ấy... Khi tôi cần thì tôi thường hỏi, tôi cũng chẳng biết là mấy cái đó để ở đâu cả.”

Viên cảnh sát vô vọng nhìn quanh, khiến nước chảy ướt hết cả ngưỡng cửa buồng tắm. “Thế cho tôi dùng tạm cái mép rèm trong phòng tắm nhé?” ông ta nói.

“Cứ tự nhiên,” Henderson vừa ra hiệu vừa đáp.

Rồi quá trình thăm vấn lại tiếp tục, cũng đột ngột như lúc nó dừng vậy.

“Lý do không hăn chỉ là đôi vé xem kịch. Tại sao ông lại cứ tìm cách khiến chúng tôi tin là như thế?”

Hăn nhìn lên, lúc đầu nhìn nhăm nhời. Trước nay hăn vẫn quen với việc khi nói chuyện thì người ta nhìn hăn. Câu hỏi lần này thì lại tới từ người không nhìn hăn.

“Vì thực tế là như thế. Tôi nói ra như thế là vì nó như thế thôi mà. Chẳng nhẽ ông chưa bao giờ thấy hai người cãi nhau chỉ vì một đôi vé thôi à? Chuyện như thế là có đấy.”

Người kia nói, “Thôi đi, Henderson, đừng vờ vịt nữa. Cô ta là ai?”

“‘Cô ta’ nào?”

“Đừng lặp lại như thế nữa nhé,” viên cảnh sát tỏ vẻ khinh thường. “Như thế là chúng ta sẽ phải nhảy lùi lại tới khoảng tiếng rưỡi hay hai tiếng trước, tức là nói lại chuyện từ lúc bốn giờ sáng. Cô ta là ai?”

Henderson lùa những ngón tay mỗi một lên mái tóc bù xù, đầu cúi gập xuống như không còn sức lực.

Burgess ra khỏi phòng tắm, nhét đuôi áo vào trong quần. Ông ta lấy đồng hồ từ túi ra rồi đeo vào tay, nhìn liếc qua một chút. Sau đó ông ta lặng lẽ đi ra phòng ngoài. Hăn ông ta đã nhắc điện thoại lên vì lúc này có tiếng vọng vào. “Bây giờ được rồi đấy, Tierney.” Không ai để ý đến chuyện đó,

Henderson lại càng không. Hắn lúc này đang gà gật mặc dù mắt vẫn mở, nhìn chăm chăm xuống thảm.

Burgess đã lại đi vào phòng, bước lòng vòng như bản thân cũng chưa biết phải làm gì tiếp theo. Cuối cùng, ông ta dừng lại cạnh cửa sổ, chỉnh lại rèm cửa một chút để ánh sáng dễ vào phòng hơn. Phía bầu cửa bên ngoài có một con chim đang đậu. Nó khẽ ngẩng đầu nhìn ông ta. “Henderson, qua đây một chút. Con chim này là chim gì thế?” Khi thấy Henderson không cử động thì ông ta giục tiếp. “Thôi nào, nhanh lên, kéo nó bay mất bây giờ.” Cứ như đó là việc quan trọng nhất trên đời này không bằng.

Henderson đứng lên, đi tới cửa sổ, đứng cạnh viên cảnh sát, lưng quay vào trong phòng. “Chim sẻ,” hắn nói ngắn gọn. Hắn nhìn viên cảnh sát như muốn nói, ‘Nhưng tôi biết ông không hỏi chuyện đó.’

“Tôi cũng vừa nhớ ra xong,” Burgess nói. Sau đó, để hắn vẫn tiếp tục nhìn ra ngoài, Burgess nói tiếp, “Phòng này nhìn ra cảnh đẹp thật.”

“Nhìn được nhiều thứ lắm, cả chim chóc nữa,” Henderson đáp với giọng cay đắng.

Không gian lại một lần nữa ngưng đọng. Quá trình thẩm vấn lại dừng.

Henderson quay người trở về chỗ hắn ngồi lúc trước. Lúc này, trên ghế, tại đúng chỗ hắn ngồi nãy giờ, xuất hiện một cô gái trẻ. Hắn không nghe thấy một tiếng động nào cho thấy cô đi vào cả. Không có cả tiếng kẹt cửa hay tiếng vải cọ sát.

Ba cặp mắt xoáy vào mặt hắn khiến cho da mặt hắn như sắp sửa bị lột hết ra. Nhưng từ bên trong, hắn giữ lại được, giữ nó ổn định. Nhưng vì như vậy mà nó trở nên căng cứng. Như một tờ giấy bìa. Nhưng hắn cố giữ cho nó không cử động dù chỉ một chút.

Cô gái nhìn hắn, hắn cũng nhìn cô. Cô thật là xinh đẹp. Cô là mẫu người có máu Anglo-Saxon, thậm chí còn hơn cả những người Anglo-Saxon bình thường hiện nay. Mắt xanh, mái tóc hung đỏ không uốn cong, chải thẳng vắt ngang trán một cách gọn gàng, rẽ ngôi rõ ràng như tóc nam giới. Chiếc áo khoác lông lạc đà của cô chỉ trùm qua vai, hai cánh tay buông thõng. Cô

không đội mũ, nhưng tay đang xiết chặt một chiếc túi nhỏ. Cô còn trẻ - ở giai đoạn vẫn còn nhiều niềm tin vào tình yêu và đàn ông. Hoặc là có thể sẽ vẫn mãi như vậy vì đó thuộc vào bản chất con người cô. Điều đó thể hiện rõ ở cách cô nhìn hấn bằng đôi mắt nồng thắm, sáng ngời.

Hấn khẽ nhấm môi một chút, hơi gật đầu khiến nếu không để ý thì khó có thể nhận ra, như khi người ta gặp một người quen từ lâu mà không nhớ nổi tên hay không nhớ được đã gặp ở đâu, nhưng lại không muốn bước qua.

Sau đó thì hấn tỏ vẻ không còn hứng thú gì với cô nữa.

Burgess hấn đã có ra hiệu bí ẩn nào đó với những người khác vì lúc này đột nhiên họ chỉ còn hai người với nhau. Tất cả đã đi ra ngoài từ lúc nào.

Hấn cố gắng làm một cử chỉ gì đó với bàn tay, nhưng đã quá muộn. Chiếc áo khoác lông cừu đã tuột khỏi vai cô gái xuống góc chiếc ghế sofa rồi từ từ tạo thành một đống mềm mại. Còn cô gái lúc này đã bật dậy lao về phía hấn như bị gì đó thúc ở đằng sau.

Hấn cố gắng tránh cô bằng cách bước sang bên. “Đừng. Cẩn thận. Họ cố tình làm thế này. Họ đang nghe đấy...”

“Em chẳng có gì phải sợ cả.” Cô nắm lấy hai cánh tay hấn và lắc nhẹ. “Anh có gì phải sợ ư? Có không? Anh trả lời em đi.”

“Suốt sáu tiếng vừa rồi anh tìm mọi cách để không đưa tên em vào chuyện này. Làm sao mà họ kéo em đến đây được? Làm thế nào họ biết về em?” Hấn tự đánh mình vào vai. “Mẹ kiếp. Nếu chặt tay phải mà để em không dính vào thì anh cũng làm!”

“Nhưng em muốn cùng anh trong những việc thế này, khi anh gặp khó khăn. Anh không biết nhiều về em rồi, đúng không?”

Nụ hôn khiến hấn không thể trả lời. Sau đó hấn nói, “Em hôn anh mà em không biết là liệu...”

“Không, em không biết,” cô đáp, hơi thở phả sát mặt hấn. “À, mà em không sai lắm tới mức thế đâu. Chẳng ai thế đâu. Nếu em sai lắm tới mức thế thì người ta nên đưa trái tim em đến viện tâm thần chữa trị. Có điều trái tim em thông minh lắm.”

“Em bảo trái tim em giúp anh là mọi việc sẽ ổn thôi,” hần buồn rầu nói. “Anh không ghét Marcella. Chỉ là anh không yêu cô ấy đến mức muốn tiếp tục sống với cô ấy nữa, thế thôi. Nhưng anh không giết cô ấy. Anh không bao giờ giết ai cả, kể cả người...”

Cô vùi đầu vào ngực hần với sự cảm thông không thể lẫn được. “Chẳng lẽ anh phải nói thế em mới biết sao? Chẳng phải em đã thấy mặt anh thế nào khi một con chó hoang đuổi theo chúng mình trên phố? Khi thấy một con ngựa đứng ven đường... Lúc này không phải lúc đâu, nhưng anh có biết tại sao em yêu anh không? Anh không nghĩ rằng là vì anh đẹp trai, hay thông minh, hay giỏi giang đấy chứ?” Hần cười, vuốt tóc cô, đặt lên đó một nụ hôn. “Những thứ bên trong mới là cái em yêu, những cái mà chỉ có em nhìn thấy. Anh có rất nhiều điểm tốt, anh là người tốt... nhưng tất cả là ở bên trong, chỉ có em thấy, chỉ dành cho em.”

Cô ngẩng mặt lên nhìn hần, hai mắt nhòa lệ.

“Đừng thế chứ,” hần âu yếm nói, “anh đâu có đáng.”

“Em mới là người đặt giá mà, đừng có cố hạ giá với em làm gì,” cô chọc hần. Cô liếc mắt về phía cánh cửa, ánh sáng trên mặt cô có phần tối đi một chút. “Còn họ thì sao? Họ có nghĩ rằng...?”

“Cho đến lúc này là năm mươi – năm mươi. Nếu không thì họ chẳng giữ anh lâu thế này... Làm sao mà họ kéo em tới đây được?”

“Em nhận được tin nhắn từ anh lúc sáu giờ, khi em về nhà. Em không thể nào đi ngủ mà không biết chắc nên em quyết định gọi điện đến đây hỏi anh, khoảng mười một giờ. Lúc đó thì họ đã ở đây rồi, thế nên họ cho người đến thăm vấn em ngay. Từ lúc đó tới giờ lúc nào cũng có người ở cạnh em cả.”

“Hay quá, thế là họ khiến em thức trắng cả đêm!” gã bực tức nói.

“Em làm sao mà ngủ được khi biết anh đang gặp rắc rối thế này.” Những ngón tay cô di chuyển nhẹ nhàng trên mặt hần. “Chỉ có một chuyện là quan trọng thôi, những chuyện khác tạm gác lại đã. Sẽ giải quyết ổn thỏa được

hết, chắc chắn thế. Họ chắc sẽ có cách tìm ra ai là kẻ gây ra chuyện này... Anh đã nói những gì với họ?”

“Về chúng ta ư? Chẳng nói gì cả. Anh muốn giữ cho em không dính gì tới việc này cả.”

“Có thể đó chính là nguyên cơ chính. Họ cảm thấy anh đang giấu giếm điều gì đó. Giờ thì em trong cuộc rồi. Anh có nghĩ là tốt hơn nên nói cho họ biết mọi chuyện về chúng ta không? Mình đâu có điều gì phải xấu hổ hay sợ hãi đâu. Càng nói sớm thì càng nhanh giải quyết mọi chuyện. Em nghĩ từ thái độ của em thì họ cũng đã đoán ra được rồi. Gặp nhau là anh với em...”

Cô ngừng nói giữa chừng. Burgess đã quay lại. Ông ta trông thư thái như đã đạt được mục tiêu đặt ra. Khi hai người cảnh sát còn lại cũng vào phòng, Henderson còn thấy ông ta nháy mắt với một trong hai người đó.

“Dưới nhà có xe đang đợi đưa cô về nhà, cô Richman.”

Henderson bước tới. “Này, xin ông giữ cho cô Richman đứng ngoài việc này. Thật không công bằng chút nào. Cô ấy không có liên...”

“Cái đó thì phụ thuộc hoàn toàn vào ông thôi,” Burgess nói với hần. “Chúng tôi buộc phải đưa cô ấy tới đây chỉ là vì ông buộc chúng tôi phải làm ông nhớ ra là...”

“Tôi sẽ nói hết những gì tôi biết cho ông,” Henderson cam đoan, “nếu như ông đảm bảo rằng cô ấy sẽ không bị báo chí làm phiền, sẽ không bị báo chí nêu tên hay làm âm ỉ lên.”

“Miễn đó là sự thực,” Burgess nói rõ.

“Tôi sẽ nói sự thực.” Hần quay sang phía cô, giọng nhẹ nhàng hơn hần khi nói với cảnh sát. “Em về đi, Carol. Cố ngủ một chút, đừng lo lắng gì cả. Mọi chuyện sẽ sớm ổn thỏa thôi mà.”

Cô hôn hần ngay trước mặt mọi người như muốn chứng tỏ tình cảm của mình với hần. “Anh nhớ thông tin cho em nhé! Có gì mới nhớ báo cho em ngay, nhớ chưa? Ngay hôm nay đấy nhé.”

Burgess đi ra cửa cùng cô, nói với viên cảnh sát gác bên ngoài, “Nói với Tierney là không cho ai đến gần cô gái trẻ này cả. Không nói tên, không trả lời câu hỏi, không tiết lộ bất kỳ thông tin gì.”

“Cám ơn,” Henderson nói khi ông ta quay lại, “ông đáng mặt đàn ông lắm.”

Viên cảnh sát nhìn hẩn như không đón nhận lời khen đó. Ông ta ngồi xuống, lấy ra một cuốn sổ tay, gạch chéo hai, ba trang đã viết chữ loằng ngoằng rồi mở ra một trang mới. “Bây giờ bắt đầu nhé?” ông ta nói.

“Bắt đầu thôi,” Henderson đáp.

“Ông nói hai người cãi nhau. Vẫn giữ như thế chứ?”

“Vẫn giữ như thế.”

“Còn đôi vé xem kịch? Vẫn giữ chứ?”

“Về đôi vé và về ly dị. Không thay đổi.”

“Giờ đến lúc làm rõ hơn. Tình cảm giữa hai người xấu đi từ lúc nào?”

“Không hề có tình cảm nào cả. Tốt hay xấu đều không có. Giống như kiểu chai lỳ, vô cảm thì đúng hơn. Tôi đã đề nghị ly dị với cô ấy khá lâu rồi. Cô ấy cũng biết về cô Richman, vì tôi có nói. Tôi không hề giấu giếm cô ấy gì cả. Tôi chỉ muốn giải quyết một cách êm thấm, nhẹ nhàng. Nhưng cô ấy từ chối ly dị. Bỏ đi cũng chẳng giải quyết được gì. Tôi không muốn thế. Tôi muốn cưới cô Richman làm vợ. Chúng tôi cố gắng không gặp nhau, tránh xa nhau, nhưng như thế thật là khổ sở. Tôi không chịu nổi. Mà mấy chuyện này có cần thiết không?”

“Rất cần.”

“Tối hôm kia tôi có nói chuyện với cô Richman, cô ấy hiểu tình thế của tôi. Cô ấy nói, ‘Hay để em thử, để em nói chuyện với chị ấy.’ Tôi không cho. Cô ấy bảo, ‘Thế anh thử lần nữa đi. Lần này thử kiểu khác. Thử nói lý lẽ khéo vào thì mới được.’ Biết là chẳng ăn thua nhưng tôi vẫn cố thử xem sao. Từ chỗ làm, tôi gọi điện đặt một bàn cho hai người ở quán trước cũng có tới. Tôi mua hai vé xem kịch, hàng đầu tiên, cạnh lối đi. Đến phút cuối

tôi còn từ chối lời mời của bạn thân nhất tới bữa liên hoan chia tay của anh ấy. Jack Lombard. Anh ấy phải đi Nam Mỹ làm việc mấy năm. Đó là cơ hội cuối để tôi gặp anh ấy trước khi anh ấy lên tàu ra biển. Nhưng tôi quyết tâm thực hiện dự định. Tôi sẽ nhẹ nhàng thuyết phục cô ấy bằng mọi giá.

“Thế rồi khi tôi về nhà thì lại chẳng như mong muốn. Cô ấy không muốn dàn xếp gì cả. Cô ấy thích cuộc sống như thế và muốn cuộc sống tiếp tục như thế. Tôi bực lắm, thú thật là vậy. Tôi nổi khùng. Cô ấy đã đợi đến phút cuối. Cứ để tôi đi tắm rồi thay quần áo. Rồi cô ấy ngồi đó cười. ‘Sao anh không rủ cô bạn anh đi ăn cùng đi?’ cô ấy mĩa mai. ‘Sao phải phí tiền làm gì?’ Thế nên tôi gọi điện cho cô Richman. Gọi ngay ở đó, trước mặt vợ tôi.

“Nhưng tôi không được thỏa mãn vì cô ấy không có nhà. Marcella thì tiếp tục cười nhạo tôi. Cô ấy cố tình thế.

“Ông cũng thừa biết là khi bị người ta cười nhạo thì thế nào rồi đấy. Thấy mình như thăng dờ hơi. Tôi cáu đến mức tôi không suy nghĩ thấu đáo được nữa, nên tôi quát, ‘Tôi sẽ ra phố, mời cô gái đầu tiên đi cùng để thay vào chỗ cô! Bất kỳ ai, miễn là có thân thể phụ nữ và đi giày cao gót nhé! Ai cũng được!’ Rồi tôi vớ lấy mũ, sập cửa đi ra ngoài thôi.”

Giọng hăn bắt đầu đảo ra như chiếc đồng hồ cần lên cốt lại. “Chuyện chỉ có thể thôi. Muốn rõ hơn thì tôi cũng chẳng biết nói thế nào nữa đâu. Vì đó là sự thực mà sự thực thì không thể nào làm rõ hơn được cả.”

“Sau khi ông ra khỏi nhà, ông vẫn giữ lịch trình như ông đã khai với chúng tôi lúc trước chứ?” Burgess hỏi.

“Vẫn như thế. Trừ một việc là tôi không đi một mình. Tôi đi cùng người khác. Tôi làm y như tôi đã nói với cô ấy: ra phố thấy người phụ nữ nào đó thì mời đi cùng. Cô ta nhận lời, thế là tôi đi cùng cô ta tới tận mười phút trước khi quay về đây.”

“Lúc gặp cô ta thì là khoảng mấy giờ?”

“Chỉ vài phút sau khi ra khỏi nhà thôi. Tôi tạt vào quán nào ấy, khoảng đường Mười Lăm, trong quán đó tôi gặp cô ta...” Hăn làm động tác gì đó với ngón tay. “Chờ chút, tôi nhớ ra rồi. Tôi có thể nói chính xác thời điểm

tôi gặp đây, vì lúc đó chúng tôi đều nhìn đồng hồ mà, là lúc tôi đưa cô ta xem đôi vé. Sáu giờ mười phút, chính xác luôn.”

Burgess cọ cọ móng tay bên dưới môi. “Quán đó là quán nào thế?”

“Tôi không nhớ chính xác. Cửa quán có đèn đỏ bắt mắt lắm, lúc đấy tôi chỉ để ý thế thôi.”

“Ông có thể chứng minh được là ông ở trong quán đó lúc sáu giờ mười phút không?”

“Tôi vừa chẳng nói với ông còn gì. Sao nào? Có điều gì quan trọng sao?”

Burgess nói, “À, tôi lòng vòng với ông cũng được thôi, nhưng tôi lại thích lạ đời. Tôi sẽ nói cho ông biết. Vợ ông chết chính xác vào lúc sáu giờ tám phút. Đồng hồ đeo tay của cô ấy vỡ do đập vào cạnh bàn trang điểm khi cô ấy ngã xuống. Nó dừng ở...,” ông ta đọc cái gì đó, “... sáu giờ tám phút mười lăm giây.” Ông ta lại cất cái đó đi. “Tôi không thấy cái gì có hai chân, thậm chí là có cánh, mà có mặt ở đây vào thời điểm đó để rồi lại đến được đường Mười Lăm sau đó một phút bốn mươi lăm giây cả. Ông chứng minh được ông ở đó vào lúc sáu giờ mười, thì mọi việc chấm dứt ở đây.”

“Nhưng tôi nói với ông rồi còn gì! Tôi có xem đồng hồ mà.”

“Đấy không phải là bằng chứng. Đó là lời khai thiếu cơ sở.”

“Thế nào mới là bằng chứng?”

“Khi có gì đó chứng thực.”

“Tại sao lại phải chứng thực ở đó? Ở đây không được hay sao?”

“Vì nếu ở đây thì mọi thứ cho thấy ngoài ông ra chẳng có ai khác gây ra chuyện đó cả. Ông nghĩ chúng tôi ngồi đây vật vã với ông cả đêm để làm gì chứ?”

Henderson để hai cổ tay buông thõng từ đầu gối. “Ra vậy,” hắn thở ra. “Tôi hiểu rồi.” Sự tĩnh lặng lại kéo dài, thống trị trong căn phòng một lúc sau đó.

Burgess phá vỡ sự im lặng. “Liệu người phụ nữ ông nói đã gặp trong quán có chứng thực được thời điểm đó không?”

“Có chứ. Cô ta cũng nhìn đồng hồ giống tôi mà. Chắc chắn là nhớ thôi. Có, chứng thực tốt.”

“Thôi được rồi, như thế là đủ. Miễn là cô ta làm cho chúng tôi tin được, lời chứng thực phải có tuyên thệ và ông không ép cô ta làm điều đó. Cô ta sống ở đâu?”

“Tôi không biết. Lúc tôi về thì cô ta vẫn ở quán đó, nơi chúng tôi gặp nhau lúc đầu.”

“Thế cô ta tên là gì?”

“Tôi không biết. Thực là tôi không hỏi, mà cô ta cũng không tự giới thiệu.”

“Họ thì sao? Hay bí danh cũng được? Ông ở với cô ta sáu tiếng liền cơ mà. Thế ông xưng hô cô ta là gì?”

“‘Cô,’” hần đáp.

Burgess một lần nữa lại lấy cuốn sổ ra. “Thôi được rồi. Ông mô tả cô ta xem nào. Chúng tôi sẽ cho người đi tìm cô ta sau cũng được.”

Một quãng thời gian chờ đợi kéo dài.

“Sao nào?” Burgess hỏi.

Mặt Henderson càng lúc càng tái dại. Hần nuốt khan. “Chúa ơi, tôi không nhớ nổi!” hần thốt lên. “Tôi quên mất cô ta rồi, mất hần rồi.” Hần lấy tay xoa mặt một cách vô vọng. “Ngay lúc tôi về đây thì tôi còn nói với ông được, còn bây giờ thì chịu rồi. Nhiều chuyện xảy ra quá. Việc về Marcella... Rồi mấy ông quần tôi suốt đêm nữa. Trong đầu tôi hình ảnh cô ta như phim bị lộ sáng ấy, nhòe hết cả. Ngay cả lúc tôi ở đó với cô ta tôi cũng không chú ý nữa; đầu óc tôi lúc đó đang loạn cả lên.”

Hần ngẩng lên, nhìn viên cảnh sát khác như thể cầu cứu. “Tôi chẳng còn nhớ gì về cô ta cả!”

Burgess tỏ vẻ muốn giúp đỡ. “Cứ từ từ. Cố nhớ lại đi. Màu mắt?”

Henderson xòe hai bàn tay ra, vô vọng.

“Không nhớ? Được rồi. Tóc thì sao? Tóc thế nào? Màu gì?”

Hắn đặt bàn tay lên che hai vùng mắt. “Cũng không nhớ được. Mỗi khi tôi định nói một màu thì tôi lại nhớ ra màu khác. Tôi định nói màu kia thì lại nhảy về màu ban đầu. Tôi không biết nữa, chắc là đâu đó giữa hai màu. Không hẳn nâu, không hẳn đen. Hầu như lúc nào cô ta cũng đội mũ, không nhìn thấy tóc.” Hắn nhìn lên, hy vọng. “Tôi nhớ cái mũ nhất. Cái mũ đó màu da cam. Như thế có giúp ích được gì không? Đúng rồi, da cam. Mũ màu cam.”

“Thế nếu như từ tối hôm qua thì cô ta không đội mũ đó nữa, phải đến sáu tháng sau mới đội lại sau đó thì sao? Tình thế chúng ta sẽ thế nào? Ông không nhớ được gì khác về cô ta hay sao?”

Henderson day day thái dương để bớt đau đầu.

“Cô ta béo hay gầy? Cao hay thấp?” Burgess vẫn kiên trì gợi ý.

Henderson bắt đầu vận vẹo cơ thể trên ghế, xoay hết bên này lại sang bên kia như để trốn tránh câu hỏi. “Tôi không trả lời được. Không trả lời được.”

“Có phải anh đang đùa chúng tôi không?” một trong hai viên cảnh sát còn lại hỏi lạnh lùng. “Mới ngay tối hôm qua thôi, không phải tuần trước hay năm ngoái đâu.”

“Tôi kém nhớ mặt lắm, ngay cả khi tôi... bình tĩnh, không bị quấy rầy. Cô ấy có khuôn mặt... tôi...”

“Không đùa đấy chứ?” viên cảnh sát thứ ba cuối cùng cũng tham gia vào.

Câu trả lời của hắn chuyển cấp từ kém xuống tồi tệ vì hắn mắc sai lầm là nói thẳng ra suy nghĩ của mình mà không chỉnh sửa. “Cô ta có hình dáng như những người phụ nữ khác, tôi chỉ nói được thế thôi...”

Nước tràn ly. Khuôn mặt Burgess này giờ đã dần dần dài thượt, cho dù ông ta không hề để lộ ra bất kỳ dấu hiệu bức tức nào khác. Rõ ràng với ông ta chỉ có sự chuyển biến tâm lý từ từ. Thay vì nhét chiếc bút chì đã tù đầu trở lại trong túi, ông ta thẳng tay ném nó như có chủ đích vào bức tường đối diện. Rồi ông ta lại đứng lên, đi tới đó nhặt nó lên. Khuôn mặt ông ta, lúc

quay lại, đã đỏ ửng. Ông ta chui vào trong chiếc áo khoác, thắt lại cà-vạt cho ngay ngắn trước ngực.

“Các anh,” ông gắt gỏng, “ra khỏi chỗ này thôi, muộn quá rồi.”

Ông ta dừng một chút ở khuôn cửa vòm dẫn ra phòng ngoài, nhìn Henderson tóe lửa. “Ông coi chúng tôi là hạng người gì thế? Ngu dân à? Ông đi chơi với một người phụ nữ trong sáu tiếng đồng hồ liên tục, mới tối qua thôi, ngồi cạnh nhau trong quán bar, ngồi đối diện trong quán ăn từ lúc ăn nhẹ tới khi dùng cà phê, lại ngồi kế bên suốt ba tiếng đồng hồ khi xem kịch, rồi lại đi cùng taxi cả đi lẫn về - thế mà khuôn mặt người phụ nữ đó giờ lại là một ô trống bên dưới một cái mũ màu da cam! Thế rồi ông cho rằng chúng tôi phải nuốt trôi lời khai đó ư? Ông cố gắng trao cho chúng tôi một bóng ma, không có tên, không hình dáng, không chiều cao, không có mô tả về mắt hay tóc hay gì cả, rồi lại cho rằng chúng tôi phải tin vào điều đó chứ không nên nghĩ là ông ở cạnh vợ ông lúc cô ấy bị sát hại! Ông thấy có hợp lý không? Đến một đứa bé mười tuổi cũng thấy rõ ông đang làm trò gì ở đây. Chỉ có hai khả năng mà thôi. Một là ông chẳng đi cùng với người nào như vậy, mà ông chỉ bịa ra, tưởng tượng ra thôi. Hai là, mà có lẽ phù hợp hơn, là ông không đi cùng ai như vậy nhưng ông có nhìn thấy cô ta trong đám đông một lúc nào đó tối hôm qua, rồi cố gắng lấy cô ta làm bình phong, bảo rằng là cô ta đi cùng ông trong khi không hề có chuyện đó. Chính vì thế mà hình dáng cô ta theo lời ông khai mới không rõ ràng, để chúng tôi không thể nhận diện rõ được và không tìm ra được sự thật.”

“Đi nào,” một trong hai viên cảnh sát còn lại ra lệnh cho Henderson, giọng như lưỡi cửa chạm vào thân gỗ. “Burgess chẳng mấy khi nổi nóng đâu,” anh ta nói thêm, “nhưng khi đã nóng thì cháy to, cháy lâu ra trò đấy.”

“Tôi bị bắt ư?” Scott Henderson hỏi Burgess khi hấn đứng dậy đi ra phía cửa, kẹp giữa hai viên cảnh sát.

Burgess không trả lời thẳng. Câu trả lời nằm trong lời hướng dẫn ông ta dành cho một người cảnh sát.

“Tắt đèn đi, Joe. Chắc phải lâu nữa mới có người sử dụng căn hộ này.”

6 GIỜ TỐI

Chiếc xe đứng đợi cạnh góc phố khi tiếng chuông báo giờ ở đâu đó khá gần vang tới. “Đây rồi,” Burgess nói. Họ đã đợi mười phút chỗ âm thanh này, vẫn để máy nổ.

Henderson, chưa bị bắt nhưng cũng không hẳn là tự do, ngồi ở ghế sau, kẹp giữa Burgess và một trong hai viên cảnh sát từng tham gia thẩm vấn hắn cả đêm và sáng nay trong căn hộ.

Viên cảnh sát thứ ba, được gọi đến với biệt danh ‘Hà Lan’ đang đứng bên ngoài xe, trên vỉa hè, như chẳng có việc gì làm cả. Anh ta quỳ xuống, buộc lại dây giày trước khi tiếng chuông đầu tiên vang lên. Giờ thì anh ta đã đứng thẳng.

Tối hôm nay cũng giống như tối hôm trước. Giờ cũng là giờ tụ hội, và bầu trời cũng bắt đầu trang điểm ở phía tây, mọi người vẫn hối hả tỏa đi bốn phía. Henderson không ra dấu hiệu gì, cứ ngồi đó giữa hai viên cảnh sát. Nhưng đối với hắn thì mấy giờ vừa qua là cả một sự khác biệt vô cùng lớn.

Địa chỉ nhà hắn chỉ cách đó một quãng, ngay phía sau góc phố kia thôi. Có điều giờ đây hắn không còn sống ở đó nữa; hắn sống trong phòng tạm giam được bố trí trong đồn cảnh sát.

Hắn rầu rĩ nói với Burgess, “Không, ở chỗ cửa hàng trước ấy. Tôi đến chỗ cửa sổ kia lúc nghe thấy tiếng chuông đầu tiên. Tôi nhớ thế, giờ nghe thấy tiếng chuông, nhìn thấy nó thì tôi nhớ.”

Burgess nói lại với người cảnh sát trên vỉa hè. “Lùi lại một cửa hàng, bắt đầu từ chỗ đó, Hà Lan. Đúng rồi, chỗ đó. Bắt đầu đi đi!” Tiếng chuông thứ hai vang lên. Ông ta làm gì đó với chiếc đồng hồ bấm giây đang cầm trên tay.

Viên cảnh sát cao, gầy, tóc đỏ trên vỉa hè bắt đầu bước đi. Cùng lúc đó chiếc ô tô cũng bắt đầu chậm chậm bò theo, cùng tốc độ của người đi bộ,

men theo vỉa hè.

‘Hà Lan’ lúc đầu có vẻ tự tin, nhưng một lát sau đôi chân đã bắt đầu cứng và tốc độ bắt đầu giảm dần.

“Anh ta đi thế có ổn không?” Burgess hỏi.

“Tôi nghĩ là tôi đi nhanh hơn một chút,” Henderson đáp. “Khi bực thì tôi đi nhanh lắm, tôi cũng để ý, mà tối hôm qua thì tôi rất bực.”

“Nhanh chân lên một chút, Hà Lan!” Burgess giục giã.

Viên cảnh sát trên vỉa hè tăng tốc một chút.

Tiếng chuông thứ năm, rồi thứ sáu vọng tới.

“Giờ thế nào?” Burgess hỏi.

“Tương đương với tôi rồi đấy,” Henderson chấp nhận.

Họ tới một nút giao. Đèn đỏ bật lên níu chiếc xe lại, nhưng người đi bộ tiếp tục bước. Tối hôm qua, Henderson không để ý điều này. Chiếc xe bắt kịp ‘Hà Lan’ ở khoảng giữa phố tiếp theo.

Giờ họ đã tới phố Mười Lăm. Một dãy nhà trôi qua. Hai.

“Thấy chưa?”

“Chưa. Mà có qua rồi thì tôi cũng không biết. Tôi nhớ là đỏ lắm, đỏ hơn kia cơ. Toàn bộ vỉa hè đều đỏ hết.”

Dãy nhà thứ ba. Thứ tư.

“Thấy chưa?”

“Chưa thấy quen.”

Burgess cảnh cáo, “Nhìn cho kỹ đi nhé. Vì cứ đà này một chút nữa thôi thì ngay cả chứng cứ ngoại phạm mà ông nói cũng chẳng có giá trị nữa. Giờ nhẽ ra ông đang ở trong quán đó rồi chứ, giờ đã là sáu giờ tám phút rồi rồi.”

“Nếu đăng nào ông cũng không tin tôi thì cũng có khác gì đâu.”

“Cũng chẳng mất gì khi thực nghiệm chính xác thời gian đi bộ giữa hai điểm cả,” viên cảnh sát ngồi bên kia nói chen vào. “Chúng tôi sẽ xác định

được thời gian anh thực sự có mặt ở đó rồi sau đó trừ đi thôi.”

“Chín phút rồi!” Burgess báo.

Henderson ôm đầu, lặng lẽ nhìn từ trong xe ra những gì trôi qua trên vỉa hè.

Một cái tên trôi qua. Đèn quảng cáo không bật. Hẳn quay lại rất nhanh. “Đó, chính là chỗ đó. Nhưng bây giờ đèn không bật. Anselmo hay gì gì đó. Tôi cũng không chắc lắm, tên tiếng nước ngoài...”

“Vào đi, Hà Lan!” Burgess gọi to. Ông ta bấm nút dừng đồng hồ bấm giây. “Chín phút, mười giây rưỡi,” ông ta tuyên bố. “Chúng tôi cho ông mười giây rưỡi bù vào những yếu tố khách quan như lượng người trên đường khi đi bộ và xe trên đường tại các nút giao – mấy cái đó thì chẳng bao giờ giống nhau cả. Chín phút tròn, là thời gian đi bộ từ góc phố chỗ nhà ông tới quán này. Chúng tôi cho ông thêm một phút nữa từ nhà ông xuống tới góc phố đó, khi nghe tiếng chuông đầu tiên – đoạn đó chúng tôi đã thực nghiệm rồi. Nói cách khác,” ông ta quay sang nhìn hăn, “nếu ông chứng minh được là ông vào trong quán này muộn nhất là sáu giờ mười bảy phút, không muộn hơn được, thì coi như ông tự gạch tên mình khỏi danh sách tình nghi.”

“Tôi có thể chứng minh được là tôi vào đây sớm hơn sáu giờ mười,” Henderson nói, “nếu tôi tìm được người phụ nữ đó.”

Burgess đẩy cửa xe. “Ra ngoài thôi,” ông ta nói.

* * *

“Gặp người này bao giờ chưa?” Burgess hỏi.

Nhân viên quầy bar ngênh mặt nhìn. “Trông cũng quen quen,” ông ta thú nhận. “Nhưng nói chung thì nghề của tôi lúc nào cũng chỉ thấy mặt, mặt, và mặt thôi mà.”

Họ để ông ta vất trí nhớ thêm một lúc. Ông ta lại nhìn Henderson theo một góc khác. Ông ta ra đứng ở góc đối diện, nhìn Henderson từ chỗ đó. “Không biết nữa,” ông ta vẫn nói như cũ.

“Nhiều lúc khung tranh cũng quan trọng như bức tranh,” Burgess nói. “Thử kiểu khác vậy nhé. Vào quầy đi, anh bạn.” Khi tất cả đã đến quầy, ông ta hỏi. “Ông ngồi tại ghế nào, Henderson?”

“Khoảng chỗ này. Đồng hồ ngay trên đầu và bát bánh thì chếch một chút từ chỗ tôi.”

“Được rồi, ông ngồi vào đó. Giờ anh quầy thử nhớ lại xem. Đừng để ý đến chúng tôi, nhìn ông khách này là đủ.”

Henderson cúi đầu ủ rũ, nhìn chăm chăm xuống mặt quầy, giống như hẳn nhìn lúc trước.

Có tác dụng. Nhân viên quầy búng tay. “Đúng rồi. Ông khách cáu bẳn. Tôi nhớ ra rồi. Tối hôm qua, đúng không? Một trong mấy người khác đến uống một ly, không ngồi lại lâu quá.”

“Lúc đó là mấy giờ?”

“Ca trực đầu của tôi. Lúc đó khách chưa đông lắm. Hôm qua thì mở quán cũng hơi muộn, thỉnh thoảng thế.”

“Ca trực đầu là lúc nào?”

“Sáu giờ đến bảy giờ.”

“Rồi. Sau sáu giờ khá lâu hay ngay sau sáu giờ? Chúng tôi muốn làm rõ điểm đó.”

Ông ta lắc đầu. “Rất tiếc là tôi chỉ nhìn đồng hồ vào lúc cuối ca trực thôi, nhìn làm gì khi mới vào ca. Có thể là lúc sáu giờ, cũng có thể là sáu rưỡi, mà cũng có thể là sáu giờ bốn lăm. Nói thật là đối với tôi thì đều như nhau cả.”

Burgess nhìn Henderson, hơi nhướng mày. Rồi Burgess quay lại nói với nhân viên quầy. “Ông nói cho chúng tôi biết về người phụ nữ có mặt ở đây tại thời điểm đó nào.”

Nhân viên quầy không giấu nổi sự ngạc nhiên, “Người phụ nữ nào...?”

Nét mặt Henderson dần dần, chầm chậm chuyển màu, từ tái tái tự nhiên tới trắng bệch như đã chết.

Burgess gõ tay ngắt lời.

“Ông không thấy ông đây đi bắt chuyện với một người phụ nữ nào ư?”

“Không, thưa sếp,” nhân viên quầy nói. “Tôi không thấy ông ấy đi nói chuyện với ai cả. Bảo thế thì tôi không dám, nhưng tôi nhớ là ông ấy không nói chuyện với ai ở quầy lúc đó cả.”

“Ông có thấy người phụ nữ nào ngồi đây một mình không? Kể cả không thấy ông ta tới nói chuyện ấy?”

Henderson vô vọng chỉ về hai chiếc ghế ở cuối quầy. “Mũ màu da cam,” hắn nói trước khi Burgess kịp cản trở.

“Đừng có làm như thế,” viên thanh tra cảnh cáo.

Nhân viên quầy đột nhiên trở nên khó chịu vì một lý do nào đó. “Các ông nghe này,” ông ta nói, “tôi đã làm nghề này ba mươi bảy năm rồi. Tôi phát ngấy các khuôn mặt ấy, đêm này qua đêm khác, hết mở cửa rồi lại đóng cửa, mở rồi lại đóng. Các ông đừng có mà đến đây hỏi tôi xem là họ đội mũ màu gì, hay họ có đến bắt chuyện với nhau hay không. Đối với tôi thì họ chỉ là những đơn hàng. Với tôi họ là đồ uống, đây, chỉ là đồ uống thôi. Nói với tôi là cô ta uống cái gì thì tôi mới có thể xác nhận là cô ta có ở đây hay không. Chúng tôi có giữ phiếu thanh toán. Tôi có thể lấy chỗ ông chủ cho các ông xem.”

Mọi người đều nhìn về hướng Henderson. “Tôi uống một ly Scotch và nước,” hắn nói. “Lúc nào tôi cũng uống như thế, không thêm bất gì cả. Chờ chút, để tôi nhớ xem cô ta uống gì... Lúc đó là uống gần hết...”

Nhân viên quầy quay lại cùng với một hộp sắt to.

Henderson xoa trán nói, “Ở đây cốc có thừa lại một quả sơ-ri và...”

“Thế thì có thể là một trong sáu loại đồ uống. Để tôi làm rõ cho ông. Cốc là loại có chân hay đế bằng? Màu nước đồ uống thế nào? Nếu là món

Manhattan thì cốc có chân và nước màu nâu.”

“Cốc có chân,” Henderson nói. “Tôi thấy cô ta còn vằn nghịch mà. Nhưng màu nước không phải màu nâu, không, gần như màu hồng ấy.”

“Jack Rose,” nhân viên quầy nói. “Giờ thì để tôi kiểm cho các ông thấy, dễ thôi.” Ông ta bắt đầu lật lật đóng phiếu thanh toán, tìm kiếm một lúc, ông ta phải lật ngược chồng phiếu để xem vì phiếu đầu tiên ở dưới cùng. “Đấy, các ông xem, các phiếu này đều có thứ tự cả, đánh số ở phía trên cùng,” ông ta nói.

Henderson hơi giật mình, ngả người về phía trước. “Chờ chút!” hắn nói, thở không ra hơi. “Ông nói thế làm tôi nhớ ra một chuyện. Tôi nhớ con số in ở trên đầu phiếu của tôi. Mười ba. Con số đen đui. Tôi còn nhớ khi ông đưa cho tôi thì tôi còn nhìn một lúc mà, ông mà thế thì cũng nhìn như tôi thôi.”

Nhân viên quầy đặt hai tập phiếu xuống trước mặt họ. “Ừ, ông nói phải,” ông ta nói. “Đây rồi. Nhưng hai phiếu không cùng chồng. Mười ba - một Scotch và nước. Và đây là Jack Rose, có ba cốc, số bảy mươi tư. Đó là chồng phiếu của Tommy, tức là người làm ca trước, cuối buổi chiều. Tôi nhận ra nét chữ của cậu ấy. Không chỉ có thế, cô ta còn đi với người khác. Ba cốc Jack Rose, một cốc rum. Không có ai lại hâm mà đi trộn hai loại đồ uống này cả.”

“Nghĩa là...?” Burgess gợi hỏi nhẹ nhàng.

“Nghĩa là tôi vẫn không nhớ là đã gặp người phụ nữ như ông hỏi, kể cả như cô ta có ở đây vào ca trực của tôi, vì cô ta là đơn hàng của Tommy chứ không phải của tôi. Nhưng mà nếu thực sự cô ta có ở lại thì với ba mươi bảy năm kinh nghiệm phục vụ quầy, tôi cho rằng ông đây sẽ không đứng lên mà đi bắt chuyện với cô ta vì cô ta đang ngồi với một ông khách khác. Ba mươi bảy năm kinh nghiệm của tôi cũng nói với tôi rằng ông khách kia ở cùng với cô ta tới tận phút cuối, bởi vì không ai mua ba cốc Jack Rose giá tám mươi xu mỗi cốc để rồi cứ thế đứng lên mà đi về, bỏ lại khoản đầu tư đó cho kẻ khác đến xơi cả.” Ông ta lấy khăn lau một vệt dài trên quầy.

Giọng Henderson lúc này đã run rẩy. “Nhưng ông nhớ là tôi có mặt ở đây mà. Nếu ông nhớ tôi thì ông sao mà lại không nhớ cô ta? Cô ta còn dễ nhớ hơn chứ.”

Nhân viên quầy đáp với một lý lẽ đáng sợ. “Đương nhiên là tôi nhớ ra ông. Bởi vì tôi lại gặp ông một lần nữa, ngay trước mặt tôi đây. Mang cô ta đến đây thì có khi tôi cũng nhớ ra ấy. Không có thì tôi chịu thôi.”

Hắn chồm người lên hẳn quầy, tì bằng hai tay, như thể đã bị say không đủ sức đứng nữa. Burgess tóm lấy một tay hắn, găm gù, “Đi thôi, Henderson.”

Hắn vẫn bám lại bằng tay kia, đu về phía nhân viên quầy. “Đừng làm thế với tôi chứ!” hắn nói như bị nghẹn. “Ông có biết người ta buộc tôi tội gì không? Giết người đấy!”

Burgess nhanh chóng lấy tay bịt miệng hắn. “Im đi, Henderson,” viên cảnh sát ra lệnh.

Họ kéo hắn lùi lại, nhưng hắn cố rướn về phía quầy.

“Đúng là ông rút đúng phiếu số mười ba rồi,” một người cảnh sát nhận xét khi họ dẫn được hắn ra ngoài đường, vây quanh hắn như một cái kìm chắc chắn.

“Kể cả nếu người phụ nữ kia có xuất hiện đi nữa - nhưng tại một thời điểm nào đó muộn hơn, vào tối hôm qua - thì cũng không giúp gì được cho ông đâu,” Burgess cảnh cáo khi họ ngồi đợi taxi đến. “Bắt buộc là phải trước sáu giờ mười bảy phút mới được. Nhưng tôi cũng vẫn tò mò muốn biết liệu cô ta có xuất hiện thật hay không, nếu có thì là bao lâu sau đó. Thế nên chúng tôi sẽ dò ngược lại từng bước đi của ông, từng bước một, trong cả buổi tối hôm qua, từ đầu tới cuối.”

“Cô ta sẽ xuất hiện, xuất hiện mà,” Henderson khẳng định nói. “Thế nào cũng có người nhớ ra, tại một trong những chỗ chúng tôi tới tối qua. Khi gặp được cô ta rồi thì cô ta sẽ nói cho ông biết là cô ta gặp tôi vào lúc nào và ở đâu.”

* * *

Người được Burgess cử đi làm nhiệm vụ quay về báo, “Hãng taxi Sunrise có hai lái xe đợi ngoài quán Anselmo. Tôi đưa cả hai về đây rồi. Tên là Budd Hickey và Al Alp.”

“Alp,” Henderson nói. “Đấy là cái tên buồn cười mà tôi nhớ mãi không ra. Tôi có nói với các ông là chúng tôi thấy cái tên đó là cùng cười ấy.”

“Cho Alp vào đây. Người kia thì cho về đi.”

Alp trông ngoài đời cũng kỳ cục chẳng kém gì trên ảnh thẻ cả, thậm chí trông còn ngộ nghĩnh hơn vì trong đời thực thì được tô đủ màu sắc.

Burgess nói, “Tối qua anh có chở khách từ chỗ trực tới nhà hàng Maison Blanche không?”

“Mason Blantch, Mason Blantch...” anh ta có vẻ hơi lúng túng lúc đầu. “Tối qua tôi đón, trả khách cũng nhiều...” Rồi phương pháp ghi nhớ nhanh của riêng anh ta đến đúng lúc. “Mason Blantch, khoảng sáu mươi lăm xu, một đêm khô ráo,” anh ta lẩm bẩm. Anh ta nói to trở lại, “Phải rồi, tôi có chở. Tôi có một chuyến sáu mươi lăm xu tối hôm qua, giữa hai chuyến ba mươi xu.”

“Nhìn quanh đây xem có ai là khách anh chở không?”

Anh ta lướt qua khuôn mặt của Henderson. Sau đó quay lại. “Là người này, đúng không?”

“Chúng tôi đang hỏi anh, đừng hỏi lại chúng tôi.”

Anh ta bỏ dấu chấm hỏi đi. “Là người này.”

“Đi một mình hay với ai khác?”

Lần này thì anh ta cần tới một phút để tìm trong trí nhớ. Sau đó anh ta chậm chậm lắc đầu. “Tôi nhớ là không có ai đi cùng cả. Chắc là đi một mình.”

Henderson xõ về phía trước, như một người bị trượt chân. “Chắc hẳn anh đã nhìn thấy cô ấy. Cô ấy còn lên xe trước tôi và xuống cũng trước tôi,

giống như...”

“Suýt, yên nào,” Burgess kéo hẳn lại.

“Phụ nữ ư?” người tài xế cũng không kém phần hùng hổ. “Tôi nhớ có ông. Tôi nhớ ông rất rõ vì tôi bị lõm cả đầu xe khi đón ông...”

“Đúng, đúng.” Henderson nhiệt liệt hưởng ứng. “Có thể như thế mà anh không thấy cô ấy lên xe, vì lúc đó anh quay sang nhìn chỗ khác. Nhưng khi đã đến nơi...”

“Khi đến ơi,” người tài xế nói cứng, “đầu tôi không quay đi chỗ khác. Chẳng có cha tài xế nào lại nhìn đi chỗ khác khi đến lúc thu tiền của khách cả. Tôi không thấy cô nào ra khỏi xe cả. Thế được chưa?”

“Chúng tôi có đèn đèn sáng trên xe, từ đầu tới cuối mà,” Henderson nài nỉ. “Làm sao mà anh lại không thấy cô ấy được chứ, ngồi ngay sau lưng anh cơ mà? Chắc chắn là anh nhìn thấy cô ấy ở gương chiếu hậu, mà có khi trên cả kính xe ấy...”

“Giờ thì tôi chắc thật rồi,” người tài xế nói. “Tôi có thể khẳng định... cho dù vừa rồi tôi không dám chắc. Tôi đã chạy xe taxi tám năm rồi. Nếu ông để đèn trần sáng thì có nghĩa là ông chỉ đi một mình. Tôi chẳng thấy có ông nào đi với phụ nữ mà lại để đèn trần sáng bao giờ cả. Thế nên mỗi khi thấy đèn sáng là có thể cá chắc là ông khách đó đi một mình rồi.”

Henderson hầu như không nói thêm được lời nào. Hình như cổ họng không hoạt động theo ý hẳn được nữa. “Làm sao mà anh nhớ ra tôi mà lại không nhớ ra cô ấy chứ?”

Lúc này thì Burgess chen vào, trước khi người tài xế có thể trả lời. “Chính ông cũng có nhớ mặt cô ta đâu. Ông đi cùng với cô ta sáu giờ liền mà, chính ông nói đấy nhé. Còn anh ta xoay lưng lại cô ta khoảng hai mươi phút.” Viên cảnh sát đánh dấu chấm hết cho cuộc thẩm vấn. “Xong rồi, Alp. Vậy anh xác nhận lời khai của anh như vừa rồi chứ?”

“Lời khai của tôi là như thế. Không ai đi cùng người đàn ông này khi ông ấy ở trên xe tôi tối hôm qua.”

* * *

Họ đến nhà hàng Maison Blanche vào lúc nhà hàng đang dọn dẹp. Khăn trải không phủ trên bàn, những thực khách nấn ná cuối cùng cũng đã về hết. Đám nhân viên đang ăn trong nhà bếp, chỉ cần nghe tiếng rồn rảng của bát đĩa và dao đĩa phát ra từ đó là đủ hiểu.

Họ ngồi xuống một trong những chiếc bàn vắng khăn phủ, kéo ghế vào sát, trông giống như một bữa tiệc ma quỷ sắp diễn ra với bát đĩa và món ăn vô hình.

Tay bồi trưởng đã quá quen với việc cúi chào khách tới mức giờ khi ra đón họ thì gã cũng cúi chào cho dù lúc này không phải giờ làm việc. Động tác cúi chào này không đẹp mắt lắm vì lúc này gã đã tháo cổ áo và nơ, trên má lại còn dính một mẩu thức ăn nữa.

Burgess nói, “Anh đã thấy người này bao giờ chưa?”

Đôi mắt đen sâu thăm quan sát Henderson. Câu trả lời đến nhanh như một cái búng tay. “Rồi, chắc chắn rồi.”

“Lần cuối cùng là khi nào?”

“Tối hôm qua.”

“Ông ta ngồi đâu?”

Tay bồi trưởng chẳng ngần ngại chỉ một cái bàn. “Ở đằng kia.”

“Rồi?” Burgess nói. “Tiếp tục đi.”

“Tiếp tục gì cơ?”

“Ông ta đi với ai?”

“Ông ta không đi với ai cả.”

Ngang trên trán của Henderson xuất hiện những vết hằn nhỏ. “Ông thấy cô ta đi vào đây một lúc sau khi tôi vào rồi đến chỗ tôi. Ông thấy cô ta ngồi đây suốt bữa ăn. Chắc chắn là ông thấy. Có một lần ông còn đến tận bàn, cúi chào rồi hỏi, ‘Mọi thứ hài lòng chứ, thưa ông?’ cơ mà.”

“Đúng rồi. Đó là phận sự của tôi. Bàn nào tôi chẳng phải làm thế, ít nhất một lần. Tôi cũng nhớ mang máng là có chỗ bàn của ông, bởi vì mặt ông lúc đó – nói thế nào nhỉ – trông cứ càu quạu ấy. Tôi còn nhớ hình như còn có hai ghế trống ở bên ghế ông ngồi. Tôi còn chỉnh lại một chiếc cho ngay ngắn mà.

“Ông cũng vừa nói là tôi nói ‘Thưa ông’, đúng là tôi nói thế. Và như thế thì nghĩa rằng chắc chắn không ai đi cùng ông cả. Nếu có phụ nữ đi cùng với nam giới thì câu đó sẽ phải là ‘ông bà’. Không được phép thay đổi.”

Phần màu đen ở giữa mắt anh ta ổn định như được dán hay bắt chặt vào khuôn mặt, không hề lay động. Anh ta quay sang phía Burgess. “Nếu còn có gì nghi ngờ thì để tôi lấy danh sách đặt bàn tối qua ra, các ông có thể tự kiểm tra.”

Burgess nói với vẻ hào hứng, rõ ràng là ông ta rất thích ý tưởng đó. “Tôi nghĩ rằng như thế cũng chẳng gây thiệt hại gì cả.”

Tay bồi trưởng đi sang đầu kia phòng ăn, mở một ngăn kéo, lấy ra một cuốn sổ. Gã không ra khỏi phòng, cũng không ra khỏi tầm mắt của mọi người. Cuốn sổ được giao mà chưa hề mở ra, vẫn y nguyên như khi được lấy ra từ ngăn kéo, như thể để cảnh sát tự mở ra thì hơn. Gã chỉ nói, “Các ông nên so ngày tháng ở trên đầu trang.”

Ngoài gã ra thì mọi người đều chụm đầu vào xem cuốn sổ. Gã đứng ngoài. Chữ viết trong sổ là bằng bút chì, nhưng vẫn đủ để đạt được mục đích. Trang đó ghi trên cùng là ‘20-5, T.Ba’. Rồi có một chữ X vẽ bằng hai đường kẻ chéo từ bốn góc, cho thấy rằng trang này đã được giải quyết xong xuôi. Nét xố chữ X không cản trở việc đọc nội dung còn lại.

Trên đó có một danh sách khoảng chín, mười cái tên được viết theo cột dọc như sau:

Bàn 18 – Roger Ashely, bốn khách. (đã gạch)

Bàn 5 – Bà Rayburn, sáu khách. (đã gạch)

Bàn 24 – Scott Henderson, hai khách. (chưa gạch)

Cạnh cái tên thứ ba còn có một dấu hiệu trong ngoặc: (/)

Tay bồi trưởng giải thích, “Đúng như lời tôi nhé. Khi dòng nào bị gạch thì có nghĩa là khách đến đúng như đã đặt bàn, đủ người. Khi chưa có gạch thì nghĩa là khách không đến. Khi chưa có gạch mà có số ở bên cạnh thì có nghĩa là chỉ có một số khách đến, số còn lại có thể đến sau. Mấy thứ ở trong ngoặc là để cho tôi dễ nhớ, để tôi biết là khi khách đến thì họ sẽ phải ngồi đâu, bố trí thế nào mà không cần phải hỏi nhiều lời. Kể cả khi khách chỉ đến đủ vào lúc ăn tráng miệng, miễn là đủ khách như đã đặt bàn, thì sẽ gạch tên. Thế nên theo đây thì các ông có thể thấy là ông đây đặt bàn cho hai người, nhưng chỉ có ông đây đến, người còn lại không xuất hiện.”

Burgess di di ngón tay nhạy cảm vào vị trí đó trên trang giấy xem có dấu vết bị tẩy xóa hay không. “Mọi thứ đều ổn,” ông ta nói.

Henderson tì hai khuỷu tay lên mặt bàn, vùi đầu vào hai bàn tay.

Người bồi trưởng xòe tay như thanh minh. “Tôi chỉ biết dựa vào sổ sách thôi. Theo sổ sách thì – tôi thấy – ông Henderson đến đây ăn một mình vào tối qua.”

“Dựa vào sổ sách thì chúng tôi cũng thấy như vậy,” Burgess nói. “Ghi lại tên, địa chỉ, thông tin cần thiết để khi nào cần thì hỏi thêm. Tiếp nào. Mitri Maloff, phục vụ bàn.”

Đối với Henderson thì trước mắt chỉ là thay đổi nhân vật. Giấc mơ, trò đùa này – hay gì gì cũng được, vẫn đang tiếp diễn. Đây có thể là một vở hài kịch – ít nhất là đối với những người bạn họ, nhưng không phải là với hắn. Hắn thấy một trong số họ ghi chép gì đó. Anh ta cong ngón tay áp vào ngón cái, giống như trong một bức ảnh quảng cáo dầu gội đầu ngày trước. “Ôi ôi, không phải, không phải đâu các ông. Còn thiếu một chữ D. Chữ D là câm, không phát âm.”

“Thế thì có cũng bằng thừa, đúng không?” một người khác nói với người bên cạnh.

“Tôi chẳng quan tâm là có chữ D hay không,” Burgess nói. “Tôi chỉ muốn biết là anh có phục vụ bàn hai mươi tư hay không?”

“Từ bàn mười, đằng kia, tới bàn số hai mươi tám đằng kia là tôi phục vụ.”

“Tôi qua anh phục vụ người này tại bàn số hai mươi tư?”

Anh ta coi điều đó là một lời giới thiệu xã giao. “A, vâng, chắc chắn rồi!” Anh ta vui vẻ. “Chào ông! Ông có khỏe không ạ? Hy vọng ông sẽ quay lại đây sớm!” Rõ ràng anh ta không nhận ra bọn họ là cảnh sát điều tra.

“Không có chuyện đó đâu,” Burgess nhả tâm nói. Ông ta xòe tay, ngăn chặn những con sóng lời xã giao. “Khi anh phục vụ bàn đó thì ở đó có bao nhiêu người?”

Người phục vụ bàn có vẻ bối rối, giống như một người đang không biết người khác muốn gì ở mình dù đã cố gắng hết sức. “Ông ấy,” anh ta nói. “Thế thôi. Chỉ có ông ấy.”

“Không có cô nào?”

“Không, không có ai. Cô nào ư?” Sau đó anh ta nói thêm, hoàn toàn là không biết gì, “Có chuyện gì sao? Ông ấy lạc mất ư?”

Đâu đó trong đầu Henderson có tiếng thét. Hả há miệng, hít một hơi thật sâu như thể đang bị một cái gì đó gây ra cơn đau quặn quại.

“Phải đấy, ông ta lạc mất một cô,” một viên cảnh sát đùa cợt.

Người phục vụ bàn hiểu là anh ta đã đoán đúng, chớp mắt vẻ cảm thông, nhưng cũng rõ ràng là anh ta chưa hiểu thực sự được là những việc này có ý nghĩa gì.

Henderson nói, giọng lí nhí, mệt mỏi và tuyệt vọng. “Anh kéo ghế cho cô ta ngồi. Anh còn mở cả menu ra cho cô ta chọn món.” Hả tự đập vào đầu mình mấy cái. “Tôi thấy anh làm những việc đó. Thế mà không, không, anh không nhìn thấy cô ta.”

Người phục vụ bàn bắt đầu phản công bằng những cử chỉ ấm cúng và nhẹ nhàng của người dân Đông Âu, nhưng không thể hiện sự cáu bẳn. “Tôi kéo ghế ra, đúng rồi, khi có phụ nữ ở đó cần ngồi ghế. Nhưng khi không có

phụ nữ ở đó thì tôi kéo ghế ra để làm gì? Ông cho rằng tôi kéo ghế ra để mời không khí ngồi ư? Khi không có mặt ai ở đó thì tôi cũng mở menu hay hóa đơn cho xem ư?”

Burgess nói, “Nói với chúng tôi, đừng nói với ông ta. Ông ta đang bị tạm giữ.”

Người phục vụ bàn vẫn tiếp tục nói như trước, nhưng lúc này đã thay đổi hướng nhìn. “Ông ta boa cho tôi một xuất rưỡi thì làm gì có chuyện có cô nào đi cùng ông ta chứ? Ông nghĩ hôm nay tôi tử tế với ông ta được hay sao nếu như hôm qua ông ta đi hai người mà lại chỉ boa có một xuất rưỡi?” Đôi mắt anh ta có ánh lửa rừng Đông Âu. Chỉ cần đặt ra giả thiết thôi là đã đủ anh ta bị bỏng rồi. “Ông cho rằng tôi dễ quên hay sao chứ? Tôi nhớ được những cái đó có khi cả hai tuần ấy. Ha. Ông tưởng rằng nếu không thể mà tôi mời ông ta trở lại hay sao? Ha!” anh ta nói gần như gầm gừ.

“Khoản boa một xuất rưỡi là như thế nào?” Burgess không giấu sự tò mò.

“Một người thì boa năm mươi xu. Hai người là một đô-la. Ông ta boa cho tôi bảy mươi lăm xu, như vậy là một xuất rưỡi.”

“Chẳng lẽ không thể có việc boa bảy mươi lăm xu cho bữa ăn hai người hay sao?”

“Không bao giờ có chuyện đó,” anh ta bực tức. “Nếu có thì tôi sẽ như thế này.” Anh ta cầm lên một cái khay tưởng tượng từ mặt bàn, xử sự với nó như thể nó bị bắn vậy. Anh ta liếc xéo về phía thực khách tưởng tượng, trong trường hợp này là Henderson, cứ nhìn như vậy đủ để hấn phải rùng mình. Môi dưới của anh ta rướn lên với vẻ nhạo báng. “Tôi nói thế này, ‘Cám ơn ông. Cám ơn ông rất nhiều. Ông thấy có cần phải thế này không, thưa ông?’ Nếu có cô nào đi với khách thì ông ta sẽ thấy mình bị rẻ rúm và sẽ phải cho thêm.”

“Phải tôi thì cũng thế thôi,” Burgess thú nhận.

Ông ta quay sang hấn. “Henderson, thế anh lúc đó boa bao nhiêu?”

Câu trả lời của hấn thật nhỏ. “Như anh ta đã nói đấy: bảy mươi lăm xu.”

“Còn một chuyện nữa,” Burgess nói, “là có thể xong việc rồi. Tôi muốn xem hóa đơn thanh toán cho bữa ăn đó. Các anh có giữ, đúng không nhỉ?”

“Quản lý giữ. Ông phải đi hỏi ở đó thôi.” Khuôn mặt người phục vụ bàn sáng bừng lên một chút, có vẻ như anh ta cảm thấy những gì mình nói sẽ được xác nhận.

Henderson lại chồm người về phía trước với vẻ tập trung, sự lơ đãng lại một lần nữa bị gạt bỏ.

Người quản lý mang hóa đơn đến. Chúng được xếp thành từng thếp, kẹp trong những bì giấy dài, mỗi thếp là một ngày – chắc đây là cách để người quản lý có thể thống kê dễ dàng hơn khi tới cuối tháng. Họ tìm thấy cái họ muốn chẳng hề khó khăn gì. Trên đó ghi ‘Bàn 24. Bồi 3. Bàn đặt trước – 4,25’, kèm theo là một dấu hồng hồng ‘Đã thanh toán – 20/5’ hình trái xoan nữa.

Ngoài ra, trong thếp hóa đơn cho ngày đó chỉ có hai hóa đơn khác là của bàn hai mươi tư. Một là ‘1 trà – 0,75’ từ cuối giờ chiều tới đầu giờ phục vụ bữa tối. Hai là một bàn cho bốn người – một bữa tiệc nhỏ khá muộn, ngay trước giờ đóng cửa.

Họ đỡ hẫng ra xe. Hẫng đi như thể đang đi trên mây, chân không đỡ nổi cơ thể. Lại một lần nữa, với hẫng, những tòa nhà, những con phố lại tụt về phía sau như chưa bao giờ có thật, mà chỉ giống những cái bóng trên khung cửa kính.

Hẫng thốt lên khỗ sở, “Bọn họ nói dối – bọn họ muốn tôi phải chết, tất cả bọn họ. Tôi đã làm gì nên tội với bọn họ chứ...?”

“Anh thấy chuyện này làm tôi nhớ tới cái gì không?” một viên cảnh sát nói. “Mấy tập phim Topper^{li} ấy, khi người ta cứ hiện lên rồi lại biến mất ngay trước mắt mình trên màn ảnh. Anh đã xem chưa, Burgess?”

* * *

Henderson rùng mình, run rẩy, đầu gục xuống.

Phía bên ngoài tiết mục vẫn đang diễn ra, tiếng nhạc, tiếng cười và thỉnh thoảng là tiếng vỗ tay vang tới tận văn phòng nhỏ, chật chội này.

Người quản lý nhà hát đang ngồi chờ bên điện thoại. Công việc làm ăn đang suôn sẻ. Ông ta tỏ ra hài lòng khi nhìn bọn họ, thông thả thưởng thức xì-gà, ngả người ra đằng sau tựa vào chiếc ghế bành.

“Việc hai ghế đó đã có người mua vé thì không còn gì bàn cãi cả,” người quản lý nói với giọng lịch thiệp. “Nhưng tôi chỉ có thể nói với các ông rằng không có người nào đi vào rạp cùng với ông ấy...” Ông ta ngừng lời, tỏ vẻ lo lắng. “Ông ấy có vẻ mệt quá rồi. Đưa ông ấy ra khỏi đây nhanh đi. Tôi không muốn có lộn xộn gì khi mà đang có xuất diễn ngoài kia đâu.”

Họ mở cửa, nửa như dắt nửa như đỡ Henderson đi ra, vì hăn cứ như sắp ngã ngửa ra sàn nhà. Tiếng hát không còn bị cánh cửa cản trở ừa vào trong phòng.

Chica chica bum bum. Chica chica bum bum...

* * *

“Đừng tiếp tục nữa,” hăn cầu xin, “tôi không chịu nổi nữa đâu!” Hăn ngã gục xuống ghế sau xe cảnh sát, hai bàn tay đan vào nhau, đưa lên miệng cắn như thể tìm kiếm điều gì chứng minh hăn vẫn còn tỉnh táo.

“Thế sao ông không chịu thú nhận là không có cô nào đi cùng với ông cả?” Burgess cố gắng nói lý lẽ với hăn. “Ông không thấy là như vậy thì mọi chuyện sẽ đơn giản hơn bao nhiêu ư?”

Henderson cố gắng trả lời bằng giọng bình tĩnh nhưng vẫn không tránh nổi một chút run rẩy. “Ông có biết là chuyện gì sẽ xảy ra tiếp không, khi mà – nếu mà tôi thú nhận theo ý của ông? Tôi sẽ phát điên mất. Cả đời này tôi sẽ không bao giờ dám chắc chắn về một điều gì nữa, kể cả những việc hiển nhiên ai cũng phải chắc chắn là đúng ấy, như tên tôi là Scott Henderson...”

hắn đổ rạp xuống một bên, "... kể cả như về cái chân này, có khi cũng sẽ phải đặt câu hỏi rồi cho rằng không phải chân của mình. Cô ta đi cùng tôi sáu giờ liền. Tôi đã chạm vào tay cô ta. Tôi chạm vào người cô ta rồi." Hắn vươn tay ra và chạm vào bắp tay của Burgess. "Tôi còn nhớ chắc chắn cả về tiếng sột soạt từ cô ta mặc. Những lời cô ta nói. Cả mùi nước hoa nhẹ nữa. Tiếng thìa của cô ta chạm vào đĩa. Cái vết nhỏ trên ghế khi cô ta kéo nó lại. Xe taxi hơi rung khi cô ta bước xuống. Rượu đi đằng nào khi mắt tôi thấy rượu lúc cô ta nâng ly, rồi khi hạ xuống thì đã không còn?" Hắn đếm thành thịch lên đầu gối - ba, bốn, năm lần. "Cô ta ở đó, chắc chắn." Hắn gần khóc, ít nhất là vẻ mặt đã nhăn nhúm như người sắp khóc. "Thế mà giờ đây bọn họ lại bảo là cô ta không có ở đó!"

Chiếc xe vẫn tiếp tục lướt qua vùng đất xa xôi nào đó như suốt cả buổi tối nay.

Rồi hắn nói một điều mà hầu như chưa có một nghi phạm nào từng nói cả. Lời hắn nói ra từ đáy lòng. "Tôi sợ lắm. Các ông cho tôi về phòng giam đi. Xin các ông đấy, cho tôi về đó. Tôi muốn có các bức tường xung quanh, có cái gì đó tôi chạm vào được. Cứng rắn, vững chắc – thứ các ông không thể xô đổ được!"

"Ông ta run quá," một viên cảnh sát nói, tỏ vẻ tò mò.

"Ông ta cần uống một ly," Burgess nói. "Dừng lại một chút. Một anh xuống kia, mua cho ông ta một vài tộp đi. Thấy cảnh đàn ông thế này tôi không chịu được."

Henderson nốc hết chỗ rượu vào mồm, như thể không thể chờ thêm được nữa. Rồi hắn ngã vật xuống ghế. "Về phòng giam. Cho tôi về phòng giam," hắn năn nỉ.

"Ông ta bị ma nhập rồi," một viên cảnh sát cười khúc khích.

"Chơi với ma thì bị nhập là đúng rồi."

Chẳng còn ai nói lời nào cho đến khi họ ra khỏi xe và bước tới bậc thềm lên đồn cảnh sát. Lúc này Burgess vực hắn dậy bằng cách đỡ tay hắn khi

hắn bị vấp. “Ông cần ngủ thật nhiều tối hôm nay, Henderson,” ông ta nói.
“Ông cũng cần có luật sư giỏi nữa. Ông cần hai điều đó.”

91 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

“... Các vị đã nghe luật sư biện hộ tranh luận rằng bị cáo đã gặp một người phụ nữ nào đó, tại một quán bar tên là Anselmo, vào lúc sáu giờ mười phút tối hôm án mạng xảy ra. Nói cách khác là hai phút bốn mươi lăm giây sau thời điểm mà cảnh sát xác định là nạn nhân bị sát hại. Rất thông minh. Các vị có thể thấy ngay lập tức, thưa quý ông quý bà bồi thẩm, rằng nếu bị cáo có mặt tại quán Anselmo trên phố Mười Lăm vào lúc sáu giờ mười phút thì anh ta không thể có mặt ở nhà vào thời điểm hai phút bốn mươi lăm giây trước đó. Không có thứ gì có hai chân mà di chuyển được quãng đường như vậy trong khoảng thời gian đó. Kể cả trên phương tiện bốn bánh, hay bay như chim và máy bay thì cũng không kịp được. Thế nên tôi thấy rằng ý của bên biện hộ rất hay, rất thông minh. Nhưng... vẫn chưa đủ.

“Ta thấy rằng việc anh ta gặp người phụ nữ này vào đúng tối hôm đó chứ không phải hôm nào khác trong cả năm nay thì đúng là tiện cho bị cáo quá. Như thế anh ta có trực giác rằng anh ta sẽ cần có người phụ nữ này vào đúng tối hôm đó. Trực giác quả là thứ thật lạ lùng, đúng không, thưa quý vị? Quý vị cũng đã nghe chính bị cáo thừa nhận, khi trả lời câu hỏi của tôi, rằng anh ta không có thói quen ra ngoài rồi bắt chuyện với những phụ nữ khác trong những buổi tối khác, và rằng anh ta chưa từng làm chuyện như vậy từ khi cưới vợ. Không một lần nào, xin quý vị ghi nhớ. Đó chính là những lời của bị cáo, không phải của tôi. Quý vị cũng đã nghe rõ rồi. Suy nghĩ đó chỉ đến với anh ta vào đúng hôm đó. Anh ta không có thói quen làm việc như vậy. Việc đó không đúng với bản chất con người anh ta. Tuy nhiên, trong bao nhiêu buổi tối, anh ta lại muốn mọi người tin rằng anh ta

làm như thế vào đúng tối hôm đó. Thật là trùng hợp lạ lùng, đúng không, không thừa quý vị? Có điều...”

Một cái nhún vai và một khoảng lặng.

“Người phụ nữ này đâu? Chúng ta đã chờ để được gặp cô ta. Tại sao bên biện hộ lại không dẫn cô ta tới? Điều gì cản trở họ chăng? Hay họ đã đưa người phụ nữ đó tới tòa?”

Một bồi thẩm viên ngẫu nhiên được chọn bằng ngón tay trở. “Xin hỏi ông đã thấy cô ta chưa?” Một người khác. “Còn bà?” Người thứ ba, ở hàng ghế thứ hai. “Còn bà?” Hai bàn tay ra dấu, tỏ vẻ vô vọng. “VẬY đã có ai ở đây nhìn thấy cô ta chưa? Cô ta đã từng được đưa lên ghế nhân chứng lúc nào hay chưa? Chưa, tất nhiên rồi, thưa quý vị. Bởi vì...”

Lại một khoảng lặng dài.

“Bởi vì không có người phụ nữ đó. Chưa bao giờ có. Bên biện hộ không thể tạo ra một người nếu người đó không tồn tại. Họ không thể khiến nhân vật tưởng tượng biết thở, biết nói như người khi mà người đó không tồn tại. Chỉ có Chúa trên trời mới có năng lực tạo ra một người phụ nữ trưởng thành thực sự biết thở và biết nói như thế. Và ngay chính Chúa trời cũng cần đến mười tám năm mới làm được chuyện đó, chứ không phải là hai tuần.”

Tiếng cười xuất hiện ở khắp nơi trong phòng xử. Công tố viên mỉm cười đáp lại.

“Người đàn ông này đang bị xử tội chết. Nếu thực có một người phụ nữ như vậy, quý vị nghĩ xem liệu bên biện hộ có chịu không đưa cô ta tới hay không? Hay là họ đã đưa cô ta đến ngay và lúc này đây chính cô ta đang là người nói? Chắc chắn là họ sẽ làm vậy! Nếu như...”

Một khoảng lặng kịch tích.

“... có một người phụ nữ như vậy. Giờ xin quý vị tạm qua chuyện đó. Chúng ta đang ở đây trong phòng xử án, cách xa vài dặm nơi anh ta khẳng định đã gặp người phụ nữ đó vào tối hôm đó, cách đây đã vài tháng. Ta hãy lắng nghe lời của những người đã có mặt ở đó, đúng chỗ đó, đúng giờ đó

lúc mà anh ta khẳng định đi cùng với cô ta. Nếu như vậy thì họ hẳn đã nhìn thấy cô ta rồi, nếu thật là thế. Họ có thấy không? Quý vị cũng đã nghe rồi. Họ có thấy anh ta, đúng vậy. Tất cả bọn họ đều có nhớ, cho dù là mang máng hay rõ rệt, là đã thấy anh ta, Scott Henderson, vào tối hôm đó. Nhưng chỉ thế thôi, như thể họ bị mù một bên mắt vậy. Quý vị thấy điều đó có lạ lùng không? Tôi thì thấy có. Khi người ta đi thành cặp với nhau thì có hai trường hợp xảy ra: một là cả hai người đều bị quên, hai là nếu nhớ được một người thì sẽ nhớ ra cả người kia. Làm sao lại có chuyện người ta thấy một người mà lại không thấy người kia – nếu như người thứ hai lại đứng ngay cạnh người thứ nhất vào lúc đó? Như vậy là trái với các định luật vật lý. Tôi không thể giải thích nổi. Ngoài khả năng tư duy của tôi.”

Đôi vai co lại vẻ khiêm tốn.

“Tôi sẵn sàng chờ nghe lời giải thích. Thực ra tôi cũng có vài giả thuyết. Có thể là da của cô ta có khả năng trở nên trong suốt, khiến ánh sáng đi xuyên qua, nên người ta nhìn xuyên qua người cô ta mà không...”

Tiếng cười trong phòng.

“Hoặc có thể là cô ta không có ở đó cùng bị cáo vào lúc đó. Chẳng có gì tự nhiên hơn với việc không thấy ai đó khi người ta không có mặt ở đó cả.”

Giọng nói thay đổi. Mạnh mẽ, cứng rắn hơn.

“Tại sao lại phải thế này? Tại sao phải nghiêm trọng hóa việc đó? Phiên tòa này đang quyết định mạng sống của một con người. Tôi không có ý định vội vàng ra kết luận. Chính bên biện hộ mới tỏ ra vội vàng. Giờ chúng ta bỏ qua phần lý thuyết và giả thuyết để trở lại với những sự kiện thực tế. Chúng ta sẽ không nói về những bóng ma hay những điều tưởng tượng nữa, thay vào đó chúng ta hãy nói về một người phụ nữ đã thực sự tồn tại, không ai có thể nghi ngờ. Tất cả mọi người đều đã thấy Marcella Henderson trong đời thực và mọi người đều đã thấy cô ấy thế nào sau khi chết. Cô ấy không phải là bóng ma. Cô ấy bị sát hại. Các bức ảnh của cảnh sát đã cho thấy điều đó. Đó là thực tế đầu tiên. Tất cả chúng ta đều thấy rằng người đàn ông trong ô bị cáo kia, đầu đang cúi thấp kia - ồ không, giờ anh ta đang

nhìn tôi thách thức. Anh ta đang bị xét xử tội chết ở đây. Đó là thực tế thứ hai.”

Lại một kỹ thuật trong nhà hát. “Tôi thích các sự kiện thực tế hơn những chuyện hoang đường. Các vị cũng như vậy, đúng không, thưa bồi thẩm đoàn? Xử lý sự kiện thực tế dễ dàng hơn nhiều.

“Thực tế thứ ba là gì? Thực tế thứ ba là anh ta đã sát hại cô ấy. Vâng, đó là thực tế rõ ràng và không thể chối cãi, cũng như hai thực tế đầu tiên vậy. Tất cả những chi tiết đều là thực tế và đã được chứng minh ngay tại tòa. Chúng tôi không đòi hỏi mọi người phải tin vào ma quỷ hay vào những chuyện hoang đường như bên biện hộ đâu!” Lớn tiếng hơn. “Chúng tôi có báo cáo, lời khai đã tuyên thệ, có bằng chứng cho những lời chúng tôi nói ra, cho những việc đã thực hiện!” Công tố viên dậm xuống lan can sắt phía trước khu vực bồi thẩm đoàn.

Một khoảng lặng ảm tượg. Rồi giọng nhẹ nhàng hơn. “Quý vị đã được rõ về hoàn cảnh hay bối cảnh gia đình nạn nhân ngay trước khi bị sát hại. Chính bản thân bị cáo cũng không chối bỏ sự chính xác về chuyện đó. Quý vị đã nghe thấy anh ta xác nhận... khi bị áp ực và có lẽ là không thực lòng muốn... nhưng dù sao thì cũng đã xác nhận. Không có một lời khai nào về điều đó là giả dối cả. Quý vị không cần nghe lời tôi nói, hãy nghe lời bị cáo nói về chuyện đó. Ngày hôm qua, trên bục, tôi đã hỏi anh ta và quý vị đều đã nghe rõ câu trả lời. Tôi xin tóm tắt lại một lượt cho quý vị.

“Scott Henderson có quan hệ tình ái ở bên ngoài. Nhưng anh ta không bị bắt ra tòa vì chuyện đó. Người con gái anh ta yêu không có mặt ở phiên tòa này. Quý vị cũng không thấy nhắc tới tên cô gái ấy trong phiên tòa này. Cô ấy cũng không bị kéo vào, không phải có lời khai và bị liên can trong vụ án khủng khiếp không thể dung thứ này. Vì sao vậy? Bởi vì cô ấy không đáng bị như thế. Cô ấy không có liên quan gì cả. Chúng ta không ở đây để trừng phạt những người vô tội hay bắt cô gái đó phải chịu tai tiếng và nhục nhã. Tội ác là do anh ta gây ra – chính người quý vị thấy ở kia – chỉ mình anh ta mà thôi. Không liên can tới cô gái đó. Cô ấy không có gì đáng trách cả. Cả cảnh sát và công tố đều đã có các biện pháp điều tra cần thiết và thấy cô gái

đó không liên quan, liên đới hay biết về việc đó cho đến khi nó đã xảy ra. Cô gái đó, cho đến giờ, đã chịu đựng đau khổ cho những gì cô ấy không gây ra. Chúng tôi đều đã thống nhất về điểm đó, tất cả, cả bên công tố và biện hộ. Do đó chúng tôi sẽ giữ kín danh tính của cô gái đó, chỉ gọi là ‘Cô Gái Đó’ và sẽ tiếp tục gọi như vậy.

“Đúng thế. Anh ta yêu Cô Gái Đó điên cuồng, trước cả khi anh ta nhớ ra là phải nói với cô là đã có vợ. Vâng, tôi nói là điên cuồng – xét từ quan điểm của vợ anh ta. Cô Gái Đó không bằng lòng với anh ta ở điểm này, vì cô ấy là người tử tế, trước đây và bây giờ vẫn vậy. Ai từng nói chuyện với cô ấy đều có cảm giác như vậy cả. Chính tôi cũng thấy vậy, thưa quý vị. Cô ấy đáng yêu, nhưng không may là đã gặp nhầm người. Và như tôi đã nói, cô ấy không cùng quan điểm với anh ta. Cô ấy không muốn làm tổn thương bất kỳ ai cả. Còn anh ta thấy là anh ta không thể có tất cả mọi thứ cùng một lúc.

“Thưa quý vị, anh ta về nhà và đòi vợ ly dị. Rất lạnh lùng, thưa quý vị. Vợ anh ta từ chối ly dị. Tại sao lại thế? Bởi vì với cô ấy hôn nhân là một điều thiêng liêng, không phải là một thứ chỉ vẫy tay là có thể vứt bỏ được. Thưa quý vị, vợ như vậy có phải là lạ lùng không?

“Cô Gái Đó cho rằng, khi anh ta nói với cô ấy, họ cần quên nhau đi. Nhưng anh ta không cho rằng như vậy là phải. Anh ta ở thế tiến thoái lưỡng nan. Vợ anh ta không muốn bỏ anh ta mà anh ta thì lại không muốn bỏ Cô Gái Đó.

“Anh ta chờ và anh ta thử lại lần nữa. Nếu như lần đầu đã có thể nói là máu lạnh thì lần thứ hai này anh ta sẽ sử dụng phương pháp nào đây? Anh ta lên kế hoạch đãi vợ như đãi một đối tác từ nơi khác đến bàn chuyện giao dịch, làm ăn. Chỉ cần như vậy là quý vị cũng có thể thấy được phần nào tính cách của anh ta, hay có thể nói anh ta là hạng người nào. Đó là giá trị của một hôn nhân thất bại, một gia đình đổ vỡ, một người vợ bị ruồng bỏ - một buổi tiếp đãi ở bên ngoài.

“Anh ta mua hai vé đi xem kịch, anh ta đặt bàn tại nhà hàng. Anh ta về nhà, nói với cô ấy là sẽ đưa cô ấy đi. Cô ấy không đoán ngay được lý do

của sự ân cần đột xuất đó. Trong chốc lát cô ấy hiểu nhầm rằng đó là biểu hiện của sự ăn năn. Cô ấy ngồi xuống trước gương và trang điểm.

“Một lúc sau, anh ta trở lại phòng và thấy cô ấy vẫn ngồi đó, cạnh bàn trang điểm, không trang điểm tiếp. Lúc này cô ấy đã hiểu rõ hơn mục đích thực sự của anh ta.

“Cô ấy nói rằng cô ấy sẽ không bỏ anh ta. Cô ấy nói rõ rằng cô ấy coi trọng gia đình hơn hai chiếc ghế ngồi xem nhạc kịch và một bữa tối thịnh soạn. Nói cách khác, không cần anh ta phải nói ra, cô ấy đã từ chối ly dị lần thứ hai. Nhưng thêm một lần là quá nhiều.

“Anh ta lúc đó đã chuẩn bị gần xong rồi. Tay anh ta đang cầm chiếc cà-vạt, đang so, chuẩn bị lồng vào cổ áo. Nhưng thay vì làm thế, với một cơn giận giữ không kiểm soát nổi chọt bùng lên, anh ta choàng chiếc cà-vạt qua đầu vợ khi cô ấy ngồi đó cạnh chiếc gương. Anh ta thắt chặt chiếc cà-vạt vào cổ cô ấy, xoắn hai đầu lại bằng sự tàn nhẫn và sức mạnh của một kẻ quyết tâm hạ sát. Cảnh sát cũng đã cho quý vị thấy rằng họ phải cắt và bóc chiếc cà-vạt đó ra vì nó ăn sâu vào cổ họng mềm mại của người phụ nữ tội nghiệp đó. Quý vị ở đây liệu có ai đã thử xé bảy vòng lụa quấn quanh cổ tay bao giờ chưa? Không làm được đâu, thưa quý vị. Mép lụa sẽ cắt ngón tay của quý vị như dao cắt, mà những mảnh lụa đó vẫn y nguyên.

“Cô ấy chết. Tay cô ấy vùng vẫy được một hoặc hai lần, lúc đầu thôi, rồi cô ấy chết, chết giữa hai bàn tay của chồng. Chính là người đã thề yêu thương và bảo vệ cô ấy. Xin quý vị đừng quên điều đó.

“Anh ta vẫn giữ cô ấy như thế, thẳng người ngay trước gương, để cô ấy thấy mình giãy giụa trước khi chết, xem nào, khoảng mấy phút. Mấy phút dài, rất dài. Thế nên cô ấy chết một lúc rồi thì anh ta mới buông ra và để cô ấy ngã xuống. Rồi khi thấy rằng cô ấy đã chết, rằng cô ấy đã chết hẳn rồi, rằng cô ấy không thể nào có cơ hội được cứu sống, rằng cô ấy không còn ngáng đường nữa... thì anh ta làm gì?

“Liệu anh ta có tìm cách cứu cô ấy, hay có cảm giác hối hận hay tiếc nuối không? Không hề. Tôi sẽ cho quý vị biết anh ta đã làm gì. Anh ta bình

tĩnh, tiếp tục chỉnh đốn trang phục, ngay tại đó cùng cô ấy. Anh ta lấy một chiếc cà-vạt khác, đeo lên người, thay cho chiếc anh ta đã dùng để thắt cổ vợ. Anh ta mặc áo, đội mũ, và trước khi đi anh ta gọi cho Cô Gái Đón. Thật là may mắn cho cô, có lẽ đó là điều may mắn nhất trong đời cô, là cô không có nhà để trả lời điện thoại. Phải nhiều giờ sau cô mới biết là anh ta đã gọi tới. Mà tại sao anh ta lại gọi cô khi tay anh ta vẫn còn mồ hôi vì thắt cổ vợ? Không phải vì hối hận, không phải vì thú nhận những gì anh ta làm, hay nhờ cô giúp đỡ hay khuyên giải gì cả. Không, không hề. Anh ta muốn cô làm bình phong. Muốn cô vô tình làm chứng cứ ngoại phạm cho anh ta. Anh ta muốn cô đi cùng với mình, sử dụng những chiếc vé đó, ngồi vào bàn đã đặt sẵn đó. Anh ta có thể đã vặn ngược đồng hồ ngay trước khi đi gặp cô, rồi định nói về thời gian sao cho cô sẽ ghi nhớ rồi từ đó mà tuyên thệ, làm chứng, bảo vệ cho anh ta bằng lời khai thành thật của mình.

“Thưa quý vị, liệu đó có thể gọi là giết người có chủ đích được chưa?”

“Nhưng việc đó không xảy ra vì anh ta không gặp được cô. Thế nên anh ta phải chọn phương án kế tiếp. Anh ta đi một mình, lạnh lùng tiếp tục kế hoạch đã vạch ra cho anh ta và vợ, không hề dừng lại một lần, từ sáu giờ tới nửa đêm. Lúc đó anh ta không nhớ ra là phải làm cái điều mà anh ta nói là anh ta đã làm: kiếm một người bất kỳ và sử dụng cô ta làm bằng chứng ngoại phạm. Anh ta quá căng thẳng, quá rối trí. Hoặc có thể là anh ta cũng có nhớ ra như vậy, nhưng anh ta không đủ gan, không dám tin vào người lạ, sợ rằng thái độ của anh ta sẽ làm lộ hết. Hoặc có thể là lúc đó anh ta cho rằng nếu có làm như vậy thì cũng quá muộn rồi, không ích gì nữa: từ lúc anh ta ra khỏi nhà đã khá lâu rồi. Nhân chứng đó sẽ dễ dàng bị chuyển sang chống lại anh ta thay vì bảo vệ anh ta khi mà án mạng đã diễn ra vài phút. Chỉ cần hỏi vài câu là có thể xác định chính xác thời điểm hai người gặp nhau – và đó sẽ không phải là thời điểm anh ta cho rằng anh ta gặp nhân chứng. Anh ta đã tính tới việc đó.

“Vậy thì cái gì tốt hơn là một nhân chứng bằng xương bằng thịt? Dĩ nhiên là một nhân vật tưởng tượng. Một bóng ma cạnh anh ta – một nhân vật anh ta cố tình mô tả một cách mơ hồ, để chẳng bao giờ có ai gặp được

để mà bác bỏ lại câu chuyện mà anh ta đã kể. Nói cách khác đâu sẽ là cái phù hợp với mục đích của anh ta: chứng cứ thiếu cơ sở hay chứng cứ có thể phản thùm? Điều này tôi xin để quý vị tự suy xét. Chứng cứ thiếu cơ sở thì chẳng bao giờ có thể chứng thực được hoàn toàn, nhưng lại luôn mở ra một góc độ nghi ngờ hợp lý nào đó. Còn chứng cứ có thể phản thùm thì có khả năng quay lại cắn vào mặt anh ta, khiến anh ta không thể biện hộ được nữa. Đó là việc tốt nhất anh ta có thể làm lúc đó, là điều tốt nhất anh ta có thể thu xếp được – thế nên anh ta đã quyết định như vậy.

“Nói cách khác thì anh ta đã chú ý gài một câu chuyện hoang đường vào trong vụ này, biết thừa rằng cô ta không tồn tại và chẳng bao giờ được tìm ra cả, và anh ta hài lòng với việc cô ta không được tìm thấy vì chỉ cần cô ta không được tìm thấy thì chứng cứ ngoại phạm kia vẫn có thể có ích cho anh ta.

“Tóm lại, thưa quý vị, tôi xin hỏi quý vị một câu đơn giản. Có tự nhiên không, có thể nào không khi mạng sống của ai đó phụ thuộc vào khả năng anh ta nhớ ra được chi tiết cụ thể nào đó về ngoại hình của một người khác mà anh ta lại không thể nào nhớ ra bất kỳ điều gì? Không hề, xin quý vị nhớ điều đó. Anh ta không thể nhớ ra màu mắt, hay màu tóc, hay hình dáng khuôn mặt, hay chiều cao, hay vóc dáng hay bất kỳ điều gì khác về cô ta. Hãy tự đặt bản thân mình vào vị trí anh ta lúc này. Liệu quý vị có thể nào quên sạch sành sanh như vậy hay không một khi mạng sống của quý vị phụ thuộc vào điều đó? Tự vệ là một cú huých rất mạnh đối với trí nhớ của chúng ta, thưa quý vị. Liệu có hợp lý không khi anh ta quên hoàn toàn, mọi điều về cô ta nếu như anh ta muốn cô ta được tìm thấy? Nếu cô ta – giả như cô ta có tồn tại? Tôi xin quý vị suy nghĩ về điều này.

“Thưa quý ông, quý bà bồi thẩm đoàn, tôi thấy không cần trình bày thêm điều gì với quý vị nữa. Vụ này rất đơn giản. Vấn đề đã rõ ràng, không còn chỗ nào khúc mắc cả.”

Ngón tay chỉ ra góc xa. “Bên công tố cáo buộc người đàn ông quý vị thấy ở kia, Scott Henderson, tội giết người có chủ đích. Bên công tố đòi hỏi anh ta phải bị xử tử hình. Bên công tố xin hết.”

90 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

“Đề nghị bị cáo đứng dậy đối diện với bồi thẩm đoàn. Đề nghị trưởng đoàn bồi thẩm đứng dậy. Các thành viên bồi thẩm đoàn đã có phán quyết hay chưa?”

“Đã có, thưa quý tòa.”

“Bồi thẩm đoàn có phán quyết bị cáo có tội hay không có tội so với những cáo trạng dành cho bị cáo?”

“Có tội, thưa quý tòa.”

Một tiếng than tắc nghẹn từ khu vực dành cho bị cáo: “Ôi ... lạy Chúa tôi... không... không!”

87 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

“Bị cáo có còn lời gì để nói trước khi tòa tuyên án hay không?”

“Còn gì để nói nữa đây khi người ta nói rằng tôi phạm tội mà chỉ có tôi – một mình tôi – biết rằng tôi không phạm tội? Ai muốn nghe tôi nói đây? Ai sẽ tin tôi đây chứ?”

“Ông sắp nói rằng tôi phải chết. Nếu ông nói tôi phải chết thì tôi phải chết rồi. Tôi không sợ chết ít hơn mọi người đâu. Tôi cũng sợ chết giống mọi người thôi. Chết thì chẳng dễ dàng chút nào, mà chết vì nhầm lẫn của người khác còn khó hơn nhiều. Tôi không chết vì điều tôi không gây ra mà vì sự nhầm lẫn của người khác. Đó là cái chết khó khăn nhất. Khi thời điểm đó tới, tôi sẽ cố gắng đối diện với nó tốt nhất; tôi chỉ có thể làm được thế mà thôi.”

“Nhưng tôi muốn nói với các vị, tất cả các vị, những người không nghe và không tin: Tôi không làm điều đó. Không phải tôi. Những nhận định của bồi thẩm đoàn, những lời phán xét trong phiên tòa, những buổi hành hình trên ghế điện ... trên toàn thế giới... cũng không thể biến điều không có thành có được.”

“Tôi đã sẵn sàng nghe rồi, thưa quý tòa. Sẵn sàng rồi.”

Từ trên ghế chủ tọa, một giọng nói cảm thông hướng tới chỗ hắn. “Tôi rất lấy làm tiếc, ông Henderson. Có lẽ tôi chưa bao giờ nghe thấy lời nói nào có phẩm giá, sâu lắng đến vậy từ những người đứng trước tôi chờ nghe tuyên án. Nhưng phán quyết của bồi thẩm đoàn không cho tôi lựa chọn nào khác cả.”

Vẫn giọng nói đó, nhưng rõ ràng hơn. “Scott Henderson đã được xét xử về hành vi giết người cấp độ một và đã nhận phát quyết ‘Có tội’, do đó, tôi

tuyên án bị cáo bị xử tử hình trên ghế điện, tại nhà tù của bang, vào tháng Mười, tuần bắt đầu bằng ngày 20. Bản án sẽ do giám đốc nhà tù thi hành. Xin Chúa nhân từ tha thứ cho bị cáo.”

21 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

Tiếng ai đó nói nhỏ phía ngoài hành lang tử tội, “Đây, trong này. Anh ta trong này.” Rồi có tiếng gọi, “Henderson, có người đến thăm.”

Henderson chẳng nói cũng chẳng cử động. Cánh cửa mở ra rồi lại đóng, nối tiếp là một quãng lặng khó xử khi hai người bọn họ nhìn nhau.

“Chắc ông chẳng còn nhớ tôi đâu nhỉ.”

“Người ta luôn nhớ kẻ giết mình mà.”

“Tôi không giết người, Henderson. Tôi chỉ giao những kẻ phạm tội sang cho những người có nhiệm vụ xét xử.”

“Rồi ông đến để đảm bảo những kẻ đó không thoát đi đâu được, đến để được thỏa mãn rằng chúng vẫn ở nơi ông dành cho chúng, nhắc lại cho chúng nhớ, hàng ngày, hàng phút. Chắc do ông lo lắng quá. Đây, ông xem đi. Tôi vẫn ở đây, vẫn bị nhốt. Giờ thì ông có thể vui vẻ ra về.”

“Cay nghiệt quá, ông Henderson.”

“Khi phải chết ở tuổi ba mươi hai thì khó mà ngọt ngào được. Ông có nghĩ thế không?”

Burgess không đáp lại. Khó có ai đáp lại được trong hoàn cảnh đó. Ông ta chớp mắt mấy cái liền để tỏ ý đã hiểu. Ông ta đứng lên, bước tới cái khe hẹp trên cửa, nhìn ra ngoài.

“Nhỏ, đúng không?” Henderson không buồn quay lại nhìn.

Đột ngột, Burgess xoay người, bước khỏi chỗ đó, như thể nó đã đóng lại. Ông ta móc gì đó ra khỏi túi, dừng lại trước giường nơi Henderson đang ngồi ngả ngớn. “Thuốc lá không?”

Henderson ngược lên nhìn với vẻ nhạo báng. “Thuốc có vấn đề gì sao?”

“Đừng có thể chứ,” viên cảnh sát điều tra không đồng tình, vẫn tiếp tục chìa gói thuốc ra trước mặt.

Henderson rút cuộc cũng lấy một điếu, như để viên cảnh sát ra chỗ khác chứ không phải là thực sự muốn hút. Ánh mắt hắn vẫn đầy cay đắng. Hắn chùi điếu thuốc lên tay áo như để lảng mạ rồi mới đưa lên miệng.

Burgess châm lửa cho hắn và nhận lại ánh mắt hắn học, bám dính của hắn. “Thế này là thế nào đây. Hôm nay hành hình rồi à?”

“Tôi biết ông cảm thấy thế nào...” Burgess mở lời nhẹ nhàng.

Henderson ngồi bật dậy, nói như quát, “Ông biết tôi cảm thấy thế nào cơ đấy!” Hắn bập đầu thuốc khiến tàn rơi xuống chân viên cảnh sát.

“Hai bàn chân đó muốn đi đâu tùy ý!” Hắn xia ngón cái về phía chân hắn. “Chân này thì không.” Hắn bậm môi. “Ông rút ra khỏi đây. Rút đi. Tìm người khác mà giết. Người mới ấy, chứ tôi là hạng thứ cấp rồi, đã qua một lần rồi còn gì.”

Hắn lại nằm xuống, thổi từ miệng ra một làn khói xanh bay cạnh tường, chạm vào nóc giường thì tụ lại như hình cây nấm, cuộn trở lại phía hắn.

Họ không còn nhìn nhau nữa, nhưng Burgess vẫn đứng yên một chỗ. Ông ta nói, “Tôi có nghe là đơn kháng án của ông không được chấp nhận.”

“Đúng đấy, người ta khước từ đơn kháng án của tôi. Giờ thì không còn gì vướng víu, cản trở nữa, không có gì có thể can thiệp vào lễ hội nữa. Tôi giờ là rơi tự do, không có dù để hãm lại. Giờ thì những kẻ ăn thịt người sẽ không còn đói nữa. Họ sẽ ra tay gọn gàng và nhanh chóng. Rất có hệ thống.” Hắn quay sang phía vị khách. “Sao ông lại buồn thế? Vì sự đau đớn tôi phải chịu sẽ không kéo dài ư? Vì tôi không thể chết hai lần ư?”

Mặt Burgess nhăn lại như thể điếu thuốc có vị thiu thối. Ông ta vút thuốc, dấm lên. “Tôi còn chưa thủ thế mà ông đã ra đòn hiểm là sao vậy, Henderson?”

Henderson chăm chăm nhìn một lúc, rồi có vẻ như, qua màn sương rục rỡ thù hận, chợt nhận ra điều gì đó trong thái độ của viên cảnh sát mà nãy

giờ hẳn không để ý. “Ông đang tính chuyện gì?” hẳn hỏi. “Mà chuyện gì khiến ông tới chỗ này? Nhiều tháng đã qua rồi.”

Burgess lấy tay xoa gáy. “Tôi cũng không biết nói thế nào nữa. Tôi thấy thế này cũng thực là lạ,” ông ta thú nhận. “Tôi biết là việc của tôi với ông đã chấm dứt khi Đại Bồi Thẩm Đoàn quyết định đưa ông ra tòa xét xử... Chuyện này thật khó nói,” ông ta buồn rầu nói.

“Có gì mà khó nói chứ nhỉ? Tôi là tử tội đang bị nhốt rồi còn gì.”

“Lý do chính là chuyện đó. Tôi đến đây... tôi muốn nói là...” Ông ta ngừng lời một lúc, rồi sau đó nói, “Tôi tin là ông vô tội. Đây, nếu điều đó có ý nghĩa gì, dù một chút ý nghĩa gì... với ông hoặc với tôi. Henderson, tôi không nghĩ ông là thủ phạm.”

Một khoảng thời gian chờ đợi kéo dài.

“Ông nói gì đi. Đừng ngồi đấy nhìn tôi như thế.”

“Tôi biết nói gì đây khi ông đến đào xác chết mà ông giúp chôn xuống mà nói, ‘Xin lỗi ông bạn, tôi nghĩ là tôi nhầm rồi.’ Ông dạy tôi nên nói thế nào mới phải.”

“Có lẽ ông nói đúng. Có lẽ chẳng có gì nói cả. Nhưng tôi vẫn cho rằng tôi đã làm đúng phận sự, dựa trên những bằng chứng có được. Nhưng tôi sẽ làm tốt hơn thế. Tôi sẽ rà lại toàn bộ từ ngày mai, nếu thấy cần phải rà lại. Cảm giác cá nhân của tôi không được tính vào đó. Tôi có phận sự phải dựa vào những chứng cứ cụ thể.”

“Thế điều gì khiến ông thay đổi chóng mặt về quan điểm luận tội thế?” Henderson không che đậy sự mỉa mai buồn rầu.

“Nói cho rõ ra thì cũng không dễ đâu. Cũng không nhanh đâu, phải đến vài tuần, cả tháng thì mọi thứ mới ngấm dần vào tôi. Như nước phải thấm dần qua một đồng bì nhùi chặn dòng chảy. Bắt đầu từ hôm xét xử, tôi nghĩ vậy. Tôi thấy có điều gì đó ngược đời. Tất cả những chứng cứ người ta choàng lên cổ ông đều rất nặng ký, nhưng về sau tôi lại thấy những chứng cứ đó chỉ sang một hướng khác khi tôi tự suy xét lại.

“Tôi không chắc là ông hiểu hết ý tôi đâu. Những chứng cứ ngoại phạm người ta tạo ra thường rất thông minh, rất trơn tru và rất nhiều những chi tiết hợp lý. Còn của ông thì rất ngớ ngẩn và trống trơn. Ông chẳng nhớ được điều gì về người phụ nữ đó. Một đứa bé mười tuổi cũng có khi mô tả nhân dạng tốt hơn ông. Tôi ngồi đó, trong phòng xử, lắng nghe, rồi mọi thứ dần trở nên sáng tỏ hơn: Ồi, ông ta đang nói sự thật đấy. Nói dối, dù nói dối kiểu gì, cũng phải tươm tất hơn thế. Chỉ có người không có tội mới buông hết những cơ hội như ông vậy. Những kẻ có tội khôn hơn thế. Ông đang bị nguy hiểm đến tính mạng mà những thứ ông mang ra che chắn cho mình chỉ là hai cụm danh từ và một tính từ: ‘người phụ nữ’, ‘chiếc mũ’, và ‘buồn cười’. Tôi tự nhủ, ‘Cuộc sống chẳng phải luôn như thế hay sao!’ Một anh chàng đang nhộn nhạo hết người sau khi cãi vã ở nhà, tóm lấy một ai đó mà anh ta chẳng quan tâm. Rồi sau đó là cơn khủng hoảng tinh thần khi anh ta phát hiện ra trong nhà có án mạng rồi anh ta bị cáo buộc là thủ phạm...” Ông ta thể hiện một cử chỉ biểu cảm. “Khả năng nào lớn hơn: anh ta nhớ từng chi tiết về người lạ đó hay anh ta chẳng có ấn tượng gì về cô ta ngay từ đầu và cái ấn tượng nhợt nhạt đó cứ thế trôi đi, để lại một khoảng trống? Ý đó cứ luẩn quẩn trong đầu tôi mãi, càng về sau càng nặng nề hơn. Trước đây, có một lần tôi quyết định đến đây rồi, nhưng tôi lại quay đầu. Thế rồi tôi nói chuyện với cô Richman một hai lần gì đó...”

Henderson nghẹn cổ. “Tôi bắt đầu hiểu ra rồi.”

Viên cảnh sát lập tức ngắt lời, “Không, ông không hiểu chút nào hết! Có thể ông nghĩ rằng cô ấy đến gặp tôi và cuối cùng có tác động đến tôi... Ngược lại mới đúng. Tôi tìm đến cô ấy, nói chuyện với cô ấy... nói cho cô ấy những điều tôi nói với ông hôm nay. Từ hôm đó, thú thực, là cô ấy có đến gặp tôi mấy lần – không phải ở đồn mà ở chỗ tôi – rồi chúng tôi trao đổi nhiều hơn về chuyện đó. Nhưng cũng không đi đến đâu. Cô Richman hay ai khác đều không cho tôi biết thêm được những gì tôi đã biết. Nếu có gì đó thay đổi với tôi thì là thay đổi từ bên trong, không phải từ bên ngoài. Tôi đến gặp ông hôm nay là do ý của tôi, không phải là do cô ấy gợi ý. Cô

ấy cũng không biết tôi đến đây. Chính tôi cũng không nghĩ rằng tôi sẽ đến ấy.”

Ông ta bắt đầu bước qua, bước lại. “Tôi đã nói ra điều tôi giữ trong lòng rồi. Nhưng tôi không hối hận đâu. Tôi đã làm phận sự của mình theo đúng cách phải thực hiện, đó là dựa trên bằng chứng. Ông chẳng thể đòi hỏi ai làm tốt hơn thế được.”

Henderson không đáp. Hắn trầm tư nhìn xuống mặt sàn, hoàn toàn yên lặng. Hắn không còn cay nghiệt như lúc đầu nữa. Cái bóng của Burgess cứ lướt qua, lướt lại trước mặt hắn, nhưng hắn cũng không buồn nhìn lên.

Rồi cái bóng dừng lại, hắn có thể nghe thấy tiếng đồng xu lạo xạo trong túi. Burgess nói, “Ông phải kiếm được ai đó có khả năng giúp ông. Ai đó có thể dành trọn thời gian cho ông.”

Đồng xu lại tiếp tục lạo xạo. “Tôi không làm được. Tôi có nhiều việc phải làm quá. Ồ, tôi biết trong phim thì hay có những thám tử tài ba có thể bỏ hết mọi thứ để lo việc điều tra. Nhưng tôi còn có vợ, có con. Tôi cần ăn lương. Với lại, dù sao thì tôi với ông cũng chỉ là người lạ.”

Henderson vẫn không ngẩng đầu. “Tôi đâu có ép ông,” hắn lầm bầm.

Burgess không nghịch mấy đồng xu nữa, bước đến chỗ hắn. “Kiếm ai đó gần gũi với ông, đó là cơ hội duy nhất,” ông ta nắm chặt tay, giơ lên như khi hứa, “còn tôi thì sẽ hỗ trợ hết sức có thể.”

Henderson bây giờ mới chịu ngẩng đầu, nhưng rồi lại cúi xuống. Hắn nói chẳng có sức lực nào, “Ai đây?”

“Việc này cần có người đủ tâm huyết, tin tưởng vào ông và cũng đáng tin cậy. Ai đó không làm việc này vì tiền hay vì động lực cá nhân nào đó. Ai đó làm việc này chỉ vì ông là Scott Henderson, chứ không vì lý do nào khác. Ai đó quý ông, mến ông, thậm chí sẵn sàng chết vì ông. Ai đó không chịu lùi bước. Ai đó không chấp nhận rằng có thể là đã quá muộn. Ông cần một người như thế, một ngọn lửa như thế. Chỉ có như vậy mới có thể lật được tình thế này.”

Khi nói, ông ta đặt một tay lên vai Henderson, vừa để an ủi, vừa để khích lệ.

“Ông có một cô gái yêu quý ông như thế, tôi biết. Nhưng dù sao đó chỉ là một cô gái. Cô ấy không đủ sức, không có kinh nghiệm. Cô ấy hiện đang cố hết sức rồi, nhưng như thế vẫn không đủ.”

Lần đầu tiên vẻ mặt căng cứng của Henderson mềm đi một chút. Hắn thoáng lộ vẻ biết ơn, dành cho cô, thông qua trung gian là viên cảnh sát điều tra. “Có thể tôi biết...” hắn lẩm bẩm.

“Cần một người đàn ông. Tốt nhất là người năng nổ, biết tự thu xếp, nhưng cũng phải yêu quý ông như cô ấy. Ông cần một người như thế. Ai chẳng có một người như thế chứ.”

“Có, lúc đầu thì có. Trước đây tôi cũng có, như mọi người thôi. Nhưng dần dần, khi lớn tuổi dần, thì mọi người dãn ra, cách xa hơn. Nhất là sau khi đã cưới vợ.”

“Họ không bỏ hẳn đâu, nếu đúng như người tôi đang nói tới,” Burgess tiếp tục. “Ông có giữ liên lạc hay không thì cũng chẳng có vấn đề gì cả. Khi đã quý ông thì mãi vẫn thế thôi.”

“Trước đây có một người, tôi và anh ấy thân như anh em ruột,” Henderson thú nhận. “Nhưng đó là quá khứ rồi...”

“Tình bạn thì không có giới hạn thời gian.”

“Anh ấy giờ không ở đây. Tôi gặp anh ấy lần cuối là hôm trước khi anh ấy bảo anh ấy sẽ lên tàu đi Nam Mỹ. Anh ấy có hợp đồng làm việc năm năm với công ty dầu khí nào đó.”

Hắn ngẩng đầu nhìn thẳng vào viên cảnh sát. “So với người làm công việc như ông thì có vẻ ông vẫn còn nhiều ảo tưởng nhỉ. Như vậy cũng có ý nghĩa gì đó, đúng không? Ví dụ như mong chờ ai đó trở lại từ cách đây ba ngàn dặm, tạm gác tương lai trước mắt, để quay về giúp một người bạn. Mà có phải bạn hiện nay đâu chứ. Ông nên nhớ rằng càng già thì con người ta càng khác đi. Một phần lý tưởng cũng nhạt nhòa theo. Người ở tuổi ba mươi hai chẳng còn được như ở tuổi hai mươi đâu. Khác lắm rồi.”

Burgess cắt ngang. “Ông chỉ cần trả lời một câu thôi. Nếu là ngày trước thì người bạn đó có ra tay cứu ông không?”

“Sẽ giúp tôi.”

“Thế thì bạn ông sẽ vẫn làm như thế thôi. Tôi nhắc lại với ông là không có giới hạn tuổi tác cho sự trung thành kiểu đó đâu. Nếu bạn ông đã thế thì sẽ mãi như thế, nếu trước không giúp thì có thể nói là sẽ chẳng bao giờ giúp.”

“Nhưng thế thì thật không công bằng khi đòi hỏi ở anh ấy. Cái giá phải trả quá cao.”

“Nếu bạn ông là người coi trọng hợp đồng năm năm hơn mạng sống của ông,” Burgess đấu lý, “thì ông ta cũng chẳng có giá trị gì với ông cả. Nếu ngược lại, thì đó là người ông cần. Tại sao không để cho bạn ông có cơ hội tham gia rồi mới nói là bạn ông không chịu tham gia?”

Ông ta lấy một cuốn sổ ra từ túi, xé một trang giấy trắng, một chân dẫm lên mép giường, đầu gối làm bàn viết.

NN29 22 CABLE VIA NBN,

20 THÁNG CHÍN

NLT JOHN LOMBARD

Trụ sở công ty dầu khí Nam Mỹ, Caracas, Venezuela

Tôi bị buộc tội giết Marcella khi anh đi. Có một nhân chứng có thể gỡ tội cho tôi, nếu tôi tìm được. Luật sư của tôi đã tìm mọi cách. Anh đến giúp tôi. Tôi không còn biết nhờ ai khác. Không còn cách nào khác. Thi hành án vào tuần thứ ba tháng Mười. Đơn kháng án đã bị từ chối. Đến giúp tôi.

SCOTT HENDERSON

18 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

Ông ta vẫn còn mang trên mình làn da rám nắng từ những vùng đầy nắng nóng. Ông ta đến đây nhanh quá nên cái rám nắng đó vẫn đi theo, giống như những khách du lịch: cái lạnh lẽo trong đầu bay cùng họ từ khu bờ tây sang bờ đông; kết quả của ba ngày tắm nắng trụ lại được từ Rio tới La Guardia rồi mới nhạt đi.

Ông ta trạc tuổi Scott Henderson trước đây – Scott Henderson vào thời điểm năm, sáu tháng trước, chứ không phải là kẻ tử tù đang chờ thi hành án, đang đếm những ngày cuối cùng trong đời.

Ông ta vẫn đang mặc trang phục mang về từ Nam Mỹ. Một chiếc mũ rộng vành giờ chẳng còn đúng mùa ở đây nữa, và một bộ vest màu xám bằng vải vừa nhạt màu vừa mỏng so với mùa thu nước Mỹ. Bộ trang phục đó cần có ánh nắng chói chang ở đất nước Venezuela để không bị trở nên lạt lỏng.

Ông ta dong dỏng cao, dáng người hoạt bát, nhanh nhẹn. Ông ta là mẫu người có thể hay đuổi theo xe buýt trên phố khi xe đã chạy cách đó cả một dãy nhà, đơn giản vì việc đuổi theo xe đó là dễ dàng với ông ta. Ngoài bộ trang phục dành cho mùa xuân đó thì khó có thể nói ông ta thích đom đóm. Hàng ria nhỏ cần được cắt tỉa cho gọn gàng, cà-vạt cần được là hơi cho phẳng vì nó cứ vụn vẹo từ trên xuống dưới, như một chiếc kẹo đường bị uốn cong hình tròn ốc. Ấn tượng ban đầu đối với người khác là ông ta hợp với việc chỉ đạo một tổp thợ hoặc thao tác trên công trường hơn là khiêu vũ trong đại sảnh với các quý cô. Cho dù ấn tượng bên ngoài không được tốt, nhưng ông ta vẫn có những nét thu hút riêng. Theo cách người ta hay gọi một cách đơn giản thì ông ta là đàn ông trong đám đàn ông.

“Anh ấy thế nào?” ông ta hỏi lính gác với giọng nhẹ nhàng hơn nhiều so với mẫu người như ông ta.

“Cũng bình thường.” Có nghĩa là ‘ông mong chờ điều gì?’

“Bình thường?” Ông ta lắc đầu, lầm bầm với chính mình. “Tội nghiệp ông bạn.”

Đã đến buồng giam, lính gác mở khóa.

Ông ta chần chừ một chút, nuốt khan trong cổ như để đảm bảo cổ họng thông suốt, rồi kéo cánh cửa buồng giam mở ra. Ông ta bước vào trong buồng giam với nụ cười trên mặt, tay đưa ra phía trước, như thể ông ta đến và được hân đón tiếp tại sảnh khách sạn Savoy-Plaza.

“Hendy, trông anh già đi nhiều đấy,” ông ta nhận xét. “Anh đang định làm gì thế này, trêu tôi à?”

Phản ứng của Henderson không có một chút gì cay nghiệt như hôm viên cảnh sát đến thăm. Nhìn qua là có thể thấy bọn họ là bạn cũ của nhau. Mặt hân sáng bừng lên. Hân đáp lại nhẹ nhàng. “Giờ tôi sống ở đây. Anh thấy thế nào?”

Họ bắt tay nhau, bắt tay rất lâu, vẫn giữ như vậy ngay cả khi lính gác đã khóa cửa lại và bỏ đi.

Cái bắt tay đó truyền tải những thông điệp giữa hai người bọn họ, không nói ra, nhưng ai cũng hiểu. Henderson thực lòng cảm động. “Anh đã đến. Anh đến rồi. Hóa ra những gì người ta nói về tình bạn thực sự là có thật.”

Những lời của Lombard thì nóng bỏng và nhiệt huyết. “Tôi sẽ ở bên anh. Tôi sẽ bị Chúa phạt nếu để họ làm thế với anh.”

Sau đó, mấy phút đầu tiên họ đều tránh không nói về chủ đề chính. Họ nói nhiều chuyện, nhưng không đề cập chuyện đó, như thể quá ngại ngùng, quá thiếu tự tin khi phải bàn quá sớm về một chuyện liên quan tới sự sống và cái chết.

Do đó Lombard nói, “Tàu đi lên đây xóc khủng khiếp.”

Henderson thì nói, “Jack, trông anh ổn đấy. Chắc công việc dưới đó hợp với anh.”

“Hợp cái gì. Đừng nhắc tới hộ tôi được không? Chỗ đấy là nơi hẻo lánh bị Chúa bỏ quên. Đồ ăn nữa. Muối nữa. Tôi mới ngu làm sao khi ký hợp đồng năm năm làm ở đó.”

“Nhưng tiền kiếm cũng khá, đúng không?”

“Ừ. Nhưng tiền ở chỗ đó thì dùng làm gì? Có chỗ nào mà tiêu pha đâu. Đến bia cũng có mùi dầu hỏa.”

Henderson lầm bầm, “Thế mà tôi lại vẫn ghen tị với anh đấy.”

“Xin anh đi,” Lombard phản đối. “Dù sao thì hợp đồng vẫn còn hiệu lực. Tôi chỉ xin nghỉ một thời gian thôi.”

Ông ta chờ thêm một lúc nữa rồi ông ta thấy đã đến lúc: trong đầu, họ đều thấy đã sẵn sàng rồi. Ông ta không nhìn bạn mình, mà nhìn đi chỗ khác. “Chuyện này là thế nào, Hendy?”

Henderson cố nặn ra một nụ cười. “À, một người trong giai cấp chúng ta sắp tham gia vào một thí nghiệm về điện sau hai tuần rưỡi nữa tính từ hôm nay. Họ sẽ ghi về tôi thế nào nhỉ? Trở thành người nổi tiếng? Tôi nghĩ vậy. Tôi sẽ là có mặt trên các tờ báo ngày hôm đó.”

Lombard đáp lại bằng ánh mắt giận dữ. “Không, anh sẽ không như thế. Hãy thẳng thắn với nhau. Tôi với anh biết nhau nửa cuộc đời rồi, thế nên bỏ qua những cái câu nệ với khách sáo đi.”

“Tất nhiên,” Henderson nhất trí. “Khỉ thật, cuộc sống ngắn quá mà.” Hẳn nhận ra sự mô tả chính xác đó thì cũng đã muộn, chỉ biết cười trừ.

Lombard ghéch người lên ngồi vào mép bồn rửa trong góc phòng và co một chân lên khỏi sàn nhà, dùng hai bàn tay tóm lấy mắt cá chân và kéo lên. “Tôi chỉ gặp cô ấy có một lần,” ông ta trầm tư nói.

“Hai lần,” Henderson chỉnh lại. “Còn có một lần bọn tôi gặp anh trên phố mà, nhớ không?”

“À, nhớ rồi. Cô ấy cứ kéo tay anh từ đằng sau để đi cho nhanh.”

“Lúc đó cô ấy đang đi mua quần áo. Mà anh biết khi họ lên cơn mua sắm thì thế nào rồi đấy. Chẳng có gì là...” Hãn tiếp tục xin lỗi, thay mặt cho người đã khuất bóng, có vẻ như không thấy rằng việc đó bây giờ chẳng còn có gì quan trọng nữa. “Bọn tôi mấy lần định mời anh tới ăn tối, nhưng... anh biết đấy... không phải lúc nào cũng suôn sẻ.”

“Tôi hiểu mà,” Lombard đáp với thái độ thấu hiểu ngoại giao. “Chẳng có bà vợ nào ưa lũ bạn lúc chưa cưới của chồng cả.” Ông ta lấy ra một ít thuốc lá cuộn, làm vãi ra cả nền buồng giam chật hẹp. “Đừng để ý khi loại này làm cho lưỡi sưng môi rộp đấy. Ở dưới đó người ta hút cái này, trộn cả thuốc súng và thuốc diệt cỏ. Tôi vẫn chưa có thời gian để hút lại thuốc của ta nữa.”

Ông ta lim dim rít một hơi dài. “Rồi. Đến lúc anh kể rõ cho tôi rồi.”

Henderson thở dài náo nức. “Cũng được thôi. Tôi đã kể đi kể lại nhiều lần lắm rồi. Giờ tôi kể ngược cũng được, đi ngủ cũng mơ thấy.”

“Với tôi thì vẫn chỉ là một tấm bảng chưa có chữ nào cả. Thế nên anh đừng bỏ qua chi tiết nào nhé.”

“Hôn nhân giữa tôi và Marcella thực ra chỉ lúc nào cũng như sắp bắt đầu, không vào được tiết mục chính. Chẳng có ai lại muốn đi thú nhận chuyện đó, kể cả với bạn bè, nhưng giờ ta đang đứng ở phòng tử tội, giấu giếm chuyện đó thì thật nực cười. Khoảng hơn một năm trước thì nhân vật chính xuất hiện. Với tôi như thế là quá muộn. Anh không biết cô ấy, chưa bao giờ gặp, thế nên tôi nói tên với anh cũng chẳng để làm gì. Người ta cũng tử tế, không nhắc tới tên cô ấy khi xét xử tôi, mà chỉ gọi cô lấy là ‘cô gái đó’. Tôi cũng sẽ dùng từ đó nhé, ‘cô gái của tôi’, khi nói chuyện với anh.”

“‘Cô gái của anh’,” Lombard chấp thuận. Ông ta khoanh tay, điều thuốc dài thò ra từ phía dưới khuỷu tay, nhìn chăm chăm xuống mặt sàn, chăm chú lắng nghe

“Cô gái của tôi, tội nghiệp quá. Nhưng đó lại là đúng người dành cho tôi. Nếu chưa lập gia đình mà chuyện đó xảy ra thì chẳng sao. Hoặc là nếu người anh lấy làm vợ là người đó thì càng tốt, anh là người có phúc. Hoặc

như anh có vợ mà chuyện đó không xảy ra thì anh vẫn yên thân, kể cả như anh phải sống nửa vời mà không biết. Nhưng khi anh đã có gia đình mà chuyện đó xảy ra sau khi đã quá muộn... thì anh muốn tìm lối thoát.”

“Vậy là anh muốn tìm lối thoát,” Lombard lầm bầm nhận xét với vẻ cảm thông.

“Chuyện đó rất rõ ràng. Tôi nói với cô ấy về Marcella ngay lần thứ hai gặp gỡ. Tôi cứ ngỡ đó là lần cuối cùng chúng tôi gặp nhau cơ đấy. Lần thứ mười hai chúng tôi gặp nhau, chúng tôi vẫn coi đó là lần gặp cuối cùng. Chúng tôi đã cố cách xa nhau, như sắt cổ tách ra khỏi nam châm.

“Khoảng một tháng từ khi bắt đầu là Marcella biết về cô ấy. Chính tôi nói cho Marcella biết. Anh nên biết rằng tin đó chẳng làm cho vợ tôi bị sốc chút nào. Marcella chỉ hơi mỉm cười, rồi chờ đợi, như người ta nhìn hai con ruồi bị nhốt trong chiếc cốc úp ấy.

“Tôi nói với Marcella rằng nên ly dị. Cũng trong lần nói chuyện đó. Marcella lại cười – chậm rãi và trầm tư – như cũ. Có vẻ như những gì tôi nói không để lại kết quả gì rõ rệt cả - tôi thấy như thế. Chỉ như một chuyện của người không hề có liên quan đến mình cả. Marcella nói là sẽ cần suy nghĩ. Marcella – vợ tôi đã suy nghĩ. Mấy tuần sau, rồi mấy tháng sau. Vợ tôi vẫn tiếp tục suy nghĩ, vẫn bắt tôi lẻo đẻo theo sau chờ quyết định như thế. Lúc đó tôi đã hiểu được ý nghĩa của nụ cười chậm chạp, mĩa mai của Marcella rồi. Trong ba người thì duy nhất Marcella là lấy chuyện đó làm nguồn vui.

“Còn tôi thì lộn tiết. Tôi là người trưởng thành, tôi muốn có cô gái của tôi. Tôi không thể để tôi bị dắt mũi mãi được. Tôi không muốn ngoại tình, tôi muốn có một người vợ. Cái người ở trong nhà tôi lúc đó thì không phải là vợ tôi.”

Đôi bàn tay đang che mặt hẩn lúc này khẽ run, cho dù bây giờ cách thời điểm đó đã lâu.

“Cô gái của tôi nói, ‘Chắc phải có cách gì chứ. Mình giờ nằm trong tay chị ấy rồi, chị ấy biết thế. Anh cứ cau có mà im lặng chờ thì cũng không

phải là ý hay đâu. Làm thế thì chị ấy cũng lại cau có đáp trả thôi. Anh hãy đối xử với chị ấy như một người bạn. Đưa chị ấy ra ngoài ăn tối, nói hết ruột gan mình ra. Hai người đã từng có thời yêu nhau mà, chắc phải còn lại gì đó chứ, dù chỉ là một kỷ niệm cả hai cùng nhớ. Chắc chắn là còn một điều gì đó tốt đẹp để anh làm chỗ dựa khi thuyết phục chị ấy chứ. Hãy làm sao cho chị ấy hiểu như thế là điều tốt nhất cho chị ấy, và cho cả anh với em.’

“Thế là tôi mua vé đi xem nhạc kịch, tôi còn đặt bàn cho hai vợ chồng ở một quán ăn quen nơi chúng tôi thường lui tới trước khi cưới. Sau đó tôi về nhà bảo, ‘Tối nay mình cùng ra ngoài nhé, như ngày xưa ấy.’

“Tôi lại thấy Marcella cười như thế, cô ấy nói, ‘Sao lại không chứ?’ Rồi tôi đi vào buồng tắm, còn cô ấy ngồi đó cạnh gương, trang điểm. Những điều đó tôi cũng đã quen rồi, chỉ trang điểm nhẹ chỗ này chỗ kia là xong. Tôi còn huýt sáo nữa cơ. Trong buồng tắm tôi luôn thấy thích Marcella. Tôi nhận ra vấn đề: tôi thích cô ấy, nhưng tôi lại tưởng nhầm đó là tình yêu.”

Ông ta để điều thuốc rơi khỏi tay, dẫm bẹp nó trên nền buồng giam, rồi vẫn cứ nhìn vào chỗ đó.

“Tại sao cô ấy không từ chối ngay? Tại sao cô ấy để tôi huýt sáo trong buồng tắm? Soi gương rồi chải đầu? HÀi lòng về chiếc khăn gài ở túi áo ngực? Hạnh phúc lần đầu tiên sau sáu tháng trời? Tại sao cô ấy lại giả vờ là sẽ đi chứ, khi đã biết ngay từ đầu là không có ý định đó? Bởi vì cô ấy là thế. Marcella là thế đó. Vì Marcella muốn giữ tôi ở tình thế không tiến không thoái được. Kể cả chuyện nhỏ lẫn chuyện lớn.

“Tôi dần hiểu ra. Nụ cười đó, phản chiếu trong gương. Cách cô ấy trang điểm mà thực ra chẳng có chủ tâm gì cả. Tôi lúc đó đang cầm cà-vạt trên tay, chuẩn bị đeo vào cổ rồi. Nhưng lúc đó cô ấy dừng trang điểm, cứ ngồi đó, tay không hề cử động. Chỉ còn mỗi nụ cười đó, nụ cười dành cho người đang yêu. Người đang yêu phụ thuộc vào cô ấy.

“Cảnh sát và tôi đưa ra hai câu chuyện. Cho tới thời điểm đó thì hai câu chuyện đều khớp với nhau, không sai lệch dù một sợi tóc. Cảnh sát không

đưa ra một tình tiết nào sai cả. Từng cử động nhỏ nhất nhất của tôi, cho tới lúc đó, họ đều dựng lại đúng. Họ làm công việc của họ rất tốt. Đến lúc đó, khi tôi đứng đằng sau lưng cô ấy nhìn vào gương, tay cầm chiếc cà-vạt, thì hai câu chuyện rẽ sang hai hướng đối lập nhau. Tôi nói một đằng, họ suy ra một nẻo hoàn toàn khác.

“Tôi sẽ kể cho anh chuyện của tôi, là chuyện đã thực sự xảy ra.

“Cô ấy chỉ chờ tôi mở miệng thôi. Cái kiểu cô ấy ngồi cười là như thế. Nụ cười, đôi bàn tay không cử động, để yên trên mép bàn. Cuối cùng thì tôi cũng phải nói, sau khi đã quan sát kỹ. Tôi bảo, ‘Em không đi à?’

“Cô ấy cười toáng lên. Chúa ơi, cái cách cô ấy cười mới khiến người ta đau lòng, khó chấp nhận làm sao. Lúc đó tôi mới nhận ra là tiếng cười có thể trở thành vũ khí đáng sợ thế nào. Tôi thấy mặt tôi trong gương, qua vai cô ấy – trắng bệch.

“Marcella bảo, ‘Nhưng đừng phí vé làm gì, tiền cả đấy! Rủ cô bạn anh đi ấy. Cô ta có được vở kịch. Cô ta có được bữa ăn. Có được cả anh nữa. Nhưng cô ta đừng hòng có được anh theo cách cô ta muốn nhé.’

“Đó là câu trả lời của Marcella. Cô ấy sẽ vẫn mãi trả lời như thế, tôi biết. Cho đến hết phần đời còn lại cũng vậy. Mà đến lúc hết đời thì lâu lắm.

“Sau đó là thế này. Tôi nghiêng rặng, vung tay dứ dứ vào mặt cô ấy. Tôi cũng chẳng nhớ là làm gì với cái cà-vạt nữa, chắc là để tuột xuống sàn. Nhưng chắc chắn là tôi không thắt vào cổ cô ấy.

“Tôi không bao giờ giết người. Tôi không thể. Tôi không phải hạng người đó. Cô ấy còn thách tôi nữa cơ. Tôi cũng không biết tại sao nữa. Có thể là vì cô ấy biết là cô ấy an toàn, vì tôi không có khả năng làm việc đó. Dĩ nhiên là cô ấy đã nhìn thấy tôi trong gương, chẳng phải quay đầu lại. Cô ấy rít lên, ‘Đánh đi, có gan thì đánh đi. Kể cả như thế cũng chẳng ăn thua gì đâu. Anh đừng hòng đạt được ý đồ nhé. Anh ngọt nhạt hay chửi rủa, nhẹ nhàng hay hùng hổ thì cũng đừng hòng.’

“Chúng tôi bắt đầu có những lời qua lại nhẽ ra không nên nói ra, người ta ai chẳng thế. Nhưng đó chỉ là võ mồm thôi. Tôi chẳng bao giờ đánh cô ấy

cả. Tôi nói, ‘Cô không muốn có tôi thì cô giữ tôi làm cái quái gì?’

“Cô ấy bảo, ‘Lúc có trộm thì anh cũng có ích.’ Tôi bảo, ‘Từ giờ trở đi thì sẽ như thế.’ Cô ấy bảo, ‘Thế có khác gì từ trước tới nay đâu?’ Tôi bảo, ‘Nói ra tôi mới nhớ. Cô sẽ thấy có cái mới.’ Tôi lấy hai đô-la ra khỏi ví và ném xuống sàn phía sau cô ấy. Tôi bảo, ‘Đó là tiền trả cho hôn nhân với cô! Tôi sẽ trả tiền cho cả người chơi piano dưới nhà nữa.’

“Dĩ nhiên như thế thì là hạ cấp, là xấu xa. Tôi lấy mũ, áo khoác rồi ra khỏi nhà cho nhanh. Khi tôi đi rồi mà vẫn nghe thấy tiếng cô ấy ngồi đó cười trước gương. Cô ấy cười, Jack. Chứ không chết. Tôi không chạm vào cô ấy mà. Tiếng cô ấy cười còn theo tôi ra tới cửa, sau khi tôi đóng lại vẫn nghe thấy. Tôi chạy bộ xuống, chẳng dám đợi thang máy lên. Tiếng cười đó làm tôi phát điên, chỉ muốn bỏ đi càng nhanh càng tốt. Đến chiều nghỉ cầu thang tôi vẫn còn nghe thấy, sau đó mới thôi.”

Hắn ngừng khá lâu, trong khi khung cảnh hắn vừa tái hiện từ từ nhòa đi rồi lại tan biến, trước khi hắn tiếp tục kể. Trên những nếp nhăn trước trán xuất hiện những giọt mồ hôi.

“Rồi khi tôi quay lại,” giọng hắn nhỏ đi, “cô ấy đã chết còn người ta đổ tội lên đầu tôi. Cảnh sát nói là cô ấy chết lúc sáu giờ tám phút mười lăm giây, dựa vào đồng hồ của cô ấy. Tức là xảy ra trong khoảng mười phút sau khi tôi sập cửa. Khi nghĩ lại, cho đến bây giờ, tôi vẫn thấy sợ. Chắc lúc đó hắn đang rình rập ở trong tòa nhà rồi... cho dù hắn là ai đi nữa...”

“Nhưng anh nói là anh đi cầu thang bộ xuống mà?”

“Có thể hắn trốn ở đoạn cầu thang đi lên mái. Tôi cũng chẳng biết nữa. Có thể là hắn đã nghe thấy hết. Có thể là hắn còn thấy tôi đi ra. Có thể là tôi sập cửa mạnh quá nên bị nảy ra mà không ăn chốt, nên hắn vào được. Chắc hắn vào mà cô ấy không biết. Hoặc có khi vì cô ấy cười to quá nên không nghe thấy tiếng hắn vào, lúc biết thì đã quá muộn.”

“Nghe anh kể thì có vẻ giống như một tên lưu manh, nhỉ?”

“Phải, nhưng mục đích là gì? Cảnh sát vẫn chưa tìm ra được mục đích của hắn, thế nên họ không quan tâm lắm tới hướng đó. Không phải là ăn

cấp, vì không mất mát gì cả. Có sáu mươi đô-la tiền mặt ngay trong ngăn kéo trước mặt cô ấy, còn chẳng có gì che đậy cơ. Cũng không có đánh nhau. Cô ấy bị giết ngay chỗ cô ấy đang ngồi, và bỏ lại cũng tại nơi đó.”

Lombard nói, “Cũng có thể lý do là như thế, nhưng hãn ta phát hoảng trước khi thực hiện mục đích thực sự của việc đột nhập. Lý do có thể là do tiếng động từ bên ngoài tới hoặc là do chính vì hãn đã giết người. Việc như thế xảy ra cả ngàn lần rồi.”

“Như vậy không hợp lý,” Henderson buồn rầu nói. “Chiếc nhẫn kim cương của cô ấy nằm ngay trên mặt bàn từ đầu đến cuối, còn không phải là đeo trên tay. Hãn chỉ cần nhặt lên rồi chạy là được. Dù sợ hay không thì cũng thế, mất bao nhiêu thời gian chứ? Nhưng chiếc nhẫn vẫn còn đó.” Hãn lắc đầu. “Chiếc cà-vạt đã hại tôi. Cà-vạt đó nằm dưới mấy cái khác trên giá, mà giá thì lại để khá sâu trong tủ. Chiếc cà-vạt đó lại rất hợp với bộ quần áo tôi mặc lúc đó. Dĩ nhiên, vì tôi đã chọn mà. Nhưng tôi không dùng nó thắt cổ cô ấy. Lúc cãi nhau thì tôi đã không để ý đến nó nữa rồi. Chắc rơi trên sàn. Tôi lấy một cái khác, là cái tôi đeo khi về nhà, đeo lên cổ rồi lao ra ngoài. Lúc đó hãn mò vào, thấy chiếc cà-vạt đó, hãn âm thầm tiến tới chỗ cô ấy, nhặt nó lên... Chúa ơi, chỉ có Chúa mới biết tại sao hãn làm thế!”

Lombard nói, “Có thể đó chỉ là bộc phát nhất thời mà chẳng cần nguyên cơ gì cả, chỉ là một cơn thèm khát giết chóc cái gì đó mà thôi, xuất phát từ suy nghĩ của một kẻ điên nào đó ở bên ngoài. Cũng có thể chính những lời cãi vã giữa hai vợ chồng đã kích thích hãn, nhất là khi hãn thấy cánh cửa chưa đóng hãn lại. Hãn nhận ra rằng hãn có thể ra tay rồi tự do ra đi, còn tội thì anh sẽ gánh. Trên đời này đã từng có những vụ như thế rồi.”

“Nếu mà sự thực là như thế thì chẳng bao giờ người ta bắt được hãn cả. Đó là những kẻ sát nhân khó bắt nhất – chỉ có may mắn thì mới có thể phát hiện được. Có thể là một ngày nào đó hãn bị bắt vì một tội chẳng hề liên quan, rồi hãn thú nhận là hãn đã gây ra án mạng đó – lúc đó cũng là đầu mối duy nhất dẫn tới hãn. Có thể là sau này rất lâu, mà lúc đó thì chẳng có ích gì cho tôi cả.”

“Trong thư anh có nhắc tới nhân chứng, chuyện đó thế nào?”

“Tôi sắp nói cho anh biết đây. Đó là tia hy vọng le lói duy nhất trong vụ này. Kể cả khi họ không tóm được thủ phạm thì vẫn có khả năng tôi được tha. Vụ này không đòi hỏi phải tìm được cả hai người này, có thể tìm được một cũng đủ giá trị rồi.”

Hắn dấm tay vào lòng bàn tay bên kia, cứ đổi bên khi nói. “Ngoài kia có một người phụ nữ, lúc này đây – khi ta đang ngồi trong buồng giam nói chuyện – có thể gỡ tội cho tôi bằng cách nói với họ thời điểm tôi gặp cô ta tại một quán bar cách nhà tôi tám dặm nhà. Lúc đó là sáu giờ mười phút. Cả cô ta và tôi đều biết mốc thời gian đó – cô ta, dù cô ta là ai, chắc chắn còn nhớ. Như vậy là đủ để chứng minh được rằng là tôi chẳng thể nào tới được quán bar đó vào thời điểm đó mà ngay trước đó lại giết vợ trong nhà. Jack, nếu anh hy vọng giúp được tôi, nếu anh muốn tôi qua được chuyện này, thì anh phải tìm được người phụ nữ đó. Cô ta là chìa khóa mở cho tôi ra.”

Lombard suy nghĩ khá lâu, rồi ông ta nói, “Cho đến nay việc tìm kiếm cô ta tiến triển thế nào? Đã làm những gì?”

“Đã làm mọi việc rồi, tất cả việc gì làm được đều làm rồi.”

Lombard đến bên giường, hạ người thấp xuống. “Phù!” ông ta thối giữa hai bàn tay. “Nếu như cảnh sát thất bại, luật sư của anh bó tay, tất cả mọi người đều bó tay ngay tại thời điểm xảy ra khi mà họ có đủ thời gian để tìm, thì tôi có cơ hội gì lúc này, khi mà mọi thứ đã nguội lạnh và cũng chỉ còn mười tám ngày nữa.”

Lính gác đã trở lại. Lombard đứng lên, tay vuốt nhẹ lên đôi vai ủ rũ của Henderson, trước khi ông ta đi ra ngoài.

Henderson đưa tay ra. “Anh không muốn bắt tay tôi hay sao?” hắn ngập ngừng nói.

“Để làm gì? Mai tôi lại đến mà.”

“Ý anh là sẽ vẫn tìm kiếm ư?”

Lombard quay lại, nhìn hắn như có vẻ bức mình vì bị xúc phạm bằng câu hỏi đó. “Làm sao mà anh lại có ý nghĩ là tôi sẽ không tìm chứ?”

17-16 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

Lombard, tay đút trong túi, bước tới lui trong phòng giam, mắt nhìn xuống chân như mới lần đầu nhìn thấy chúng di chuyển. Một hồi lâu, ông ta dừng lại. “Hendy, anh phải cụ thể hơn nữa. Tôi không phải là ảo thuật gia, nên không thể thò tay vào mũ hay mở hòm lõi cô ta ra được.”

Henderson mỗi mệp đáp, “Tôi đã vắt nát óc về chuyện này rồi, tôi phát ốm lên rồi, đến khi ngủ còn mơ thấy. Tôi không vắt ra thêm được giọt nào nữa đâu.”

“Anh không nhìn mặt cô ta lần nào à?”

“Chắc cũng nhìn nhiều lần, nhưng không nhập tâm.”

“Về từ đầu, duyệt lại một lần nữa nhé. Đừng có nhìn tôi như thế, ngoài cách đó ra thì còn cách nào nữa đâu. Cô ta đã ngồi ở cạnh quầy khi anh vào. Thế anh ấn tượng gì ở cô ta thế? Cố nhớ lại xem. Nhiều lúc người ta nhớ ra chỉ từ những ấn tượng ban đầu, còn hiệu quả hơn là đào thẳng vào chi tiết về sau. Thế nào, ấn tượng ban đầu?”

“Bàn tay với ra lấy bánh.”

Lombard bực bội nhìn hẳn. “Làm sao mà anh lại có thể rời ghế, đến chỗ ai đó mà lại không nhìn người ta nhỉ? Sau này dạy tôi chiêu đấy nhé. Lúc đó anh biết đấy là nữ đúng không? Anh chắc không phải là anh đang nhìn vào gương đấy chứ? Làm thế nào mà anh biết đó là nữ giới?”

“Thì có mặc váy, thế nên là nữ còn gì, không thấy nạng nghĩa là không tàn tật. Lúc đó tôi chỉ quan tâm tới hai cái đó thôi. Tôi nhìn xuyên qua cô

ta, trong tâm trí chỉ nhớ tới cô gái của tôi thôi. Thế nên anh nghĩ tôi nói gì với anh được chứ?” Henderson đốp lại.

Lombard im lặng khoảng một phút để cả hai cùng bình tĩnh lại. Sau đó nói, “Giọng cô ta thế nào? Anh có nhớ được gì không? Cô ta từ đâu đến? Học vấn thế nào? Nghề nghiệp?”

“Cô ta có đi học, là người có giáo dục. Giọng thì giống mọi người ở đây, dân thành phố chính gốc. Những cái khác thì chẳng có gì đặc biệt cả.”

“Nghĩa là cô ta là người ở đây, nếu như anh không thấy có giọng vùng khác. Như thế chưa giúp ích được gì mấy. Trong taxi thì thế nào?”

“Chả thế nào. Xe chạy thôi.”

“Trong nhà hàng thì sao?”

Henderson vênh cổ lên. “Chẳng có gì đâu, vô ích thôi, Jack. Vô ích, tôi không nhớ được, không được. Cô ta ăn, cô ta nói, chỉ thế thôi.”

“Ừ, nhưng về chuyện gì?”

“Không nhớ được. Tôi không nhớ được dù chỉ một từ. Tôi không để tâm mà, chỉ là để giết thời gian thôi, để không phải giữ im lặng lâu thôi. Cá ngon thật. Chiến tranh khủng khiếp nhỉ? Không, cô ta không hút thuốc nữa, cảm ơn.”

“Anh làm tôi cũng phát điên. Đúng là anh yêu Cô Gái Của Anh rồi.”

“Đương nhiên. Anh đừng nhắc tới chuyện đó.”

“Trong nhà hát thì sao?”

“Có mỗi chuyện là cô ta đứng lên. Tôi đã nói với anh ba lần rồi đấy. Chính anh cũng nói là chuyện đó không cho thấy cô ta như thế nào mà chỉ là một hành động nhất thời.”

Lombard bước lại gần hơn. “Đúng, nhưng tại sao cô ta lại đứng lên? Anh vẫn chưa nói gì về chuyện đó. Lúc đó màn sân khấu chưa hạ. Chẳng ai lại tự nhiên đứng lên như thế.”

“Tôi chẳng biết tại sao cô ta lại đứng lên thế. Tôi đâu có ở trong đầu của cô ta.”

“Anh còn không có trong đầu anh ấy chứ, theo tôi thấy là thế. Mà thôi, trở lại chuyện đó sau, khi có được đầu mối nào đó thì tự nhiên anh sẽ nhớ ra mà thôi.” Ông ta lại tiếp tục bước trong phòng, thỉnh thoảng dừng lại như muốn nói gì đó.

“Khi cô ta đứng lên như thế thì anh có nhìn không?”

“Nhìn thì có nhìn chứ, mắt thì có nhìn, nhưng thấy gì không thì lại là khác – phải thấy mới ăn vào não được. Tôi nhìn cô ta cả buổi tối, mà chẳng thấy cô ta lấy một lần.”

“Anh đang tra tấn tôi,” Lombard càu nhàu, tay giật giật sống mũi. “Tôi không thể nào gọi ra được cái gì từ anh cả. Chắc phải cần ai đó khác, ai đó đã thấy anh cùng cô ấy tối hôm đó. Không thể nào có chuyện hai người đi cùng nhau sáu tiếng liền mà không có ai thấy.”

Henderson cười nhạt. “Tôi cũng tưởng thế đấy. Hóa ra là nhầm to. Tối hôm đó chắc là có hiện tượng loạn thị tập thể cả thành phố. Đến mức chính tôi nhiều lúc cũng phải tự hỏi là cô ta có thật không hay là tôi tưởng tượng ra mà thôi.”

“Anh thôi đi,” Lombard ra lệnh.

“Hết giờ,” một giọng nói từ bên ngoài vọng tới.

Henderson đứng lên, nhặt một que diêm đã cháy trên sàn, mang tới gần tường – trên đó đã có những vạch đen nho nhỏ xếp thành hàng. Những vạch trên cùng đã bị gạch chéo, tạo thành hình như hàng rào, còn mấy vạch cuối cùng vẫn còn là những vạch sổ dọc. Hắn thêm một vạch chéo vào nữa, thêm một cái hàng rào nữa.

“Đừng làm thế nữa!” Lombard nói. Ông ta nhổ nước bọt vào bàn tay, bước đến bên tường rồi lau thật mạnh. Toàn bộ những vết sổ dọc và chéo đều biến mất. “Tránh ra đi,” ông ta nói trong lúc lấy bút chì và giấy ra.

“Thay đổi cũng được thôi,” Henderson nói. “Dù sao cũng chỉ còn chỗ để vạch thêm một cái.”

“Anh biết tôi muốn gì đúng không? Tôi muốn những thông tin gốc, những thứ chưa được sờ đến. Những nhân chứng thứ cấp, những người

chưa được gọi ra tòa làm chứng, những người bị cảnh sát lẫn luật sư của anh – Greory – bỏ qua ấy.”

“Quả là anh không muốn nhiều. Những bóng ma, đã từng bị loại rồi. Giờ thì là những bóng ma thứ cấp để giúp tìm bóng ma chính. Anh có nghĩ là nên thuê người gọi hồn không?”

“Kể cả đó là người chỉ chạm vào người anh hay là ở bên kia đường khi anh với cô ta đi qua. Vấn đề ở đây là tôi phải là người đầu tiên tiếp cận họ, nếu có thể. Tôi không muốn bỏ qua ai cả. Tôi muốn tìm được chỗ để nhét đục vào rồi đập cho vỡ toang cái vụ này ra. Kể cả nó nhỏ nhất đến đâu. Anh với tôi phải thống nhất với nhau như thế. Rồi, lại từ đầu. Quán bar.”

“Lại về quán bar,” Henderson thở dài.

“Nhân viên quầy đã bị thẩm vấn rồi. Còn ai khác ngoài hai người không?”

“Không có.”

“Cứ từ từ, đừng có gượng ép quá. Như thế không được đâu, càng ép càng bị tụt đi mất đấy.”

Bốn, năm phút sau.

“Chờ chút, có một cô gái có quay đầu lại nhìn theo cô ta. Tôi có để ý chuyện đó khi đi ra. Có được không?”

Chiếc bút trong tay Lombard di chuyển. “Tôi muốn những thông tin như thế, đúng cái tôi muốn đấy. Anh nhớ gì về cô gái đó?”

“Còn chẳng nhiều bằng cái người phụ nữ kia ấy. Chỉ là quay đầu lại thôi.”

“Thôi nào.”

“Taxi. Cái đó cũng qua tay cảnh sát rồi. Tay lái xe mang lại tiếng cười tại phiên tòa đấy.”

“Đến lượt nhà hàng. Ở nhà hàng Maison Blanche có nhân viên giữ áo, mũ cho khách không?”

“Có, cô ấy là một trong số ít người đúng là có lý do không nhớ cô ta, vì khi tôi tới chỗ cô nhân viên đó thì bóng ma kia đã đi vào nhà vệ sinh rồi.”

Chiếc bút trên tay Lombard lại di chuyển. “Có thể là có nhân viên ở đó. Tuy nhiên, nếu đã không thấy cô ta khi đi với anh thì càng ít khả năng có ai thấy cô ta. Thế trong nhà hàng thì sao? Có ai ngoài lại nhìn không?”

“Cô ta không vào cùng với tôi.”

“Thế sang nhà hát vậy.”

“Tay gác cửa có hàm ria mép cong trông buồn cười lắm. Tôi có nhớ. Ông ta có để ý đến mũ của cô ta.”

“Tốt, sẽ hỏi người này.” Lombard ghi lại gì đó. “Nhân viên hướng dẫn thì sao?”

“Chúng tôi đến muộn. Chỉ thấy ánh đèn pin thôi.”

“Không ăn thua. Trên sân khấu thì thế nào?”

“Ý anh là nghệ sĩ à? Mấy người đó ra vào nhanh lắm.”

“Khi cô ta đứng lên như thế thì hẳn có ai đó để ý chứ. Cảnh sát có thẩm vấn ai không?”

“Không.”

“Xác minh lại cũng chẳng chết ai. Chúng ta sẽ không bỏ qua gì cả, anh hiểu không? Kể cả có người mù đứng gần anh thì tôi... Sao thế?”

“Này,” Henderson chen vào.

“Có điều gì?”

“Anh vừa làm tôi nhớ đến một chuyện. Có người như thế. Một người ăn mày mù đến chỗ chúng tôi khi ở nhà hát ra...” Hãn thấy Lombard viết gì đó vào sổ. “Anh đùa tôi đấy à,” hãn phản đối.

“Đùa ư?” Lombard đáp lại bình thản. “Cứ xem đã.” Anh ta ngừng viết.

“Chỉ có thể thôi. Hết rồi đấy.”

Lombard cho danh sách vào trong túi rồi đứng lên. “Tôi sẽ dò được vết nứt ở đâu đó!” ông ta đoán chắc. Ông ta đập vào cửa, báo hiệu muốn ra.

“Anh đừng có ngó nghiêng bức tường đó nữa!” ông ta nói thêm khi bắt gặp Henderson đang liếc về nơi những vạch đánh dấu đã bị xóa. “Họ sẽ không giữ anh ở đây lâu nữa đâu.” Ông ta dùng ngón cái hẩy về phía hành lang ông ta chuẩn bị đi.

“Họ bảo sẽ không giữ tôi ở đây lâu nữa,” Henderson lầm bầm đáp bằng câu nói mỉa mai.

* * *

Mục ‘Rao Vặt’ trên tất cả các tờ báo:

Cần gặp cô gái đi cùng bạn, ngồi ở bàn cạnh tường, trong quán Anselmor, khoảng 6:15 ngày 20 tháng 5, và cần gặp người đã ngoái nhìn một chiếc mũ màu da cam khi người đội mũ ra khỏi quán. Người đội mũ ngồi quay mặt vào trong quán. Chuyện này rất quan trọng tới hạnh phúc của một người, xin liên hệ gấp với tôi. Nội dung sẽ được giữ bí mật hoàn toàn. Địa chỉ liên hệ ‘J.L., Hộp thư 654 của báo này.’

Không có ai hồi đáp.

15 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

LOMBARD

Một người phụ nữ vẻ mặt bơ phờ, tóc lốm đốm bạc, trang phục nhăn nhúm như giẻ rách mở cửa. “O’Bannon? Michael O’Bannon?”

Lombard phải dừng lại ở đó.

“Ông nghe cho rõ này. Tôi đã đến công ty ông hôm nay rồi còn gì, cái ông ở đó cho chúng tôi hạn đến thứ Tư. Chúng tôi chẳng thèm quyết cái công ty kiệt xác đang thềm tiền của các ông đâu. Nào là ‘chúng tôi chỉ còn năm mươi nghìn cuối cùng,’ vâng, chắc rồi.”

“Thưa bà, tôi không phải người đến thu tiền. Tôi đến có chuyện cần nói với ông Michael O’Bannon, từng làm gác cửa ở rạp Casino mùa xuân vừa rồi.”

“À, vâng. Tôi vẫn nhớ lúc ông ấy đi làm lần cuối cùng chứ,” bà ta nói như đay nghiến. Rồi bà ta ngoảnh mặt, hướng về đâu đó trong nhà, nói khá to như để ai đó chứ không phải Lombard nghe. “Người ta mất việc, rồi người ta cứ thế mài đũng quần trên ghế hết ngày này đến ngày khác, chẳng chịu đi tìm việc mới. Người ta lại cứ thích để việc tìm đến mình cơ.”

Có âm thanh gì đó trầm đục như một con hải cẩu hực hực từ trong nhà đáp lại.

“Có người đến gặp ông đây này, Mike!” bà ta gọi lớn. Quay lại phía Lombard, “Ông cứ vào thẳng trong mà gặp, ông ấy cởi giày rồi.”

Lombard men theo ‘con đường’ dẫn vào trong có vẻ như kéo dài bất tận. Nhưng không, nó rốt cuộc cũng dẫn tới một căn phòng trong đó có một chiếc bàn được phủ bằng vải dầu.

Kế bên chiếc bàn là đối tượng của chuyến viếng thăm này, đang nằm vắt vẻo giữa hai chiếc ghế gỗ như đang chơi trò làm cầu treo; phần không có trụ đỡ vông hẳn xuống. Ngoài đôi giày, ông ta còn thiếu nhiều trang phục; phần trên cơ thể chỉ có một chiếc áo ngủ màu cháo lòng, tay áo dài đến khuỷu, kèm theo một cặp đai quần. Hai chiếc tất được vắt ở thành ghế đối diện. Ông ta đặt một phiếu cá ngựa màu hồng và một chiếc tẩu cáu bắn sang một bên khi Lombard vào. “Tôi giúp gì được, thưa ông?” ông ta nói với vẻ hiếu khách.

Lombard đặt mũ lên bàn, ngồi xuống mà không đợi được mời. “Một người bạn của tôi cần liên hệ với một người ngày,” ông ta mở đầu thận trọng, vì cho rằng nếu mở đầu bằng việc đề cập tới án tử hình hay phải gặp cảnh sát hay những chuyện tương tự như thế thì không hẳn là ý hay; ông ta có thể sẽ sợ hãi rồi không dám nói gì cả, kể cả nếu có gì để nói đi nữa. “Chuyện đó rất quan trọng với bạn tôi. Là chuyện hệ trọng nhất đời. Lý do tôi đến đây là thế. Ông có nhớ đã gặp một người đàn ông và một phụ nữ đi ra khỏi taxi vào một tối tháng Năm khi còn làm ở đó? Ông giữ cửa cho họ, tất nhiên.”

“Tôi giữ cửa cho tất cả mọi người khi họ đến đó. Phận sự của tôi là thế mà.”

“Hai người này đến khá muộn, có lẽ là người cuối cùng ông gặp tối hôm đó. Người phụ nữ này đội một chiếc mũ màu da cam rực rỡ. Một chiếc mũ đặc biệt, có một sợi lông dựng thẳng giữa chóp mũ. Nó còn suýt quệt vào mắt ông khi cô ta ra khỏi xe vì ở gần ông quá. Mắt ông di chuyển thế này này: từ từ, từ bên này sang bên kia, giống như khi có gì đi qua ngay trước mắt mà mình không nhận ra đó là cái gì ấy.”

“Chuyện đấy thì còn phải nói,” vợ ông ta xía vào từ ngưỡng cửa, “nếu có bất cứ cái gì của một cô nào xinh đẹp lướt qua thì mắt ông ta cũng thế thôi, có nhận ra hay không cũng thế!”

Hai người đàn ông không để ý đến nhận xét đó. “Bạn tôi thấy ông làm thế,” Lombard nói tiếp. “Anh ấy có để ý thấy thế vào lúc đó, rồi kể lại với tôi.” Ông ta tỳ hai tay lên tấm vải dẫu, hơi chồm về phía trước. “Ông có nhớ không? Có ấn tượng gì không? Nhớ ra cô ta chưa?”

O’Bannon bối rối lắc đầu. Rồi môi trên ông ta khẽ vênh lên. Rồi ông ta lại lắc đầu. Ông ta nhìn Lombard như trách cứ. “Ông có biết ông đang đòi hỏi chuyện gì không? Mỗi đêm có bao nhiêu khuôn mặt, hết đêm này đến đêm khác. Hầu như lúc nào cũng đi một cặp nam nữ.”

Lombard vẫn tiếp tục tỳ lên bàn, chồm về phía O’Bannon, như để dùng ánh mắt rực sáng của mình kích thích ông ta nhớ lại điều đó. “Cố lên, O’Bannon. Nhớ lại đi. Có nhớ không, O’Bannon? Điều đó rất hệ trọng đối với người bạn tội nghiệp của tôi.”

Bà vợ bắt đầu chậm rãi tiến lại gần, nhưng bà ta vẫn không chen vào câu chuyện.

O’Bannon lại một lần nữa lắc đầu, lần này là quả quyết. “Không nhớ được. Tôi làm cả một mùa ở đó, mở cửa xe cho biết bao nhiêu người, tôi chỉ nhớ được một trường hợp thôi. Có một tay một mình đến rạp, say bí tỉ. Tôi nhớ là vì anh ta ra khỏi xe là ngã sấp mặt khi tôi mở cửa, may mà tôi đỡ kịp...”

Lombard lập tức chặn dòng lũ những ký ức không liên quan đang chuẩn bị đổ về. Ông ta đứng lên. “Vậy là ông không nhớ. Ông chắc là không nhớ chứ?”

“Không nhớ, chắc chắn là không nhớ,” O’Bannon lại vớ cái tẩu và phiếu cá ngựa.

Bà vợ lúc này đã ở sát bên họ. Bà ta nãy giờ vẫn đứng đó thăm dò Lombard, đánh giá tình hình. Đầu lưỡi bà ta thập thò ở khóe miệng trước khi bà ta nói. “Chúng tôi có được gì không nếu như ông ấy nhớ được?”

“À, có chứ. Nếu làm được gì đó cho ông bà thì tôi chẳng nề hà đâu, nếu ông ấy cho tôi cái tôi muốn.”

“Nghe thấy chưa, Mike?” Bà ta xô vào ông chồng như muốn đánh nhau. Bà ta cứ cầm vai ông ta mà lắc, dùng cả hai tay để đảm bảo đạt mục đích, trông như bà ta quá mạnh tay khi tẩm quất hay massage cho ông chồng vậy. “Mike, cố lên, cố lên!”

Ông ta cố vùng ra, tay đưa lên trán tự vệ. “Bà lắc tôi như thế thì tôi nghĩ được cái gì? Nếu có gì trong đầu tôi thì bà lắc thế cũng rụng hết cả rồi!”

“Vậy là không có gì,” Lombard thở dài, thất vọng quay trở ra lối đi dài hun hút.

Lombard nghe thấy giọng bà ta ré lên trong phòng khi bà ta mở đợt tấn công thứ hai lên vai của ông chồng cứng đầu cứng cổ. “Kìa, ông ta đi mất rồi. Mike, ông bị làm sao thế! Ông ấy chỉ cần ông nhớ ra mà không làm được là sao?”

Bà ta hẳn đã trút nỗi thất vọng lên đồ vật xung quanh ông chồng. Một tiếng gầm đau đớn phản đối. “Tẩu của tôi, phiếu của tôi!”

Tiếng tranh cãi của họ vẫn còn khá lớn kể cả khi Lombard đã đóng cửa ngoài. Sau đó đột nhiên có một khoảng yên lặng đáng ngờ. Về mặt Lombard cũng thay đổi một chút như đã hiểu khi ông ta bước xuống cầu thang.

Y như dự đoán, ngay lúc đó có tiếng chạy rầm rập đuổi theo Lombard, rồi cánh cửa bật mở. Bà vợ của O'Bannon từ cầu thang gọi với xuống, “Ông gì ơi, chờ một chút. Quay lại đây. Nhớ ra rồi. Ông ấy vừa nhớ ra rồi!”

“Ồ, nhớ ra thật ư?” Lombard khô khan đáp. Ông ta dừng bước, xoay người, ngẩng lên nhìn bà ta, nhưng không bước trở lại. Ông ta lấy ví ra, ngón tay mân mê mép ví. “Bà hỏi ông ấy xem túi người phụ nữ ấy mang trên tay là màu gì, đen hay trắng?”

Bà ta chuyển câu hỏi đó lại cho ông chồng vẫn ở trong phòng. Bà ta có câu trả lời, đáp vọng xuống cho Lombard – có một chút chần chừ. “Màu trắng – buổi tối mà...”

Lombard cất ví đi mà không mở ra. “Đặt nhầm cửa rồi,” ông ta đáp rồi tiếp tục đi xuống.

14-13-12 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

CÔ GÁI

Cô đã ngồi đó, trên chiếc ghế cao, được vài phút thì ông ta mới để ý tới. Như thế thì thật là lạ lùng vì lúc này trong quán cũng chỉ có lác đác vài người khách, nên cô đến lúc nào thì nhẽ ra ông ta phải thấy rồi chứ. Như thế nghĩa là cô đã lén lút vào quán rồi chọn chỗ đó ngồi.

Lúc này mới là đầu ca trực nên chắc cô vào ngay lúc ông ta lục đục chuẩn bị phía sau quầy, cứ như cô rình đúng lúc đó để vào, cứ như chờ ông ta đến thì mới vào. Cô đâu có ở đấy khi ông ta từ phòng thay đồ đi ra rồi quan sát một lượt lãnh địa – chuyện đó thì chắc chắn rồi. Thế nhưng vừa phục vụ xong một người ở đầu bên kia thì ông ta chợt thấy người phụ nữ này im lặng ngồi đó, nên lập tức tiến tới.

“Cô dùng gì, thưa cô?”

Ánh mắt của cô gái này nhìn có vẻ gì đó thật kỳ lạ, ông ta nghĩ. Nhưng ngay lập tức, ý nghĩ tiếp theo của ông ta là ông ta đã nhầm, hẳn là tự tưởng tượng ra mà thôi. Khách hàng nào mà chẳng nhìn ông ta lúc họ gọi đồ chứ vì ông ta là người sẽ mang ra cho họ cơ mà.

Nhưng cái nhìn đăm đăm này của cô lại khác; đó là ấn tượng thứ hai đến với ông ta sau khi ấn tượng đầu đã bị gạt bỏ. Ánh mắt đó có cái gì đó riêng tư. Đó là ánh mắt có chủ đích, với nó việc gọi đồ uống chỉ là phụ, chứ không phải là ánh mắt là phụ cho việc gọi đồ uống. Ánh mắt đó là dành cho

ông ta – người cô hướng tới khi gọi đồ uống – dành cho chính bản thân ông ta. Ánh mắt đó như nói rằng, ‘Hãy nhớ tôi. Nhớ tôi cho rõ.’

Cô gọi whisky và nước. Khi ông ta đi lấy thì đôi mắt đó vẫn bám theo từng bước. Ông ta mơ hồ cảm thấy có một chút băn khoăn khi không hiểu được lý do của sự xoi mói bất thường đó, nhưng cảm giác đó tan biến cũng nhanh như nó xuất hiện, không gây khó chịu gì cả, chỉ như một làn khói thoảng qua.

Đó chỉ là sự khởi đầu.

Ông ta mang đồ uống tới rồi lập tức tới phục vụ ở bàn khác. Sau đó có một lúc ông ta không nghĩ đến cô nữa, đã quên mất cô. Trong khoảng thời gian đó nhẽ ra phải có một chút thay đổi về tư thế của cô, có thể là thay đổi vị trí tay để nâng hay chạm vào cốc, hoặc nhìn đâu đó trong phòng. Nhưng không hề có. Cô vẫn ngồi đó, không hề cử động, chẳng khác một bức ảnh bằng kìa cứng đặt trên ghế bên quầy. Đồ uống vẫn chưa được đựng đến, vẫn ở nguyên chỗ ông ta để. Chỉ có một thứ di chuyển: đôi mắt. Đôi mắt dõi theo ông ta, theo từng bước chân.

Ông ta ngừng tay một chút thì lại bắt gặp đôi mắt đó – đây là lần đầu tiên kể từ khi phát hiện ra chúng nhìn ông ta một cách kỳ quặc. Ông ta nhận ra rằng đôi mắt đó đã dõi theo mình một lúc rồi mà ông ta không để ý. Điều đó không khiến ông ta bối rối; ông ta không hiểu được ý nghĩa của việc đó. Ông ta lén soi mình vào gương để xem trên áo có dính gì hay có vấn đề gì khác không. Chẳng hề có. Ông ta cũng vẫn như mọi ngày, xung quanh cũng chẳng có ai khác nhìn ông ta chăm chăm như thế cả. Ông ta không thể giải thích được.

Ánh mắt đó, đến lúc này thì chẳng còn nghi ngờ gì nữa, là có chủ đích vì nó đã thành bạn đồng hành với bước đi của ông ta. Ánh mắt chứa đầy nội tâm đó chẳng hề tình cờ nhìn về phía ông ta, mà nó được điều khiển để theo từng động tác ông ta làm.

Giờ ông ta đã để ý đến ánh mắt đó thì nó chẳng tuột khỏi tâm trí nữa mà cứ ò ở đó, quấy rối ông ta. Ông ta cũng bắt đầu chốc chốc lại nhìn người

phụ nữ đó, cho rằng lúc nhìn thì cô không quan sát. Nhưng lần nào ông ta cũng bắt gặp ánh mắt đó nhìn thẳng vào mình, và ánh mắt đó vẫn như vậy sau khi ông ta đã chịu thua. Cảm giác bối rối dần dần trở thành cảm giác mất tự nhiên.

Ông ta chưa từng thấy ai mà lại ngồi yên đến như vậy. Cô chẳng động cựa gì hết. Cái cốc bị lãng quên, cứ như ông ta chưa mang ra vậy. Cô ngồi đó lặng yên như Phật, đôi mắt không ngừng dõi theo ông ta.

Cảm giác mất tự nhiên đã biến thành cảm giác khó chịu. Ông ta chủ động đến chỗ người khách, đứng ngay trước mặt.

“Cô không dùng đồ uống sao, thưa cô?”

Đó là một tín hiệu, một lời nhắc nhở để cô khách không nên như thế nữa. Nhưng không đạt được mục đích.

Câu trả lời không cảm xúc của người khách chẳng cho ông ta thêm thông tin gì. “Cứ để nó đấy.”

Hoàn cảnh này có lợi cho cô vì cô là nữ mà là nữ thì không nhất thiết phải gọi đồ uống liên tục ở quầy bar cả, còn nếu là khách nam thì theo lệ sẽ phải gọi thêm gì đó. Với lại người khách này chẳng hề cợt nhả, chẳng hề có ý định bắt chuyện, mà cũng không có hành vi đáng chê trách nào cả; ông ta bất lực trước cô.

Ông ta hậm hực rút lui, ngoái lại nhìn cô khi đã tới mép quầy và vẫn thấy ánh mắt đó kiên trì bám theo như cũ.

Sự mất tự nhiên đã thấm vào các mạch máu. Ông ta cố gắng rũ bỏ bằng cách lắc vai rồi chỉnh cổ áo. Ông ta biết cô khách vẫn đang nhìn, ông ta chẳng cần nhìn lại để kiểm chứng. Làm như vậy chỉ khiến nó trở nên tồi tệ hơn.

Đòi hỏi từ những khách khác trong quán, khi quán bắt đầu đông, lúc này không khiến ông ta bức mà lại nhẹ nhõm vì ông ta có việc để làm, để không phải nghĩ đến cái nhìn sâu thẳm đó nữa. Nhưng cảm giác rờn rợn sau gáy vẫn quay lại khi không còn khách cần phục vụ, không còn cái gì để lau chùi, không cần cốc nào để đổ thêm rượu – lúc đó thì không còn gì có thể

lấn át nỗi sự tập trung của người phụ nữ lên ông ta. Lúc đó thậm chí ông ta còn không biết nên dùng tay vào việc gì, không biết nên để giẻ lau chỗ nào. Ông ta suýt làm vỡ một chiếc cốc khi cố đặt lên giá trên. Ông ta tra nhăm chìa vào ngăn kéo cất tiền.

Cuối cùng, gần như không còn chịu nổi nữa, ông ta lại tới chỗ người phụ nữ, cố gắng làm rõ xem cô ta muốn gì.

“Cô cần tôi giúp gì chẳng, thưa cô?” Ông ta thể hiện sự cục cằn, bực tức trong câu nói.

Cách cô trả lời thì luôn chẳng có một đầu mối nào cả. “Tôi có nói là cần ư?”

Ông ta từ người lên quây. “Vậy thì cô cần gì ở tôi chẳng?”

“Tôi có nói thế ư?”

“Xin lỗi, vậy chứ tôi làm cô nhớ tới ai chẳng?”

“Không ai cả.”

Ông ta cố gắng kiềm kìm. “Tôi cứ tưởng vậy, theo cách cô cứ nhìn tôi...” Giọng nói ông ta không ổn định. Đó là một lời quở trách.

Lần này người phụ nữ không trả lời, nhưng cũng không rời mắt khỏi ông ta.

Rốt cuộc chính ông ta mới lại là người phải một lần nữa thoái lui, vẫn khó chịu như cũ.

Người phụ nữ đó không nói, không cười, không tỏ ra thân thiện mà cũng không thù địch. Cô cứ ngồi đó nhìn ông ta, như một con cú đêm rình mồi.

Thứ vũ khí cô tìm được và sử dụng này thật là khủng khiếp. Người ta thường không thể nhận ra là sẽ vô cùng khó chịu khi bị nhìn chăm chăm, không ngừng nghỉ, trong suốt một vài giờ đồng hồ - đơn giản là vì chuyện đó chẳng xảy ra với họ, tinh thần của họ không bị thử thách.

Chuyện đó đang xảy ra với ông ta, khiến thần kinh ông ta căng thẳng, đảo lộn. Ông ta chẳng có cách nào tự vệ, vì ông ta bị nhốt sau cái quây hình bán nguyệt này – không được phép ra ngoài, và vì chính bản chất của sự

việc đó. Mỗi khi ông ta định cự lại thì ông ta nhận thấy đơn giản chỉ là nhìn, chẳng có cơ gì mà cự nự hết. Cô là người kiểm soát. Như tia nắng chiếu lên người, chẳng cách nào phủi hay rũ đi được.

Cái cảm giác đáng sợ mới mẻ này – cái cảm giác theo y học gọi là chứng sợ đám đông – đang ngày càng xâm lấn tâm trí đến mức bức bối, khiến ông ta thêm muốn tìm một nơi trú ẩn, muốn trốn trong phòng thay đồ hay đơn giản là ngồi thụp xuống sau quầy để tránh tia nhìn đó. Ông ta lau lông mày một, hai lần để xua nó đi. Việc liếc nhìn chiếc đồng hồ treo tường đã trở nên ngày càng thường xuyên – chính chiếc đồng hồ mà người ta từng nói là cuộc sống của người khác phụ thuộc vào đó.

Ông ta mong người phụ nữ đi chỗ khác. Thầm cầu xin việc đó xảy ra. Nhưng đến giờ thì đã quá rõ ràng rằng cô chẳng hề có ý định tự nhiên đứng dậy về mà chỉ đi khi nơi này đóng cửa. Vì cô đâu có đến đây vì quầy bar nên chẳng mong chờ gì cô cư xử như những người khác. Cô không đến đây để đợi ai cả, nếu không thì đã có người đến gặp lâu rồi. Cô đến đây không phải để uống, vì cái cốc đó chẳng hề được đụng đến sau nhiều giờ. Cô đến đây chỉ có một mục đích duy nhất: nhìn ông ta.

Không tổng cổ được vị khách quái gở, ông ta chuyển sang mong tới giờ đóng cửa, coi đó là lối thoát. Khi lượng khách đã vãn, khi những yêu cầu của khách đã bớt đi, thì ảnh hưởng từ vị khách đặc biệt kia lại thể vào chỗ đó. Lúc này khoảng trống trước quầy là quá lớn, càng khiến ông ta trở thành mục tiêu dễ dàng của ánh mắt gâp hóa đá như của Medusa kia.

Ông ta làm rơi một chiếc cốc – mấy tháng nay ông ta mới rơi một chiếc này. Ông ta đã bị bắn phá tới tấp. Đôi môi của ông ta lấm bầm những lời chửi rửa dành cho người phụ nữ khi ông ta cúi xuống thu dọn các mảnh vỡ.

Thế rồi, đến khi ông ta ngỡ là sự đày đọa không bao giờ kết thúc thì kim phút cũng chạm vào số mười hai, đánh dấu thời điểm bốn giờ sáng, giờ đóng cửa. Lúc này có hai khách nam đang hăng say câu chuyện, họ cũng là những vị khách cuối cùng, cũng đã đứng lên và thông thả đi ra cửa, vừa đi vừa tiếp tục câu chuyện dang dở. Cô thì không. Không hề cử động một thờ

thịt nào. Cốc rượu vẫn trên bàn. Vị khách vẫn ngồi trước mặt nó. Nhìn. Theo dõi. Không chớp mắt.

“Chúc ngủ ngon,” ông ta chào với theo hai vị khách, cũng để cô hiểu.

Cô vẫn không cử động.

Ông ta mở tủ điện, bấm một cái công tắc. Đèn phía bên ngoài tắt, chỉ còn lại một khoảng sáng bên trong được chiếu từ quầy bar nơi ông ta đứng, từ ánh phản chiếu từ tấm gương và từ dây chai lọ dàn cạnh tường. Ông ta chỉ còn là một bóng đen đổ lên đó. Vị khách nữ lúc này chỉ còn thấy mặt trên nền tối mờ mờ.

Ông ta tiến tới, cầm lấy cốc rượu bị bỏ quên nhiều giờ rồi đổ đi bằng một cái hất bạo lực khiến nhiều giọt bị văng ra ngoài.

“Chúng tôi phải đóng cửa rồi,” ông ta nói như đe dọa.

Cô cử động. Đột nhiên cô đứng lên cạnh chiếc ghế, giữ lấy ghế một lúc để máu lưu thông tốt sau khi thay đổi tư thế đột ngột như vậy.

Ngón tay ông ta nhanh chóng cởi cúc áo. Ông ta hỏi thử, “Tóm lại là gì? Cô muốn giở trò gì đây? Cô tính làm gì?”

Cô không nói gì, chỉ bước xuyên qua bóng tối hướng tới cửa ra vào, như thể không nghe thấy câu hỏi. Ông ta chưa từng nghĩ cảnh đơn giản là một cô gái rời quầy bar lại khiến ông ta thấy trào dâng trong lòng một sự nhẹ nhõm, giải thoát đến như vậy. Chiếc áo chèn giờ đã bung hết khuy trước. Ông ta đứng đó, tì vào quầy bar, cảm thấy không còn một chút sức lực khi nhìn theo hướng vị khách nữ.

Ở ngoài quán có một cột đèn, và đó là nơi ông ta lại nhìn thấy cô. Cô chỉ đi cách cửa quán vài bước thì dừng lại, quay người và tiếp tục nhìn ông ta từ xa, vẫn với thái độ yên lặng và đầy chú ý như cũ. Như thế để ông ta hiểu chắc chắn rằng không hề có ảo giác, và hơn nữa, vừa rồi không phải là sự kết thúc mà chỉ là một sự gián đoạn mà thôi.

Ông ta khóa cửa xong, vẫn thấy cô đứng đó, yên lặng trên vỉa hè, chỉ cách vài mét. Cô quay người về phía cửa, như đã chờ đợi ông ta xuất hiện ở đó.

Chẳng còn cách nào khác, ông ta tiến tới, vì đó cũng là lối ông ta đi về hăng đêm. Ông ta đi qua cô, chỉ cách một bước chân, vì vỉa hè khá nhỏ mà cô lại đứng ở giữa chứ không lùi dựa vào tường. Mặc dù cô có quay mặt từ từ nhìn theo, nhưng cô sẽ để ông ta đi qua mà không nói gì, vẫn khoác bên ngoài lớp giáp yên lặng kiên cố, ông ta tự nhủ. Bản thân ông ta một giây trước đó thôi cũng định lờ cô đi.

“Cô muốn gì ở tôi?” ông ta bực bội hỏi.

“Tôi có nói là muốn gì từ ông ư?”

Ông ta bước tiếp, rồi lại quay người nhìn thẳng vào cô. “Cô cứ ngồi đó, không hề rời mắt khỏi tôi lúc nào! Cả buổi tối nay không một lần nào cả, cô nghe chưa?” Ông ta dùng tay thể hiện sự giận dữ. “Rồi lúc tôi về thì cô lại đợi...”

“Ở đây đứng trên phố là bị cấm ư?”

Ông ta trở ngón tay xù xì về phía cô. “Tôi cảnh cáo cô, cô gái ạ. Tôi muốn điều tốt cho cô...”

Cô chẳng đáp lại gì. Cô thậm chí không mở miệng, vì yên lặng luôn chiến thắng khi tranh cãi. Ông ta quay người bỏ đi, hơi thở nặng nề theo nhịp bước.

Ông ta không nhìn lại phía sau. Chẳng cần nhìn lại, ông ta cũng biết được là cô đang đi theo, chỉ cách ông ta khoảng hai mươi bước. Việc đó cũng chẳng khó khăn gì vì cô cũng không giấu giếm hay lẩn tránh. Tiếng giày chạm vào nền cứng trên vỉa hè là khá rõ ràng trong đêm yên tĩnh.

Một ngã tư, rồi hai ngã tư đã lui về phía sau. Rồi lại một ngã tư nữa. Rồi tiếp một cái nữa. Có vẻ như cả thành phố này đang dần trôi từ tây sang đông, cùng với nó là tiếng *cọc cọc, cọc cọc* không một mảy may vang đến đâu đó từ đằng sau ông ta.

Ông ta ngoái lại, lần này chỉ là để cảnh cáo. Cô vẫn bước một cách thản nhiên điên rồ, không khác gì lúc đó là ba giờ chiều. Bước chân chậm rãi, đều đặn, giống như mọi người phụ nữ khi thẳng người bước dạo trên phố.

Ông ta bước tới vài bước, rồi lại xoay người, lần này là xoay hẳn lại. Sự ấm ức không còn kiểm soát nổi thúc ông ta lao về phía cô.

Cô dừng bước, nhưng đứng đó mà không có dấu hiệu lùi bước.

Ông ta lấn tới, áp sát hẳn vào mặt cô, “Cô có quay lại không thì bảo? Thế này là quá đủ rồi đấy, cô nghe không? Kéo tôi...”

“Tôi cũng đi đường này cơ mà,” cô chỉ nói thế.

Một lần nữa tình thế lại có lợi cho cô. Nếu vai trò của hai bên hoán đổi... Nhưng mà làm gì có ông nào mặt đủ dày để gọi cảnh sát tới, than phiền là có một cô gái trẻ cứ đi theo mình trên phố chứ? Cô không chửi hay nặng lời với ông ta, cô cũng không kì kèo gì cả, chỉ là đi cùng hướng thôi; ông ta hoàn toàn bất lực trước cô, như cả tối nay vẫn vậy.

Ông ta đứng chặn trước mặt cô một lúc, nhưng sự thách thức nhằm giữ thể diện đó chỉ có ý nghĩa khi nó xuất phát từ một tình huống ít đáng xấu hổ hơn thế này nhiều. Ông ta rốt cuộc cũng phải quay đi cùng một tiếng *hừ* trong mũi thể hiện sự tức giận, nhưng có vẻ như âm thanh đó lại có vẻ như tuyệt vọng. Ông ta tách ra, tiếp tục con đường trở về nhà.

Mười bước, mười lăm, hai mươi. Phía sau, với tín hiệu định sẵn đó, tiếng bước chân lại vang tới, đều đặn như những giọt mưa. *Cọc cọc, cọc cọc*. Cô lại đang đi theo ông ta.

Ông ta rẽ vào góc phố đã định trước, men theo một cầu thang có mái che quen thuộc dẫn tới ga tàu ông ta đi hàng đêm. Ông ta dừng lại khi đã đến tầng dẫn ra đường tàu, đứng đó nhìn xuống bên dưới xem cô có xuất hiện không.

Tiếng bước chân cô trở thành tiếng rít khi cô dẫm vào rìa kim loại ở chân cầu thang. Một thoáng sau, ông ta bắt đầu thấy cô khi cô đã lên được nửa đường.

Cửa quay tự động rì rì đóng lại, ông ta đứng đó nhìn về phía bên kia, sẵn sàng thủ thế.

Cô vẫn đều bước tiến tới như một điều hiển nhiên, như thể không thấy ông ta ở đó đang đối diện với cô. Tay đã cầm sẵn một đồng xu, cô bước tiếp

cho đến khi ở giữa hai người chỉ còn là thanh chắn xoay tự động.

Ông ta đưa tay về phía trước, hơi chếch sang vai đối diện, sẵn sàng có những hành động cần thiết. Nhẽ ra như thế là đủ để cô quay người tránh. Môi ông ta cong lên đe dọa. “Cút ra khỏi chỗ này. Đi xuống đi. Cô đi về đi!” Ông ta lấy tay che khe nhét đồng xu khi trước khi cô kịp ấn nó xuống.

Cô lùi lại, chuyển sang cửa kế bên. Ngay lập tức, ông ta cũng đã sang đó trước cô. Cô lại trở về cửa trước. Ông ta lại đã có mặt ở đó để chặn đường. Nhà ga bắt đầu rung nhẹ nhẹ, báo hiệu chuyển tàu đêm sắp tới.

Lần này ông ta chủ định bung cánh tay hất về phía cô như đã đe dọa từ trước. Cú đánh đó, nếu trúng, hẳn đã khiến cô bị ngã. Cô ngoảnh mặt sang một bên như vừa ngửi thấy một mùi gì đó khó chịu. Bàn tay ông ta bay qua sát vào mặt cô.

Đúng lúc này, có tiếng lách cách của thủy tinh va chạm ở gần đó vọng tới. Một nhân viên nhà ga thò đầu ra khỏi cửa bán vé nhỏ xíu. “Anh kia làm gì thế hả? Anh định cấm người ta vào nhà ga hay sao? Muốn tôi bắt anh không?”

Ông ta chuyển sang cơ chế tự vệ, một chút thiếu kiên trì vì không tính trước được việc can thiệp này. “Cô gái này bị điên hay sao ấy, nên đưa cô ta đến bệnh viện Bellevue. Cô ta cứ theo tôi từ này trên phố, đuổi đi không được.”

Cô nói, vẫn giọng đều đều vô cảm. “Chỉ một mình ông được đi tàu từ Đại lộ Ba hay sao?”

Ông ta vẫn nản nì với nhân viên nhà ga lúc này vẫn đang thò đầu ra ngoài, tự đảm nhiệm vai trò trọng tài. “Hỏi xem cô ta đi đâu. Cô ta còn chẳng biết ấy!”

Câu trả lời của cô là hướng về phía nhân viên ga, nhưng nội dung nhấn mạnh lại là dành cho ông ta, chắc chắn là có mục đích rõ ràng nào đó. “Tôi đang đến phố Hai Mười Bảy, phố Hai Mười Sáu, giữa đại lộ Ba và Hai. Tôi có quyền vào ga này đúng không?”

Khuôn mặt người đàn ông đang chặn lối trở nên trắng bệch; địa điểm cô vừa nói đến đã tạo một cú sốc nào đó với ông ta. Chắc chắn rồi, vì đó là nơi ông ta sống.

Cô đã biết từ trước là ông ta sẽ đi về đâu. Hóa ra những cố gắng rũ bỏ, cản trở cô từ trước đều là vô dụng.

Nhân viên nhà ga đã có quyết định, thể hiện bằng việc vẫy tay. “Mời cô vào.”

Cô cho đồng xu vào máy và bước qua cửa, không chờ ông ta tránh đường. Việc đó lúc này là việc ông ta không làm được, không phải cố chấp mà vì tạm thời tê liệt khi phát hiện ra những điều cô biết về mình.

Tàu đã tới, nhưng là tàu đi hướng ngược lại, không phải tàu dành cho họ. Tàu lại đi, khu vực lan can nhà ga một lần nữa lại trở nên mờ tối.

Cô đi tới chỗ mép sân ga, đứng đó chờ tàu. Lúc này thì ông ta cũng đã tới được sân ga, nhưng cẩn trọng giữ khoảng cách hai cột đăng sau cô. Do cả hai người cùng nhìn về một phía để đợi tàu, nên ông ta nhìn thấy cô, còn cô thì không thấy ông ta.

Có lẽ cũng không biết mình đang làm gì, cô thả bước chậm rãi dọc sân ga, bước không mục đích như phần lớn mọi người, nếu ở trong hoàn cảnh đó. Chẳng mấy chốc cô đã bước ra ngoài tầm nhìn vốn đã hạn hẹp của nhân viên trực ga, ra tới tận sát mái hiên, nơi sân ga vượt nhỏ lại chỉ còn là một lối nhỏ. Đến đây cô dừng lại và chuẩn bị quay lại, theo lối cũ trở về. Nhưng khi cô đứng đó, mắt dõi về hướng tàu, dù quay lưng lại ông ta, cô chợt rùng mình như cảm nhận được mối nguy hiểm đang dần dần tiến tới.

Cũng có thể là do cô nghe thấy tiếng bước chân ông ta. Lúc này ông ta cũng đang di chuyển, hướng về phía cô. Ông ta di chuyển chậm, cũng như cô lúc trước. Nhưng không hẳn như vậy. Chính là do bước chân, dù vẫn nghe rõ ràng trong sự yên tĩnh chẳng tự nhiên chút nào đang ngự trị trên sân ga, có vẻ như là bước chân kiềm chế và rón rén. Điều đó thể hiện ở nhịp bước chứ không hẳn là ở nỗ lực kìm hãm âm thanh tạo ra – những bước chân có tính toán, cố tìm cách đóng giả thành những âm thanh vô

nghĩa nào đó. Cô cũng không rõ tại sao lại biết – có lẽ do trực giác – trước cả khi cô quay lại, là có điều gì đó hoàn toàn mới đã nhập vào tâm trí ông ta vào thời điểm cô quay lưng lại.

Cô quay lại, khá nhanh.

Ông ta không còn cách cô khoảng hai cột như lúc trước. Nhưng đó không phải là điều khẳng định ấn tượng kia. Cô đã thấy ông ta liếc xuống đường ray bên dưới, nơi có bố trí ray thứ ba^[2] khi ông ta đi qua đó. Đó chính là đầu mối.

Cô hiểu ngay lập tức. Một cái huých tay, một cú xô nhẹ, một cú ngáng chân khi họ đi qua nhau. Cô cũng thấy được ngay tình thế khó khăn, tuyệt vọng mà cô vừa tự dẫn thân vào. Cô đã bị dồn vào một góc nhà ga. Cô vô tình đã tự để mình bước ra khỏi tầm mắt bảo vệ của nhân viên trực. Buồng làm việc của anh ta được bố trí thụt vào trong để bao quát tốt cửa soát vé, nên khó có thể bao quát được hết sân ga.

Lúc này trên sân ga chỉ có hai người bọn họ. Cô nhìn quanh, nhưng phía bên kia hoàn toàn trống trải, chắc khách đã vừa lên hết chuyến tàu hướng về phía bắc. Chuyến tàu vào trung tâm thì vẫn chưa đến để có thể trở thành yếu tố cản trở.

Tiếp tục lùi bước nữa thì đồng nghĩa với tự sát; sân ga chỉ còn vài bước nữa sau lưng cô là hết, càng lùi thì càng bị dồn vào góc chết, để ông ta tùy nghi xử lý. Muốn trở lại được khu vực giữa ga nơi nhân viên trực ban có thể đảm bảo an toàn cho cô thì cô phải tiến về phía ông ta, đi qua ông ta – đó lại chính là điều ông ta đang mong muốn.

Nếu lúc này cô kêu cứu mà ông ta chưa có động thái rõ ràng, hy vọng rằng nhân viên trực sẽ ra kịp thời thì cô phải đối mặt với rủi ro là ông ta sẽ thực hiện ngay cái điều mà cô đang cố tránh né. Ông ta đang ở trạng thái mạnh động, điều đó thể hiện rõ trên khuôn mặt, nên một tiếng hét thì chắc chẳng đẩy lùi được những dự định đó. Tình thế hiện nay là kết quả của sự sợ hãi nhiều hơn là giận dữ, do đó một tiếng hét có thể sẽ càng làm ông ta sợ hãi thêm nữa mà thôi.

Cô đã làm ông ta sợ hãi cùng cực, cô đã làm công việc đó quá tốt.

Cô cẩn trọng nhích dần vào phía trong, tránh càng xa đường ray càng tốt, cho đến khi cô chạm vào dây biển quảng cáo dọc theo lan can. Cô thì hông vào chúng, bắt đầu men theo chúng, mắt vẫn không ngừng cảnh giác với ông ta. Chiếc váy cô mặc lạo xạo khi cọ vào các tấm biển, từng chiếc, từng chiếc một.

Trong khi cô tìm cách thoát ra khỏi vòng nguy hiểm, ông ta tiến tới theo đường chéo với ý định rõ ràng là chặn đường tiến của cô. Hành động của cả hai bên đều chậm rãi, như hai con cá lười nhác bơi trong bể, một cái bể cách mặt đất ba tầng nhà, được chiếu sáng bằng dây đèn phía bên trên.

Ông ta bước tới, cô cũng vậy. Hai người chỉ còn hai, ba bước nữa là sẽ gặp nhau.

Tiếng cửa soát vé rì rì bất ngờ vang tới từ ngoài tầm mắt của họ, nối tiếp theo là sự xuất hiện của một cô gái da màu quần áo xộc xệch ở trên sân ga, chỉ cách họ vài mét, gần như cúi gập người để gã dọc bên chân.

Sự căng thẳng tan chảy, nhưng cả hai người vẫn ở nguyên vị trí như khi cô gái kia xuất hiện. Cô vẫn giữ lưng tựa vào biển quảng cáo, chỉ hơi chùng người xuống, gối thả lỏng. Ông ta thì đã ngả sang chiếc máy bán hàng tự động ngay bên cạnh. Cô gần như có thể thấy ý định ban đầu của ông ta thoát ra ngoài theo từng nhịp thở. Cuối cùng, ông ta bước đi khỏi đó bằng những bước chân quả quyết. Vẫn không có một từ nào được nói ra, mọi chuyện đều diễn ra trong sự im lặng đáng sợ từ đầu tới cuối.

Việc đó sẽ chẳng xảy ra nữa. Cô vẫn giữ được thể thượng phong.

Chuyến tàu đã tới, cả hai lên cùng một toa, nhưng ở hai đầu, và chọn ghế ngồi ngay ở đó. Cả hai vẫn còn đang trong dư âm của đợt khủng hoảng vừa rồi; ông ta thì hơi gục xuống phía trước, còn cô thì đứng thẳng, ngược lên nhìn đèn trần. Ở giữa họ chỉ có một hành khách là cô gái da màu, thỉnh thoảng vẫn cúi xuống gã chân, liên tục nhìn tên ga tàu đi qua, như thể muốn chọn một ga ngẫu nhiên để xuống.

Cả hai người cùng xuống tàu tại ga trên phố Hai Mươi Tám, vẫn ở hai cửa đầu toa. Ông ta biết cô vẫn đang đi xuống thang phía sau. Cô cũng biết là ông ta biết, mặc dù ông ta không hề nhìn lại. Cái dáng đầu nghiêng nghiêng của ông ta đã cho cô biết điều đó. Có vẻ ông ta đã chấp nhận ở thế bị động, để cô muốn làm gì thì làm, tùy ý đi theo ông ta trên quãng đường còn lại nếu cô muốn thế.

Cả hai đi xuống phố Hai Mươi Tám, hướng về phía phố Hai, mỗi người đi một bên đường. Ông ta vẫn đi trước, cách cô khoảng ba, bốn nhà; cô để ông ta đi trước. Cô đã biết trước ông ta sẽ vào cửa nào, ông ta biết là cô biết. Trò mèo vờn chuột lúc này diễn ra một cách đơn điệu, không cảm xúc, ngoài một yếu tố còn chưa rõ ràng là ‘tại sao’. Nhưng đó mới là yếu tố quan trọng nhất.

Ông ta đi vào một trong mấy cánh cửa màu đen nằm ở gần góc phố. Hẳn là ông ta vẫn còn nghe thấy tiếng bước chân đều đặn, *cọc cọc cọc cọc*, ở phía bên kia đường cho đến giây cuối cùng, nhưng ông ta vẫn cố không nhìn lại, không tỏ dấu hiệu gì. Cuối cùng thì họ cũng phải tách ra, lần đầu tiên từ lúc gặp tối.

Cô bước tiếp cho đến khi tới vị trí thẳng cánh cửa đó, rồi chọn một vị trí để tiếp tục đứng, vị trí có thể quan sát rõ ràng phía bên kia đường, nhìn lên hơn chục ô cửa sổ thiếu ánh đèn phía trên.

Ngay lập tức những chiếc cửa sổ đó bật sáng, như thể có ai đó đang chờ đợi ai đó về. Rồi cũng rất nhanh, ánh đèn lại tắt, như thể có thể lực nào đó ngăn chặn kịp thời. Những ô cửa sổ tiếp tục tối, cho dù thỉnh thoảng những tấm rèm mờ mờ trên cửa sổ có chút lay động và di chuyển. Cô biết cô đang bị người khác quan sát, một hoặc nhiều người.

Cô vẫn giữ vững vị trí của mình.

Một chuyến tàu trên cao như con rắn mắt sáng rực xuất hiện từ cuối phố. Một chiếc taxi đi qua, người tài xế liếc nhìn cô với vẻ tò mò, nhưng trên xe đã có khách. Một người đi đi bộ bên kia đường gửi cho cô một ánh mắt

nghi hoặc nhưng cố không gây chú ý. Cô cúi đầu che mặt, đợi đến khi ông ta đi khuất mới ngẩng lên như cũ.

Một ông cảnh sát xuất hiện bên cạnh cô. Hẳn ông ta đã đứng đâu đó nhìn cô một lúc rồi mà cô không biết.

“Chào cô gái. Tôi có ghi nhận lời phàn nàn từ một phụ nữ sống trong khu đối diện kia rằng cô đi theo chồng bà ta từ chỗ làm, rồi lại đứng đây nhìn chăm chăm vào cửa sổ nhà họ nửa tiếng nay.”

“Đúng vậy.”

“Cô nên đi đi thì hơn.”

“Tôi muốn ông tóm lấy tay tôi, xin ông, dẫn tôi đi tới góc phố kia, như ông bắt tôi về đồn ấy.”

Ông ta làm theo, rất nhiệt tình. Họ dừng lại khi đã ra khỏi tầm nhìn từ những cánh cửa sổ. “Chỗ này được rồi.” Cô chìa ra một tờ giấy cho ông ta xem. Ông ta cố gắng đọc, nhờ ánh sáng nhợt nhạt của cột đèn bên đường.

“Của ai đây?” ông ta hỏi.

“Đội trọng án. Ông cứ gọi điện để kiểm tra nếu cần. Ông ấy biết và cho phép tôi làm như thế.”

“Kiểu như hoạt động ngầm ấy à?” ông ta có vẻ kính trọng hơn.

“Lần sau họ có phàn nàn như thế nữa thì ông cứ bỏ qua nhé. Chắc mấy ngày tới ông sẽ nhận thêm nhiều đấy.”

Khi người cảnh sát đi rồi, cô gọi điện.

“Công việc thế nào?” giọng nói đầu dây bên kia hỏi.

“Ông ta có dấu hiệu căng thẳng. Ông ta làm vỡ cốc ở quầy. Ông ta cũng định đẩy tôi khỏi sân ga đấy.”

“Thế là đúng thôi. Nhưng cô phải cẩn thận. Đừng có lại gần ông ta quá, khi không có ai xung quanh. Nhớ là đừng để ông ta có đầu mối gì mà biết được lý do của việc này. Đừng đặt câu hỏi gì, mấu chốt là ở đó. Nếu ông ta biết cô đang tìm ai, thì mọi thứ sẽ đảo chiều hết, chẳng còn tác dụng gì cả.

Chính việc không biết khiến ông ta căng thẳng, dần dà sẽ đẩy ông ta tới chỗ chúng ta muốn.”

“Thông thường thì mấy giờ ông ta lại đi làm?”

“Ông ta ra khỏi nhà khoảng năm giờ chiều,” người đầu dây bên kia nói như trước mặt có một bảng thông tin đặt sẵn.

“Ngày mai, khi ra khỏi nhà, ông ta sẽ lại gặp tôi.”

* * *

Đêm thứ ba, quản lý quán đột nhiên tới quầy bar, không phải do ai yêu cầu, ra hiệu cho ông ta tới.

“Có chuyện gì thế, sao ông không phục vụ cô gái kia thế? Nãy giờ tôi có để ý rồi. Hai mươi phút. Khách ngồi đó hai mươi phút rồi. Ông không thấy à?”

Mặt ông ta xám ngoét, các nếp nhăn như hằn sâu. Bây giờ cứ lúc nào đến gần cô là ông ta lại như thế.

“Tôi không làm được...” ông ta nói ngắt quãng, cố gắng không để người khác nghe thấy. “Ông Anselmo, cô đó không phải là người nữa... cô ta đang tra tấn tôi... ông không hiểu đâu...” Ông ta khụt khịt, chỉ một chút nữa thôi là giọt nước mắt trào ra, hai gò má hơi phồng lên rồi lại xẹp xuống.

Cô, cách đó chưa đầy một bước, vẫn tiếp tục nhìn cả hai người, với đôi mắt trong sáng, an lành của một đứa trẻ.

“Đã ba đêm rồi, cô ta vẫn cứ như thế. Cô ta lúc nào cũng nhìn tôi...”

“Thì tôi cũng thấy cô ta nhìn ông. Cô ta đang đợi ông tới phục vụ đấy,” viên quản lý nhắc nhở. “Thế ông muốn khách làm gì?” Cúi xuống sát hơn nữa, khi thấy nét mặt không bình thường của ông ta, viên quản lý hỏi, “Ông mệt hay sao vậy? Nếu mệt, muốn về nghỉ thì tôi sẽ gọi Pete xuống làm.”

“Không, không!” ông ta nản nì, giọng gần như hoảng loạn. “Tôi không muốn về nhà... cô ta cũng sẽ lại đi theo tôi trên phố, rồi đứng ngoài cửa sổ cả đêm! Thà tôi ở đây còn hơn, xung quanh còn có người!”

“Đừng có ăn nói lung tung nữa, đi hỏi cô ta muốn uống gì đi,” quản lý nói trước khi quay người đi, chỉ khẽ liếc về phía người khách để tự khẳng định một lần nữa về cách cư xử lịch sự, hiền lành và vô hại của cô.

Bàn tay đặt cốc rượu xuống trước mặt cô run rẩy đến nỗi vài giọt bắn cả ra ngoài.

Hai người không hề nói với nhau một lời nào, mặc dù hơi thở gần như cùng nhịp.

* * *

“Xin chào,” nhân viên trực ga thân thiện chào qua khung cửa sổ nhỏ khi cô dừng ở cạnh đó. “Tôi cũng thấy lạ là cô với ông vừa đi qua kia hình như lúc nào cũng vào đây cùng lúc, nhưng lại không đi cùng nhau. Cô có thấy thế không?”

“Có, tôi có thấy thế,” cô trả lời. “Chúng tôi tối nào cũng đi ra từ cùng một chỗ mà.”

Cô vẫn tiếp tục ở lại chỗ buồng bảo vệ đó, hơi tì khuỷu tay vào mép ngoài của cửa sổ - có vẻ như chạm vào đó thôi là cô sẽ được luồng sức mạnh từ đó tỏa ra bảo vệ - khi cô tiếp tục tán gẫu với nhân viên trực ban lúc đợi tàu. “Thời tiết ổn nhỉ? Nhóc nhà ông thế nào rồi? ... Tôi không nghĩ đội Dodgers có cơ hội gì mùa này đâu.” Thỉnh thoảng, cô lại khẽ quay đầu liếc ra sân ga bên ngoài, nơi có một hành khách cô độc lúc đi lúc đứng, thậm chí có lúc đi khuất khỏi tầm nhìn. Nhưng tuyệt nhiên cô không đi ra ngoài đó.

Chỉ đến khi tàu đã đến, dừng hẳn lại, cánh cửa lên tàu mở ra thì cô mới chạy vội vàng tới để kịp lên tàu, theo một đường thẳng, nơi không có gì có thể xảy ra với cô cả vì ray thứ ba lúc này đã bị các toa tàu che khuất.

* * *

Một chuyến tàu trên cao lại bò tới với đôi mắt sáng quắc từ đầu đường. Một chiếc taxi lẽ mề chạy qua để người lái xe nhìn cô một cách tò mò nhưng không dừng vì đã chạy đủ cho ngày hôm đó và đang cho xe về nghỉ. Hai khách bộ hành đi qua, một người còn ngoái lại buông lời trêu ghẹo. Sự yên tĩnh lại bao trùm sau khi họ đã đi khuất.

Không hề có dấu hiệu nào báo trước, từ cánh cửa – cánh cửa của căn nhà có hai chiếc cửa sổ đó – xuất hiện một người phụ nữ, tóc tai bù xù, lao thẳng đến chỗ cô như bị bắn ra từ một chiếc ống dài trong ngôi nhà đó. Bà ta quàng bên ngoài bộ đồ ngủ một chiếc áo khoác, nhưng đôi chân trần chỉ mới xỏ một nửa vào giày, tạo ra những tiếng loẹt quẹt theo những bước chân như chạy có chủ đích. Tay bà ta cầm một cái que từng được sử dụng làm cán chổi lau sàn, dứ về phía bóng người duy nhất đang đứng ở bên kia đường với mục đích không thể khác là sẽ dùng nó để quật.

Cô quay người chạy, tới góc phố gần đó, rẽ sang phố bên cạnh – nhưng sự di chuyển của cô vừa đủ để thấy đó không phải là do sợ hãi mà chỉ là một cuộc rút lui, tránh đối đầu với một người cô không hề quan tâm tới.

Tiếng quát như rít của bà ta, không bị cản trở gì, bắt kịp cô khi cô mới đến giữa phố. “Ba ngày nay cô cứ rình rập chồng tôi. Quay lại đây. Muốn gì thì tôi cho. Tôi dâng luôn. Tôi sẽ cho cô biết tay. Thề đấy.”

Cô đứng đó, ở góc phố, nơi bà ta có thể nhìn thấy, đón nhận những cử chỉ đe dọa ghê gớm bằng cả cái que và cánh tay. Rồi cô từ từ tránh vào bóng tối.

Bà ta cuối cùng cũng phải trở sang bên kia đường, tìm lối về nhà.

Còn cô thì quay trở lại vị trí cũ, đứng đó nhìn chăm chăm lên ô cửa sổ của căn nhà bên kia đường, như một con mèo ngồi nhìn cửa hang chuột.

Một chuyến tàu đêm nữa bò qua... Một chiếc taxi chạy tới... Một người khách bộ hành đi qua rồi khuất bóng...

Hai ô cửa sổ bên kia đường lúc này cũng đang trùng trùng, giận giữ nhìn lại cô, nhưng với vẻ vô vọng.

“Sắp tới lúc rồi,” người đầu dây nói. “Thêm một hôm nữa để chắc chắn là ông ta đã hoàn toàn suy sụp. Có thể là tối ngày mai...”

* * *

Hôm nay ông ta không đi làm. Ông ta đã tìm cách ngắt đuôi hơn một tiếng đồng hồ.

Ông ta sắp dừng lại. Cô biết trước kể cả khi có động thái cụ thể, vì lúc này cô đã thuộc lòng các dấu hiệu đó rồi. Lần này ông ta dừng lại hẳn, đứng dựa vào tường một tòa nhà, mặc cho những người đang đi mua sắm khác qua lại trước mặt. Ông ta đã dừng hai, ba lần trước đó, nhưng rồi lại đi mà không có kết quả gì. Như mọi lần, ông ta đi tiếp, cô cũng đi theo.

Nhưng lần này cô cảm nhận được có sự khác biệt. Lần này việc ông ta dừng lại là ngoài ý muốn. Có vẻ như sợi dây chịu đựng cuối cùng cũng đã đứt, ở chỗ đó – vào lúc đó, tại nơi ông ta vừa đi qua, ông ta chợt thấy mình không còn gì để dựa vào nữa. Khi ông ta lùi vào bức tường, một cái gói nhỏ này giờ ông ta vẫn kẹp dưới nách từ từ trượt, rơi xuống đất; ông ta cứ để nó nằm chỏng chơ như thế.

Cô dừng bước, cách ông ta một đoạn. Và cũng như mọi lần, cô không hề kiểm soát hay giả bộ rằng việc cô dừng bước là không liên quan gì tới ông ta cả. Cô đứng đó nhìn ông ta, vẫn với ánh mắt trầm trọng.

Mặt trời lúc này chiếu thẳng vào khuôn mặt đang mỗi lúc một nhợt nhạt thêm. Ông ta chớp chớp mắt, mỗi lúc một nhanh.

Rồi thật không ngờ, những giọt nước mắt xuất hiện, ông ta khổ sở lấy tay chùi trước tất cả mọi người qua lại như muốn lau bỏ một cái mặt nạ xấu xí.

Có hai người dừng lại, tò mò. Hai người thành bốn, bốn thành tám. Ông ta và cô tạo thành một khoảng trống giữa đám đông đang ngày càng thu hút

thêm hết lớp này đến lớp khác phía bên ngoài.

Ông ta đã mất hết kiểm soát về tự tôn hay thể diện; ông ta nhìn những người xung quanh, gần như là cầu xin họ giúp đỡ, xin họ bảo vệ ông ta khỏi cô.

“Hỏi xem cô ta muốn gì ở tôi!” ông ta thốt thức. “Hỏi xem cô ta rốt cuộc là cần gì chứ. Cô ta cứ thế này với tôi mấy ngày nay rồi... ngày cũng như đêm, đêm cũng như ngày! Tôi không chịu nổi nữa, nói thật đấy, tôi không chịu nổi nữa đâu...”

“Ông ta sao thế, say à?” một bà nào đó hỏi bà bên cạnh, cố gắng nói thì thầm đủ nghe.

Cô vẫn đứng đó, không lùi bước, không hề có ý định trốn tránh sự chú ý của mọi người lúc này đang dành cả cho ông ta và cho cô. Cô có phong thái của người tự trọng và dễ mến, còn ông ta thì trông lỗ bịch và thảm hại. Điều đó chỉ dẫn tới một kết quả duy nhất: sự thông cảm từ đám đông chỉ có thể dành cho một phía. Mà đám đông thì thường là tàn bạo.

Những đôi môi mỉm cười bắt đầu xuất hiện. Rồi chúng biến thành những cái nhếch mép, thành sự khinh thường lộ liễu. Có lúc cả đám đông còn cười vào mặt ông ta không thương tiếc. Trong đó chỉ có một khuôn mặt vẫn tỉnh táo và trung lập.

Là cô.

Ông ta đã khiến tình hình tồi tệ đi nhiều chứ chẳng hề tốt hơn khi tự biến mình thành trò cười. Giờ ông ta không chỉ bị một người tra tấn mà tới ba mươi người. “Tôi không chịu nổi nữa. Tôi thề... tôi sẽ phải làm gì đó với cô ta...!” Thành linh, ông ta tiến về phía cô như muốn tấn công, như muốn cô trả giá.

Ngay lập tức có vài người đàn ông xấn vào, tóm lấy tay ông ta, đẩy ông ta ngã bên này, bên kia. Chỉ trong chớp mắt, xung quanh cô đã có vài người bao quanh. Ông ta, làm thế nào đó, vẫn thò được đầu qua vòng vây, ở vị trí thấp hơn bình thường, cố dẫn về phía cô.

Sự việc chẳng mấy chốc sẽ biến thành cuộc tấn công tập thể - hướng vào ông ta.

Cô nói to với mọi người, có kiềm chế, nhưng đủ để mọi người nghe thấy, với giọng bình tĩnh và rõ ràng, khiến các cánh tay lập tức dừng lại. “Đừng làm thế. Để ông ta yên. Để ông ta đi đâu thì đi.”

Nhưng giọng nói đó không có một chút ấm cúng hay thương cảm gì mà chỉ là một sự vô tâm lạnh lẽo như sắt. Như thế muốn nói: ‘Để ông ta cho tôi. Ông ta là của tôi.’

Những cánh tay buông ra, những nắm đấm biến mất, những chiếc áo khoác được khép về vị trí vốn có, đám người giận dữ ở vòng trong lui về với những người ở vòng ngoài. Để lại ông ta trong cái vòng tâm trống rỗng. Một mình với cô.

Ông ta vô vọng làm vài động tác giả, cố gắng tìm cách thoát khỏi vòng vây của đám người xung quanh. Ông ta tìm thấy một kẽ hở, liền lao đến, xuyên qua đám đông. Ông ta chạy hết tốc lực trên con phố, cố gắng xa đám đông, cố gắng thoát khỏi người con gái mảnh dẻ vẫn đứng đó nhìn theo. Chiếc áo khoác bó sát vào cơ thể nhỏ bé, chỉ vừa một vòng tay ôm. Ông ta đã xuống đến đáy của sự suy sụp.

Cô không nấn ná ở đó lâu. Cô chẳng quan tâm tới sự cổ vũ của đám đông, cũng không hề thấy vui vẻ trước chiến thắng công khai này. Cô khéo léo lách người qua bọn họ cho đến khi thoát được ra ngoài. Rồi cô đuổi theo người đàn ông nặng nề kia bằng những bước đi nhẹ nhàng như chạy.

Một cuộc rượt đuổi lạ lùng. Một cuộc rượt đuổi khó ai tin được. Một cô gái mảnh dẻ đuổi theo một nam nhân viên quầy bar to khỏe, qua các tòa nhà, qua các cửa hàng, qua các con phố đông đúc của New York.

Ông ta cũng gần như ngay lập tức nhận ra cô đã lại một lần nữa bám theo. Ông ta nhìn lại, quá đỗi tuyệt vọng. Cô đã đợi ông ta nhìn lại. Khi đó, cô đưa tay ra dấu – dấu hiệu ra lệnh cho ông ta dừng lại.

Đến lúc rồi. Đây là lúc Burgess sẽ đồng ý, cô cảm thấy chắc chắn. Giờ thì ông ta như tượng sáp tan chảy dưới ánh nắng ban trưa. Đám đông lúc

trước đã tước bỏ đi lớp bảo vệ cuối cùng. Ông ta đã thử, nhưng thấy vô hiệu, và giờ thì ông ta chẳng còn cảm giác được an toàn, được bảo vệ ngay giữa thanh thiên bạch nhật, giữa những con phố nhộn nhịp.

Sự kháng cự của ông ta sẽ lại bắt đầu trở dậy nếu như cô không hành động ngay khi cơ hội đến. Đây chính là lúc thành quả đạt tối đa, nếu lặp lại thì chỉ khiến ông ta trở nên nhờn mà thôi. Cô biết vậy.

Thời điểm đã chín muồi. Chỉ cần dồn ông ta vào bức tường nào đó gần nhất, gọi Burgess tới, để hoàn tất công việc. ‘Giờ ông đã sẵn sàng thú nhận là đã nhìn thấy một người phụ nữ ở quầy bar đi cùng với người có tên là Henderson hay chưa? Tại sao ông lại chối là không nhìn thấy cô ta? Ai trả tiền hay ép buộc ông làm thế?’

Ông ta dừng lại, ở góc phố tiếp theo, nhìn xung quanh như thể tìm lối ra như một con thú bị dính bẫy. Ông ta trắng bệch vì hoảng loạn. Cô nhận ra điều đó khi ông ta bắt đầu điên đảo chạy tìm nơi trú ẩn. Với ông ta, cô không còn là một cô gái hay một cái gì đó chỉ cần vung tay là có thể hạ được. Với ông ta, cô chính là sự báo ứng.

Cô lại đưa tay lên ra dấu, khi cự ly giữa hai người rút ngắn nhanh chóng. Nhưng hành động đó lại như một ngọn roi quất thêm vào nỗi đau khi ông ta đã hoàn toàn mất phương hướng. Ông ta bước lòng vòng tại góc phố, phía sau một hàng người đang dàn ngang ở vỉa hè, chờ đèn tín hiệu cho qua đường.

Ông ta nhìn cô lần cuối – khi cô vẫn đang tiến tới – rồi lao mình qua hàng rào người đó như diễn viên xiếc lao qua chiếc vòng có màng giấy trong rạp.

Cô khựng lại, như thể hai chân bất ngờ bị chôn hay bị cái gì đó tóm chặt lấy trên vỉa hè. Có tiếng bánh xe rít lên do phanh gấp trên nền mặt đường trải nhựa.

Cô đưa cả hai tay lên che lấy mắt, bịt kín hai mắt, nhưng đó là sau khi cô đã nhìn thấy chiếc mũ bay lên không trung, lượn một vòng phía trên đầu những người xung quanh.

Tiếng một phụ nữ nào đó hét lên. Sau đó là sự im lặng khủng khiếp của đám đông bắt đầu tụ tập.

11 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

LOMBARD

Hơn một tiếng rưỡi nay, Lombard đã đi theo ông ta, mà thật sự là chẳng có đối tượng theo dõi nào trên trái đất này di chuyển chậm hơn một người hành khất mù cả. Ông ta như một con rùa đang đếm từng ngày trôi qua trong cuộc đời kéo dài nhiều thế kỷ chứ không phải là một người bình thường chỉ có vài chục năm. Trung bình thì ông ta cần khoảng bốn mươi phút mới qua hết được một dãy phố, từ đầu này tới đầu kia. Lombard đã bấm giờ cụ thể mấy lần rồi. Ông ta không dùng chó để dẫn đường, mà hoàn toàn dựa vào những khách bộ hành khác khi muốn đi qua đường. Họ luôn giúp ông ta. Cảnh sát đảm bảo đường thông thoáng, nếu như đến lúc đèn xanh trở lại cho xe cộ đi qua mà ông ta vẫn chưa sang hết đường. Chẳng mấy người đi qua mà quên thả cái gì đó vào trong chiếc cốc ông ta cầm, thế nên ông ta cũng thấy cần đi chậm. Nhưng đối với Lombard thì đó là việc khó chịu khủng khiếp vì Lombard là người năng động, không bị tàn phế, và lại đang trong giai đoạn mà thời gian trong ngày có giá trị hơn lúc nào hết. Lombard chẳng có lựa chọn nào khác ngoài việc tiếp tục tham gia vào cuộc bám đuôi vô tận này với nhịp độ chậm rãi đáng sợ như biện pháp tra tấn bằng cách nhỏ nước vào đầu của người Trung Quốc. Nhưng Lombard cố gắng kiềm chế, giữ ông ta trong tầm mắt, rít mạnh những điều thuốc để van an toàn hoạt động tốt, trong khi đứng bất động trong các khuôn cửa đi hay cửa sổ, mặc cho ông ta tạo khoảng cách một lúc rồi mới lại nhanh chóng rút ngắn cự ly bằng những sai chân dài, trước khi lại rơi vào trạng thái bất

động chờ đợi, nhìn ông ta nhích qua từng viên gạch trên vỉa hè. Một vài tiếng chửi thề là không thể tránh khỏi giữa những chu kỳ rượt đuổi này.

Không thể thế này mãi được, Lombard tự nhủ. Chẳng thể nào cứ thế này hết đêm. Người hành khất kia dù sao thì cũng là con người bằng xương, bằng thịt. Thế nên ông ta sẽ phải ngủ. Ông ta sẽ phải rời bỏ nơi công cộng, tìm kiếm nơi nào đó giữa các bức tường để nghỉ ngơi. Người như ông ta không đi ăn xin suốt đêm cho tới sáng – ông ta biết không phải cứ càng đi là càng xin được nhiều.

Thời điểm đó cuối cùng cũng đến. Lombard đã có lúc tưởng nó không bao giờ đến. Ông ta rẽ sang bên, đi vào giữa các bức tường, tránh những không gian mở. Khi cả hai tiến vào khu vực đó, Lombard nhận ra rằng nơi này đã bị lãng quên từ lâu nên sự hào phóng là điều khó xuất hiện. Bản thân nơi này cũng cần sự giúp đỡ chứ không phải là nơi ban phát. Một đầu khu này bị chặn bởi bức tường lát đá granite xù xì của cột đỡ cho tuyến đường sắt trên cao.

Ổ của ông ta là một khu nhà mố meo nằm ngay ở giữa. Lombard thấy cần cẩn trọng, mặc dù vẫn chưa biết đó sắp là điểm cuối cùng rồi. Lombard tụt lại đằng sau khá xa, vì lúc này các con phố bận rộn đã tụt lại sau, không còn có nhiều tiếng bước chân của người khác giúp che dấu thân phận nữa, trong khi đó Lombard thừa biết những người này có đôi tai thính hơn bình thường rất nhiều.

Vì thế khi người hành khất vào khu nhà đó thì Lombard đã bị tụt lại xa hơn mong muốn. Ông ta nhanh chóng rút ngắn cự ly, cố gắng đến nơi kịp lúc để biết chắc người hành khất kia lên tầng nào. Lombard dừng ở cửa, cẩn trọng đi vào, chỉ đủ sâu để lắng nghe.

Tiếng gõ gõ xuống sàn vẫn vọng tới với sự chậm rãi bất tận. Tiếng gõ như những giọt nước nhỏ nhỏ từ một chiếc vòi nước hỏng rơi xuống một chiếc xô bằng gỗ. Lombard nín thở, lắng nghe. Ông ta đếm được bốn lần dừng tất cả - sự thay đổi về nhịp điệu, mỗi khi người hành khất thay đổi nhịp cầu thang. Tiếng gõ trầm đục hơn khi ở các chiếu nghỉ so với ở các

bậc đi lên. Sau đó tiếng gõ di chuyển về phía sau khu nhà, không ra phía mặt tiền.

Lombard đợi cho đến khi nghe thấy tiếng đóng cửa khe khẽ văng lại từ đầu đó rồi mới lên theo, di chuyển kín đáo nhưng khá nhanh, bằng tất cả những năng lượng bị dồn nén giờ bung ra như chim xổ lồng. Độ dốc khá lớn của các nhịp cầu thang hẳn sẽ làm người khác thấy mỏi nhanh chóng, nhưng với Lombard hầu như không cảm thấy gì.

Ở cuối lối đi có hai cánh cửa, nhưng Lombard có thể xác định được mục tiêu rõ ràng, cho dù còn đứng ở khá xa, vì một cánh cửa rõ ràng là cửa nhà vệ sinh.

Lombard đứng đợi ở bậc trên cùng cho đến khi nhịp thở dồn dập trở nên ổn định trở lại, rồi cẩn trọng tiến tới cánh cửa đó. Lombard một lần nữa tự nhắc mình về thính giác nhạy bén của những người này. Nhưng Lombard đã đạt được mục đích, không hề sơ sẩy. Không có một tiếng cọt kẹt nào từ sàn gỗ, đó là nhờ sự khéo léo và mềm mại của ông ta chứ không phải là do cân nặng không đủ. Lombard vẫn luôn là một cỗ máy vận hành hoàn hảo, nhẽ ra nên nằm trong một chiếc xe đua chứ không phải được bao bọc bởi một lớp da mỏng manh.

Lombard áp tai vào cửa, lắng nghe.

Sau cánh cửa không có ánh đèn nào hắt ra, dĩ nhiên rồi, bởi vì với người hành khất đó thì bên trong chưa lúc nào có ánh sáng, thế nên bật đèn lên cũng không có ý nghĩa gì cả. Nhưng Lombard có nghe thấy tiếng di chuyển qua lại. Đối với Lombard, đó là một con thú về đến ổ, đang lăn lộn qua lại một chút, tìm kiếm sự thoải mái, trước khi nghỉ ngơi hoàn toàn.

Không có tiếng nói nào vọng ra. Nhưng người hành khất chắc chắn ở trong đó.

Như vậy là đủ lâu rồi. Đến lúc rồi. Lombard gõ cửa.

Tiếng di chuyển bên trong lập tức tắt lịm, sau đó là sự yên lặng. Một nốt nghỉ. Căn phòng đang tỏ ra là nó trống rỗng. Sự yên tĩnh bắt nguồn từ sự

hãi mà Lombard biết rằng sẽ vẫn như vậy cho đến khi ông ta còn ở ngoài cửa – nếu ông ta cho phép điều đó.

Lombard lại gõ cửa.

“Thôi nào,” Lombard nói gằn.

Lần gõ cửa thứ ba có sức mạnh như ra lệnh. Lần thứ tư sẽ là đập cửa xông vào.

“Mở cửa nào,” Lombard phá tan sự yên lặng.

Tiếng sàn gỗ cọt kẹt khê khàng bên trong, sau đó là một giọng nói nhỏ như hơi thở, dường như xuất phát ở rất gần cánh cửa, “Ai ở ngoài đó?”

“Một người bạn.”

Giọng nói tỏ ra sợ hãi hơn chứ không phải là an tâm. “Tôi không có bạn. Tôi không biết ông.”

“Cho tôi vào. Tôi không làm hại gì ông cả.”

“Không được. Tôi chỉ có một mình mà lại không tự vệ được. Tôi không cho ông vào được đâu.” Ông ta lo lắng cho thành quả lao động của mình, Lombard biết. Chẳng trách ông ta được. Với ông ta như vậy mà cho đến lúc này vẫn chưa bị ăn cướp hay ăn trộm mất thì đã là điều thần kỳ rồi.

“Mở cửa cho tôi vào. Chỉ một phút. Tôi chỉ muốn nói chuyện thôi mà.”

Giọng nói sau cánh cửa rên rỉ, “Đi chỗ khác đi. Đi khỏi nhà tôi đi, không thì tôi sẽ kêu cứu qua cửa sổ.” Nhưng đó là lời khẩn cầu chứ chẳng phải là đe dọa.

Lại có một nốt nghỉ ngắn. Cả hai người đều không di chuyển. Cả hai người đều không nói gì. Họ đều cảm nhận được rằng đối phương ở rất gần. Một bên là quyết tâm, một bên là sợ hãi.

Cuối cùng Lombard lấy ví ra, nhìn bên trong, tính toán. Tờ tiền có giá trị lớn nhất trong đó là năm mươi đô-la. Có mấy tờ mệnh giá nhỏ hơn, nhưng Lombard không chọn, mà chọn chính tờ đó. Lombard ngồi xuống, nhét tờ tiền qua khe cửa cho đến khi không còn thò ra bên ngoài nữa.

Ông ta đứng thẳng lên rồi nói, “Ông ngồi xuống, sờ ở chân cửa xem. Đó là bằng chứng tôi sẽ không lấy tiền của ông đâu. Giờ mở cửa đi.”

Có một chút ngập ngừng, rồi tiếng khóa xích trượt trên cánh cửa. Then cửa được kéo ra, và cuối cùng là chìa khóa xoay trong ổ. Những lớp bảo vệ khá chu đáo.

Cánh cửa từ từ mở ra, đôi mắt kính đen vô hồn Lombard thấy trên phố giờ đang chăm chăm hướng về ông ta. “Có ai khác đi với ông không?”

“Không, tôi chỉ có một mình. Tôi không đến đây để làm hại ông, thế nên không phải căng thẳng.”

“Ông không phải người của cảnh sát đấy chứ?”

“Không, tôi không phải người của cảnh sát. Nếu là người của cảnh sát thì sẽ có cảnh sát đi cùng, nhưng mà tôi lại đi một mình. Tôi chỉ muốn hỏi ông mấy chuyện thôi, ông hiểu ra chưa?” Lombard tự tiện bước vào.

Bóng tối bên trong khiến căn phòng như vô hình, không có thực, không có hình dáng, giống như thế giới của người hành khất này. Trong một thoáng, ánh đèn mờ mờ phản chiếu từ lối đi cũng có chút ích lợi, nhưng nó cũng biến mất khi cánh cửa đóng lại.

“Ông bật đèn lên được không?”

“Không,” người ăn mày mù nói, “như thế này thì tôi với ông bình đẳng. Ông chỉ muốn nói chuyện thì cần đèn làm gì?” Lombard nghe thấy tiếng đệm lò xo khi chủ nhà ngồi xuống. Hẳn là ông ta đang ngồi giữ số tiền xin được, giấu ở dưới đệm.

“Thôi nào, bỏ mấy cái vớ vẩn đó đi. Thế này tôi không nói chuyện được...” Lombard mò mẫm ở khoảng ngang với đầu gối, cuối cùng cũng sờ thấy được tay vịn của một chiếc ghế gỗ, liền xích về phía đó và ngồi xuống.

“Ông nói là muốn hỏi chuyện gì đó,” giọng nói kia tỏ ra căng thẳng trong bóng tối. “Giờ ông vào rồi đấy, có gì hỏi thì hỏi đi. Không cần nhìn cũng có thể hỏi được mà.”

Lombard nói, “Thế thì cho tôi hút thuốc được không? Ông không phản đối chứ? Ông cũng hút, đúng không?”

“Khi kiếm được thì hút,” giọng nói kia mỗi mệ đáp.

“Đây, làm một điếu đi.” *Xoạch*. Một ngọn lửa nhỏ bùng lên từ bàn tay Lombard. Căn phòng nhỏ hiện lên.

Người ăn mày mù ngồi ở mép giường, chiếc gậy đặt ở trên đùi, có thể biến thành vũ khí khi cần.

Bàn tay Lombard rút ra khỏi túi, trong tay – không phải là thuốc lá – là một khẩu súng ngắn. Lombard dí súng sát vào đối phương. “Đây, ông cứ tự nhiên,” Lombard nói với giọng vui vẻ.

Người ăn mày mù cứng người. Chiếc gậy lăn khỏi gối rồi rơi xuống sàn nhà. Hai bàn tay ông ta đưa lên che mặt. “Tôi biết ngay là ông đến cướp tiền mà!” ông ta than vãn. “Nhẽ ra tôi không nên để ông vào...”

Lombard cất súng đi, cũng vẫn bình tĩnh như khi rút ra. “Ông không mù,” Lombard nói nhẹ nhàng. “Chẳng cần tới đòn vừa rồi tôi cũng chứng minh được. Nhưng tôi muốn ông biết rằng là tôi đã có chuẩn bị sẵn dành cho ông. Chỉ với việc ông mở cửa vì tờ năm mươi đô-la là đủ với tôi rồi. Chắc lúc đó ông đánh diêm để xem tiền. Nếu không mù giả thì sao mà ông biết đó không phải là tờ một đô-la? Tờ một đô-la có cùng kích thước như thế, sờ cũng giống thế. Tờ một đô-la thì hẳn chẳng thể thuyết phục ông mở cửa được. Hôm nay có khi ông còn kiếm được nhiều hơn thế. Nhưng tờ năm mươi đô-la thì là đáng để mạo hiểm, nhiều hơn số tiền ông xin được.”

Lombard nhìn thấy một cây nến đã dùng dở, liền tới đó dí chiếc bật lửa vào trong khi vẫn nói.

“Ông là người của cảnh sát,” người ăn mày sợ hãi, lấy mu bàn tay lau những giọt mồ hôi bắt đầu xuất hiện. “Nhẽ ra tôi phải biết...”

“Tôi không phải là người quan tâm tới việc ông giả mù để đi ăn xin hay là gì. Nói thế để ông yên tâm.” Lombard quay lại, ngồi xuống ghế.

“Thế ông là ai? Muốn gì ở tôi?”

“Tôi muốn ông nhớ lại một chuyện ông đã thấy... ông mù ạ,” Lombard nói thêm một cách mỉa mai. “Giờ nghe cho rõ đây. Ông có đứng xin tiền ở ngoài rạp Casino, khi khán giả ra về, tối hôm đó là vào tháng Năm vừa rồi...”

“Tôi xin ở đó nhiều lần lắm.”

“Tôi chỉ nói tới một buổi tối thôi, chỉ hôm đó thôi. Tôi chỉ quan tâm tới hôm đó, những hôm còn lại thì mặc xác. Tối hôm đó, có một người đàn ông đi cùng một người phụ nữ. Người phụ nữ này đội một chiếc mũ màu da cam rực rỡ, trên đỉnh còn có một cái lông. Ông đã đến xin tiền khi họ gọi taxi, cách cửa ra một quãng. Ông nghe cho rõ này. Do vô tình, người phụ nữ đó làm rơi điếu thuốc còn cháy vào cốc của ông vì lúc đó ông đang dí vào, thay vì bỏ tiền vào đó. Điếu thuốc làm ông bỏng ngón tay. Người đàn ông kia lập tức lấy ra cho ông, rồi bù đắp cho ông bằng một, hai đô-la gì đó. Hình như ông ta còn nói là, ‘Xin lỗi, ông bạn, không cố ý.’ Chuyện đó hẳn ông phải nhớ, vì không phải hôm nào ông cũng bị bỏng ngón tay vì thuốc lá đang cháy trong cốc, và cũng không phải hôm nào ông cũng được cho hai đô-la từ một người duy nhất.”

“Nếu tôi không nhớ thì sao?”

“Thì tôi sẽ lôi ông ra khỏi đây rồi dắt ông vào đồn cảnh sát gần nhất, tố cáo ông giả mù. Ông sẽ bị bắt đi làm công ích, ông sẽ có tên trong sổ của cảnh sát, và mỗi khi họ thấy ông xin ăn trên phố thì họ sẽ lại đón ông về đồn chơi.”

Người ăn mày đưa tay lên xoa mặt, chiếc kính bị dòn lên trên trong một thoáng. “Nhưng như thế chẳng phải là ép tôi phải nói là tôi nhớ trong khi tôi còn không chắc có nhớ hay không sao?”

“Chỉ là ép ông phải nhận điều tôi chắc chắn là ông có nhớ.”

“Thế nếu tôi nói là tôi nhớ thì sẽ thế nào?”

“Trước tiên, ông xác nhận với tôi là ông nhớ. Sau đó, ông sẽ nói lại điều đó với một nhân viên công lực mặc thường phục, một người bạn của tôi. Tôi đưa ông tới gặp người đó, hoặc dẫn người đó tới đây...”

Người hành khất giật nảy mình, khước từ. “Nhưng sao tôi làm thế được, nếu không muốn lộ tẩy? Nhất là với mấy ông thường phục! Tôi phải đóng vai mù, mù thì làm sao mà thấy được họ? Như thế thì cũng giống trường hợp tôi nói là không nhớ.”

“Không giống. Ông chỉ nói riêng với người đó, chứ không phải với toàn bộ lực lượng cảnh sát. Tôi sẽ thương lượng với người đó, đảm bảo cho ông sẽ được miễn truy tố. Như thế được chưa? Ông có thấy hay không thấy?”

“Tôi có thấy,” người giả mù thú nhận. “Tôi thấy họ đi cùng nhau. Thường thì tôi nhắm mắt, kể cả khi đã đeo kính, khi ở nơi có nhiều ánh sáng, giống như ở ngoài nhà hát. Nhưng lúc bị bóng thì tôi phải mở mắt to ra ấy. Tôi thấy họ, tôi thấy cả hai bọn họ.”

Lombard rút một cái gì đó ra khỏi ví. “Có phải người này không?”

Ông mù bỏ hẳn kính xuống, chăm chú nhìn bức ảnh. “Có thể là đúng,” ông ta nói. “Lúc đó tôi chỉ thoáng nhìn ông ta, mà cũng lâu rồi mà, nhưng tôi có thể nói đó là cùng một người.”

“Còn người phụ nữ kia? Nếu gặp lại thì ông có thể xác nhận được không?”

“Tôi đã gặp lại rồi. Ông ta thì tôi chỉ gặp một lần vào tối hôm đó, nhưng cô ta thì tôi gặp lại ít nhất một lần...”

“Gì cơ?” Lombard đứng phắt dậy, chồm về phía người ăn mày, khiến chiếc ghế trống đung đưa nhẹ nhàng sau. Lombard tóm lấy vai người ăn mày, bóp mạnh như muốn vắt ra thêm thông tin từ tẩm thân gầy gò đó. “Nói cho tôi rõ đi, nhanh nào.”

“Cũng không lâu lắm, đúng một tuần sau, thế nên tôi mới biết đó là bà ta. Lúc đó là ở trước một khách sạn lớn, hạng sang. Ông cũng biết ở đó sáng thế nào rồi đấy. Tôi nghe thấy tiếng bước chân đi xuống thềm, một đàn ông và một phụ nữ. Tôi nghe thấy người phụ nữ nói, ‘Chờ em một chút, để em tìm vận may,’ nên tôi biết bà ta nói đến tôi. Tôi nghe thấy tiếng bước chân chuyển hướng, tiến tới chỗ tôi đang đứng. Một đồng xu. Một đồng hai năm xu. Chỉ cần nghe là tôi biết đồng nào ra đồng nào. Rồi sau đó là

chuyện lạ lùng, chính chuyện này thì tôi mới biết đó là bà ấy. Chỉ là một chuyện nhỏ, cũng không biết là ông có cảm nhận giống tôi không ấy. Bà ta đứng đó, trước mặt tôi, tới gần một phút. Làm gì có ai làm thế chứ. Tiền thì đã bỏ vào rồi, thế nên tôi biết là bà ấy đang nhìn tôi hoặc chỗ nào đó trên người tôi. Tay phải tôi đang cầm cốc giơ ra, tay bị bóng ấy, vết bóng lúc này đã sừng tấy rồi. Chắc là bà ấy thấy vết bóng trên ngón tay. Rồi thế này nhé. Tôi nghe bà ấy nói, chắc là tự nói tự nghe chứ không phải nói với tôi, ‘Lạ thật đấy...!’ rồi bà ấy quay lại chỗ ông kia đang đợi. Chỉ có thế...”

“Nhưng...”

“Chờ chút nào, tôi đã xong đâu. Tôi mở mắt ra một chút, nhìn vào cái cốc. Bà ấy đã thêm vào đó tờ một đô-la nữa chứ không chỉ có đồng hai mươi xu. Tôi biết là bà ấy thêm, vì trước đó làm gì có. Lý do gì mà bà ấy đổi ý, cho thêm một đô-la khi đã cho hai mươi xu rồi? Chắc đó là cùng một người chứ sao, vì chắc bà ấy nhận ra vết bóng, và chuyện mấy hôm trước...”

“Chắc là, chắc là...” Lombard tỏ ra thiếu kiên nhẫn. “Tôi tưởng ông nói là ông đã nhìn thấy, tưởng là ông biết cô ta trông thế nào chứ!”

“Phía trước mặt thì tôi không biết bà ấy trông thế nào vì tôi đâu có dám mở mắt ra nhìn. Chỗ đó sáng quá, mở mắt ra là lộ hết. Khi bà ấy quay đi, tôi thấy tờ một đô-la rồi thì mới ngược lên nhìn trộm một chút từ đằng sau lưng, khi bà ấy vào xe.”

“Đằng sau lưng! Thôi được rồi, có gì cứ nói tiếp xem từ đằng sau lưng trông thế nào.”

“Thực ra tôi cũng không trông thấy toàn bộ từ đằng sau vì tôi không dám ngẩng hẳn lên. Tôi chỉ nhìn thấy bà ấy đi tất lụa và một chiếc giày cao gót. Khi cúi thì tôi chỉ nhìn được thế là rõ thôi.”

“Tối hôm trước thì thấy cái mũ da cam. Một tuần sau thì thấy tất và giày cao gót!” Lombard lắng ông ta trở lại giường. “Cứ đà này thì hai mươi năm nữa sẽ dựng lại được toàn bộ chi tiết phần giữa.”

Lombard bước tới giật tung cửa ra, bực tức nhìn lại. “Ông sẽ nhớ được nhiều hơn thế, tôi chắc chắn, chỉ cần có người biết khai thác thôi. Hôm đầu tiên chắc chắn là ông đã thấy cô ta rõ ràng, ngoài nhà hát. Lần thứ hai thì hẳn đã nghe thấy địa chỉ được nói với lái xe khi cô ta vào...”

“Tôi không...”

“Ông cứ ở yên đây, hiểu chưa? Đừng đi đâu hết. Tôi đi gọi người bạn kia đến. Tôi muốn ông ấy cùng nghe câu chuyện này với tôi.”

“Nhưng ông ấy là cảnh sát mà?”

“Tôi đã nói là không sao đâu. Chúng tôi không quan tâm tới ông, cả hai chúng tôi. Ông không có gì phải lo hết. Nhưng đừng có biến đi trước khi tôi quay lại, kẻo ông gặp rắc rối to đấy.”

Lombard đóng cửa lại.

* * *

Giọng nói ở đầu dây bên kia có vẻ ngạc nhiên. “Ông tìm được gì rồi ư?”

“Tìm được chút manh mối rồi. Tôi muốn ông cùng nghe luôn. Tôi nghĩ ông sẽ tìm thêm được nhiều manh mối từ đó hơn tôi. Tôi đang ở góc phố Một Trăm Hai Mười Ba và đại lộ Park, tòa nhà ngay giáp đường sắt ấy. Tôi nghĩ ông nên đến đây càng nhanh càng tốt. Tôi đã nhờ một cảnh sát trông cửa trước khi tôi quay lại. Giờ tôi đang ở góc phố, bộ điện thoại gần nhất tôi tìm được. Tôi sẽ đợi ông ở cửa nhà đó.”

* * *

Mấy phút sau, Burgess nhảy khỏi xe tuần tra khi xe vẫn còn chưa kịp dừng. Chiếc xe chạy tiếp còn Burgess tới chỗ Lombard cùng một viên cảnh sát đang đứng chờ ở cửa.

“Trong này,” Lombard nói, xoay người đi vào mà không giải thích gì thêm.

“Giờ tôi đi tuần tiếp đây,” viên cảnh sát kia nói rồi bỏ đi.

“Cám ơn nhiều, ông cảnh sát,” Lombard nói với theo.

Lúc này họ đã vào tới cầu thang. “Trên cùng ấy,” Lombard giải thích, đồng thời đi trước dẫn đường. “Ông ta thấy người phụ nữ đó hai lần, tối hôm đó và một lần khác nữa, một tuần sau. Ông ta mù... đừng cười vội... tất nhiên là mù giả thôi.”

“À, thế thì đến cũng đáng rồi,” Burgess thú nhận.

Họ qua nhịp cầu thang thứ nhất, người trước người sau, tay bám dọc thành cầu thang. “Muốn được miễn tội... giả mù. Sợ cảnh sát.”

“Nếu thông tin có ích thì tôi có thể xoay được,” Burgess làu bàu.

Chiếu nghỉ thứ hai. “Một tầng nữa.” Lombard nhẩm đếm.

Hai người không nói gì khi đi nhịp cầu thang tiếp theo.

Chiếu nghỉ thứ ba. “Đèn từ đây lên sao tắt thế này?” Burgess băn khoăn.

Có chút thay đổi trong ngữ điệu của Lombard. “Lạ thật. Lúc tôi đi xuống thì đèn còn sáng mà. Có thể là cháy bóng hoặc là bị tắt hay sao đó.”

“Ông chắc là lúc đó còn sáng chứ?”

“Chắc chắn. Tôi còn nhớ là trong phòng thì tối lắm, nhưng có ánh đèn hắt vào từ lối đi khi cửa mở.”

“Để tôi đi trước. Tôi có đèn pin đây.” Burgess lách lên, dẫn đường, vừa đi vừa lấy đèn pin ra. Khi đến đoạn cầu thang chuyển hướng ngược trở lại, Burgess đột nhiên thụp xuống. “Cẩn thận,” ông ta cảnh báo Lombard. “Lùi lại.”

Đèn phim vụt sáng lên, vẽ một vệt sáng dài từ tường tới bậc thang dưới cùng. Tại bậc thang này có một người, dáng vẻ không được tự nhiên. Hai chân duỗi thẳng, vắt qua mấy bậc cuối cùng, phần thân nằm hoàn toàn ở chiếu nghỉ, nhưng đầu lại nghẹo một cách kỳ quặc ở góc giao giữa chiếu

nghi và tường. Lủng lảng ở bên tai là chiếc kính râm mắt đen, nhưng nhờ phép màu nào đó mà không bị vỡ.

“Ông ta đó?”

“Chính ông ta,” Lombard đáp gọn lỏn.

Burgess cúi xuống cái xác, xem xét một lúc, rồi đứng dậy. “Gãy cổ,” ông ta nói. “Chết ngay lập tức.” Burgess chiếu đèn dọc cầu thang, tiếp tục đi lên, soi xung quanh sàn. “Tai nạn,” ông ta nói. “Trượt chân ở đây, trên bậc trên cùng này, rồi lao đầu xuống trước. Đầu đập vào tường chỗ chiếu nghỉ kia. Bậc trên này vẫn còn vết trượt đây.”

Lombard cũng từ từ bước lên theo cầu thang, bực tức nhận xét. “Tai nạn đúng lúc quá! Tôi vừa gặp được...” Ông ta ngừng lời, quay sang nhìn viên cảnh sát với vẻ dò hỏi. “Ông không nghĩ là có khả năng gì đó khác đây chứ?”

“Có ai đi qua chỗ ông và anh bạn lúc này khi đứng đợi ngoài cửa không?”

“Không có ai vào hay ra cả.”

“Ông có nghe thấy tiếng ngã không?”

“Không. Chúng tôi mà nghe thấy thì đã chạy vào xem rồi. Nhưng lúc đợi thì ít nhất có hai lần tàu chạy qua... lúc đó thì mình nói mình cũng không nghe thấy. Khả năng là xảy ra đúng lúc đó.”

Burgess gật đầu. “Chắc vậy nên những người khác trong nhà này mới không nghe thấy. Có quá nhiều điểm ngẫu nhiên nên chắc là tai nạn thôi. Tôi đoán là dịp khác thì ông ta có đập đầu vào cái tường đó mười lần mà vẫn sống nhăn, nhưng lần này lại bị gãy cổ. Ông ta chết ngay lập tức, nhưng lý do như vậy thì chưa chắc chắn được.”

“Thế còn bóng đèn thì sao? Tôi thấy có nhiều điểm tình cờ quá. Tôi cam đoan với ông là khi tôi chạy xuống gọi điện cho ông thì đèn vẫn sáng rõ lắm. Nếu đèn không sáng thì tôi đã phải mò mẫm đi xuống, nhưng mà tôi lại không phải mò mẫm, tôi chạy nhanh lắm.”

Burgess chiếu đèn dọc tường tới khi tìm thấy cái ông ta muốn: nó nằm trên một cái ke bắt vào tường. “Tôi không hiểu được ý ông,” Burgess nhìn vật đó chăm chú. “Nếu như ông ta giả mù, hoặc ít nhất là phần lớn thời gian ông ta nhắm mắt, thì đèn có sáng hay không có ý nghĩa gì ở đây nhỉ? Tại sao bóng tối lại gây trở ngại cho ông ta được chứ? Thực ra tôi thấy trong bóng tối thì ông ta còn chắc chắn hơn khi sáng ấy chứ, vì ông ta không quen dùng tới mắt.”

“Có thể chính là vì thế thì sao,” Lombard nói. “Có thể là ông ta chạy ra nhanh quá, để trốn đi trước khi tôi quay lại, mà quên nhắm mắt, cứ mở như thường. Mà khi mở mắt thì có khác gì ông với tôi đâu.”

“Giờ thì tôi thấy ông loạn lên rồi đấy. Nếu muốn ông ấy bị lóa mắt thì đèn lúc đó phải sáng trưng ấy chứ. Ông tính tới chuyện đó đúng không nào. Nhưng mấu chốt ở đây là gì nhỉ? Khả năng ông ta bị trượt chân thì cũng ngang bằng với khả năng ông ta bị gãy cổ vì cú ngã đó thôi.”

“Thôi được rồi. Một vụ tai nạn kỳ quặc.” Lombard phẩy tay rồi đi xuống. “Ý của tôi là thời điểm này có vấn đề. Tôi vừa mới gặp...”

“Tai nạn vẫn xảy ra mà. Nhưng tai nạn tự chọn thời điểm chứ đâu có theo anh sắp đặt.”

Lombard bước dọc thành thịch bước xuống, mỗi bước như đón toàn bộ trọng lượng cơ thể. “Giờ thì ông muốn moi gì ở người này cũng chẳng còn được nữa rồi.”

“Đừng thấy thế mà thất vọng. Cũng có thể là ông sẽ tìm được người khác nữa.”

“Từ ông ta thì thôi rồi. Tất cả mọi thứ đã rõ ràng ngay đó, chỉ đợi ông đến mà thôi.” Lombard giờ đã xuống tới chiếu nghỉ có xác người ăn xin tội nghiệp. Đột nhiên ông ta quay lại. “Gì thế? Có chuyện gì?”

Burgess trở lên tường. “Bóng đèn tự nhiên sáng lên. Ông làm cầu thang rung lên, thế là nó sáng. Nghĩa là khi tắt cũng như vậy, cú ngã của ông ta đã khiến đèn tắt. Chắc dây điện ở đây có vấn đề rồi. Chuyện về bóng đèn coi như giải quyết xong.” Burgess ra hiệu cho Lombard đi xuống. “Ông cứ đi

đi. Tôi sẽ tự gọi về báo, ông dính vào cũng chẳng giải quyết thêm được gì cả, nhất là khi ông muốn tiếp tục tìm kiếm đầu mối.”

Những bước chân nặng nề của Lombard vẫn còn tiếp diễn cho tới khi ra tận ngoài đường, chẳng còn dáng vẻ nhanh nhẹn như cũ. Burgess vẫn ở lại đó, im lặng chờ đợi trên chiếu nghỉ cầu thang.

10 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

CÔ GÁI

Mảnh giấy Burgess đưa cho cô có nội dung như sau: ‘Cliff Milburn, nhạc công, mùa trước làm cho nhà hát Casino, hiện nay tại nhà hát Regent.’

Ngoài ra còn có hai số điện thoại. Một số là đồn cảnh sát, có ghi giờ nhận cụ thể. Số kia là nhà riêng, phòng khi cô cần gặp ông ta ngoài giờ làm việc.

Ông ta đã nói với cô, ‘Tôi không thể hướng dẫn cho cô phải làm thế nào. Tự cô sẽ biết cách thực hiện cho phù hợp. Bản năng, trực giác của cô sẽ có ích cho cô nhiều hơn những gì tôi nói. Có điều là cô không được sợ hãi, phải cố bình tĩnh. Mọi thứ sẽ ổn cả thôi.’

Cách cô thực hiện chính là đây, lúc này, ngồi đối diện với chiếc gương. Đây là cách duy nhất cô nghĩ ra. Những nét tinh nghịch, sáng sủa đã biến đâu mất trên gương mặt. Mái tóc mềm mại chải lệch một bên mặt cũng không còn nữa. Thay vào đó là những lọn tóc lượn sóng, được tạo hình cứng đờ như được chế tác từ kim loại. Những đồ trang trí trẻ trung, duyên dáng thường có trên trang phục của cô giờ cũng vắng mặt. Lúc này, cô đã khoác lên người một chiếc váy bó sát, tạo ra hiệu ứng đến chính cô cũng kinh hãi, cho dù lúc này cô ở một mình trong phòng. Nó ngăn khủng khiếp, ngăn đến mức khi cô ngồi xuống... à, cô phải đảm bảo thu hút được ánh mắt của gã một cách dễ dàng nhất, hiệu quả nhất. Hai bên má được tô đỏ như đèn giao thông báo dừng lại, nhưng mục đích lại là trái ngược hoàn toàn: tới đi thôi. Một tràng hạt lủng lẳng trước cổ cô. Một chiếc khăn tay

được tắm nước thơm quá nhiều, đến mức cô phải chun mũi khi vội vàng nhét nó vào trong túi xách. Cô cũng đã tô lên mặt một ít màu xanh đậm trước nay cô chưa từng thử bao giờ.

Scott Henderson nãy giờ vẫn quan sát cô trang điểm từ trong khung ảnh cạnh gương, khiến cô thấy xấu hổ. “Anh chẳng nhận ra em đúng không?” cô nói như xin lỗi. “Đừng nhìn em, anh yêu, đừng nhìn em.”

Và giờ đến món đồ đáng sợ cuối cùng để hoàn tất bộ đồ mời gọi. Cô xỏ chân vào đôi chun màu hồng sẫm bằng vải xa-tanh, thêu hoa, có nhiệm vụ giữ tất không tụt xuống. Cô kéo chúng đến vị trí vừa đủ nhìn thấy, ít nhất là khi ngồi.

Cô quay mặt đi rất nhanh. Cô gái của hăn chẳng nên giống thứ cô vừa thấy trong gương. Không bao giờ. Cô bắt đầu tắt các ngọn đèn trong phòng, bề ngoài tỏ ra bình thản, nhưng bên trong phải tự vực mình lên. Chỉ có những người biết cô rất rõ thì mới đoán được như thế. Hăn chắc nhìn qua là hiểu ngay. Nhưng hăn không có ở đó mà nhìn.

Khi tới tắt ngọn đèn cuối ở cạnh cửa, cô khẽ đọc lời cầu nguyện giống như mỗi khi cô ra ngoài, mắt nhìn hăn ở đó, trong khung kính, đầu kia căn phòng.

“Có thể là đêm nay, anh yêu,” cô thở nhẹ, “có thể là đêm nay.”

Cô tắt đèn, đóng cửa lại. Còn hăn ở lại trong bóng tối, sau lớp kính.

* * *

Khi cô xuống xe thì đèn nhấp nháy trên biển hiệu đã bật, nhưng trên lề đường thì vẫn gần như chưa có ai cả. Cô muốn vào sớm, để có thời gian nghiên cứu gã trước khi đèn trong nhà hát tắt. Cô cũng chỉ mang máng biết hôm nay sẽ diễn vở gì, và đảm bảo khi xong, cô ra về mà cũng không thêm được mấy kiến thức so với lúc vào. Hình như tên là ‘Keep on Dancing’.

Cô dừng ở quầy vé. “Tôi đã đặt chỗ trước cho tối nay. Hàng đầu tiên, cạnh lối đi. Tên là Mimi Gordon.”

Trước đó, cô đã phải đợi mấy ngày mới có được vé này. Vấn đề không phải chỉ là mình xem người trên sân khấu, mà còn cần để người ta thấy mình nữa. Cô lấy tiền trả cho người bán vé. “Ông có chắc là vé tôi yêu cầu như trên điện thoại chứ? Ghế ở phía người đánh trống, không phải phía bên kia?”

“Đúng mà. Tôi đã kiểm tra lại rồi mới để riêng ra cho cô.” Ông ta nhìn cô theo kiểu cô đã lường từ trước. “Cô chắc có tâm ý với anh ta. Anh ta may mắn đấy.”

“Ông không hiểu rồi. Không phải là vì chính tay trống đó đâu. Tôi còn chẳng biết anh ta là ai ấy. Nói thế nào nhỉ? Ai cũng có sở thích nào đó. Sở thích của tôi là dàn trống. Mỗi lần đến rạp là tôi cứ phải ngồi càng gần trống càng tốt. Tôi thích xem người ta gõ trống, nhiều cảm xúc lắm. Tôi bị nghiện trống ấy, bị hút từ hồi còn nhỏ. Nói ra thì nghe có vẻ nực cười, nhưng,” cô xòe hai tay, “đơn giản là thế thôi.”

“Tôi thật không có ý tọc mạch gì cả,” ông bán vé tỏ vẻ xin lỗi.

Cô đi vào rạp. Người soát vé bây giờ mới ra đứng ở cửa, nhân viên hướng dẫn cũng vừa từ phòng thay đồ trên gác đi xuống. Cô vào sớm quá. Cho dù bối cảnh ở ban công lúc đó thế nào, nơi luật bất thành văn về việc đến muộn chẳng thể áp dụng với cô, thì cô cũng là người đầu tiên vào khu vực biểu diễn.

Cô ngồi đó một mình, cái dáng người nhỏ nhắn lọt thỏm giữa biển ghế trống không. Phần lớn vẻ dị hợm của cô được che khuất từ ba phía vì cô đã dùng áo khoác ngoài quấn xung quanh. Hiệu ứng chết người cô chuẩn bị chỉ dành cho ai nhìn trực diện mà thôi.

Ghế bắt đầu kêu *rạp rạp* ngày càng nhiều, kèm theo tiếng rầm rì, sột soạt nho nhỏ, đặc trưng khi khán giả bắt đầu, từng người, tìm tới ghế của mình. Cô thì chỉ có tập trung vào một nơi duy nhất: cánh cửa sà nằm ngay mép sân khấu, đối diện với cô. Qua khe cửa đó, cô trông thấy một vài tia sáng le

lói, cô cũng nghe thấy tiếng người nói. Họ đã tập trung, sẵn sàng ra biểu diễn.

Cánh cửa mở ra. Lần lượt từng người xuất hiện, ai cũng phải cúi đầu, so vai mới qua được ô cửa đó. Cô không biết gã là ai trong số họ, cô không biết trước khi thấy gã tận mắt vì trước đó chưa từng có dịp gặp mặt. Các nhạc công theo nhau ai vào chỗ người nấy, tạo thành một vòng cung bao quanh sân khấu, đầu cúi thấp tránh tầm chiếu của ánh đèn.

Cô có vẻ như đang tập trung đọc tờ chương trình để trên đùi, đầu cúi thấp, nhưng cô vẫn ngược mắt lên quan sát xuyên qua cặp lông mi giả cong vút. Người này chẳng? Không, anh ta ngồi không đúng ghế rồi. Hay người đằng sau? Mặt như kẻ cướp. Cô thấy nhẹ nhõm hẳn khi anh ta chuyển sang chiếc ghế thứ hai chếch từ chỗ cô. Chơi kèn clarinet hay gì đó. Thế chắc hẳn là người này rồi, chắc... không, anh ta lại quay sang chỗ khác, chơi đàn bass.

Không thấy ai ra nữa. Đột nhiên cô thấy bất an. Người cuối cùng ra thậm chí còn đóng cửa lại. Sẽ chẳng còn ai từ đó đi ra nữa rồi. Tất cả đều đã vào chỗ ngồi, đều đang bận bịu chỉnh lại nhạc cụ, chỉnh đốn tư thế sẵn sàng vào việc. Đến người nhạc trưởng cũng đã sẵn sàng. Nhưng chiếc ghế dành cho tay trống, chiếc ghế ngay trước nơi cô ngồi, lạ lùng thay, vẫn còn trống.

Có thể là anh ta đã bị cho nghỉ. Không, nếu thế thì họ đã phải kiếm người thay thế rồi chứ. Có thể là anh ta ốm, hôm nay không chơi được chẳng? Sao lại ốm vào đúng tối hôm nay được chứ! Có lẽ cả tuần nay hôm nào anh ta cũng chơi, trừ hôm nay. Cô sợ là sẽ khó mua được vé đúng chỗ này trong mấy tuần tới vì vở này đang rất nổi, rất nhiều người muốn xem. Mà cô cũng không có thời gian đợi lâu thế. Thời gian bây giờ quá quý giá, đang ngày càng rút ngắn, chỉ còn lại một chút ít thôi.

Cô có thể nghe thấy mấy nhạc công đang rủ rủ nói với nhau về chuyện đó. Khoảng cách giữa cô với họ đủ gần để cô nghe hầu như mọi điều họ nói trong khi lấy tiếng chỉnh nhạc cụ làm bình phong che giấu với tất cả những khán giả khác trong rạp.

“Cô đã thấy ai như anh ta chưa? Từ đầu mùa anh ta đến đúng giờ được một lần thôi. Phạt cũng chẳng ăn thua gì cả.”

Tay kèn saxophone nói, “Có khi anh ta vớ được cô bé tóc vàng nào trong ngõ rồi quên đi làm ấy.”

Người ngồi đằng sau nhăn mặt. “Kiếm được tay trống tốt giờ cũng khó.”

“Cũng không khó đến thế.”

Cô nhìn chăm chăm vào phần giới thiệu nghệ sĩ trong tờ chương trình, nhưng không chữ nào bay vào đầu cả. Mía mai thay, có bao nhiêu người trong dàn nhạc kia thì thiếu đúng một người, lại đúng là người có thể có giá trị đối với cô.

Cô nghĩ, ‘Đây cũng chính là vận đen Scott tội nghiệp gặp tối hôm...’

Không khí buồn tẻ trước giờ khai màn đã hết. Mọi người đã sẵn sàng, đèn đã bật đúng vị trí. Đúng vào lúc đó, khi cô không còn nhìn cánh cửa đó một cách vô vọng nữa thì nó lại mở ra, đóng lại rất nhanh, như một cái chớp mắt, rồi một bóng người thoăn thoắt chạy phía ngoài hàng ghế, tới chỗ trống trước mặt cô, phần thân trên cúi thấp: vừa để di chuyển cho nhanh, vừa để tránh sự chú ý của nhạc trưởng càng nhiều càng tốt. Cái thái độ lén lút của một con chuột là ấn tượng ban đầu của cô với con người này, để rồi gã vẫn giữ mãi tính cách đó về sau.

Nhạc trưởng lừ mắt nhìn gã.

Gã chẳng hề ngại ngùng. Cô nghe thấy gã vừa hỗn hển vừa nói nhỏ với người bên cạnh, “Này, tôi vừa kiếm được đủ hàng cho ngày mai đấy! Chắc luôn.”

“Chắc rồi. Nhưng còn một điều chắc chắn nữa là anh sẽ không mang tới,” nhạc công kia đáp.

Gã vẫn chưa thấy cô. Gã vẫn đang bận chỉnh đốn lại giá và trống. Tay cô hạ xuống hai bên, chiếc váy vốn ngăn giờ lại được kéo lên thêm một một đoạn rõ rệt.

Gã đã sắp xếp xong xuôi. “Rạp hôm nay thế nào?” cô nghe thấy tiếng gã hỏi. Gã quay người nhìn về phía khán giả lần đầu tiên kể từ khi lén lút mò vào.

Cô cũng đã sẵn sàng cho gã. Cô đang nhìn gã. Cô đã đánh trúng gã. Trên sân khấu hẳn đã có một cú huých khuỷu tay nằm ngoài tầm nhìn của cô. Cô nghe thấy người bên cạnh gã nói. “Ừ, tôi cũng thấy rồi.”

Đòn đánh của cô khá mạnh. Cô có thể cảm thấy ánh mắt của gã trên người. Cô có thể vẽ được thành vạch nơi ánh mắt đó đi qua. Cô cứ để yên. Không phải vội, chưa phải lúc này. Cô nghĩ, ‘Quả cũng lạ, những việc thế này phụ nữ ai cũng biết rõ cả, kể cả chưa từng thử bao giờ.’ Cô tập trung vào một dòng trên tờ chương trình, như thể cô đang cố gắng hiểu ý nghĩa bí ẩn nào đó. Dòng đó chủ yếu là những dấu chấm, chạy từ bên này sang bên kia. Nhưng nó giúp cho ánh mắt cô ổn định.

Victorine Dixie Lee. Cô đếm các dấu chấm. Có hai mươi tư dấu chấm, bắt đầu từ tên nhân vật tới tên diễn viên. Thời gian như vậy là đủ rồi. Như vậy là ngắm rồi. Đôi lông mi cong vút chậm chậm ngược lên, làm lộ ra đôi mắt cô.

Đôi mắt đó gặp mắt gã, và cứ thế bám theo ánh mắt gã. Gã đã tưởng cô sẽ cóng mà phải quay đi, nhưng không, cô đón nhận ánh mắt hẳn, duy trì như vậy cho đến khi nào hẳn thấy đủ. Ánh mắt cô như muốn nói, ‘Anh thích tôi ư? Được thôi, tới đi, tôi không ngại đâu.’

Gã không khỏi ngạc nhiên vì được đón nhận dễ dàng như vậy. Gã tiếp tục nhìn ngắm thỏa thích. Gã thậm chí còn hơi mỉm cười – nụ cười có thể biến mất ngay lập tức.

Cô cũng đón nhận cả cái đó, và cô thậm chí cũng đáp lại bằng một nụ cười mơ hồ như vậy. Gã cười rõ rệt hơn. Cô cũng vậy.

Những trao đổi sơ bộ đã xong, họ bước vào... Khi thật, đúng lúc đó tiếng chuông báo hiệu vang lên ở hậu trường. Người nhạc trưởng gõ cạch cạch thu hút sự chú ý, hai cánh tay đưa ra phía trước, sẵn sàng. Hai cánh tay cử động và màn giới thiệu bắt đầu. Cô và gã tạm thời phải dứt ra.

Không sao cả, cô tự an ủi. Vẫn đang tiến triển thuận lợi.

Vở diễn chẳng thể nào từ đầu đến cuối đều có nhạc, chẳng có vở nào như thế. Luôn phải có các khoảng lặng.

Màn kéo lên. Cô ý thức được rằng có tiếng nói, có ánh đèn, có bóng người. Nhưng cô không để ý những gì diễn ra trên sân khấu. Cô không đến đây để xem vở diễn đó. Cô tập trung hết sức vào việc của mình, mà việc của cô là thu hút một nhạc công.

Vào lúc giải lao, khi mọi người lục tục ra ngoài nghỉ hoặc hút thuốc, gã quay lại nói chuyện với cô. Gã là người ngồi ngoài cùng, nên cũng là người rút đi cuối cùng; điều đó cho gã cơ hội tiếp cận cô khi cả dàn nhạc đã quay lưng lại. Những khán giả cạnh cô cũng đã đứng dậy ra ngoài hết, nên gã có thể đoán chắc là cô đi một mình, kể cả nếu hành vi của cô có để lại cho gã một thoáng nghi ngờ - không hề có - về chuyện đó.

“Em thích chứ?”

“Cũng hay,” cô nói nhỏ.

“Lúc về em có bận việc gì không?”

Cô nhỏ nhẹ, “Không. Nhưng em cũng muốn làm gì đó.”

Gã quay lại đi theo những người khác trong dàn nhạc. “Có việc đấy,” gã nói với cô. “Có ngay.”

Cô kéo mạnh tà váy xuống, chỉnh lại tư thế ngay khi gã đi khỏi. Cô mong muốn được kỳ cọ thật lâu với thật nhiều xà phòng ngay lúc này.

Những đường nét trên khuôn mặt trở về vị trí vốn có. Ngay cả lớp trang điểm cũng không che đậy được hết. Cô ngồi đó, trầm ngâm, cô đọc, ở đầu một dãy ghế trống. *Có thể là tối nay, anh yêu, có thể là tối nay.*

Khi đèn trong rạp lại một lần nữa sáng lên sau màn cuối, cô vẫn còn nấn ná ở lại, vờ như đánh rơi cái gì đó, vờ như chỉnh đốn gì đó, trong lúc những khán giả khác chầm chậm theo nhau bước theo lối đi ra bên ngoài.

Dàn nhạc cũng đã hết nhiệm vụ. Gã đánh tiếng cuối cùng lên chũm chọe, lấy tay cầm nó để nó ổn định lại, rồi bỏ dùi xuống, tắt đèn phía trên giá.

Công việc tối nay đã xong, giờ đến thời gian của riêng gã. Gã từ tốn quay về phía cô, như đã hiểu rằng mình là yếu tố chủ chốt trong tình huống này. “Em đợi tôi ở lối đi cạnh sân khấu nhé,” gã nói. “Năm phút nữa tôi sẽ ra ngay.”

Ngay cả việc đơn giản như đứng đợi gã một mình ở ngoài này đối với cô cũng là một điều gì đó đáng xấu hổ, cho dù cô không rõ tại sao. Có lẽ là vì điều gì đó liên quan tới tính cách gã khiến cô cảm thấy thế. Cô thấy rờn rợn, đứng ngồi không yên. Một chút e ngại. Việc tất cả những người khác trong dàn nhạc đều đi ra trước gã (gã không giúp cô tránh khỏi sự nhục nhã này, gã muốn là người ra cuối cùng), nhìn cô soi mói khi họ đi qua cô, càng làm cho cô bất an.

Bất thành linh, gã xuất hiện, kéo cô đi. Đúng như vậy, gã ra lúc nào cô cũng không thấy. Gã kẹp tay cô vào tay gã rồi cứ thế kéo cô đi, không nghĩ bước nào. Có lẽ đó cũng lại là tính cách của gã, cô nghĩ.

“Cô bạn tôi thế nào?” gã bắt đầu cợt nhả.

“Ồn lắm. Còn anh bạn tôi?” cô cũng đáp lại.

“Ồ, ta sẽ đi cùng mấy người trong dàn nhạc,” gã nói. “Tôi mà thiếu họ là cảm lạnh ngay.” Cô đã hiểu ra. Cô là món trang sức mới của gã, và gã muốn cho mọi người xem.

Lúc đó là mười hai giờ.

* * *

Đến hai giờ sáng, cô thấy rằng gã đã bị bia làm cho mềm người, đủ để cô bắt đầu công việc với gã. Cả nhóm lúc này đã vào tới hai quán giống hệt nhau, nhưng họ vẫn chưa muốn dừng. Hoạt động này dường như theo một cái lệ kì quặc nào đó. Khi cả nhóm di chuyển thì cô và gã cũng di chuyển theo, nhưng khi họ đến một nơi mới thì họ lại tách ra, ngồi vào bàn riêng. Thịnh thoảng gã cũng đứng dậy sang tụ với bọn họ, sau đó lại về bàn cô,

nhưng cô để ý là những người kia chưa lần nào sang bàn của gã cả. Có thể là do cô được coi là người của gã, nên họ muốn tránh xa cô.

Cô vẫn đang chờ đợi, tìm kiếm cơ hội. Cô biết là nên tận dụng cho tốt, vì dù sao đêm nay cũng không kéo dài mãi mà cô cũng không có mặt mũi nào để trải qua một đêm nào khác như thế này nữa.

Cơ hội tự nó đến, đúng như cô mong muốn, xuất phát từ một trong những lời khen lặp đi lặp lại mà gã ném vào cô cả tối hôm nay – mỗi khi gã nhớ ra, như một người thợ lò đang trí cứ lâu lâu lại cho thêm củi để lò cháy tiếp.

“Anh nói em là người đẹp nhất từng ngồi ở cái ghế đó. Nhưng còn bao nhiêu buổi khác, còn có bao nhiêu người khác đáng chú ý anh từng nhìn thấy ở đó rồi ấy. Anh kể về họ xem nào.”

“So với em làm sao được. Anh chẳng muốn phí lời.”

“Vui mà. Em chẳng ghen đâu. Nói em biết: nếu anh có lựa chọn thì trong số những phụ nữ hấp dẫn anh từng thấy ngồi ở ghế em ngồi hôm nay ấy, khi anh chơi nhạc trong nhà hát, thì anh sẽ đưa ai đi chơi nào?”

“Em, tất nhiên.”

“Biết ngay anh sẽ nói thế mà. Nhưng sau em thì ai sẽ là người anh chọn thứ hai? Em muốn biết là anh nhớ được lâu đến thế nào. Em cá đến buổi diễn tối hôm sau là anh đã quên mặt họ rồi ấy.”

“Không nhớ được á? Để anh kể em nghe. Có một lần lúc anh quay lại thì thấy có một bà ngồi đó, đúng cái ghế cạnh lan can như em ấy...”

Ở dưới mặt bàn, bàn tay cô xiết chặt vào bắp tay như nó đang bị đau đớn cùng cực vậy.

“Đó là ở rạp khác cơ, rạp Casino. Cũng không rõ nữa, nhưng bà ta có một điều gì đó...”

Những cái bóng ở bàn bên lần lượt đổ dài trên mặt bàn, cái bóng cuối cùng đứng lại. “Bọn tôi định xuống tầng hầm chơi nhạc một chút. Đi không?”

Hai bàn tay đang xiết chặt cánh tay liền bực tức buông thõng xuống hai bên. Bọn họ đã đứng hết dậy, đang dồn nhau tới cửa xuống tầng hầm ở phía sau.

“Đừng, ở đây với em,” cô nói, đưa tay kéo gã. “Anh kể nốt đi...”

Hắn đã đứng lên rồi. “Đi thôi nào, em không nên bỏ lỡ dịp này.”

“Cả tối nay chơi nhạc ở rạp hát rồi mà chưa chán hay sao?”

“Chơi rồi, nhưng đó là để kiếm tiền. Chơi ở đây là cho mình. Em sẽ nghe thấy loại âm nhạc thực thụ đấy.”

Kiểu gì gã cũng sẽ bỏ cô đi, cô thấy thế, sức hấp dẫn của việc này với gã còn mạnh hơn sức hấp dẫn của cô. Thế nên cô miễn cưỡng đứng dậy, lê lét theo gã men theo cầu thang hẹp, hai bên có tường gạch, xuống tầng hầm của nhà hàng. Dưới đó hóa ra có một căn phòng lớn, có đầy đủ nhạc cụ như đã để sẵn đó cho họ sử dụng từ trước. Thậm chí có cả một chiếc đàn piano đứng. Phòng chỉ có một chiếc bóng đèn to nhưng chỉ phát ra thứ ánh sáng đùng đục, treo lủng lẳng từ giữa trần, và để bổ sung, họ cắm thêm nến vào trong mấy cái chai. Dưới đèn là một cái bàn gỗ te tua, họ đặt mấy chai rượu gin lên đó, gần đủ mỗi người một chai. Một người trải một tờ giấy gói đồ màu nâu ra bàn, đổ lên đó một đồng thuốc lá, để ai thích thì tự lấy hút. Không phải thứ thuốc giới thượng lưu dùng, mà là thứ gì đó màu đen mà họ cô nghe họ nói với nhau là cỏ.

Họ đóng cửa, cài then khi cô và Milburn đã vào, để tránh không bị làm kinh động. Trong số họ chỉ có cô là nữ.

Trong phòng có mấy cái kệ, thùng các-tông và thùng bia có thể dùng làm ghế ngồi. Một tiếng kèn carinet rít lên, rồi cơn điên loạn bắt đầu.

* * *

Hai tiếng đồng hồ sau đó là không khí của hỏa ngục như Dante mô tả. Cô biết là khi mọi thứ đã qua đi thì chính cô cũng chẳng dám tin những điều

này là có thật. Không phải là vì âm nhạc – nhạc cũng hay. Đó là vì những cái bóng của họ liên tục lượn lờ, nhảy nhót trên tường cũng như trên trần; là cái thần thái thực sự trên khuôn mặt họ - xấu xa, quái gở – đôi lúc xuất hiện cùng với một nốt nhạc nào đó, rồi lại biến đi rất nhanh; đó là do rượu gin và đồng thuốc nhồi cần sa tạo ra một thứ không khí đặc quánh, lợm giọng; là sự hoang dã trong chính con người họ khiến cô nhiều lúc phải lánh vào góc xa hoặc trèo lên mấy cái thùng để tránh. Vài người trong số họ có lúc còn mò tới chỗ cô, từng người một, chặn đường cô, dồn cô vào chân tường, tách cô ra vì cô là nữ, thổi kèn thẳng vào mặt cô, khiến cô ù tai, tóc rung như bị gió, thổi vào tâm hồn cô sự khiếp đảm.

“Trèo lên thùng múa đi cô em!”

“Không, không. Tôi không biết đâu.”

“Không phải nhắc chân đâu, sợ gì. Lắc lư thân người là được rồi, càng hay. Váy thế cũng được, toàn bạn bè cả mà.”

‘Anh ơi,’ cô nghĩ trong lúc cố thoát khỏi một tay thổi kèn saxophone điên dại, cho đến khi anh ta bỏ cuộc bằng một nốt cao đến trần khó tả bằng lời. ‘Anh ơi, anh làm em khổ chưa này.’

Những giai điệu tương lai chẳng bao giờ theo nhịp

Tiếng trống đập ùng ùng, bàn chân không theo kịp

Cô tiếp tục đi loanh quanh, bên này, bên kia, cho đến khi tới được nhà máy đang xả khói – chính là tay trống. Cô kéo tay gã xuống, giữ không cho đưa lên, để đảm bảo gã chú ý đến mình. “Cliff, đưa em ra khỏi đây. Em không chịu nổi nữa, không chịu nổi một phút nào nữa. Em sắp chết ngất rồi đây.”

Gã đã ngấm cần sa. Nhìn mắt gã là cô biết. “Đi đâu bây giờ, về chỗ anh à?”

Cô phải đồng ý, vì thấy rõ chỉ có như thế thì gã mới chịu ra khỏi chỗ này.

Gã đứng lên, đi sau cô ra tới chỗ cửa, có lúc còn loạng choạng, suýt ngã. Gã mở cửa, cô vội thoát ra như chim xõ lông. Sau đó gã cũng ra ngoài cùng cô. Có vẻ như gã cứ thế mà đi, chẳng giải thích cũng chẳng chào ai. Những

người kia cũng không để ý rằng gã đã đi về. Cảnh cửa đóng lại như dao sắc cắt ngang sự điên loạn, quay cuồng; không gian đột nhiên tĩnh lặng, lúc đầu còn có phần lạ lẫm.

Mi là lúc bất ngờ, mi là lúc phân ly. Để ta nghĩ, ta ngủ, ta say...

Nhà hàng phía trên tối đen, không có ai cả, nhường hết cho một bữa tiệc đêm vẫn đang cháy hết mình ở đằng sau. Khi cô ra đến vỉa hè trước cửa, không gian mở khiến cô hơi chệnh choáng - thứ không khí mát rượi, trong lành thay thế cho cái lò hừng hực đó. Cô chưa bao giờ hít vào cái gì ngọt ngào, tinh khiết đến vậy. Cô tựa vào vách, hít thở khoan khoái, má cô áp sát vào tường như bị kiệt sức. Một lúc sau, gã cũng ra đến nơi, chắc gã còn khóa cửa hay gì đó.

Đã bốn giờ sáng. Trời vẫn tối, thành phố vẫn đang trong giấc mộng. Cũng có những khoảnh khắc cô hoảng sợ, muốn bỏ chạy - chạy khỏi gã, để rồi muốn ra sao thì ra. Gã sẽ chẳng thể đuổi kịp cô, cô biết; tình trạng thế này thì gã chẳng đuổi kịp được ai hết.

Cô ở lại, chấp nhận. Cô đã nhìn bức ảnh trong phòng trước khi đi. Cô biết đó cũng là thứ đầu tiên đón cô khi cô mở cửa. Lúc này, gã đã đến bên cạnh cô, cơ hội đã qua.

* * *

Họ đến đó bằng taxi. Nơi gã sống là một dãy nhà cũ được cải tạo thành các căn hộ, mỗi tầng một căn. Gã đưa cô lên tầng hai, mở cửa và bật đèn lên cho cô. Không gian bên trong khá ảm đạm: nền nhà đã ố đen vì cũ kỹ nằm bên dưới một lớp véc-ni mỏng manh, trần nhà cao, khung cửa sổ như những cổ quan tài. Nơi này chẳng hợp cho việc thăm viếng vào lúc bốn giờ sáng. Bất kể với ai, nhất là với gã.

Cô khẽ rùng mình, đứng yên ngay cạnh cửa, cố gắng không để ý đến việc gã đang chốt cửa từ bên trong. Cô muốn giữ đầu óc được tỉnh táo, thư

giãn, suy nghĩ thông suốt càng lâu càng tốt, mà nếu để ý đến những việc đó thì sẽ khiến mọi thứ bung bét cả.

Gã đã khóa xong cửa. “Mình chẳng cần mấy thứ này,” gã nói.

“Đừng, cứ để thế,” cô nói ngay, “em lạnh.”

Không còn nhiều thời gian nữa.

“Thế em định cứ đứng đây thế này à?”

“Không,” cô ngoan ngoãn đáp, “không. Sao mà chỉ đứng thế này được chứ.” Cô đưa một chân về phía trước giống như người ta dò dẫm trước khi trượt băng.

Cô nhìn xung quanh, nhìn xung quanh một cách tuyệt vọng. Bắt đầu bằng cái gì bây giờ? Màu. Da cam. Cái gì đó màu da cam.

“Giờ thì em đang tìm cái gì thế?” gã phàn nàn. “Phòng này cũng như phòng khác thôi. Em chưa nhìn phòng nào bao giờ à?”

Cô đã tìm thấy một thứ. Một cái chụp đèn bằng vải rẻ tiền ở góc xa trong căn phòng. Cô đi tới đó, bật đèn lên. Nó hắt một quầng sáng mờ mờ lên tường. Cô đặt tay lên đó, quay sang phía gã. “Em thích màu này.”

Gã chẳng quan tâm.

Cô vẫn để tay ở đó. “Anh không nghe em nói à? Em bảo đây là màu em thích nhất.”

Lúc này thì gã trông đã khá mỏi mệt. “Ừ, thế thì sao?”

“Em ước có một cái mũ màu này.”

“Anh sẽ mua cho. Mai, hoặc ngày kia.”

“Anh nhìn đây này, em thích mũ thế này.” Cô nhắc cả cái đèn lên, đưa cái chụp đèn lên vị trí ngang đầu, đèn bên trong vẫn sáng. Cô quay sang phía gã, chỉnh sao cho cái chụp trông như chùm lên đầu cô. “Anh xem này. Nhìn kỹ nhé. Anh đã thấy ai đội mũ màu này bao giờ chưa? Thế này có khiến anh nhớ lại người nào từng đội mũ da cam không?”

Gã chớp mắt hai lần, như một con cú.

“Nhìn kỹ đi anh,” cô nài nỉ. “Cứ nhìn như thế. Anh thế nào cũng nhớ ra. Chẳng lẽ anh chưa bao giờ thấy ai ngồi ở ngay chỗ em ngồi hôm nay ấy, đội mũ màu này hay sao?”

Gã nói ngay, có vẻ chưa hiểu ra vấn đề. “Ồ... đó là lần mình kiếm được năm trăm!” Rồi đột nhiên ánh mắt gã thay đổi, có điều gì phân vân trong đó. “À, không nên nói ra điều này mới phải.” Gã nhìn lên, hỏi cô với nét mặt trống rỗng. “Anh đã nói cho em rồi à?”

“Rồi mà.” Đó là câu trả lời duy nhất có thể sử dụng lúc này. Có thể gã nhớ mồm nói ra một lần, nhưng sẽ không lặp lại, nếu như gã đã nhận ra việc đó. Đồng thuốc đó chắc có tác động gì đó tới việc phục hồi trí nhớ.

Cô phải tóm lấy cơ hội đó, không thể để nó vượt khỏi tay, mặc dù cô vẫn không chắc chắn cụ thể điều đó có nghĩa là gì, hay có đúng là điều cô tìm hiểu hay không. Cô đặt ngay chiếc đèn xuống, rồi cũng lập tức bước vội về phía gã, nhưng bằng cách nào đó vẫn tạo ra được dáng vẻ nhàn nhã. “Nhưng anh kể lại đi. Em muốn nghe lại. Anh kể đi, Cliff, vì em là bạn mới mà, có gì phải ngại, anh nói thế còn gì.”

Gã lại chớp mắt. “Em đang nói chuyện gì thế?” gã hỏi. “Anh tự dừng quên mất.”

Cô phải khiến hãn vận dụng tới trí nhớ được cần sa kích thích. Trí nhớ của gã lúc này như một cỗ máy thỉnh thoảng lại tuột mất một con ốc và trở nên vô dụng. “Mũ da cam. Anh nhìn đây này. Năm trăm... kiếm được năm trăm, nhớ chưa? Cô ta ngồi đúng chỗ em ngồi hôm nay.”

“À, ừ,” gã ngoan ngoãn. “Ngay chỗ đó. Anh có nhìn thấy.” Gã cười như một thằng điên như đã quay trở lại thời điểm đó. “Anh kiếm được năm trăm chỉ vì nhìn cô ta đấy. Nhìn thấy cô ta nhưng lại không được nói là thấy.”

Cô thấy hai cánh tay mình từ từ bò lên cổ áo của gã, xoắn quanh cổ gã. Cô không tìm cách cản chúng, chúng hoạt động độc lập với trí não của cô. Mặt cô gần áp sát mặt gã, hơi ngước lên, nhìn thẳng. Gần tới mức nào để chạm được vào ý nghĩ nhỉ, cô thầm nhủ, để không phải đoán. “Anh kể thêm đi, Cliff. Kể thêm đi anh. Em rất thích nghe anh kể chuyện mà.”

Mắt gã đã mệt mỏi vì ngắm thuốc. “Anh lại quên mất vừa nói gì rồi đây này.”

Tuột mất rồi. “Anh kiếm được năm trăm đô-la vì để nói là anh không trông thấy cô ta. Nhớ đi, người phụ nữ đội mũ màu da cam? Cô ta cho anh năm trăm đúng không, Cliff? Ai cho anh năm trăm đô-la vậy? Tỉnh nào, nói em nghe nào.”

“Có một bàn tay đưa cho anh, từ trong bóng tối. Một bàn tay, một giọng nói, một chiếc khăn tay. À, mà còn có một thứ nữa: một khẩu súng.”

Các ngón tay của cô vuốt nhẹ nhẹ sau gáy gã, rồi lại chuyển về phía trước. “Đúng đấy, nhưng là súng của ai cơ?”

“Anh có biết đâu. Lúc đó không biết, sau này cũng không biết. Nhiều lúc anh còn không chắc là chuyện đó có thật hay không, hay là lúc đó anh đang phê thuốc nên nghĩ thế. Nhưng cũng có nhiều lúc thì anh biết chắc chắn là thế thật.”

“Cứ kể em nghe nào.”

“Thế này nhé. Một hôm anh về muộn, sau buổi diễn, sau khi xuống lối đi dưới gác – bình thường thì chỗ đó có đèn, nhưng lúc đó lại tối đen. Đèn cháy hay sao đó. Tóm lại là anh phải mò mẫm đi lên cầu thang, chợt có một bàn tay thò ra chặn anh lại. Bàn tay rắn chắc, lạnh lẽo, tì cứng cả người anh.

“Anh lùi lại sát tường, hỏi, ‘Ai thế? Ông là ai?’ Đó là đàn ông mà, nghe giọng thì biết. Một lúc sau, khi đã quen với bóng tối thì anh nhìn thấy một cái gì đó màu trắng – giống như khăn tay - ở khoảng chỗ mặt ông ta. Ông ta dùng khăn đó để giấu giọng ấy mà. Nhưng anh vẫn nghe rõ.

“Ông ta nói tên anh, nói cả chỗ anh làm; hình như ông ta biết mọi thứ về anh. Thế rồi ông ta hỏi anh có nhớ một người phụ nữ ở nhà hát tối hôm trước không, đội mũ da cam. Anh bảo là nếu ông ta không nhắc thì anh cũng chẳng nhớ ra, nhưng ông ta nhắc thì anh nhớ là có thấy thật. Thế là ông ta nói, vẫn bịt mồm giả giọng nhé, không có gì là quá khích cả, ‘Thế cậu có muốn bị bắn chết không?’

“Lúc đó anh chả nói được gì, không cất lời được. Ông ta cầm lấy tay anh, dí vào cái gì đó lạnh lạnh trong tay ông ta. Là một khẩu súng thật đấy. Anh vội lùi lại, nhưng ông ta tóm chặt lấy tay anh, dí vào đó để anh biết chắc chắn đó là súng. Ông ta nói, ‘Cái đó sẽ dành cho cậu nếu cậu nói cho người khác biết.’ Ông ta đợi thêm khoảng một phút rồi nói tiếp, ‘Hay là cậu muốn nhận năm trăm đô-la hơn nhỉ?’

“Anh nghe thấy có tiếng sột soạt rồi ông ta dúi gì đó vào tay anh. ‘Đây là năm trăm đô-la,’ ông ta nói. ‘Có diêm đấy không? Nhóm một que lên để kiểm tra cho chắc.’ Anh làm như thế, mà đúng là năm trăm đô-la thật. Rồi anh nhìn lên mặt ông ta, đến được chỗ cái khăn tay thì ông ta thối tắt diêm. Ông ta bảo, ‘Cậu không nhìn thấy người phụ nữ đó. Chẳng có người phụ nữ nào hết. Cho dù bất kì ai hỏi thì cũng phải nói là không – như thế thì cậu sẽ tiếp tục sống.’ Ông ta đợi thêm một phút rồi lại hỏi anh, ‘Nếu người ta hỏi cậu, thì cậu sẽ nói thế nào?’

“Anh bảo, ‘Tôi chẳng nhìn thấy người phụ nữ đó. Không có người phụ nữ nào hết.’ Lúc đó anh run lắm.

“Ông ta nói, ‘Giờ lên gác tiếp đi. Chúc ngủ ngon.’ Tiếng ông ta nói qua khăn tay như người chết nói trong mồ.

“Anh sợ quá, vội lên gác, vào nhà thật nhanh, khóa trái cửa lại, tránh xa các cửa sổ. Trước đấy đã làm tí thuốc rồi nên em thừa biết là lúc đó anh ra sao rồi đấy.”

Gã lại cười rinh rích một lúc, nhưng rồi gã cũng lại ngừng cười đột ngột. “Hôm sau anh cá ngựa thua mất năm trăm đô luôn.” Hẳn có vẻ tiếc nuối.

Gã đổi tư thế, chuyển sang trạng thái tấn công, gạt cô khỏi tay ghế nơi cô đang dựa vào. “Giờ em lại bắt anh nhớ lại, bắt anh kể ra thế. Em lại làm anh sợ, lại run đây này, giống mấy hôm sau đó. Cỏ đâu rồi nhỉ, anh cần làm một hơi. Không có thì chắc anh chết mất, không chịu được.”

“Em không mang cần sa theo người.”

“Trong túi em thế nào chẳng có, đằng kia kìa. Em đến đó cùng anh cơ mà, chắc là em có mang đi một ít chứ.” Rõ ràng là gã tưởng cô cũng chơi

cần sa như gã.

Chiếc túi xách nằm trên bàn; gã chồm tới, đổ hết mọi thứ ra ngoài trước khi cô kịp có động tác ngăn cản.

“Đừng,” cô giật mình kêu lên, “cái đó chẳng là gì đâu, đừng nhìn.”

Nhưng khi giật khỏi tay gã, thì gã đã đọc xong rồi. Đó là mẫu giấy Burgess đưa cho cô mà cô quên hủy đi. Gã ngạc nhiên, gã bắn khoả. Ngay lúc đó gã không nắm được ý nghĩa trọn vẹn. “Sao lại thế. Đó là mình, là tên mình, nơi mình làm, mọi thứ...”

“Không, không!”

Hắn gạt cô ra. *“Gọi tới số ở trụ sở trước, nếu không thì gọi...”*

Cô có thể thấy sự nghi ngờ bắt đầu hình thành như màn sương trên mặt gã, phủ kín gã. Màn sương hình thành rất nhanh, như một cơn bão, với tâm là đôi mắt gã. Từ đó bắt đầu xuất hiện một cái gì đó nguy hiểm hơn: một cơn sợ hãi không lý do, được kích thích thành hoang tưởng, biến thành nỗi kinh hoàng. Mắt hắn bắt đầu đung đưa, mất tập trung. Hai tròng mắt đen như đã nuốt chửng mất phần màu sáng hơn của đồng tử bên trong. “Người ta cử cô đến đây đúng không? Cô không phải là tình cờ gặp tôi. Có người đang tìm tôi, nhưng tôi không biết là ai, giá mà tôi nhớ ra là ai... Có người sẽ dùng súng bắn tôi, có người nói sẽ bắn tôi! Giá mà tôi nhớ ra không được làm những gì... Chính cô... chính cô ép tôi!”

Cô chưa từng đối diện với người nghiện cần sa bao giờ; cô có nghe người ta nói về từ đó, nhưng không hiểu hết ý nghĩa. Cô không thể nào biết được những tác động của nó tới xúc cảm của con người, tạo ra những nghi ngờ, hoang tưởng, sợ hãi, càng ngày càng lớn, có lúc vượt qua ngưỡng bùng nổ, nhất là khi họ đang phải giấu giếm gì đó. Nhưng nhìn gã thì cô biết là cô đang phải đối diện với một kẻ không còn lý trí, điều đó là khá rõ. Dòng lũ ký ức của gã đột nhiên đổ xuống làm cô không có cách gì ngăn lại hay chuyển hướng được. Cô không vào được trong tâm trí gã, bởi vì cô tỉnh táo, còn gã – lúc này – thì không.

Gã đứng đó mất phương hướng một lúc, đầu hơi nghiêng, ngược nhìn cô qua lông mày. “Tôi nói cho cô biết điều không nên nói ra. Ô, giá mà nhớ được là cái gì nhỉ!” Gã đưa tay bóp trán.

“Đâu, anh có kể gì cho em đâu, không kể gì hết,” cô cố gắng xoa dịu hẳn. Bản năng nói với cô rằng nên ra khỏi nơi đó ngay lập tức, không được chậm trễ và rằng nếu để lộ ra ý định đó thì thế nào cũng bị ngăn lại. Cô bắt đầu bước lùi, từng bước nhỏ một, thật chậm. Cô đưa tay ra đằng sau để có thể nhanh chóng tìm được cửa, mở khóa, trước khi gã nhận ra ý đồ của cô. Đồng thời, để gã không tập trung vào hành động thoái lui đó, cô chăm chăm nhìn thẳng vào mặt gã, ép gã nhìn vào mắt mình. Cô thấy rằng việc di chuyển quá chậm như vậy khiến cô trở nên căng thẳng. Việc này cũng như đang lùi bước trước một con rắn đang thở phì phì, sợ rằng nếu lùi nhanh quá thì càng khiến nó lao tới nhanh hơn, nhưng cũng sợ rằng nếu chậm quá thì...

“Có mà. Tôi có nói cho cô điều gì đó mà tôi không nên nói ra. Giờ thì cô sẽ ra khỏi đây để kể với người khác. Có người đang tìm tôi. Người đó sẽ đến tóm tôi như đã nói, rồi sẽ...”

“Anh có nói gì đâu, thật đấy. Anh cứ nghĩ là anh nói thôi.” Tình trạng của gã ngày càng tồi tệ đi, không có dấu hiệu cải thiện. Hình ảnh của cô trong mắt gã ngày càng nhỏ đi, cô không còn có thể khiến hẳn không phát hiện ra việc cô lùi bước nữa. Giờ cô đã tựa vào tường, hai bàn tay đang lăm mò bí mật phía sau lưng, nhưng chỉ chạm vào bề mặt tường phẳng lì chứ không phải là khóa cửa. Cô đã nhắm sai hướng, hoặc là cô đã đổi hướng. Từ khước mắt, cô thấy nơi cô cần đến là cách vài bước về phía bên trái. Nếu như gã cứ đứng ở đó như thế, chỉ cần một, hai giây nữa...

Di chuyển sang ngang mà không bị phát hiện khó hơn so với đi thụt lùi. Cô co một chân lên, luồn đằng sau chân còn lại, rồi chân thứ hai cũng lại làm như vậy, tiếp tục như thế, sao cho phần thân trên của cô không cử động.

“Anh có nhớ là lúc nãy em ngồi trên thành ghế, vuốt tóc cho anh không, đấy, lúc đấy chỉ thế thôi mà. A, dừng!” cô khẽ rên rỉ, tuyệt vọng hòng ngăn

gã lại.

Từ lúc cơn điên bắt đầu bộc phát tới giờ mới chỉ vài giây đồng hồ, nhưng với cô, nó dài như cả đêm. Giá như cô có thêm một liều thuốc quý quái kia ném cho gã thì có thể là...

Cô chạm vào một cái bàn nhỏ hay cái ghế khi cô đi như cua về phía cánh cửa, khiến một vật gì đó rơi xuống đất. Tiếng rơi đó, tiếng *tách* đó, đã làm bại lộ hoàn toàn những gì đang diễn ra, làm đứt đoạn ánh mắt, là tín hiệu mà dây thần kinh điên rồ của gã đang chờ đợi, chuẩn bị thả ra chính thứ cô đã lường trước từ đầu. Hẳn cử động, như hình người sáp trên bệ tan chảy, tiến tới chỗ cô, tay vươn ra phía trước như người bị mất thăng bằng.

Cô lao tới cánh cửa cùng một tiếng kêu tắc nghẹn không thành lời, chỉ đủ thời gian để xác định được một việc bằng hai cánh tay dò dẫm – chìa khóa vẫn còn cắm trong ổ. Sau đó cô phải tiếp tục di chuyển vượt qua chỗ đó vì gã không cho cô chút thời gian nào để dừng lại cả.

Cô chạy khỏi chỗ bức tường, chéo sang phía đối diện, hướng tới chỗ cửa sổ ở đó. Trên cửa sổ có màn che nắng phủ kín, bám sát theo khung cửa trượt, làm cản trở động tác cô chỉ có thể làm một lần khi bị gã rượt đuổi đằng sau - nâng cửa sổ rồi kêu cứu. Hai bên cửa sổ còn có mảnh tua nhiều sợi, phủ đầy bụi. Cô túm lấy một bên mảnh rồi đẩy về phía hẵn, khiến gã bị giữ chân một lúc để gỡ những vòng dây quấn vào cổ và vai.

Một chiếc ghế sô-pha nằm chéo ở góc giao với bức tường kế bên. Cô chạy vào sau chiếc ghế, nhưng trước khi cô thoát ra được đầu bên kia thì gã đã lại chặn đường cô. Hai người rình rập qua lại hai lần, mỗi người một bên ghế, như đang chơi mèo đuổi chuột, hay như một cảnh trong vở kịch câm *Người đẹp và Quái thú* – là cảnh luôn khiến cô cười từ trước cho đến năm phút trước đây, là cảnh như trong phim *East Lynne*, - nhưng cũng là thứ cho đến cuối đời cô sẽ chẳng bao giờ dám cười lần nữa, mặc dù rõ ràng là có lẽ cuộc đời cô chỉ kéo dài thêm hai hoặc ba phút nữa.

“Đừng!” cô vẫn thở dồn dập. “Đừng làm thế! Anh thừa biết họ sẽ làm gì anh... nếu như anh làm thế với tôi ở đây... anh biết là họ sẽ làm gì anh

mà!”

Cô chẳng phải đang nói với một con người bình thường mà là đang nói với một kẻ đang phê thuốc.

Bất ngờ gã quyết định đi đường tắt bằng cách đặt một đầu gối lên đệm ghế, tìm cách với sang tóm lấy cô. Trong cái góc nhỏ hình tam giác này không có nhiều chỗ cho cô để thoái lui. Ngón tay của gã móc vào được cổ áo cô, bấu cả vào vai. Nhưng trước khi gã có thể tóm chặt thì cô đã vùng, giật hai ba lần rồi thoát ra được. Một bên vai áo bị kéo tuột hẳn xuống, nhưng gã đã không còn giữ được cô.

Khi gã vẫn còn ở trên ghế thì cô nhanh chân thoát ra qua khe hở ở góc tường, cứ thế men theo tiếp bức tường thứ tư cũng là bức tường cuối cùng trong phòng. Giờ gần như cô đã chạy đủ một vòng trong nhà, sắp trở lại chỗ cánh cửa ở bức tường kế tiếp.

Chạy cắt qua giữa phòng thì sẽ lại va phải gã, vì dù cô ở đâu thì gã cũng đã chiếm mất vị trí ở vòng trong.

Trên bức tường cuối cùng này có một khoảng tối, đó là khuôn cửa dẫn tới nhà vệ sinh hoặc buồng tắm. Nhưng sau việc xảy ra ở ghế sofa vừa rồi thì cô chạy thẳng qua mà không dừng ở đó vì sợ một lần nữa sẽ như chuột trong bẫy, thậm chí còn nguy cấp hơn vì không gian trong đó hẳn sẽ rất chật hẹp. Ngoài ra, cánh cửa chính – lối thoát duy nhất – đang ở ngay trước mặt. Cô tóm lấy một chiếc ghế gỗ nhỏ trên đường đào tẩu, vung lại, ném về phía gã, hy vọng sẽ làm gã bị ngã. Gã phát hiện ra nên tránh kịp thời. Cô chỉ kiếm thêm được năm giây.

Giờ cô đã thấy mệt. Khi cô tới được góc tường cuối cùng, rẽ sang nơi cái trò đồn-nhau-vào-góc này thực sự khởi đầu thì gã cũng đã di chuyển theo, xoay người chặn đường của cô. Cô không kịp lùi lại, suýt nữa thì đâm sầm vào gã. Giờ thì cô đã là đồ trong túi – trước mặt là gã, sau lưng là tường. Hai tay gã vung ra ôm lấy cô. Cô không còn đường tiến thoái, thế nên cô thụp xuống – hướng duy nhất còn lại đối với cô. Cô thụp xuống kịp, trước

khi vòng tay khép lại, và lao ra từ bên dưới, cô chạm cả vào người gã khi thoát ra ngoài.

Cô hét gọi một cái tên. Một cái tên lúc này hoàn toàn không thể giúp gì được cho cô. “Scott! Scott ơi!” Cánh cửa ngay ở phía trước, nhưng không đủ thời gian cho cô tới đó. Bản thân cô cũng chẳng còn đủ sức lực để tiếp tục chạy qua và rượt đuổi lần nữa.

Chiếc đèn nhỏ vẫn ở đó – chính là chiếc đèn cô định dùng để soi sáng trí nhớ của gã trước đó. Chiếc đèn quá nhỏ, chẳng đủ để gây hại gì cho gã cả, nhưng cô vẫn nhặt lên, ném về phía gã. Chiếc đèn không trúng đích mà rơi lệch sang một bên, bóng đèn bên trong thậm chí không bị vỡ sau cú va chạm xuống thảm. Đợt tấn công cuối cùng của hắn sẽ không bị cản trở, cả hai cùng biết...

Và rồi có chuyện bất ngờ xảy ra. Ngón chân hắn hình như vướng vào cái gì đó. Ngay lúc đó thì cô không thấy, nhưng về sau thì nhớ ra. Ngọn đèn chưa vỡ đó vung văng, quấy mạnh trên nền nhà phía sau gã, hắt lên tường một chớp sáng màu xanh, thế rồi gã ngã sấp mặt xuống sàn, hai tay vẫn vươn hết tầm về phía trước.

Giữa gã và cánh cửa kỳ diệu vẫn còn một khoảng trống nhỏ. Cô sợ phải chạy qua đó, nhưng không chạy qua còn đáng sợ hơn. Hai bàn tay của gã lúc này bẹp trên mặt sàn, cách lối cô chạy không xa. Cô nhảy quanh người gã, tránh được các ngón tay gã đang tìm cách tóm lấy cô, ra tới cửa.

Một khoảng khắc có thể là quá dài. Một khoảng khắc có thể là quá ngắn. Hắn nằm bất động, sấp mặt trên sàn chỉ trong một khoảnh khắc. Cô đưa hai tay quờ vào chiếc chìa khóa như trong mơ, có cảm giác tay đó không phải là của cô. Cô quay chìa nhằm hướng, bị kẹt. Cô quay ngược lại, vặn cho đến hết tầm. Gã lê người trên sàn, cố gắng rút ngắn khoảng cách mà không cần phải đứng lên, tìm cách tóm vào cổ chân cô, vật cô ngã xuống cùng.

Khóa đã mở. Cô kéo cánh cửa vào trong. Có cái gì đó khều khều vào gót giày của cô, cảm giác như móng tay cào khi cô lao ra khỏi khuôn cửa mới mở đó.

* * *

Mọi thứ giờ đều nhòa đi, kết quả của sự pha trộn giữa kinh hoàng và nhẹ nhõm; kinh hoàng vì sợ hãi truy đuổi – nhưng không thấy. Cô lao vội xuống cầu thang được chiếu sáng yếu ớt, chủ yếu là do bị sự sợ hãi hồi thúc chứ không phải do nhìn rõ. Cô tìm thấy một cánh cửa, mở ra. Bên ngoài trời mát, trời còn tối, và cô đã an toàn. Nhưng cô vẫn tiếp tục di chuyển, tránh xa cái nơi xấu xa đó, cái nơi sẽ còn ám ảnh cô mãi về sau này. Cô lao đảo đi trên vỉa hè như kẻ say rượu; cô say thật – say cơn khủng hoảng.

Cô nhớ có rẽ sang một góc phố và rồi không còn nhận ra mình đang ở đâu nữa. Cô thấy trước mặt có ánh đèn, liền tiến tới chỗ đó, chạy chứ không đi, để đến đó thật nhanh, trước khi gã có cơ hội tìm tới chỗ cô. Cô đi vào quán, thấy trước mặt là các dãy kệ thủy tinh, trên đó có súc xích và cả xa lát khoai tây. Đây hẳn là quán bán thực phẩm đêm rồi.

Trong quán không có ai, ngoài một ông già đang gà gât bên quầy. Ông già mở choàng mắt, thấy cô đứng đó run rẩy, váy vẫn còn lệch hẳn một bên vai từ khi bị gã kéo lúc trước. Ông giật mình, tì người lên quầy, hơi nhồm về phía trước.

“Cháu bị làm sao thế? Bị tai nạn hay gì? Cần ta giúp gì không?”

“Cho cháu một đồng xu,” cô thốt thức không thành lời. “Cho cháu xin một đồng xu... để gọi điện thoại.”

Cô ra chỗ điện thoại, bỏ xu vào, vẫn chưa hết thốt thức và bàng hoàng.

Ông chủ quán tốt bụng gọi với vào trong. “Mẹ nó ra đây một chút. Có cô bé ngoài này đang gặp rắc rối.”

Cô gọi điện về nhà Burgess, lúc này đã là gần năm giờ sáng rồi. Cô không nhớ là có giới thiệu mình là ai không, nhưng chắc ông ta đã biết trước. “Burgess, ông đến ngay được không? Tôi vừa gặp chuyện không hay chút nào, tôi không nghĩ là có thể tự giải quyết được nữa...”

Hai ông bà chủ quán – bà vợ đầu còn quần lố, mặc áo ngủ - đang trao đổi với nhau, đánh giá tình hình, từ nãy giờ. “Cà phê đen được không?”

“Được, mà chỉ có cái đó. Aspirin mình không có.”

Bà tới ngồi đối diện với cô, đặt bàn tay lên tay cô để tạo sự đồng cảm. “Chúng làm gì với cháu vậy? Cháu gọi cho mẹ được chưa?”

Cô rất muốn cười với ý nghĩ này của bà, nhưng bên ngoài cô vẫn tiếp tục sụt sịt. Mẹ duy nhất mà cô có lúc này là một ông cảnh sát được tôi luyện nhiều năm.

* * *

Burgess đến một mình, cổ áo dựng che kín tai, thấy cô đang ôm một cốc cà phê đen to tướng còn đang bốc khói. Sự run rẩy trước đó không phải là do liên quan tới nhiệt độ, giờ cũng đã bớt nhiều. Ông ta đến một mình vì đây không phải việc công, mà là việc tư, không chính thức – ít nhất là theo cách nhìn nhận của ông ta.

Cô chào ông ta, trong lòng thấy có phần nhẹ nhõm. Burgess nhìn cô, đánh giá. “Tội nghiệp cô bé.” Ông ta lấy một chiếc ghế, đặt cạnh cô rồi ngồi xuống. “Trông cũng tệ thật đấy nhỉ.”

“Thế này là đỡ nhiều rồi. Năm, mười phút trước mới khiếp.” Cô gạt chuyện đó sang một bên, hơi cúi người về phía ông ta. “Burgess, nhưng đáng lắm! Anh ta nhìn thấy người phụ nữ đó. Mà chưa hết. Có người sau đó đến mua chuộc anh ta. Là đàn ông, chắc là người của cô ta. Ông sẽ làm anh ta nói ra được, đúng không?”

“Nghe này,” ông ta nói, “tôi không moi ra được thì cũng không phải là do không cố gắng. Tôi qua đó bây giờ đây. Tôi sẽ gọi taxi cho cô, rồi...”

“Không, không. Tôi muốn quay lại đó cùng với ông. Giờ thì tôi ổn rồi, tôi hết sợ rồi.”

Hai vợ chồng chủ quán theo họ ra tới ngoài cửa, nhìn họ cùng nhau xuống phố lúc này đã tang tảng sáng. Trên mặt họ có nét gì đó tỏ vẻ không hài lòng về Burgess.

“A, cô bé đó cũng có anh trai đấy chứ!” ông già tỏ ra khinh bỉ. “Lúc đầu thì để nó đi chơi đến tận năm giờ sáng! Giờ chắc là đi ăn thua với cái tay gậy chuyện kia, thế thì cũng quá muộn rồi còn gì. Không biết chăm sóc em gái tốt hơn thì làm anh làm quái gì chứ, cái ngữ ăn hại!”

* * *

Burgess kín đáo bước lên cầu thang, để cô đi đằng sau, tay ra hiệu cho cô đi thật nhẹ nhàng. Đến lúc cô đuổi kịp thì viên cảnh sát đã đứng áp tai vào cửa nghe ngóng động tĩnh ở bên trong được một lúc, đầu ông ta hơi cúi, không hề cử động.

“Hình như anh ta ngủ rồi,” Burgess thì thầm. “Không nghe thấy gì cả. Lùi lại một chút, đừng đứng sát quá, nhờ anh ta giở trò gì thì lại lỡ hết.”

Cô lùi lại mấy bước xuống phía cầu thang, cho đến khi chỉ có đầu và vai là ngang với sàn. Cô thấy Burgess làm gì đó với cánh cửa một cách cẩn trọng, để tránh tạo ra những tiếng động dù là nhỏ nhất. Một khe hở xuất hiện. Burgess vòng bàn tay ra phía sau hông, để yên đó, và nhẹ nhàng bước tới.

Cô cũng đi theo, không dám thở mạnh, chắc mẫm sắp có bạo lực, đánh nhau đến nơi. Cô giật bản mình khi ánh đèn điện đột nhiên lóe sáng phía bên trong cánh cửa, mặc dù vẫn không hề có một tiếng động nào. Burgess đã bật đèn lên.

Cô ngó vào xem, đúng lúc thấy ông ta biến mất vào trong khung cửa ở bức tường kế bên mà cô đã bỏ qua trong lúc chạy vòng vòng trong phòng đó. Cô rón rén đến sát cửa khung cửa, cảm thấy mạnh dạn hơn vì Burgess không bị cản trở nghĩa là căn phòng ngoài trống trải.

Lại một lần nữa đèn điện lóe sáng mà không có một tiếng động nào. Khoảng không tối sẫm lúc trước giờ hiện ra một cái bồn tắm trắng tinh, tạo thành một đường thẳng với cô và Burgess, do đó cô chưa nhìn thấy gì ở bên trong. Đó là một cái bồn tắm bốn chân kiểu cũ. Cô thấy ở mép bồn có gì đó

giống như quần áo vắt qua. Có cả hai đế giày lật ngược, ngửa lên trời nữa. Cái bồn này không thể nào là bằng đá hoa cương – khi so với hoàn cảnh của cả nơi này – nhưng nhìn qua thì người ta cũng có thể tưởng là thế. Có thể là do có một hai vệt màu đỏ đỏ loang trên bề mặt. Vệt đỏ đỏ...

Lúc đầu cô nghĩ rằng có thể gã bị mệt rồi ngất đi. Nhưng khi cô đi gần sát vào thì Burgess nói, “Đừng vào đây, Carol, cứ ở ngoài đó!” khiến cô sững lại, đứng như trời trồng. Burgess cũng lùi lại một, hai bước, khẽ đẩy cánh cửa để nó khép lại, vừa đủ để cô không còn phải nhìn vào trong nữa, chứ không đóng lại hoàn toàn.

Burgess ở trong đó khá lâu, còn cô vẫn ở bên ngoài chờ đợi. Cô chợt nhận ra hai cổ tay đang run, nhưng lúc này không phải là do sợ hãi, mà là do xúc động. Giờ thì cô đã hiểu điều gì xảy ra trong đó, và nguyên nhân dẫn tới việc đó nữa. Nỗi khiếp đảm được kích thích bằng cần sa trở nên quá sức chịu đựng khi cô đã thoát đi được, rồi thêm những bóng ma vô hình đe dọa trả thù đã khiến gã hoàn toàn sụp đổ. Càng không biết là ai thì càng khủng khiếp.

Một mẫu giấy nằm trên bàn khẳng định những gì cô suy nghĩ. Những chữ viết nguệch ngoạc, gần như không đọc được vì đã biến thành những dòng cong cong vô nghĩa tràn trên tờ giấy, kết thúc bằng một mẫu bút chì lẫn lộn trên sàn nhà. ‘Chúng tìm tới tôi...’

Cửa mở rộng. Cuối cùng, Burgess cũng ra bên ngoài nơi cô đang đứng chờ. Mặt ông ta lúc này còn trắng hơn lúc trước khi vào, cô nghĩ. Cô để ý thấy rằng ông ta vô tình đang dồn cô, khiến cô vô thức phải lùi về phía cửa ngoài. “Ông thấy cái kia chưa?” cô hỏi về mẫu giấy.

“Rồi, khi vào.”

“Anh ta...?”

Thay cho câu trả lời, Burgess lấy một ngón tay vẽ một vòng từ một bên tai, qua cổ, sang tai bên kia.

Cô hít vào một hơi dài.

“Thôi, ra khỏi chỗ này đi,” ngữ điệu nhẹ nhàng nhưng với ý nghĩa cộc cằn. “Đây không phải chỗ dành cho cô.” Ông ta đóng cửa ngoài lại sau khi cả hai ra ngoài, giống như trước khi họ tới. “Cái bồn đó,” cô nghe ông ta lẩm bẩm khi dẫn cô xuống cầu thang, hai tay đặt lên cả hai vai đang co rúm của cô. “Mình sẽ chẳng bao giờ có ý định tới Biển Đỏ nữa nếu...” Ông ta nhận ra cô đang nghe nên lập tức dừng lời.

Burgess cho cô vào một chiếc taxi ở góc phố. “Xe này sẽ đưa cô về nhà. Tôi phải quay lại đó đây, còn phải báo về đồn.”

“Giờ thì còn có ích gì nữa?” cô nói gần như khóc, ngả người về phía ông ta qua cửa sổ.

“Giờ đúng là không có ích gì cho cô nữa, Carol.”

“Tôi nhắc lại những gì anh ta nói thì có...?”

“Thì chỉ được coi là những lời nghe người khác nói. Cô nghe thấy ai đó nói là anh ta đã gặp người phụ nữ đó rồi bị mua chuộc để chối. Đó là bằng chứng thứ cấp. Như thế thì không đủ, không được chấp nhận đâu.”

Burgess đã lấy ra một chiếc khăn tay gấp cẩn thận từ lúc nào, mở ra trên lòng bàn tay. Cô thấy ông ta đang nhìn cái gì đó ở giữa khăn.

“Cái gì thế?” cô hỏi.

“Cô xem là cái gì.”

“Dao cạo.”

“Chưa đủ.”

“Dao cạo râu an toàn.”

“Đúng đấy. Cỗ anh ta bị cắt bằng một con dao cạo râu cổ điển hở lưỡi – tôi tìm thấy bên dưới anh ta, ở đáy bồn. Nhưng tôi lại tìm thấy cái này nữa ở trên giá. Thông thường người ta chọn một trong hai loại này, chứ ít khi dùng cả hai.” Ông ta lại cất nó đi. “Người ta sẽ cho rằng đây là tự tử. Tôi cũng sẽ để họ nghĩ như thế... tạm thời là thế. Cô về nhà đi, Carol. Hôm nay cô chưa hề có mặt ở đây. Cô đứng ngoài việc này. Tôi sẽ đảm bảo điều đó.”

Carol ngồi trên taxi về nhà, chạy qua các con phố đang trở nên rực rỡ dưới ánh sáng ban mai, đầu gục xuống phía trước.

Tối nay không được rồi, anh yêu, không được rồi. Nhưng có thể là tối mai. Có thể là tối ngày kia.

9 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

LOMBARD

Đó là một trong những khách sạn xa hoa bậc nhất, chỉ có một tòa tháp thanh mảnh với chiều cao ngạo mạn so với phần lớn các tòa nhà thông thường khác, như một chiếc mũi nhọn của giới quý tộc. Đây là chỗ trú thân êm ấm, quý báu nơi các loài chim thiên đường phải bay về phía đông từ thế giới điện ảnh chẳng hề có ý định rời đi. Những loài chim khác với màu sắc sặc sỡ không kém phải bay về phía tây trước khi bão đến cũng chọn nơi đây làm chỗ trú, cho đến khi nào còn có thể.

Lombard biết cần phải có sự tinh tế mới giải quyết được ở đây. Cần phải có cách làm đúng, cách tiếp cận đúng. Do đó ông ta không mắc sai lầm chiến thuật là cứ thế vào là xin gặp ngay. Nơi này chẳng phải là nơi người ta sẽ đón tiếp khách lạ ngay khi có lời yêu cầu lần đầu tiên. Cần phải có chiến dịch, cần phải giật vại sợi dây.

Lombard trước tiên tìm cửa hàng bán hoa, do đó ông ta vào theo lối sảnh, qua một cánh cửa cong bằng thủy tinh xanh. Lombard nói, “Bà có biết bà Mendoza thích loại hoa gì không? Tôi đoán chừng bà gửi nhiều hoa lên đó.”

“Không biết được đâu,” bà bán hoa lẩm bẩm.

Lombard rút ra một tờ tiền, lặp lại câu hỏi vừa rồi như thể ông ta lúc đầu nói chưa đủ nghe.

Rõ ràng là chưa đủ. “Khách rất hay mua rồi gửi lên đó hoa thông thường như lan hay hoa cây sơn dầu. Nhưng mà tôi biết ở Nam Mỹ, quê của bà ta

ấy, thì mấy loại hoa đó chẳng được coi trọng đâu, toàn hoa mọc hoang cả. Nếu ông muốn có chút giá trị thực...” người bán hàng hạ giọng như thể đang bán một món hàng vô giá. “Thỉnh thoảng bà ta cũng tự mua hoa cho mình đấy, để trang trí trong căn hộ trên đó, lúc nào cũng là hoa đậu tía sẫm.”

“Tôi muốn mua toàn bộ ở đây,” Lombard nói ngay. “Không để lại một bông nào hết. Cho tôi hai tấm thiệp nữa.”

Lombard dùng một tấm để viết mấy lời ngắn gọn bằng tiếng Anh. Sau đó lấy ra một cuốn từ điển bỏ túi, dịch từng từ sang tiếng Tây Ban Nha, viết lên tấm thiệp thứ hai. Lombard vứt tấm thiệp thứ nhất đi. “Gửi kèm cái này với hoa nhé, và bà gửi lên ngay giúp tôi. Mất khoảng bao lâu?”

“Đến tay bà ấy thì trong vòng năm phút thôi. Bà ấy sống ngay trong tháp này, thang máy nhanh lắm.”

Lombard quay ra sảnh, đứng ngay trước quầy lễ tân, cúi nhìn đồng hồ đeo tay, tựa như đang đếm nhịp tim.

“Ông cần giúp gì chẳng?” nhân viên lễ tân hỏi.

“Chưa,” Lombard ra hiệu. Ông ta muốn tấn công đúng thời điểm.

“Đến lúc rồi!” ông ta nói sau khi đợi một lúc, bất ngờ đến mức khiến nhân viên lễ tân giật mình lùi lại. “Gọi lên nhà bà Mendoza, hỏi xem bà ấy có chịu tiếp người vừa gửi hoa lên không. Tên là Lombard. Đừng quên nói về chỗ hoa đấy.”

Khi nhân viên lễ tân quay lại, anh ta có vẻ ngạc nhiên lắm. “Bà ấy đồng ý,” anh ta thông báo. Rõ ràng một quy định bất thành văn ở khách sạn này đã bị phá vỡ. Vừa có người được tiếp ngay khi mới yêu cầu lần đầu tiên.

Lombard đi thang máy vun vút lên trên như tên lửa, khi bước ra ngoài, hai đầu gối còn hơi run. Lombard thấy một cô gái trẻ đứng ở cửa mở sẵn đợi mình. Xét từ chiếc váy đen trên người thì rõ cô gái này là giúp việc thân cận.

“Ông Lombard?” cô hỏi.

“Là tôi.”

Hiển nhiên Lombard phải qua cửa thủ tục cuối cùng trước khi được mời vào bên trong. “Không phải là báo chí phỏng vấn chứ?”

“Không.”

“Không phải xin chữ ký?”

“Không.”

“Không phải xin giấy giới thiệu cá nhân?”

“Không.”

“Không phải là về mấy hóa đơn... ờ,” cô gái có phần ngập ngừng, “mà *senorita* trót quên chứ?”

“Không.”

Câu cuối cùng đó có vẻ là câu quan trọng nhất; sẽ không còn câu hỏi gì khác. “Chờ một chút.” Cánh cửa đóng lại, để rồi một lát sau lại mở ra. Lần này mở rộng hẳn. “Ông có thể vào, ông Lombard. *Senorita* sẽ cho ông ít thời gian giữa lúc viết thư và làm tóc. Ông ngồi chờ nhé?”

Lombard đang ngồi trong một căn phòng rất đặc biệt. Không phải vì là nó rất rộng, cũng không phải quang cảnh tuyệt vời từ cửa sổ nhìn ra, cũng không phải là vì những đồ đạc vô cùng đắt tiền có nhiệm vụ trang trí – cho dù tất cả những điều đó cũng đáng tạo ra sự nổi bật; nhưng điều đáng nói nhất ở đây là nó tràn ngập âm thanh – những tiếng động bằng cách nào đó đã khóa lấp toàn bộ không gian mặc dù trong đó không có người. Đây là căn phòng trống rỗng mà ồn ào nhất mà Lombard từng tới. Từ một khuôn cửa vang đến tiếng lèo xèo, xì xoẹt – đó có thể là tiếng vòi nước xịt hoặc là ai đó đang rán cái gì đó đầy mỡ. Có thể là rán mỡ rồi, vì kèm theo nó là mùi gia vị. Lẫn với âm thanh đó là những lời ca từ một giọng nam khỏe nhưng không hay lắm.

Từ một khung cửa khác có chiều rộng gấp đôi cứ thường xuyên đóng mở là một hỗn hợp âm thanh có phần phong phú hơn. Thành phần của nó, theo khả năng phân tích của Lombard, bao gồm một chương trình nhạc samba

trên đài phát thanh sóng ngắn, đôi lúc lại tạm tịt vì mất tín hiệu, một giọng nữ nói tiếng Tây Ban Nha như súng liên thanh, không buồn ngừng để thở sau những câu dài, tiếng chuông điện thoại cứ hai, ba phút lại réo rất gọi không ngừng nghỉ. Và cuối cùng, nổi lên trong hỗn hợp đó là tiếng ken két rợn người của một cái móng cào lên thủy tinh hay là một viên phấn di trên bảng. May mắn thanh là thành phần âm thanh cuối cùng này lại xuất hiện với nhịp độ tương đối thưa.

Lombard kiên nhẫn chờ đợi. Giờ thì ông ta đã ở đây rồi, đã thắng được một nửa cuộc chiến rồi. Nửa còn lại kéo dài đến bao lâu cũng được.

Có một lần cô hầu gái lao ra, Lombard tưởng ra gọi mình nên hơi nhồm dậy. Tuy nhiên nhiệm vụ của cô ta chắc hẳn quan trọng hơn việc đó nhiều, chỉ cần nhìn vẻ vội vàng là thấy. Cô lao vào nơi xuất phát hỗn hợp tiếng lèo xèo và giọng ca nam để rít lên lời cảnh cáo, “Đừng có cho nhiều dầu quá, Enrico. Bà bảo không được cho nhiều dầu quá!” Sau đó cô ta lại chạy về chỗ cũ, sau lưng là tiếng khàn khàn giận dữ đuổi theo, làm rung cả các bức tường. “Tôi nấu cho mồm bà ta ăn hay cho cái đồng hồ treo trong phòng tắm ăn đấy?”

Lúc ra hay lúc vào thì cô hầu gái cũng kéo theo một mảnh vải dài có đính những nhiec lông màu hồng nhạt được hai bàn tay nâng như thể có người sắp sửa chui vào đó, nhưng lại có vẻ chẳng liên quan gì tới nhiệm vụ được giao cả. Trên đường trở về, nhiều lông đã rụng, làm bung ra trong không khí những mảnh nhỏ, lả tả rơi trên nền nhà sau khi cô ta đã đi khuất.

Tiếng lèo xèo lúc này đã tắt sau một tiếng xì lớn, rồi một tiếng “Aah!” hài lòng vang lên, tiếp theo là một người đàn ông nhỏ thó, nước da màu cà phê, mặc áo trắng, đội mũ đầu bếp cao ngồng, lúc lắc đầu với vẻ mãn nguyện. Ông đi sang khuôn cửa to kia, trên tay bê một cái khay có nắp hình vòng cung.

Có một khoảng lặng ngắn. Rất ngắn. Sau đó mọi thứ đột biến về âm lượng, khiến cho sự ồn ào lúc trước hóa ra là một khoảng lặng đáng giá vàng ngọc. Những yếu tố lúc trước vẫn ở đó, giờ chỉ thêm những thành phần mới là tiếng rít giọng nữ cao, tiếng phản đối giọng nam trầm, tiếng

móng cọ vào cửa kính, tiếng loảng xoảng nặng nề khi cái nắp khay bị ném đi, va vào tường trước khi lăn vòng vòng trong phòng.

Người đàn ông nhỏ thó xuất hiện, nhanh và giận dữ, không còn cái dáng vẻ tự tin mà giờ phủ một lớp gì đó tựa như lòng đỏ trứng và hạt tiêu. Tay ông ta vung vẩy như cối xay gió. “Lần này là tôi về luôn! Đợi chuyến tàu tới rời cảng là tôi đi ngay. Lần này bà ta có quỳ xuống thì cũng đừng mong tôi ở lại.”

Lombard hơi cúi người xuống, nhét hai ngón tay úp vào tai để đôi tai được nghỉ ngơi. Nói cho cùng thì màng nhĩ là một cái màng mỏng manh, nó chịu tiếng ồn như thế là đủ, không thể hơn được nữa.

Khi rút hai ngón tay lại, Lombard thấy nhẹ cả người vì mọi thứ đã giảm âm lượng tới trạng thái chỉ gần như là điên cuồng vốn có thể được coi là bình thường ở nơi này. Ít nhất thì vẫn có thể nghe được suy nghĩ của chính mình. Bất chợt, có tiếng chuông cửa xen vào – chứ không phải chuông điện thoại – và người hầu gái ra đón một người đàn ông tóc đen, có hàng ria mảnh. Ông ta vào, ngồi và đợi cùng Lombard, nhưng vẻ bề ngoài rõ ràng là không vững chãi bằng. Ngồi chưa ấm chỗ, ông ta đã lại đứng lên, rộn ràng bước tới lui, với những nhịp chân lú lú chẳng thể giúp ông ta thoải mái trong vòng tròn ông ta đang tạo ra. Ông khách phát hiện ra một trong những bó hoa đã được Lombard gửi lên tặng trước đó, liền dừng bước ngắt một bông, đưa lên mũi ngửi. Lombard lúc này không còn theo đuổi một ý định ngoại giao nào nữa, cho dù đã từng có suy nghĩ đó.

“Bà ấy có tiếp tôi được ngay không?” ông khách hỏi ngay khi cô hầu gái lại một lần nữa vội vã ra ngoài làm gì đó. “Tôi có ý tưởng mới đây. Tôi phải xử lý ngay bây giờ, kéo nó lại tuột mất.”

‘Tôi cũng vậy,’ Lombard nghĩ, ngấm nghĩa cổ ông khách một cách dữ tợn.

Ông khách lại ngồi xuống. Rồi lại đứng lên, toàn thân từ đầu gối trở lên đều run bần bật vì thiếu kiên nhẫn. “Tôi sắp vượt mất nó rồi đây, sắp rồi đây,” ông ta cảnh cáo. “Sắp mất đến nơi rồi. Một khi mất thì tôi sẽ lại phải

trở lại từ đầu!” Người hầu gái lại biến vào bên trong cùng với thông điệp này.

Lombard lẩm bẩm khá to, “Nhẽ ra ông phải trở lại từ lâu rồi ấy.”

Dù sao đi nữa thì cũng có tác dụng. Người hầu gái trở ra, ra hiệu có chuyện khẩn cấp, và ông khách đi vào. Lombard cầm bông hoa ông khách kia vứt đi lúc trước tung lên rồi khéo léo dùng mũi giày đỡ lấy, nhẹ nhàng đưa lên tươi cười, như thể việc đó làm cho ông ta cảm thấy tốt hơn.

Cô hầu lại xuất hiện, nói với Lombard một cách kín đáo để xoa dịu sự mất kiên nhẫn này. “*Senorita* sẽ tiếp ông sau vị khách này, trước người thử trang phục. Ông biết đấy, ông khách này khó tính lắm.”

“Ồ, tôi không biết đâu,” Lombard lẩm bẩm, hơi xoay cái chân lúc này vẫn duỗi thẳng, nhìn chăm chú.

Sau đó là một khoảng tĩnh lặng. Tương đối tĩnh lặng. Cô hầu chỉ qua lại một, hai lần gì đó và điện thoại cũng chỉ réo rắt một, hai lần. Ngay cả tràng âm thanh Tây Ban Nha nhanh như súng máy cũng chỉ thỉnh thoảng lên tiếng. Ông đầu bếp cam đoan sẽ về quê trên chuyến tàu gần nhất giờ cũng lại xuất hiện, vẫn nhỏ thó trong chiếc mũ beret, khăn quàng và áo khoác nhàu nhĩ, nhưng lần này là để hỏi với giọng bị tổn thương, “Hỏi xem bà ấy tối nay có ăn ở nhà không. Tôi không thể nào vào đây tự hỏi được. Chịu không nổi.”

Vị khách kia rốt cuộc cũng phải xuất hiện, tay cầm một tập giấy nhỏ, rời ra về. Tất nhiên là trước đó phải vòng qua ngắt thêm một bông hoa đậu thơm ngọt nào nữa. Một chân Lombard di chuyển về phía lẵng hoa, như thể có ham muốn cháy bỏng là lẳng toàn bộ chỗ hoa còn lại về phía ông khách kia, nhưng ông ta đã kịp kìm bản thân lại được.

Cô hầu lại đang đứng ở ngưỡng cửa phòng trong, tuyên bố, “*Senorita* sẽ tiếp ông bây giờ.” Lombard đứng lên, chợt thấy chân mình như vẫn còn đang say ngủ. Lombard vỗ vỗ chân vài lần, nắn chỉnh cà-vạt, cài lại khuy tay áo, rồi bước vào.

Lombard vừa mới kịp nhìn thấy một cái bóng đang ngả trên trường kỷ như nữ hoàng Cleopatra thì một vật gì đó lông lá, mềm mại phi thẳng tới và đậu lên vai ông ta, kèm thêm một tiếng rít rợn người. Vẫn là tiếng rít như móng tay cào lên kính thỉnh thoảng có vọng ra phòng ngoài lúc trước. Cú va chạm này làm Lombard có phần lo lắng. Một cái gì đó mềm mại như con rắn nhưng đã nhẹ nhàng cuốn quanh cổ ông ta.

Bóng người trên trường kỷ quan sát chăm chú, như một bà mẹ nhìn con mình chơi đùa. “Đừng căng thẳng thế, *senor*. Đó là Bibi bé bỏng.”

Đối với Lombard mà nói thì cái thứ này được đặt tên cũng chỉ làm yên tâm được phần nào. Ông ta cố gắng xoay đầu để nhìn nó, nhưng khoảng cách quá gần. Ông ta cố gắng mỉm cười thật tự nhiên để có thể tiến xa hơn nữa.

“Tôi dựa vào Bibi cả đấy,” bà chủ nhà thú nhận. “Bibi, nói thế nào nhỉ, là ban đón tiếp của tôi. Nếu Bibi không thích, nó trốn dưới gầm ghế, thế là tôi tiễn khách nhanh thôi. Nếu Bibi thích, nó nhảy lên cổ người ta, thì người ta ở lại được.” Bà ta khẽ nhún vai. “Ông thì Bibi có vẻ thích. Bibi, xuống đi, đừng bám ở cổ người ta nữa.”

“Không, cứ để nó ở đấy cũng được, tôi không thấy phiền gì cả,” Lombard tỏ ra dễ tính. Sẽ quả là hơi hên nếu coi những lời quở trách vừa rồi là lời quở trách thật, Lombard nghĩ. Thính giác của ông ta giờ đã nhận ra thứ mùi đặc trưng của một chú khỉ con, xuyên qua cả mùi nước hoa đậm đặc trên người nó. Đuôi con khỉ đã lỏng ra, dần dần rời khỏi cổ Lombard. Nó đã bị cái gì đó thu hút. Lombard cảm thấy tóc trên đầu bắt đầu bị vạch ra, xem xét như thể chú khỉ cần tìm gì ở đó.

Nữ nghệ sĩ nhồm dậy, quan sát một cách vui vẻ. Nếu có cái gì khiến bà ta đón tiếp nồng hậu thì chú khỉ này chính là lý do, thế nên Lombard chẳng dám có động tác cản trở nó kết thân với ông ta.

“Ngồi xuống đi,” bà ta giục. Lombard bước như một cái que tới bên một chiếc ghế rồi ngồi xuống, tránh không để đầu bị nghiêng. Bây giờ Lombard mới nhìn được rõ bà chủ nhà. Bà ta khoác một chiếc khăn lông màu hồng

trên vai, phủ bên ngoài bộ đồ ngủ màu đen, mỗi bên ống quần đều rộng như một chiếc váy. Một cách sắp xếp thật kinh khủng, trông giống như kẻ thù của hoa đậu lúc trước vào đây đã đổ dung nham lên đầu bà ta. Cô hầu đang đứng đằng sau, dùng một chiếc lá cọ để quạt cho nó nguội bớt. “Mất một phút thì mới ổn được,” bà ta duyên dáng giải thích. Lombard thấy bà ta lén nhìn tấm thiệp được gửi cùng chỗ hoa để nhớ tên mình.

“Thật là thích khi nhận được hoa và thiệp bằng tiếng Tây Ban Nha, *senor* Lombard. Ông nói ông vừa từ quê hương tôi đến. Tôi đã gặp ông ở đó à?”

Thật may là bà ta đã bỏ qua điều đó trước khi Lombard thấy cần phải thú nhận. Đôi mắt đen láy tỏ vẻ đượm buồn, ngược lên tìm gì đó trên trần; hai bàn tay tạo thành một chiếc gối, bà ta tì một bên má lên đó. “Ôi, Buenos Aires của tôi,” bà ta thở dài. “Tôi nhớ Buenos Aires quá. Nhớ ánh đèn Calle Florida lung linh trong đêm...”

Chẳng phải vô cơ mà ông ta đã mất hàng giờ nghiên cứu các cuốn giới thiệu du lịch trước khi lên đây. “Bãi biển La Plata trái dài,” Lombard nhẹ nhàng bổ sung thêm, “những cuộc đua ở Palermo Park...”

“Đừng,” bà ta nhăn nhó. “Đừng làm tôi khóc.” Bà ta không hề diễn. Hoặc ít nhất là không phải đang diễn hoàn toàn, Lombard nhận thấy điều đó. Bà ta chỉ đang cường điệu hóa, kịch hóa những gì đã có sẵn ở đó. Về cơ bản thì là thật lòng, thêm một chút gia vị kịch tính. “Tại sao tôi lại bỏ đi, tại sao tôi lại ở nơi xa tít thế này?”

Bảy nghìn đô-la mỗi tuần cộng thêm mười phần trăm doanh thu cũng có thể có tác động nào đó, Lombard nghĩ, nhưng ông ta biết điều nên nén lại trong lòng.

Bibi, lúc này không tìm được cái gì cần chăm sóc đặc biệt trên đầu Lombard, đã mất hết hứng thú, chuyển xuống tay ông ta rồi nhảy xuống sàn nhà. Như thế khiến Lombard nói chuyện dễ dàng hơn nhiều, cho dù tóc ông ta lúc này trông như đồng rơm vừa bị trúng một luồng gió mạnh thổi tới.

Lombard cố kiềm chế động tác đưa tay vuốt tóc, e rằng như thế sẽ là điều xúc phạm với nữ chủ nhà. Bà ta lúc này đang có tâm trạng thư thái hơn

nhiều so với ông ta mong muốn khi xét tới thời gian làm quen quá ngắn như vậy, do đó Lombard dẫn bước.

“Tôi đến xin gặp bà vì bà có tiếng vừa thông minh, vừa tài năng lại cũng rất đẹp,” ông ta rào đón.

“Không sai đâu, chưa ai bảo tôi là đàn cả,” người nghệ sĩ nổi tiếng tiếp nhận lời khen khá thản nhiên, mắt nhìn móng tay.

Lombard xích chiếc ghế lại gần. “Bà có nhớ một lần ở mùa diễn trước, khi bà có ném những bó hoa nhỏ xuống cho các quý cô, quý bà khán giả bên dưới không?”

Bà ta chỉ một ngón tay lên trên trần, đôi mắt lấp lánh. “A, Chica Chica Bum! *Si si*. Ông thích chứ? Không hay à?” bà ta hỏi.

“Rất tuyệt vời,” Lombard đánh giá, kín đáo không để lộ rằng cổ họng đang trồi lên thụt xuống. “Một người bạn tôi...”

Lần thử nghiệm này chỉ đến được đó. Cô hầu, lúc này đã ngừng quạt một lúc, xen vào, “William muốn biết lịch ngày hôm nay, *senorita*.”

“Chờ tôi một phút.” Bà ta quay sang phía cửa. Một người trong trang phục tài xế bước tới, đứng lắng nghe. “Từ giờ tới mười hai giờ thì tôi không cần anh. Tôi đi ăn trưa ở Coq Blue, thế nên anh đợi ở dưới nhà.” Sau đó bà ta nói thêm, không thay đổi ngữ điệu. “Anh xuống thì cầm cái kia theo luôn, anh để quên.”

Người tài xế bước tới bàn trang điểm mà người nghệ sĩ chỉ, cầm lấy một hộp thuốc bằng bạc, cho vào trong túi áo rồi đi ra ngoài với vẻ hoàn toàn thờ ơ.

“Không phải đồ rẻ tiền đâu đấy nhé,” bà ta nói với theo với vẻ có phần khó chịu. Nhìn vào ánh mắt bà ta, Lombard biết không nên để William được tập trung thêm nữa.

Bà ta đã quay lại, sự bực bội đang nguội dần.

“Một người bạn của tôi có đến xem một vở bà diễn, cùng với một người phụ nữ. Đó là lý do tôi đến đây.”

“A?”

“Tôi đang tìm lại người phụ nữ đó cho anh ấy.”

Bà ta hiểu nhầm. Đôi mắt bà ta ánh lên niềm vui. “A, lãng mạn, lãng mạn. Tôi thích lãng mạn.”

“Tôi e rằng không phải. Đây là vấn đề sinh tử.” Lombard cân nhắc, không dám nói ra quá nhiều chi tiết vì e sẽ làm bà ta rụt rè.

Bà ta còn phấn khích hơn. “À, bí ẩn. Tôi cũng thích bí ẩn,” bà ta nhún vai, “miễn không phải về tôi là được.”

Đột nhiên bà ta dừng lại, đờ người. Chắc chắn nguyên do là một điều gì đó kinh khủng, nếu xét đoán từ tác động nó mang lại. Bà ta chăm chú nhìn mẫu kim cương nhỏ xíu nơi cổ tay. Rồi đột nhiên bà ta lại đứng dậy, búng tay tanh tách khắp nơi, như một tràng pháo nổ ban trưa. Cô hầu lao đến như mũi tên. Lombard chắc mẫm mình sắp bị đuổi ra ngoài đến nơi để bà ta tiếp người kế tiếp.

“Cô có biết bây giờ là mấy giờ rồi không?” người nghệ sĩ quát như cô hầu mắc lỗi gì đó. “Tôi đã bảo cô phải để ý giờ cơ mà? Cầu thả quá. Suýt nữa thì quá nhiều rồi. Bác sĩ bảo phải đúng giờ, mỗi tiếng một lần. Mang thuốc vào...”

Trước khi Lombard hiểu ra chuyện gì thì những cơn bão, vốn là điều thường thấy ở đây, đã ập tới, bao trùm lấy ông ta. Lại một tràng tiếng Tây Ban Nha như súng máy, tiếng rít như móng tay cạo kính, cô hầu chạy lòng vòng đuổi theo Bibi, cho đến khi Lombard thấy mình như đang đứng ở giữa cơn lốc xoáy.

Ông ta buộc phải lên tiếng.

“Sao cô không thử dừng lại, quay lưng lại xem?” ông ta hét lên, át cả những tiếng ồn khác.

Hiệu nghiệm. Bibi lao vào người hầu... rồi thuốc vào người Bibi.

Khi việc đó đã xong, và khi bệnh nhân kia cứ bầu lấy bà chủ, hai tay ôm chặt lấy cổ bà ta, khiến bà ta trông như một phụ nữ để râu, thì Lombard tiếp

tục công việc.

“Tôi cũng biết rất khó, nếu không phải là vô vọng, khi muốn bà nhớ lại một cá nhân nào đó trong biển người phía trước mỗi tối. Tôi cũng biết bà diễn mỗi tuần sáu suất tối và hai suất sáng, suốt cả mùa, lúc nào cũng kín chỗ...”

“Tôi chưa bao giờ diễn trong rạp hát trống khách cả,” bà ta nói thêm, thể hiện rõ sự khiêm tốn đặc trưng. “Kể cả hỏa hoạn cũng chẳng đo được với tôi ấy. Một lần, ở Buenos Aires, rạp hát bị cháy. Ông nghĩ là khán giả bỏ chạy...?”

Lombard lại đợi cho chuyện đó qua đi. “Bạn tôi, và người phụ nữ đó, ngồi ngay đây đây, cạnh lối đi.” Ông ta tham khảo gì đó từ một mẫu giấy lấy ra từ trong túi. “Tức là ở bên trái bà, khi bà quay về phía khán giả. Tôi chỉ có mỗi một chi tiết này hy vọng có thể giúp bà nhớ lại được: người phụ nữ đó đứng dậy, vào khoảng điệp khúc thứ hai hoặc thứ ba gì đó.”

Một tia lửa chợt vắn lên trong mắt người nghệ sĩ. “Cô ta đứng dậy? Khi Mendoza đang ở trên sân khấu? Tôi thấy thú vị rồi đấy. Tôi chưa bao giờ thấy có ai làm vậy cả.” Lombard để ý thấy các ngón tay của bà ta, một cách vô thức, đang khẽ cào vào lớp nhung trên ống quần, tựa như đang mài sẵn chờ dịp trả thù. “Cô ta không muốn nghe tôi hát? Hay cô ta vội ra ga bắt tàu?”

“Không, không, không, bà hiểu nhầm rồi,” Lombard vội vàng trấn an bà ta. “Ai lại có thể đối xử thế với bà chứ? Chuyện là thế này. Lúc đó là đang diễn vở *Chica Chica Bum*. Bà quên ném món quà lưu niệm nhỏ cho cô ta, nên cô ta đứng lên để thu hút sự chú ý thôi. Cô ta đứng trước mặt bà một lát, nên chúng tôi hy vọng là...”

Mendoza chớp mắt hai ba cái, cố gắng hồi tưởng lại sự kiện đó. Thậm chí bà ta còn đưa tay ra sau tai gãi gãi, cẩn trọng để tránh làm hỏng tóc. “Để tôi xem có nhớ ra cho ông không nhé.” Bà ta đang cố hết sức, điều đó là dễ thấy. Bà ta đang làm tất cả những gì có thể để trí nhớ hoạt động nhanh hơn. Bà ta thậm chí còn châm một điếu thuốc, mặc dù, nếu đánh giá từ

động tác vụng về, có vẻ bà ta không phải là người hút thuốc xuyên. Điều thuốc cứ nằm giữa các ngón tay, tự cháy.

“Tôi chịu rồi,” bà ta nói. “Xin lỗi nhé. Tôi đã cố lắm rồi. Với tôi thì mùa trước cũng giống như cách đây hai chục năm.” Bà ta lắc đầu chán nản, chép miệng một đôi lần.

Lombard lại một lần nữa liếc vào mẫu giấy để mong được viện trợ. “Ồ, còn một điều nữa... chỉ e là cũng không có ích nhiều như thông tin vừa rồi thôi. Cô ta đội mũ giống hệt của bà, anh bạn tôi nói như thế. Ý tôi nói là giống y đúc vậy, là một bản sao.”

Mendoza lập tức thẳng người, tựa như điều đó gọi ra được một ký ức gì cụ thể. Lúc này Lombard đã thu hút được sự tập trung hoàn toàn của người nghệ sĩ. Đôi mắt bắt đầu co lại. Sau đó là một ánh lửa bùng lên giữa hai mí mắt. Lombard không dám cử động, không dám thở. Ngay cả Bibi đang nghịch ngợm dưới chân cũng phải tò mò nhìn chủ nhân của nó.

Bất thành linh ký ức trở về. Mendoza vung cánh tay cầm điều thuốc ra một cách dữ tợn. Hành động đó kết hợp với một tiếng rít đỉnh tai, nếu ở trong rừng thì cũng không phải là không hợp cảnh. “A-a-ai! Giờ tôi nhớ ra rồi. Nhớ rồi.” Một tràng tiếng Tây Ban Nha bắn ra, cắt ngang dòng đối thoại. Cuối cùng, sau một hồi tạo ra lốc xoáy, bà ta cũng trở lại với tiếng Anh thông thường. “Cái ngữ đó đứng lên! Con đó đứng trước mặt mọi người ngay trong rạp, tranh một phần của tôi. Ha. Tôi có nhớ không á? Đương nhiên là phải nhớ rồi. Ông nghĩ tôi quên được cái chuyện đó nhanh lắm à. Ha. Ông không biết Mendoza rồi!” Bà ta thở phì phì hung dữ đến nỗi Bibi trông như bị quét lê trên sàn đi xa mấy bước như một chiếc lá khô, cho dù thực tế thì hẳn nó đã tự mình đi tìm nơi ẩn núp.

Cô hầu lại chọn đúng thời điểm nhạy cảm này để xen vào. “Bà thiết kế trang phục đã đợi một lúc rồi, *senorita*.”

Mendoza lại gầm lên, hai tay khua khoắng rồi ôm lấy đầu. “Cứ để bà ta chờ thêm đi! Tôi đang phải nghe mấy điều tôi không muốn nghe đây!”

Bà ta chồm về phía Lombard, giữ người thăng bằng trên một đầu gối tì vào cuối chiếc trường kỷ. Có vẻ như bà ta coi trạng thái phẫn khích quá độ này là một điều gì đó đáng tự hào. Bà ta vung tay ra cho Lombard xem, rồi lại vỗ bình bịch vào ngực như chim gõ kiến. “Đây, ông xem tôi ra thế nào rồi đây! Xem tôi bực bội đến mức nào, cho dù từ đó đến nay cũng lâu rồi! Ông thấy tác hại chưa.”

Sau đó bà ta đứng lên, hai tay ôm chặt lấy vùng eo như để giữ chính mình lại, rồi bắt đầu bước tới, bước lui, mỗi lần quay người đi ngược lại thì hai chiếc ống quần quá rộng kia lại quạt ra một luồng gió nóng. Bibi ngồi tận góc xa, đầu cúi thấp tuyệt vọng, hai tay ôm chặt lấy đầu.

“Thế ông với bạn ông cần gặp cô ta làm gì?” đột nhiên bà ta hỏi. “Ông vẫn chưa nói lý do!”

Ngữ điệu đầy thách thức của người nghệ sĩ cho Lombard thấy nếu chuyện đó liên quan tới việc làm cho kẻ đạo trang phục kia hạnh phúc thì Mendoza sẽ chẳng đời nào chịu giúp, kể cả khi việc đó trong tầm tay đi nữa. Ông ta khéo léo vận dụng những thông tin thực tế sao cho mục đích của hai bên khớp với nhau, cho dù nếu suy cho cùng thì không hoàn toàn như vậy. “Anh ấy đang gặp rắc rối lớn, xin hãy tin tôi, *seniorita*. Tôi không dám phiền bà với những chi tiết nhảm chán, nhưng cô ta là người duy nhất giúp kéo được anh ta khỏi rắc rối đó. Anh ấy phải chứng minh là anh ấy đi cùng cô ta vào tối hôm đó chứ không phải ở nơi người ta quy cho anh ấy. Mà hai người bọn họ chỉ gặp nhau tối hôm đó thôi. Chúng tôi không biết tên, cũng không biết địa chỉ, chẳng biết gì về cô ta cả. Thế nên chúng tôi phải đi hỏi khắp nơi...”

Lombard thấy được bà ta đang suy nghĩ. Một lúc sau, bà ta nói, “Tôi muốn giúp ông. Tôi biết được gì về cô ta thì tôi sẽ nói.” Sau đó bà ta xị mặt, xòe hai tay như tiếc nuối. “Nhưng trước đó tôi có gặp cô ta bao giờ đâu. Sau hôm đấy cũng không gặp lại. Tôi chỉ thấy cô ta đứng một lần như thế thôi. Ngoài ra thì tôi không còn gì để nói cho ông cả.” Ít nhất thì bề ngoài bà ta còn tỏ ra thất vọng hơn chính bản thân Lombard.

“Bà có để ý tới người đàn ông đi cùng với cô ta không?”

“Không, tôi chẳng nhìn ông ta lần nào. Tôi không thể nói được là cô ta đi cùng ai hết. Ông ta ngồi trong bóng tối bên dưới mà.”

“Thưa bà, chúng tôi đang thiếu một mắt xích rất lớn, nhưng lại hoàn toàn ngược lại với trường hợp này. Phần lớn mọi người chỉ nhớ tới bạn tôi mà không nhớ được cô ta. Còn bà thì lại nhớ cô ta, nhưng lại không nhớ gì về anh ấy. Như thế thì vẫn không được, chẳng chứng minh được gì hết. Một người phụ nữ đứng lên ở trong rạp. Người nào chẳng được. Cũng có thể là đi một mình. Hoặc có thể là đi với người hoàn toàn khác. Chẳng giúp ích được gì cả. Tôi phải nối được hai con người này với nhau, thông qua một nhân chứng.” Lombard vỗ tay lên đùi, thất vọng, rồi đứng lên. “Có vẻ như tôi vẫn chưa tiến thêm được bước nào. Cám ơn bà đã dành thời gian cho tôi.”

“Tôi sẽ thử nhớ lại lần nữa cho ông,” bà ta hứa, chìa tay ra. “Tôi không biết sẽ phải làm thế nào, nhưng tôi sẽ cố.”

Lombard cũng không biết phải làm thế nào. Sau khi bắt tay từ biệt, Lombard vác bộ mặt rầu rĩ qua phòng ngoài, trong lòng cảm thấy thực sự thất vọng, vì cho tới giờ đây là lần đầu tiên ông ta cảm thấy sắp chạm được vào một bằng chứng hữu hình để rồi chỉ chớp mắt một cái là nó lại bị cướp đi mất. Sau bao nỗ lực thì mọi thứ lại quay về như cũ.

* * *

Người điều khiển đã quay lại, nhìn Lombard chờ đợi. Lombard hiểu ngay là thang máy đã xuống đến nơi lúc nào mà ông ta cũng không để ý, và giờ là lúc phải đi ra. Có ai đó mở cửa, Lombard đi ra ngoài phố. Ông ta đứng đó một lúc, không hề di chuyển, đơn giản là vì chưa quyết định được là sẽ đi đâu. Mỗi hướng đều có những vấn đề riêng, mà tạm thời lúc này Lombard đã để rơi đầu mất khả năng quyết định cả những việc vụn vặt ấy.

Có taxi chạy qua, ông ta vẫy gọi. Nhưng xe đã có khách. Đành phải đợi xe khác, do đó Lombard phải ở lại đó thêm hơn một phút nữa. Đôi lúc thì

một phút cũng tạo ra nhiều sự khác biệt. Ông ta chẳng để lại gì cho Mendoza nên bà ta sẽ chẳng có cách nào liên hệ lại được.

Lombard vừa yên vị trên chiếc taxi thứ hai chạy tới, xe chuẩn bị lăn bánh thì cánh cửa khách sạn bật mở, một nhân viên khách sạn chạy vội ra phía ông ta. “Có phải ông vừa ở chỗ bà Mendoza không ạ? Bà ấy mới gọi xuống lễ tân, lúc ông đi qua. Bà ấy bảo ông nên quay trở lại, nếu ông không phiền.”

Lombard lại quay vào, đi rất nhanh. Con thú lông xù xì lại lao lên người ông ta, có vẻ nhận ra người quen. Lần này, Lombard không để ý đến nó. Bộ đồ ngủ đã không còn trên người, Mendoza đang thử một bộ đồ khác. Trông bà ta như một cái chụp đèn chưa làm xong đang đứng giữa sàn nhà. Nhưng Lombard cũng không có thời gian để ý chuyện đó.

Bà ta chỉ tỏ ra hơi ngỡ ngàng, nếu đó là ngỡ ngàng ngộp. “Tôi hy vọng ông đã có gia đình. Phù, mà nếu chưa thì rồi sẽ có. Thế nên cũng vậy mà thôi.” Lombard nhất thời không hiểu trọn vẹn ý đồ ẩn sau câu nói, nhưng cũng không băn khoăn. Bà ta nhặt một thứ phụ kiện, quần tằm quanh vai nơi nó ít nhất cũng có giá trị là che đậy. Sau đó bà ta ra hiệu cho một người mồm ngậm đầy kim đang ngồi làm gì đó ở dưới chân đi ra ngoài.

“Ông vừa về thì tôi nhớ ra một chuyện,” bà ta nói ngay khi họ chỉ còn lại một mình. “Tôi vẫn thấy...” bà ta vắn vẹo bàn tay như đang xoay một cái núm cửa, “... ông biết đấy... bực bội.”

Lombard im lặng chờ đợi.

“Thế là tôi phải xả ra, mỗi lúc thấy bực là tôi phải xả ra, đập phá một cái gì đó, như thế mới chịu được.” Bà ta chỉ những mảnh vỡ trên sàn như chẳng hề có liên quan tới mình, trong đó có cả một cái đèn bàn gãy chân nằm chính giữa.

“Rồi thế này mới lạ nhé. Tự nhiên tôi nhớ lại một lần tôi cũng bực, lần bực về cái cô ông nói với tôi ấy. Vừa rồi tôi ném đồ đạc, lúc đó tôi nhớ tôi cũng ném đồ đạc.” Bà ta hơi so vai. “Cũng lạ đúng không? Thế là tôi lại

nhớ ra tôi làm gì với cái mũ. Tôi nghĩ là nếu ông biết thì cũng có ích thế nào đó.”

Lombard vẫn im lặng chờ đợi, nhích một bước về phía bà ta với vẻ tập trung hơn.

Mendoza đưa một ngón tay về phía Lombard. “Tối hôm đó, sau khi xảy ra chuyện với cô ta, tôi về phòng thay đồ, rồi...” Bà ta hít một hơi sâu. “Lúc đấy phải trói tôi lại mới đúng. Tôi vớ tất cả những thứ trên bàn rồi làm thế này!” Bà ta quơ một tay như quét sạch mọi thứ. “Ông hiểu cảm giác của tôi lúc đó chứ? Ông không trách tôi, đúng không?”

“Trách bà làm sao được!”

Nữ nghệ sĩ dấn vào lòng bàn tay, xen kẽ với những trọng âm tạo ra từ âm hưởng đặc biệt của mình. “Ông có nghĩ là ai đó lại dám làm thế với tôi trong rạp hát đây người không? Ông có nghĩ là tôi, Mendoza, lại bỏ qua được chuyện đó không?”

Ông ta không nghĩ thế, nhất là khi đã chứng kiến một vài lần bà ta bốc hỏa thế này.

“Người ta đã phải giữ cả hai tay tôi lại đấy, người phụ trách sân khấu và hầu gái của tôi, để tôi không lao ra sân khấu khi chưa chỉnh xong trang phục như lúc này này, để xem tôi có tìm được cô ta trước cửa nhà hát không, để có thể xé vụn cô ta ra.”

Lombard cũng thầm mong, trong một phút, rằng sự việc đã diễn tiến ra đúng như vậy, rằng bà ta đã náo loạn với người phụ nữ bí ẩn kia trước cửa nhà hát. Nhưng Lombard biết thực tế không xảy ra như vậy vì nếu có thì Henderson hẳn đã nói rồi, và bà ta hẳn đã nhớ ra sớm hơn.

“Tôi sẽ cho cô ta biết tay!” Cho đến tận lúc này mà bà ta vẫn còn có vẻ dám làm điều đó lắm. Lombard lùi lại một hai bước trước cái cách bà ta chồm về phía ông ta, ngón tay co lại như muốn cào xé. Thái độ và lời nói của Mendoza được Bibi hưởng ứng bằng cách xò ra, cụp lại những ngón tay nhỏ xíu.

Bà ta ngồi thẳng dậy, vươn hai tay về phía trước. “Ngày hôm sau tôi vẫn thấy bức. Tôi thì bức lâu lắm. Thế nên tôi đi gặp mấy người thiết kế, bố trí trang phục đã làm chiếc mũ đó cho tôi, để tôi có thể xả bớt thêm ở đó. Tôi nói thẳng vào mặt cô thiết kế, trước bao nhiêu khách hàng của cô ta ở đó. Tôi bảo, ‘Cô bảo là cô làm riêng mũ để tôi diễn hả? Chỉ có một chiếc duy nhất hả? Không ai có một cái nào khác như thế hả?’ Tôi lấy cái mũ ấn vào mặt cô ta, rồi tôi đi ra, cô ta vẫn còn phải nhõ phì phì những thứ chui vào mồm, nên không nói được câu gì.”

Mendoza chìa tay về phía Lombard. “Như thế có giúp được gì cho ông không? Có ích không? Cái loại thiết kế lừa đảo đấy... cô ta chắc còn nhớ là bán bản nhái cho ai chứ. Ông đến đó hỏi là biết ngay người ông đang tìm là ai.”

“Tuyệt! Đúng rồi. Tuyệt vời,” Lombard hét tướng lên đến nỗi Bibi lao đầu, cụp đuôi chạy biến khỏi trường kỷ. “Tên cô ta là gì? Địa chỉ nữa!”

“Chờ chút, để tôi tìm cho ông.” Bà ta gõ cốc cốc vào đầu như để tạ lỗi. “Tôi đi diễn nhiều quá nên cũng có nhiều người làm trang phục nên khó sắp theo thứ tự.” Bà ta gọi người hầu vào, hướng dẫn, “Tìm trong đồng hóa đơn mua mũ, năm ngoái ấy, xem có tìm được không.”

“Nhưng mình đâu có giữ hóa đơn lâu thế, *senorita*?”

“Đồ ngu. Không cần phải dò từ đầu năm,” ngôi sao nói, vẫn với cái giọng trịch thượng. “Tìm trong tập tháng trước là được rồi, người ta vẫn đang gửi đến đấy thôi.”

Khá lâu sau, đối với Lombard thì như một thế kỷ, thì người hầu mới quay lại. “Có, tôi tìm được đây rồi. Đúng là tháng trước mới gửi đến. Trên này ghi, ‘Một mũ, một trăm đô-la’, có ghi tên người gửi là Kettisha.”

“Tốt, đúng rồi!” Mendoza chuyển sang cho Lombard. “Ông nhớ chưa?” Lombard ghi lại địa chỉ rồi trả lại cho Mendoza. Bà ta lập tức xé vụn tờ hóa đơn thành những bông tuyết nhỏ rơi lả tả xuống sàn. Bà ta đứng dậy, dẫm lên chúng. “Tôi thích cô ta rồi đấy. Còn dám gửi hóa đơn đến, sau một năm! Đúng là đồ không biết xấu hổ.”

Khi bà ta nhìn lên thì Lombard đã đi ra phòng ngoài rồi. Ông ta là kẻ cơ hội; bà ta đã đóng góp xong những gì có thể, nên bà ta chẳng còn giá trị gì nữa. Sang đầu mỗi tiếp theo thôi.

Bà ta vội đi tới ngưỡng cửa để tiễn Lombard – hành động xuất phát từ sự bất bình chứ chẳng phải bắt nguồn từ lòng nhân ái. Nếu khung chiếc váy không bị vướng tại ngưỡng cửa thì có khi bà ta đã đi theo tới tận cửa ngoài. “Tôi hy vọng ông sẽ tìm được cô ta!” bà ta nói với theo. “Cầu cho cô ta gặp càng nhiều rắc rối càng tốt.”

Đàn bà có thể tha thứ cho người khác mọi chuyện – trừ việc đội một chiếc mũ giống hệt tại cùng một thời điểm.

* * *

Bước vào bên trong cửa hàng, Lombard liền cảm thấy như ngộp thở đến nơi, nhưng ông ta không coi chuyện đó vào đâu. Ông ta sẽ tới cả những nơi khó khăn hơn nhiều thế này để đạt được mục đích. Đây là một trong những cửa hàng tại một phố nhỏ, được cải tạo từ nhà ở thông thường thành mục đích kinh doanh – những yếu tố tạo nên vẻ sang trọng hay độc đáo ở nơi này có vẻ như luôn tỷ lệ nghịch với việc thiếu vị trí nổi bật. Toàn bộ tầng trệt được sử dụng cho chức năng trưng bày sản phẩm – Lombard cũng chẳng để ý biển hiệu là gì nữa. Sau khi đã nói mục đích của mình, Lombard lánh vào một góc, góc kín đáo nhất ông ta có thể tìm được.

Lúc ông ta vào thì đang có buổi trình diễn. Có lẽ là ngày nào vào giờ này cũng có trình diễn như vậy. Điều đó khiến ông ta chẳng thể nào thư giãn được. Chỉ có ông ta là nam giới trong cửa hàng, hoặc ít nhất là người ở độ tuổi cần được phục vụ. Có một ông già lụ khụ ở giữa những khách hàng lấp lánh ngồi đây đó. Cô gái nhỏ xinh xắn đi cùng, chắc hẳn là cháu gái rồi, đưa ông ta đến đây để giúp cô lựa tủ quần áo. ‘Đầu óc con người ta thật là kỳ diệu,’ Lombard thầm nghĩ, liếc nhìn ông già. Nhưng ngoài ông ta ra thì chỉ toàn phụ nữ. Từ người người giữ cửa đến nhân viên bán hàng.

Những cô người mẫu lần lượt di chuyển chậm rãi từ đằng sau tới, tạo thành một vòng hoàn chỉnh sau khi đã tới đầu phòng và xoay người bên này bên kia một cách duyên dáng. Vì lý do nào đó, có thể đơn giản là vì cái góc phòng ông ta chọn mà ông ta hứng trọn những lần xoay người hay dừng bước của tất cả người mẫu. Ông ta muốn nói với họ, ‘Tôi đến đây không phải để mua sắm gì đâu,’ nhưng không có gan nói ra. Điều đó càng làm cho ông ta cảm thấy khó chịu hơn bao giờ hết, nhất là khi cứ phải nhìn chằm chằm vào mặt họ trong khi có rất nhiều chỗ khác ông ta muốn nhìn hơn.

Cô gái hỏi chuyện lúc trước giờ đã trở lại cứu ông ta. “Bà Kettisha sẽ tiếp ông trong phòng riêng, trên gác, tầng hai,” cô ta nói nhỏ. Một nhân viên khác dẫn đường cho Lombard, gõ cửa phòng rồi đi xuống dưới.

Trong phòng có một người phụ nữ trung niên, tóc đỏ, thân thể đầy đặn, có vẻ là người gốc Ai-len, đang ngồi sau một bàn lớn. Kettisha chẳng những không có nét thanh lịch mà thậm chí còn có vẻ như lạch mốt. Người như bà ta xưa kia chẳng phải là dạng dễ bắt nạt ở những ngõ hẻm sau phố, thậm chí còn có tiếng, Lombard lặng lẽ đánh giá. Có lẽ bà ta cũng là bậc thầy về kiếm tiền; chỉ có kẻ thành công hơn người thì mới tạo ra được cái phong cách đầy cá tính như bà ta hiện tại. Những ấn tượng ban đầu đó là tốt, nhưng Lombard không cảm thấy nhẹ nhõm cho lắm.

Kettisha đang đảo qua đảo lại một lô bút chì màu, vẽ mẫu quần áo bằng những nét họa nhanh như chớp, chỉnh bên này một chút, xóa bên kia một chút. “Tôi giúp gì được cho anh?” bà ta làu bàu, chẳng buồn ngước lên nhìn khách.

Lombard không biết nên bắt đầu thế nào. Hôm nay Lombard mới gặp Mendoza xong và chưa có thời gian để tính toán kỹ lưỡng. Với lại lúc này cũng muộn rồi, đã gần năm giờ chiều.

“Tôi từ chỗ một trong những khách hàng cũ của bà đến đây. Nữ nghệ sĩ đến từ Nam Mỹ, tên là Mendoza.”

Kettisha nhìn lên.

“Bà làm mũ cho bà ấy, để diễn năm ngoái, bà có nhớ không? Giá là một trăm. Tôi muốn biết ai là người mua chiếc mũ còn lại.”

Kettisha cẩn thận tách những bản phác họa đó ra rồi mới cắt rời. Cho vài tờ vào trong ngăn kéo, một số không hài lòng thì cho vào sọt rác. Bà ta là người nóng tính, điều đó dễ thấy, có thể bùng phát bất kỳ lúc nào nhưng hoàn toàn có thể kiểm soát. Về điều này thì Lombard ưa bà ta hơn là Mendoza. Dễ dự đoán hơn. Bàn tay của bà ta nện xuống mặt bàn tạo thành một âm thanh như lựu đạn nổ. “Đừng nhai lại chuyện đó với tôi!” bà ta gầm lên. “Tôi đã rắc rối đủ với cái mũ đó rồi! Tôi đã bảo là không có bản sao nào khác, giờ tôi nhắc lại là không có bản sao nào khác. Khi tôi nói là làm một chiếc thì chỉ có một thôi. Nếu thực bị nhái thì cũng không phải là cửa hàng tôi làm hoặc ai làm mà tôi không biết. Tôi không chịu trách nhiệm về chuyện đó. Tôi thu giá cao nhưng tôi không lừa khách!”

“Đã có một chiếc mũ khác như thế,” Lombard không lùi bước. “Nó xuất hiện trong nhà hát, ngay trước mặt Mendoza, được chiếu đèn hắt hoi.”

Kettisha chồm hẳn người lên bàn, hai tay vung lên không khí. “Thế bà ta muốn tôi làm gì? Kiện người kia à?” bà ta quát. “Tôi sẽ kiện nếu bà ta cứ thế này. Bà ta là kẻ dối trá, anh cứ về nói là tôi nói thế nhé!”

Lombard không về mà bỏ mũ, quẳng nó lên một chiếc ghế ở góc phòng, cho thấy rõ là ông ta có ý định ở lại cho đến khi ông ta có được cái mình muốn mới thôi. Lombard thậm chí còn cởi cúc áo khoác để hai cánh tay trở nên thoải mái hơn. “Bà ấy chẳng liên quan đâu, nên bỏ bà ấy sang một bên đã. Tôi đến đây có mục đích riêng. Có một chiếc mũ như thế, bởi vì một người bạn của tôi đi cùng với chính cái người đội mũ đó trong nhà hát. Thế nên bà đừng có nói với tôi là không có. Tôi chỉ muốn biết người đội mũ đó là ai, tôi cần bà tìm lại giúp trong danh sách khách hàng.”

“Làm gì có mà tìm. Không thể nào. Bởi vì chúng tôi làm gì có giao dịch nào đâu. Ông định làm gì? Cứ lảng nhảng thế này cả ngày à?”

Lombard hơi vênh mặt lên một chút rồi cũng giáng mạnh tay xuống bàn để đáp lại, khiến chiếc bàn rung lên. “Vì Chúa, chuyện này liên quan đến

tính mạng một người. Tôi không có thời gian quan tâm tới việc bà giao dịch có thỏa đáng hay không lúc đó. Bà đừng hòng ngồi đây mà đuổi tôi ra ngoài. Tôi sẽ khóa cửa lại và ngồi đây với bà cả đêm. Bà hiểu chưa? Chín ngày nữa là có một người sẽ bị xử tử. Người đội mũ đó là người duy nhất cứu được anh ấy. Bà phải cho tôi biết tên người đó. Mặc xác cái mũ. Tôi chỉ quan tâm tới người đó thôi.”

Bà ta đột ngột hạ giọng xuống mức vừa phải. Rõ là bà ta đã tắt cơn nóng giận rồi. Lombard đã khiến bà ta chú ý. “Anh ta là ai?” bà ta tò mò hỏi.

“Scott Henderson, bị buộc tội giết vợ.”

Bà ta gật gù, ra vẻ đã biết. “Tôi có đọc về vụ này rồi thì phải.”

Lombard lại đập bàn, nhưng không mạnh như lúc trước. “Anh ấy vô tội. Phải ngăn việc đó lại bằng được. Mendoza đã mua một chiếc mũ được cửa hàng này thiết kế riêng, không thể làm lại được ở nơi khác. Có người lại đến rạp hát, đột chiếc mũ y hệt như thế. Anh ấy đi với chính người đó, đi với cô ta cả buổi tối, nhưng lại không biết tên với địa chỉ của cô ta, chẳng biết gì hết. Tôi sẽ tìm được cô ta bằng mọi giá. Cô ta có thể chứng minh là anh ấy không có mặt ở nhà khi vợ anh ấy bị giết. Như thế là bà đã rõ chưa? Nếu chưa rõ thì tôi sẽ làm cho rõ hơn.”

Với Lombard, bà ta là người hiếm khi có những giây phút thiếu quyết đoán. Nhưng lúc này là một trong những lúc đó, nhưng chỉ vài giây mà thôi. Bà ta hỏi thêm một câu, để đoán chắc. “Anh đảm bảo đây không phải là trò mèo mà con hổ cái kia định lừa tôi đấy chứ? Lý do duy nhất tôi chưa đâm đơn kiện bà ta vì quy tắc tiền và hành hung tôi hôm bà ta xuống tận đây là vì không muốn bà ta cũng đâm đơn kiện lại tôi. Mấy vụ đó sẽ gây tai tiếng, ảnh hưởng đến thương hiệu của tôi.”

“Tôi không phải luật sư,” Lombard trấn an. “Tôi là kỹ sư làm ở Nam Mỹ. Tôi có thể chứng minh, bà không phải lo lắng gì cả.” Ông ta lấy vài thứ trong túi ra để chứng minh thân phận, đưa cho bà ta xem.

“Như vậy thì tôi có thể tâm sự được với anh,” bà ta quyết định.

“Tất nhiên rồi. Tôi chỉ quan tâm duy nhất tới việc của Henderson. Tôi đang cố gắng hết sức kéo anh ấy ra khỏi đó. Việc hai bà mắc mớ với nhau chẳng mang lại lợi ích gì cho tôi hết. Đơn giản là hai việc có dính với nhau trên đường tôi điều tra mà thôi.”

Kettisha gật đầu. Bà ta liếc mắt về phía cửa, kiểm tra xem đã đóng hẳn hay chưa. “VẬY thì thế này nhé. Có một chuyện tôi không thể nào thú nhận với Mendoza được, ông hiểu không? Ở đây chắc có ai đó tuồn ra ngoài. Chiếc mũ đó đúng là làm ở đây. Nhưng không chính thức; ai đó ở đây đã lén làm chiếc mũ đó. Tôi nói với ông thế này: tôi không muốn đi tới tận cùng đâu. Tôi thà chối phắt đi còn hơn là để bị lộ ra như thế. Người vẽ thiết kế mũ đó thì chắc ổn, tôi biết cô ấy không bao giờ bán đứng tôi như thế. Cô ấy đã làm cùng tôi từ khi tôi mới mở cửa hàng này. Cô ấy là một phần của cửa hàng này rồi. Bán mũ nhái ra thì chỉ kiếm tối đa là năm mươi hay bảy mươi lăm đô là cùng, chả đáng để làm hại chính ý tưởng của mình như thế. Quá là tự cạnh tranh với chính mình. Hai chúng tôi đã điều tra sau khi Mendoza xuống đây làm loạn ngày hôm đó, phát hiện ra bản phác thảo để trong quyển album đã bị mất từ lúc nào. Có người đã cố tình lấy để sử dụng lần nữa. Chúng tôi đoán là cái cô thợ khâu mũ phụ trách lô mũ đó. Đương nhiên là cô ta chối bay chối biến rồi, mà chúng tôi cũng không có bằng chứng gì. Chắc cô ta làm thêm ở nhà. Tôi đoán là chúng tôi hỏi vặn cô ta trước khi cô ta nhét bản vẽ trở lại chỗ cũ. Rồi, để không xảy ra tình trạng như thế, chúng tôi không muốn rắc rối mà, tôi đã cho cô ta nghỉ việc.” Bà ta giơ một ngón cái lên. “Anh thấy đấy, Lombard – tên anh là thế đúng không? – nếu nói về sổ sách ở đây thì không có khách thứ hai nào mua chiếc mũ đấy cả. Chuyện đó là chính xác, là sự thật. Tôi chẳng giúp thêm được gì cho anh cả. Tôi chỉ có thể khuyên anh là nếu muốn tìm ra cô ta thì anh nên đi hỏi cô thợ cũ của chúng tôi ấy. Tôi cũng phải nói lại là tôi không đảm bảo là cô thợ đó biết đấy nhé. Tôi thì tôi vẫn nghĩ đó là thủ phạm nên mới cho nghỉ việc. Nếu ông muốn thử vận may thì tùy ông thôi.”

Một lần nữa con đường trước mặt lại kéo dài, ngay khi Lombard tưởng mình đã đến đích. “Phải thế thôi, tôi làm gì có lựa chọn nào khác,” ông ta ừ

rũ.

“Thế thì tôi có thể giúp ông một tay.” Kettisha bấm vào nút trên bàn. “Lewis, chị tìm cho tôi tên của cái cô thợ mình đuổi ngay sau lần rắc rối với Mendoza nhé. Cả địa chỉ nữa.”

Lombard từ cùi chỏ lên bàn chờ đợi. Kettisha hẳn đã thấy điều gì đó trong thái độ của ông ta. “Anh suy nghĩ nhiều cho bạn nhỉ,” bà ta nói với giọng nhẹ nhàng. Có vẻ như đây là ngữ điệu ít khi được dùng nên bà ta phải hăng giọng mới lấy đúng tông được.

Lombard không trả lời. Chuyện đó thì không cần phải trả lời.

Bà ta mở một ngăn kéo, lấy ra một chai whisky lùn. “Mấy thứ champagne phục vụ dưới nhà vợ vẫn lắm. Làm một tợp thứ này khi anh đang phải suy nghĩ việc gì đó cho thấu đáo. Đây là bài học tôi có được từ ông già nhà tôi...”

Chiếc loa trên bàn đáp lại bằng giọng của một phụ nữ, “Đó là Madge Peyton. Địa chỉ ghi ở đây là số bốn-chín-tám phố Mười Bốn.”

“Phố Mười Bốn nào mới được chứ?”

“Chỉ thấy ghi là Mười Bốn thôi.”

“Không sao đâu,” Lombard nói. “Chỉ có hai phố Mười Bốn thôi, phía đông và phía tây.” Ông ta ghi lại, rồi ra góc phòng lấy mũ, cài khuy áo, sẵn sàng cho chuyến đi mới. Thời gian nghỉ ngơi đã hết.

Kettisha không rời chỗ, hai tay che mắt. “Tôi có thể nói trước với anh vài điều về cô thợ đấy. Cô ta sẽ không sẵn lòng giúp anh ngay đâu.” Bà ta bỏ tay xuống, nhìn lên. “Tôi nhớ ra rồi. Cô ta thuộc dạng người ít nói, lấm lét. Áo sơ-mi, váy, ông hiểu ý tôi chứ? Kiểu người như cô ta phải làm mấy việc như thế để kiếm thêm tiền, nhanh nhẹn hơn mấy cô xinh xắn, bởi vì với cô ta thì kiếm tiền không dễ. Người như cô ta hay sợ đàn ông, thậm chí không cho mình cơ hội để tiếp xúc họ; thế nên khi có anh chàng nào thì vấp ngay, thông thường là nhằm đối tượng, vì đã có kinh nghiệm hay gì đó để so sánh đâu.”

Bà ta ranh mãnh thật, Lombard thầm nghĩ. Thế nên bây giờ bà ta đâu phải ở cái hẻm nào đó.

“Chúng tôi đòi Mendoza một trăm cho bản gốc. Cô ta chắc không bán được quá bốn mươi đô cho chiếc kia đâu. Đó, tôi phác họa cho anh đó. Anh thử nhử cô ta năm mươi đô là chắc được thôi – nếu anh tìm được cô ta.”

“Nếu tôi tìm được,” Lombard nhất trí, rồi buồn bã đi xuống gác.

* * *

Cánh cửa sơn đen giả gỗ mun, có một ô kính vuông phía trên, phía sau có một tấm màn để che nắng, được một người có vẻ là quản gia mở ra. “Gì?” bà ta hỏi.

“Tôi đang tìm Madge Peyton.”

Bà quản gia lắc đầu để tiết kiệm sức lực.

“Cô này... ờ, không xinh xắn, trông bình thường, ít nói...”

“Tôi biết ông hỏi ai. Cô ấy không ở đây nữa. Trước thì có, nhưng đi một thời gian rồi.” Mắt bà ta nhìn ra đường khi tiếp chuyện với Lombard, vì lúc này đang nào cũng ra đến cửa rồi thì nên nhìn ra phố xem có gì hay ho chẳng, kéo quay vào lại mất công. Có lẽ đó là lý do bà ta vẫn đứng ở đó cho đến giờ, chứ chẳng phải là để ý đến điều Lombard đang hỏi.

“Bà có biết cô ấy đi đâu không?”

“Nói đi là đi thôi. Tôi đâu có buộc dây vào người ta mà biết.”

“Nhưng thường thì phải để lại thông tin gì đó chứ. Người ta đâu tự nhiên bốc khói được. Cô ấy vận chuyển đồ đạc thế nào?”

“Một tay và hai chân.” Bà ta vẫy ngón cái. “Đi về phía kia, nếu ông thấy thế là có ích.”

Chẳng có ích lắm. Ở ‘phía kia’ có vài đại lộ giao nhau. Một đường nhánh. Một dòng sông. Sau đó là mười lăm, hai mươi bang. Rồi một đại dương.

Bà ta đã hít thở không khí xong, ngắm cảnh xong. “Tôi bịa ra cũng được thôi, nếu ông muốn,” bà ta nói. “Nhưng thực tế thì chỉ có thể...” Bà ta đưa ngón tay lên môi rồi thổi tung ra, thể hiện sự trống rỗng.

Trước khi đóng cửa, bà ta nói thêm, “Ông, ông làm sao thế? Trông ông mệt mỏi lắm.”

“Tôi thấy mệt mỏi mà,” Lombard đáp. “Tôi ngồi nghỉ ở bậc cửa này một lúc được chứ?”

“Tùy ông, miễn là không vướng người ra vào là được.”

Sầm.

8-7-6 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

Sau ba giờ chạy từ thành phố, Lombard xuống tàu, bắn khoăn nhìn ngó xung quanh khi con tàu tiếp tục hành trình. Đây là một trong những ngôi làng nhỏ, nằm gần một trung tâm lớn, nhưng vì một lý do nào đó mà lại tạo cho người ta cái cảm giác buồn ngủ và cũ kỹ hơn nhiều so với những nơi thậm chí còn xa hơn nữa. Có thể là do sự đối lập xuất hiện quá đột ngột khi mà thị giác con người ta chưa kịp điều chỉnh theo những thay đổi. Nơi này vẫn khá gần để giữ lại những nét đặc trưng của một vùng đô thị, như một cửa hàng đồng giá năm, mười xu, các biển hiệu mang chữ A và P, chuỗi cửa hàng nước cam quen thuộc. Nhưng những yếu tố đó dường như lại làm đậm thêm sự hẻo lánh so với những gì có trong thành phố thực sự, chứ không phải là giảm bớt.

Lombard nhìn đằng sau một chiếc phong bì, trên đó có ghi tên một số người kèm theo địa chỉ. Những cái tên này đều gần giống nhau, mặc dù là bằng hai ngôn ngữ. Chỉ còn hai dòng cuối là chưa bị gạch:

Madge Payton, thợ may (địa chỉ). Marge Payton, thợ may (địa chỉ). Margaret Peyton, mũ (địa chỉ). Madame Magdax, thợ mũ (địa chỉ). Madame Margot, thợ mũ (địa chỉ).

Lombard băng qua đường ray, tới trạm xăng gần đó, hỏi nhân viên đổ xăng, “Anh có biết ở xung quanh đây có ai làm mũ tên là Marguerite không?”

“Chỗ bà Hascom cho thuê nhà trọ tôi thấy có biển trên cửa sổ. Không rõ là mũ hay quần áo nữa, tôi cũng không để ý. Ở cuối dãy nhà, phía bên này

đường. Ông cứ đi thẳng là đến.”

Khu nhà đó là nhà lắp ghép trông không có gì đáng nhớ, ở trên một trong những cửa sổ ở tầng thấp có một tấm biển, trên đó có dòng chữ viết tay cầu thả, ‘Marguerite, làm mũ’. Một cái tên khá nổi so với một cửa hiệu kiểu này. Kể cả trong một cửa hiệu lạc lõng thế này, Lombard nghĩ thầm, chắc nội thất vẫn mang phong cách Pháp. Đó là thông lệ rồi.

Lombard đến trước cánh cửa giản dị và gỗ. Cô gái ra mở cửa đúng là người ông ta đang tìm, nếu như mô tả của Kettisha là chính xác. Giản dị, rụt rè. Áo sơ-mi xanh lá cây và váy xanh dương sẫm. Trên đầu ngón tay của cô có một cái vòng dẹt bằng kim loại – một cái đê.

Cô gái tưởng Lombard tìm chủ nhà, nên nói trước khi Lombard hỏi, “Bà Hascom đi vào phố mua đồ rồi. Bà ấy phải một lúc nữa mới về.”

Ông ta nói, “Cô Peyton. Tôi tìm cô mãi mới được.”

Ngay lập tức cô gái tỏ ra sợ hãi, định lùi lại và đóng cửa. Nhưng Lombard đã dùng chân chặn lại. “Tôi nghĩ ông tìm nhầm người rồi.”

“Ồ, tôi nghĩ tôi tìm đúng người.” Chỉ riêng việc cô gái trẻ này hoảng sợ đã chứng tỏ điều đó rồi, mặc dù Lombard không rõ lý do cô phải sợ. Cô cứ lắc đầu quày quạ. “Thôi rồi, để tôi nói nhé. Cô trước có làm cho Kettisha, ở xưởng may của bà ta.”

Cô gái mặt cắt không còn hột máu nào. Vậy là đúng rồi. Lombard chớp lấy cổ tay cô gái để cô không chạy mất vào trong rồi đóng cửa, ngay khi ông ta thấy ý định của cô.

“Có một người tìm đến cô, thuê cô làm một chiếc mũ giống chiếc mũ đã làm cho Mendoza, bà nghệ sĩ ấy.”

Cô gái vẫn không ngừng lắc đầu ngày càng nhanh. Lúc này có vẻ cô chỉ làm được mỗi việc đó. Cô giật mạnh tay, hòng thoát khỏi Lombard. Nhưng Lombard vẫn khóa chặt cổ tay cô, giữ cô lại ở ngưỡng cửa. Sự hoảng sợ cũng cứng đầu như sự gan dạ, nhưng ở phía đối lập.

“Tôi muốn biết tên người phụ nữ đó, thế thôi.”

Cô gái lúc này không còn biết lý lẽ là gì. Lombard chưa từng thấy ai hoảng hốt đến mức thế này. Mặt cô lúc đó xám ngoét, hai má ửng đỏ, như thể trái tim đang ở ngay trong miệng. Không thể nào chỉ vì ăn trộm thiết kế mà khiến cô đến mức này. Nguyên nhân và kết quả quá thiếu ăn nhập với nhau. Cô quá sợ hãi vì một lỗi nhỏ nhặt. Lombard có cảm giác mơ hồ rằng ông ta đang cửa vào một câu chuyện nào khác, một câu chuyện hoàn toàn khác tình cờ cắt ngang con đường của ông ta. Hiện tại ông ta chỉ nghĩ được có vậy.

“Nói cho tôi tên của người phụ nữ kia...” Lombard có thể thấy ánh mắt thất thần vì sợ hãi; cô gái còn không nghe thấy ông ta nói gì. “Chẳng có ai định truy tố gì cô đâu. Nhưng cô phải biết người đó là ai.”

Cuối cùng cô gái cũng tìm lại được giọng nói. Một giọng nói như bị bóp nghẹn ở cổ họng. “Để tôi tìm cho ông. Ở trong nhà. Chờ tôi một phút...”

Lombard giữ cửa mở để cô không đóng lại được. Bàn tay đang nắm cổ tay cô mở ra, và lập tức ông ta chỉ còn lại một mình. Cô biến đi như bị gió cuốn mất.

Ông ta đứng đó chờ một lát, nhưng rồi có một điều gì đó khiến ông ta suy nghĩ, chính cái sự căng thẳng cô để lại đằng sau, khiến ông ta chạy bổ vào, chạy theo lối đi sáng mờ mờ, rồi mở cánh cửa nằm ở một bên tường cô vừa đóng lại.

Thật là may là cô không khóa. Lombard mở cửa kịp thời, đúng lúc thấy một chiếc kéo ánh lên trong không khí, ngay phía trên đầu cô một chút. Lombard chẳng hiểu sao mà ông ta tới kịp, nhưng đúng là thế. Ông ta vung tay gạt chiếc kéo, khiến cả áo và thịt trên tay đều rách một vết. Lombard giật chiếc kéo, ném nó vào góc nhà. Không giật ra kịp thì nó hẳn đã cắm tới tim cô, nếu cô đâm đúng chỗ.

“Cô làm thế làm gì?” Lombard nhăn nhó, lấy khăn tay bịt vết thương.

Cô sụp đổ như một que kem, trên mặt lúc này toàn là nước mắt. “Lâu rồi tôi có gặp anh ta đâu, tôi không biết phải làm gì với nó nữa. Tôi sợ anh ta

lắm, sợ từ chối anh ta. Anh ta bảo tôi là chỉ vài ngày, mà giờ đã mấy tháng rồi... Tôi không dám nói với ai cả. Anh ta nói sẽ giết tôi...”

Lombard lấy tay bịt mồm cô gái, để thế khoảng một phút. Đây chính là câu chuyện ông ta đã ngờ ngợ lúc trước, câu chuyện ông ta không muốn nghe. Không liên quan. “Im nào, đừng có sợ quá như thế. Tôi chỉ muốn có một cái tên – tên người cô đã làm mũ cho khi còn làm cho Kettisha. Cô đã hiểu chưa?”

Mọi thứ đảo ngược quá đột ngột, cảm giác an tâm trở về quá nhanh khiến cô gái không dám tin đó là sự thực. “Ông chỉ nói thế để lừa tôi thôi...”

Một tiếng khóc nho nhỏ, không rõ ràng, như chợt vọng đến từ đâu đó. Có vẻ như cái gì cũng khiến cho cô gái này sợ hãi được. Lombard thấy mặt cô lại bắt đầu tái, mặc dù tiếng khóc đó chỉ đủ để lọt vào tai mà thôi.

“Cô theo đạo gì?” Lombard hỏi.

“Tôi từng theo Cơ đốc.” Sự căng thẳng của cô là vì một bi kịch nào đó, Lombard có thể thấy rõ.

“Cô có tràng hạt không? Mang ra đây.” Lombard thấy cần phải thuyết phục cô bằng tình cảm vì cô chẳng thể nào nghe được lý lẽ lúc này.

Cô cầm tràng hạt, đưa cho Lombard. Lombard đặt một tay trên, một tay dưới, không gỡ tràng hạt ra khỏi tay cô. “Tôi thề là tôi chỉ muốn điều tôi đã nói với cô. Không có gì khác. Tôi sẽ không hại cô vì bất kỳ chuyện gì. Tôi không đến đây vì chuyện gì khác. Thế đã được chưa?”

Cô đã bình tĩnh hơn một chút, mặc dù việc chạm vào tràng hạt bản thân nó cũng đã có tác dụng với cô. “Pierrette Douglas, số 6, đường bờ sông,” cô ngập ngừng nói.

Tiếng khóc kia bắt đầu to hơn. Cô nhìn lên Lombard dò hỏi lần cuối rồi bước vào trong, qua một ô cửa có màn, sang một phòng khác. Tiếng khóc ngừng lại. Cô quay ra, dừng ở khuôn cửa, trên tay đang ôm một cuộn vải màu trắng dài dài. Phía đầu cuộn vải là một khuôn mặt nho nhỏ, hồng hồng, đang nhìn lên cô tin tưởng. Cô vẫn đang rất sợ, khi nhìn Lombard. Nhưng

khi cô nhìn xuống khuôn mặt bé xíu đó, sự yêu thương trong ánh mắt là điều khó có thể nhầm lẫn được. Tội lỗi, lén lút, nhưng rõ rệt nhất là tình yêu của một kẻ cô độc đang dần lớn lên hàng ngày, hàng tuần mà không có gì có thể phá vỡ được.

“Pierrette Douglas, số 6, đường bờ sông.” Lombard rút tiền ra. “Cô ta cho cô bao nhiêu?”

“Năm mươi đô-la,” cô ta nói như thể một điều gì đó đã quên lãng từ lâu rồi.

Lombard bỏ số tiền đó vào trong chiếc mũ lật ngược cô đang làm dở. “Lần sau,” khi đến ngưỡng cửa, Lombard nói, “cô nên trấn tĩnh một chút thì hơn. Cứ như thế này thì cô sẽ lại tự hại mình thôi.”

Cô không nghe thấy. Cô không để ý đến Lombard. Cô đang cười, nhìn xuống đáp lại nụ cười không có răng đang dành cho cô từ bên dưới.

Đứa bé cô đang bế trên tay, đang nhìn cô kia, chẳng giống cô một chút nào. Nhưng nó là của cô. Từ bây giờ nó là của cô. Cô sẽ có nó, sẽ giữ nó để chia sẻ sự cô độc.

“Chúc cô may mắn,” Lombard không thể không gọi với vào trong khi đã ra đến cửa ngoài.

Tàu mất ba giờ mới đưa Lombard đến đây, nhưng chỉ mất ba mươi phút để đưa ông ta trở lại. Ít ra thì ông ta cảm thấy thế. Tiếng bánh tàu xình xịch lăn trên đường ray đang nói với ông ta theo kiểu của bánh tàu. ‘Mình tóm được cô ta rồi. Tóm được cô ta rồi. Tóm được rồi.’

Một người soát vé dừng lại cạnh Lombard. “Ông cho xem vé.”

Lombard nhìn lên, cười. “Không sao,” ông ta nói, “Tôi tóm được cô ta rồi.”

Mình tóm được cô ta rồi. Tóm được cô ta rồi. Tóm được rồi...

5 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

Lombard không nghe thấy tiếng xe đến, nhưng tiếng rì rì nhẹ nhàng khi xe chạy qua cánh cửa kính đã khiến ông ta nhìn lên. Có một người đã đứng ngay ở lối ra vào, một cái bóng tì vào cánh cửa kính. Cô đẩy cửa vào, rồi đứng đó, nửa trong nửa ngoài, ngoái đầu nhìn chiếc xe vừa chở cô về giờ đang chậm chậm rời đi.

Lombard có cảm giác đây chính là người phụ nữ đó, cho dù nhất thời không có gì có thể giúp khẳng định được. Có thể đó là việc cô ta bước vào chỉ có một mình, giống như mẫu người tự do mà Lombard đã tự hình dung. Cô gái này có một vẻ đẹp lạnh lùng, như thể những gì ấm áp và vui vẻ đều trở nên thừa thãi với vẻ đẹp đó. Cô như một bức tượng tuyệt trần không thể hiện được cảm xúc, ngoại trừ giá trị thẩm mỹ. Người ta có cảm giác rằng luật bù trừ chắc đây những lỗ hổng vì nếu với vẻ đẹp không tì vết kia thì chẳng nhẽ bên trong cô không còn gì tốt đẹp nữa hay sao. Cô cao, tóc hung đỏ, số đo hoàn hảo. Những điều đó khiến cuộc sống gần như trống rỗng, không có những khó khăn, những nỗ lực đang dày vò những phụ nữ khác. Trông cô như vậy, như thể cuộc sống này trống rỗng, chỉ là một cái bong bóng xà phòng để lại dư vị không có gì tốt đẹp lại trên môi mà thôi.

Chiếc áo cô mặc giống như một thác nước màu bạc đang đổ xuống, dọc theo khe hẹp giữa hai cánh cửa nơi cô đang đứng. Chiếc xe đi khuất, cô mới xoay hẳn người lại để vào trong.

Cô không để mắt tới Lombard, miệng nói mơ hồ như vô hồn “Chào anh” với nhân viên trực tại sảnh.

“Có ông đây đang...” nhân viên sảnh nói.

Lombard đã đến bên người phụ nữ trước khi anh ta nói hết câu.

“Pierrette Douglas,” Lombard nói với vẻ không thể nhầm lẫn được.

“Là tôi.”

“Tôi chờ cô cũng lâu rồi. Tôi có việc khẩn cần nói với cô. Việc gấp lắm rồi...”

Cô dừng lại trước thang máy đang chờ sẵn, thể hiện rõ rằng không hề có ý định – Lombard thấy rõ điều đó – cho ông ta đi cùng cô quá nơi đó. “Giờ cũng muộn rồi, ông không thấy sao?”

“Việc này gấp lắm, không thể chần chừ. Tôi là John Lombard. Tôi đến đây thay mặt cho Scott Henderson...”

“Tôi không biết anh ta, và e rằng cũng không biết cả ông nữa... đúng không?” Phần ‘đúng không’ chỉ là thêm vào một cách lịch sự.

“Anh ấy đang ở trong khu tử tội của nhà tù của bang, sắp thi hành án rồi.” Lombard nhìn qua vai cô, hướng tới nhân viên trực thang máy. “Đừng bắt tôi nói chuyện đó ở đây. Để tiện thì...”

“Xin lỗi anh, tôi sống ở đây; bây giờ đã là một giờ mười lăm phút sáng rồi, anh nên biết là có... Thôi được rồi, ra đằng này vậy.” Cô bước chéo qua sảnh, tới một góc nhỏ có ghế ngồi và có gạt tàn thuốc lá. Cô dừng bước, quay lại phía Lombard, đứng yên chờ đợi. Cả hai đều đứng.

“Cô có mua một chiếc mũ từ nhân viên của cửa hiệu Kettisha, cô thợ đó tên là Madge Peyton. Cô đã trả năm mươi đô-la cho chiếc mũ đó.”

“Cũng có thể.” Cô để ý thấy nhân viên sảnh có vẻ quan tâm quá đáng, đang cố gắng nghe lỏm từ phía bên ngoài. “George,” cô nạt. Anh ta miễn cưỡng đi về phía đằng xa.

“Cô đội mũ đó đi cùng với một người đàn ông xem nhạc kịch, suốt buổi tối.”

Cô lại mỉm cười đáp, “Cũng có thể. Tôi đã đi xem nhạc kịch nhiều. Tôi cũng đi cùng với đàn ông tới đó. Anh nói thẳng vào vấn đề được không?”

“Tôi đang nói đây. Tối hôm đó cũng là lần đầu tiên hai người gặp nhau. Cô đi cùng anh ấy nhưng không biết tên, anh ấy cũng không biết tên cô.”

“Ô, không.” Cô không tỏ ra phần nộ, chỉ là lạnh lùng đáp lại. “Chắc chắn là anh nhầm người rồi. Tôi thì cũng có thể nói là tương đối thoải mái như mọi người thôi, nhưng không có nghĩa là tôi sẽ đi với bất kỳ ai tới bất kỳ đâu vào bất kỳ giờ nào mà không được giới thiệu đầy đủ trước. Anh nhầm rồi, người anh tìm là người khác.” Chân cô di chuyển phía sau thác nước bạc để bước đi.

“Xin cô bỏ qua, đừng để ý tới chuẩn mực xã hội làm gì. Người đàn ông này đang chịu tội chết, trong tuần này là thi hành án rồi. Cô phải giúp anh ấy...”

“Tôi muốn chúng ta hiểu nhau hơn nhé. Nếu tôi khai man là tôi đã đi cùng với bạn anh vào một buổi tối nào đó thì có giúp được cho bạn anh không?”

“Không, không, không,” Lombard thở như kiệt sức, “anh ấy cần cô khai đúng sự thực là đã đi cùng với anh ấy.”

“Thế thì không được rồi, vì tôi đâu có đi cùng với bạn anh.” Cô vẫn chăm chú nhìn Lombard.

“Quay lại chuyện cái mũ vậy,” Lombard nói. “Cô đã mua cái mũ đó, nó được thiết kế riêng, làm riêng cho một người khác...”

“Nhưng anh có thấy là vẫn đang mắc ở đây không? Việc tôi nhận là có mua mũ thì cũng không đồng nghĩa với việc tôi nhận là có đi cùng với người đó tới rạp nào đó. Hai việc đó hoàn toàn không liên quan tới nhau, là hai việc riêng rẽ mà.”

Điểm này thì Lombard cũng cho rằng có khả năng như thế. Nền đất đang vững chắc tưởng chừng như bỗng nhiên nứt ra thành vực thẳm dưới chân ông ta.

“Anh nói thêm về vở diễn ở nhà hát xem nào,” cô nói tiếp. “Anh có bằng chứng gì để chứng tỏ rằng người đi cùng bạn anh là tôi chứ?”

“Chủ yếu là cái mũ,” Lombard thú nhận. “Tối hôm đó, trong rạp, có hai chiếc mũ giống hệt nhau. Một chiếc là trên sân khấu, do nghệ sĩ Mendoza

đội, mũ đó là làm riêng cho bà ta. Cô nhận là cô đã cho làm một bản sao. Người đi cùng với Scott Henderson đã đội cái mũ sao chép đó.”

“Tôi vẫn không cho rằng tôi là người phụ nữ đó, cho dù anh tin là lý luận của anh hoàn toàn xác đáng.” Nhưng đó chỉ là một câu nói bên lề, Lombard có thể thấy cô đang bận suy nghĩ về điều gì đó.

Có một điều gì đó đã xảy ra với cô, một điều gì đó có ảnh hưởng rõ ràng tới cô. Có thể đó là điều gì đó Lombard nói ra, hoặc cũng có thể là cô tự nhớ ra được. Cô đột nhiên trở nên quan tâm, chú ý, chăm chú một cách kỳ lạ. Đôi mắt cô sáng lên.

“Nói cho tôi biết một hai điều nữa. Đó là buổi diễn của Mendoza, đúng không? Anh có nhớ ngày không? Khoảng nào?”

“Tôi có thể nói đúng ngày. Họ đi vào rạp cùng nhau vào tối ngày hai mươi tháng Năm vừa rồi, từ chín giờ tới sau mười một giờ.”

“Tháng Năm,” cô tự nói với mình. “Anh khiến tôi quan tâm tới chuyện này rồi đấy,” cô nói với Lombard. Cô thậm chí còn chạm nhẹ vào tay áo của ông ta. “Anh nói đúng. Mời anh lên gác với tôi một lát, lên đó nói chuyện cụ thể hơn.”

Trong thang máy khi đi lên, cô chỉ nói một câu. “Tôi cũng mừng là anh đến đề cập chuyện này với tôi.”

Thang máy dừng ở tầng mười hai, hay khoảng đó, Lombard cũng không để ý. Cô mở cửa, bật đèn, Lombard theo cô vào phòng. Cô thả chiếc khăn màu đỏ như lông cáo này giờ vẫn quàng trên tay lên một chiếc ghế. Sau đó cô bước vào hần bên trong. Sàn nhà bóng loáng phản chiếu cô như một dòng sông bạc chảy tràn trên đó.

“Anh nói là ngày hai mươi tháng Năm, nhỉ?” cô hơi ngoảnh lại hỏi. “Anh ngồi đi, tôi ra ngay bây giờ.”

Đèn bật sáng phía bên kia ngưỡng cửa phòng trong. Cô ở đó một lúc, còn Lombard ngồi đợi bên ngoài. Khi trở ra, trên tay cô là một chồng giấy, trông có vẻ như hóa đơn, cô lật lật từng cái. Trước khi đến chỗ Lombard, cô

đã tìm được tờ hóa đơn phù hợp so với những tờ còn lại. Cô giữ lại tờ đó, bỏ mấy tờ kia sang một bên, bước đến cạnh Lombard.

“Tôi nghĩ việc đầu tiên phải làm rõ, trước khi nói chi tiết hơn,” cô nói, “là tôi không phải người đi cùng với người kia vào rạp hát tối hôm đó. Có lẽ anh nên xem cái này.”

Đó là tờ thu viện phí, thời gian năm viện là bốn tuần, bắt đầu từ ngày ba mươi tháng Tư.

“Tôi phải vào viện mổ cắt ruột thừa, ở đó từ ngày ba mươi tháng Tư tới ngày hai mươi bảy tháng Năm. Nếu thế vẫn chưa làm anh tin thì anh có thể hỏi bác sĩ, y tá ở đó...”

“Thế này là đủ rồi,” Lombard thở dài, chấp nhận thất bại.

Thay vì chấm dứt nói chuyện, cô ngồi xuống cùng với Lombard.

“Nhưng cô là người mua chiếc mũ đó?” Lombard hỏi.

“Đúng là tôi mua chiếc mũ đó.”

“Nó thế nào rồi?”

Cô không trả lời ngay. Có vẻ như cô lại đang bận suy nghĩ, khiến cho giữa họ hình thành một khoảng lặng chẳng hề dễ chịu. Lombard tranh thủ thời gian đó quan sát cô và mọi thứ xung quanh, còn cô tìm hiểu những vấn đề của riêng mình.

Căn phòng này cho ông ta biết nhiều điều. Nơi này đang nỗ lực, gồng mình duy trì vẻ sang trọng. Nhưng không chấp nhận thỏa hiệp. Bên ngoài là vị trí, là địa chỉ tốt nếu không muốn nói là rất khéo chọn. Bên trong, lúc này thậm chí không còn đủ để phủ kín mặt sàn sáng bóng như gương. Những mảnh thảm không đủ để nối tiếp nhau. Những chỗ trống tạo ra bởi những tấm thảm đã từng ở đó, có lẽ từng chiếc đã bị bán đi. Nhưng những loại rẻ tiền hơn không được phép thế chỗ vào đó. Lombard còn thấy được cả những dấu hiệu tương tự trên chính nữ chủ nhân. Đôi giày đóng riêng có giá khoảng bốn mươi đô-la, nhưng đã bị đi quá lâu. Nhìn vào đế và quai là ta có thể thấy được. Chiếc váy có những đường nét tinh tế mà sản phẩm rẻ tiền không bao giờ hy vọng có, nhưng nó cũng bị sử dụng quá nhiều rồi.

Điều rõ ràng nhất chính là đôi mắt cô. Đôi mắt có một sự căng thẳng của những người bị buộc phải giảm mức sống, không biết khi nào thì sẽ có cơ hội mới, mà khi có thì không biết có kịp chớp lấy và tận dụng hay không. Những chi tiết nhỏ nhỏ đó giúp mô tả hoàn cảnh của cô lúc này, nếu đủ tinh ý mới thấy. Xét riêng từng chi tiết thì dễ dàng bị bác bỏ, nhưng khi gộp lại với nhau, đó là một câu chuyện rõ ràng không thể chối cãi.

Lombard ngồi đó, lắng nghe suy nghĩ của cô. Đúng, lắng nghe suy nghĩ. Ông ta thấy cô nhìn xuống tay mình, điều đó có nghĩa rằng: cô ta đang nghĩ về một chiếc nhẫn kim cương từng ngự trị tại đó. Giờ nó ở đâu rồi? Bị đem cầm rồi. Ông ta thấy cô hơi nhấc một chân lên, liếc nhìn. Cô ta suy nghĩ gì nhỉ? Tất lựa, có thể là thế. Cô đang mơ về một thời có nhiều tất lựa, hàng chục đôi, hàng trăm đôi, nhiều hơn số cô có thể dùng. Ông ta dịch ra thành: cô ta đang nghĩ về tiền. Tiền dành cho những thứ đó, những thứ khác nữa.

Cô ta đã quyết định, Lombard thầm nhủ, khi quan sát những chi tiết biểu cảm của cô.

Cô trả lời. Khoảng lặng đã chấm dứt. Mới chỉ một thoáng trôi qua.

“Chuyện về cái mũ là thế này,” cô nói. “Tôi nhìn thấy cái mũ đấy, thấy thích, nên thuê cô thợ ở cửa hiệu đó làm một cái giống hệt. Tính tôi hay bốc đồng như thế, khi mà còn tiền. Tôi đội có một lần, chắc thế thôi, không đội thêm lần nào, vì...” cô nhún vai khiến dòng nước bạc rung động theo, “mũ đó không hợp với tôi. Đơn giản là vì không hợp thôi. Tôi thấy nó thế nào ấy. Tôi không thích. Cũng chẳng phải là việc gì ghê gớm cả, tôi có để tâm tới nó nhiều đâu. Một hôm có chị bạn lên đây chơi, ngay trước khi tôi phải đi viện. Chị ấy thấy cái mũ, cũng đội thử. Nếu anh là phụ nữ thì anh mới hiểu được mấy chuyện như thế. Phụ nữ khi đợi bạn mình thay đồ thì thường thử mấy thứ đồ người bạn đó mới mua. Chị ấy thấy cái mũ đó là mê ngay, tôi cho chị ấy.”

Khi nói hết câu, cô cũng nhún vai như lúc bắt đầu nói, như thể hiện rằng chuyện chỉ có như vậy thôi, không còn gì hơn nữa.

“Chị bạn ấy là ai?” Câu hỏi của Lombard thật khế, tựa như Lombard đang nói lơ đãng với chính mình, vì ông ta biết câu trả lời sẽ chẳng đến một cách dễ dàng, và rằng đây là một cuộc mặc cả.

Cô đáp lại cũng bằng ngữ điệu đơn giản và lơ đãng không kém. “Ông thấy có công bằng với tôi không chứ?”

“Mạng sống của một người đang treo trên sợi tóc. Anh ấy sẽ phải chết vào thứ Sáu này,” Lombard đáp nhỏ, cố không thể hiện thái độ gì, chỉ bằng cách mấp máy môi.

“Nguyên nhân là do chị ấy ư? Liên can tới chị ấy sao? Chị ấy là người phải chịu trách nhiệm ư? Anh nói đi.”

“Không,” Lombard thờ dãi.

“Thế thì anh lấy quyền gì mà bắt chị ấy phải dính vào chứ? Phụ nữ còn có một dạng chết khác, anh nên biết. Chết vì mất mặt, chết vì tai tiếng. Anh thích gọi kiểu gì cũng được. Mà chết kiểu đó thì không nhanh một chút nào. Tôi nghĩ có khi còn khổ sở hơn.”

Mặt Lombard càng ngày càng xỉ xuống, tái thêm. “Chắc phải có cách nào chứ. Chẳng lẽ mạng sống của người ta mà cô không mủi lòng sao? Cô có biết là giấu thông tin như thế...”

“Tóm lại là tôi biết chị ấy, còn tôi lại không biết người kia. Chị ấy là bạn tôi, người kia thì không. Anh đang đòi tôi phải hại chị ấy để cứu người kia đấy.”

“Chỗ nào mà cô nói là ‘hại’ ở đây?” Nữ chủ nhà không trả lời. “Vậy là cô từ chối đúng không?”

“Tôi vẫn chưa từ chối, mà cũng chưa đồng ý. Chưa.”

Sự bất lực gần như khiến Lombard ngạt thở. “Cô không thể nào đối xử như thế được. Đây là điểm khởi đầu nên nó sẽ kết thúc ở đây. Cô biết thế, cô sẽ nói với tôi.” Cả hai đều đứng lên. “Cô tưởng tôi không dám đánh cô vì tôi là đàn ông nên tôi không ép cô nói ra được đúng không? Tôi sẽ moi ra được. Cô không thể nào cứ đứng thế này mà...”

Cô liếc qua vai đầy ý tứ. “Xem này,” cô phẫn nộ nói.

Lombard nới lỏng bàn tay trên bờ vai đó. Cô điều chỉnh lại để làn sỏi bạc tiếp tục chảy như cũ. Cô nhìn thẳng vào mắt Lombard, vừa bực tức vừa khinh miệt. Một cú đánh dễ dàng hạ gục đàn ông. “Tôi có nên gọi xuống để người ta đưa anh ra không?”

“Nếu cô muốn lộn xộn trên này thì cứ việc.”

“Anh không ép tôi nói được đâu. Tôi mới là người quyết định.”

Điều đó cũng có phần đúng, Lombard biết.

“Trong chuyện này tôi hoàn toàn không liên can. Anh định làm gì?”

“Thế này.”

Vẻ mặt nữ chủ nhà có chút thay đổi khi nhìn thấy khẩu súng, nhưng đó chỉ là cú sốc mà ai cũng sẽ gặp phải. Vẻ mặt đó, rất nhanh, trở lại trạng thái bình thường. Cô từ từ ngồi xuống, nhưng không phải là sụp đổ như một kẻ bị chinh phục mà thể hiện sự kiên nhẫn: như thể cô biết việc này sẽ mất nhiều thời gian và cô sẽ theo đến cuối.

Lombard chưa từng gặp ai như thế này bao giờ. Chỉ sau một thoáng co cơ mặt, cô đã lại là người kiểm soát tình hình chứ không phải là ông ta, cho dù trong tay có hay không có súng.

Lombard dẫn tới với ý định dồn ép tinh thần của cô. “Cô không sợ chết à?”

Cô nhìn lên, thẳng vào mặt ông ta. “Sợ chứ,” cô nói hoàn toàn bình tĩnh. “Làm gì có ai không sợ chết, tôi cũng thế thôi. Nhưng hiện giờ thì tôi không gặp nguy hiểm. Anh không dám giết tôi. Người ta chỉ bị giết để không nói ra điều người ta biết, chứ làm gì có ai bị giết để ép nói ra điều người ta biết. Chết rồi thì làm sao mà nói được chứ? Khẩu súng anh cầm không giúp anh trở thành người quyết định được, mà vẫn là tôi. Tôi có thể làm nhiều thứ. Tôi có thể gọi cảnh sát chẳng hạn. Nhưng tôi không gọi. Tôi ngồi đây, đợi anh cất súng đi.”

Cô nói đúng.

Lombard cất súng đi, một bàn tay đưa lên cọ vào lông mày. “Thôi được rồi,” ông ta bực dọc nói.

Cô bật cười. “Khẩu súng đó tác động đến ai nhiều hơn nhỉ, giữa tôi với anh? Mặt tôi vẫn khô, anh thì bóng mồ hôi. Tôi vẫn bình thường, anh thì tái rồi.”

Lại một lần nữa những từ ông ta tìm được để đáp trả là, “Thôi được rồi, cô thắng.”

Nữ chủ nhà tiếp tục đập vào nỗi đau. Gõ nhẹ thì đúng hơn, đập thì có vẻ nặng nề quá, vì vả chẳng cô cũng là người tế nhị, là phụ nữ. “Ông thấy đấy, ông không dọa được tôi đâu.” Cô dừng lại, cho phép ông ta có thời gian nghe rõ. “Nhưng ông có thể làm cho tôi vui.”

Lombard gật đầu. Không phải gật với cô mà là tự khẳng định với bản thân. Ông ta nói, “Tôi ngồi đây một lát được chứ?” rồi ra hiệu về phía một chiếc bàn nhỏ. Ông ta lấy cái gì đó trong túi ra, mở rộng. Ông ta cẩn thận xé một tờ gì đó theo vết đã đóng lỗ sẵn. Sau đó ông ta gập lại, cho vào túi như cũ. Một tờ giấy giờ nằm trước mặt. Ông ta lấy bút, tháo nắp và bắt đầu viết lên tờ giấy đó.

Ông ta nhìn lên một lần, hỏi, “Tôi có làm cho cô chán không?”

Cô vẫn giữ vẻ tự nhiên như cũ, kèm theo một nụ cười không hề gượng gạo khi hai người đã hoàn toàn hiểu nhau. “Tôi thích tiếp chuyện với ông. Ít nói, nhưng rất thú vị.”

Lần này thì Lombard là người cười, với chính mình. “Tên cô viết thế nào nhỉ?”

“S-é-c-V-ô-D-a-n-h.”^[1]

Lombard nhìn cô rồi lại tiếp tục công việc của mình. “Tên không dễ đọc mấy, nhỉ?” ông ta lẩm bẩm.

Ông ta đã viết lên tờ giấy đó con số 100. Cô đến gần hơn, nghiêng người ngó xem. “Tôi hơi buồn ngủ rồi,” cô nhận xét, giả bộ ngáp, đưa tay vỗ vào miệng đang há tròn một vài cái.

“Sao cô không mở cửa sổ đi? Trong này hơi ngột ngạt đấy.”

“Không phải vì lý do đó đâu.” Tuy nhiên cô vẫn đi ra và mở cửa sổ, rồi lại quay về cạnh Lombard.

Lombard lại thêm một câu đố nữa. “Giờ thì thế nào, cô thấy ổn hơn chưa?” Câu hỏi không dấu sự mỉa mai.

Cô hơi liếc xuống tờ giấy. “Cũng thấy thư thái nhiều rồi. Có thể nói là tỉnh cả người.”

“Chỉ cần một chút mà hiệu nghiệm nhỉ,” Lombard nhận xét chua chát.

“Đúng là chỉ một chút thật. Gần như là không có gì.” Cô vẫn hứng thú với trò chơi chữ.

Ông ta không viết tiếp mà đặt bút nằm thẳng trên mặt bàn, nhưng vẫn không rời hẳn khỏi tay. “Chuyện này thật là phi lý.”

“Có phải tôi đến gõ cửa nhà anh đâu. Chính anh đến cầu chỗ tôi đấy chứ.” Cô gật đầu. “Chúc ngủ ngon.”

Chiếc bút lại nằm trong tay Lombard.

Lúc thang máy đi lên, cửa mở ra để đón Lombard thì ông ta đang đứng ở ngưỡng cửa, mặt hướng vào trong chào nữ chủ nhà. Trên tay Lombard là một mẫu giấy nhỏ, là một trang xé ra từ tập giấy nháp, gập làm đôi, kẹp giữa hai ngón tay.

“Tôi hy vọng không quấy quả cô nhiều,” Lombard nói với cô. Trên mặt ông ta còn in dấu một nụ cười buồn. “Ít nhất thì tôi cũng biết là tôi không làm cho cô phát chán. Thứ lỗi cho tôi đã đường đột vào cái giờ đặc biệt này, cũng vì là việc kia là việc đặc biệt nên mới phải thế.” Sau đó, dường như để đáp lại câu gì đó của nữ chủ nhà, Lombard nói tiếp, “Cô không phải lo về chuyện đó. Tôi ghi séc làm gì nếu đã có ý định chặn việc thanh toán sau đó chứ. Số tiền đó cũng nhỏ thôi mà, so với cô...”

“Ông có xuống không?” nhân viên phụ trách thang máy nhắc nhở.

Ông ta liếc qua. “Thang máy đây rồi.” Rồi lại quay lại trong nhà. “Chúc cô ngủ ngon.” Lombard hơi nhắc mũi lên để chào cô rồi bước đi, vẫn để cửa

mở. Cô từ từ đóng cửa lại sau lưng Lombard, không ngó ra ngoài nhìn theo.

Trong thang máy, Lombard giơ mẫu giấy lên nhìn.

“Này, chờ một chút,” ông ta buột miệng nói, giơ mẫu giấy trên tay về phía người nhân viên trực thang máy. “Cô ấy mới viết cho tôi tên...”

Người nhân viên cho thang máy chạy chậm lại, chuẩn bị cho chạy lên. “Ông có muốn quay lên đó không?”

Lúc đầu Lombard có vẻ như đồng ý. Nhưng sau đó ông ta lại nhìn đồng hồ. “Thôi, kệ đi. Tôi nghĩ thế này cũng được rồi. Cứ xuống đi.”

Thang máy lại tiếp tục đi xuống.

Tại sảnh, Lombard nấn ná lại để hỏi thăm nhân viên trực sảnh, vẫy vẫy tờ giấy cho anh ta xem. “Đi đường nào đến chỗ này? Trái hay phải?”

Trên tờ giấy chỉ có hai cái tên và một con số. ‘Flora’, con số, và ‘Amsterdam’.

Vài phút sau, tại một cửa hàng bán thuốc đêm trên đường Broadway, Lombard vừa thở dốc vừa nói qua điện thoại, “Cuối cùng thì cũng xong. Tôi tưởng tôi đã chốt được rồi nhưng hóa ra còn một đầu mối nữa. Lần này là cuối hẳn rồi. Giờ tôi chưa kể với ông chi tiết được. Địa chỉ đây. Tôi đang đến đó bây giờ. Ông bao lâu thì đến tới nơi?”

* * *

Chiếc xe cảnh sát chở Burgess lao đến như tên bắn. Ngồi trong xe, Burgess chợt nhận ra xe của Lombard đang đỗ trước cửa một tòa nhà – trông có vẻ không có ai trong xe – liền phanh gấp rồi quay xe trở lại. Chỉ đến khi đến sát vỉa hè từ phía đối diện thì Burgess mới thấy Lombard đang ngồi cạnh xe, bị nửa thân xe sau che khuất nếu nhìn từ đường như lúc trước.

Burgess lúc đầu ngỡ rằng Lombard bị ốm – đánh giá từ cách ông ta ngồi gập người trên bậc lên xuống của xe, đầu chúc hẳn xuống vỉa hè, gần như

chạm vào chân. Tư thế này chỉ thường thấy ở những người đang gặp vấn đề về dạ dày, đang ở giai đoạn rất đau đớn.

Cách ông ta vài bước có một người đàn ông mặc quần có đai treo, áo sơ-mi trắng đang nhìn ông ta với vẻ thông cảm, tay cầm tẩu. Lăn quần ở chân là một con chó.

Lombard mệt mỏi nhìn lên khi Burgess vội chạy lại bên ông ta. Ông ta lại quay đầu đi, như thể có điều gì đó khiến ông ta không còn sức để nói nữa.

“Chỗ này đây à? Có chuyện gì? Ông vào trong chưa?”

“Không, đằng kia cơ.” Ông ta chỉ một cái cổng vòm chiếm quá nửa chiều rộng của căn nhà đó. Phía bên trong cái vòm, một bên có một cái bảng đồng lấp lánh, bắt thẳng vào nền bê tông. Trên cái bảng đó khảm dòng chữ nổi trên nền viền đen như giấy nhám, là tên một đơn vị huyền thoại: *Cảnh sát Cứu hỏa, thành phố New York*.

“Con số đó...” Lombard nói, xòe tờ giấy này giờ ông ta vẫn giữ trên tay.

Con chó, một con chó đốm, lập tức xấn vào người người tờ giấy với vẻ tò mò.

“Nó là Flora, họ bảo tôi thế.”

Burgess mở cửa xe, đẩy về phía sau, đỡ Lombard đứng dậy vì ông ta đã mất chỗ ngồi.

“Phải quay lại thôi,” Burgess nói. “Nhanh.”

* * *

Lúc Burgess cầm chìa khóa lên đến nơi với Lombard thì thấy ông ta đang dùng hết sức lực, lao cả người vào cánh cửa.

“Trong đó không có động tĩnh gì cả. Cô ta đã trả lời bàn lễ tân dưới kia chưa?”

“Họ vẫn đang gọi.”

“Chắc cô ta trốn mất rồi.”

“Không thể nào. Nếu thế thì dưới nhà người ta đã thấy cô ta đi ra ngoài, trừ phi là có lối nào tránh được... Để tôi mở bằng cái này. Ông cứ thế cũng chẳng vào được đâu.”

Cửa mở, hai người lập tức tiến vào trong. Nhưng họ dừng lại ngay, quan sát khung cảnh bên trong. Phòng khách dài – vốn là phần tiếp nối của lối vào và chỉ thấp hơn một bậc – lúc này không có ai cả, nhưng nó vẫn có thể nói lên nhiều điều. Cả hai bọn họ đều đã đoán đúng.

Tất cả đèn vẫn đang bật sáng. Một chiếc thuốc vẫn đang cháy dở dang tạo thành những vòng xoáy bạc mờ mờ bốc lên từ vành chiếc gạt tàn đứng có chân rộng. Dây cửa sổ chạm sàn dài đang mở ra đón không khí, tạo thành một nền đen mênh mông với một ngôi sao rất to cắm ở một góc, một ngôi sao nhỏ hơn ở góc bên kia, trông như một chiếc màn nhung đen được treo lên bằng những chiếc đinh ghim lấp lánh.

Ngay phía trước cửa sổ là một chiếc giày màu bạc, đổ nghiêng sang một bên như một chiếc thuyền nhỏ bị lật. Tấm thảm dài, hẹp chia đôi nền nhà sáng bóng – xuất phát từ ngay khi thềm nhà hạ xuống rồi dừng gần sát cửa sổ – lúc này có những nếp nhăn như sóng bị đông cứng ở một đầu, làm mất đi sự phẳng phiu vốn có của nó. Tựa như một bước chân hụt đã khiến nó trở nên như vậy.

Burgess đi vòng sát theo tường nhà, men tới bên cửa sổ. Ông ta nhòm người ra ngoài lan can thấp, chỉ có mục đích trang trí là chính ở ngay bên ngoài, nhìn xuống. Burgess cứ nhìn như vậy, không cử động, một lúc lâu.

Sau đó viên cảnh sát thẳng người, quay lại trong phòng, khẽ gạt đầu với Lombard này giờ vẫn đứng chờ, tựa như không còn hơi sức để di chuyển tiếp. “Cô ta ở dưới đó. Đứng trên này cũng thấy được, trong hành lang kỹ thuật giữa hai bức tường. Trông như một đồng giẻ. Chắc không ai nghe thấy. Cửa sổ phía bên này vẫn tối om cả.”

Chuyện xảy ra như vậy nhưng ông ta chẳng làm gì cả, kể cũng lạ, thậm chí cũng không gọi về đồn báo ngay.

Trong phòng, ngoài ông ta thì chỉ còn một thứ khác di chuyển. Đó không phải là Lombard. Đó là khói từ điều thuốc. Có vẻ như điều đó khiến Burgess chú ý nên ông ta bước tới, nhặt điều thuốc lên. Điều thuốc vẫn còn dài khoảng một đốt ngón tay, đủ để cầm. Ông ta lăm bắm điều gì đó nghe như là, “Chắc vừa xảy ra khi mình đến đây thôi.”

Việc tiếp theo là ông ta lấy một điều thuốc của mình ra, kẹp hai điều thuốc cạnh nhau giữa các ngón tay, so bằng một đầu. Ông ta lấy bút chì, vạch dấu phần dư thừa trên điều thuốc chưa đốt.

Sau đó ông ta đưa điều thuốc còn nguyên đó lên miệng, châm lửa, rít một hơi nhẹ để thuốc bắt đầu cháy. Thế rồi ông ta cẩn thận đặt điều thuốc đó xuống đúng chỗ đã từng để điều thuốc cháy dở kia, kẹp nó đó, rồi nhìn đồng hồ đeo tay.

“Ông làm thế để làm gì?” Lombard hỏi bằng giọng của người chẳng còn gì để mất, chẳng còn gì để quan tâm.

“À, cách sẽ giúp tôi biết được việc đó xảy ra cách đây bao lâu ấy mà. Tôi cũng không biết như thế có đáng tin hay không, tức là liệu hai điều thuốc có cháy cùng tốc độ hay không. Việc này phải hỏi người có chuyên môn mới được.”

Burgess đến cạnh điều thuốc, nhìn kỹ một lần rồi lại bước đi. Lần thứ hai ông ta quay lại, ông ta nhặt điều thuốc lên, giơ lên xem như thể xem nhiệt độ cơ thể, rồi lại nhìn đồng hồ. Burgess dụi thuốc, vứt nó đi. Nó đã hoàn thành nhiệm vụ.

“Cô ta ngã xuống đó đúng ba phút trước khi ta vào trong này. Đã trừ nguyên một phút lúc tôi nhìn ra ngoài cửa sổ. Trước khi làm thí nghiệm thì tôi cũng đã ước lượng rồi. Nghĩa là cô ta cũng chỉ rít một hơi thôi, giống tôi vừa rồi. Nếu cô ta rít nhiều hơn thì thời gian còn ngắn hơn nữa.”

“Có thể là loại thuốc lá điều dài thì sao,” Lombard nói, vẫn đứng cách chỗ đó khá xa.

“Thuốc hiệu Lucky. Vẫn còn đủ dấu trên thân điều, gần chỗ ngậm vào miệng, để nhận ra. Nếu không biết trước như thế mà tôi lại làm cái thí

nghiệm đó thì chẳng hóa ra là phí thời gian hay sao?”

Lombard không trả lời, vẫn đứng xa cách.

“Thế này thì có vẻ như chính việc lễ tân gọi điện lên báo đã giết cô ta,” Burgess tiếp tục nói. “Cô ta giật mình, luống cuống thế nào lại trượt chân ở cửa sổ, rồi ngã ra ngoài. Toàn bộ câu chuyện bày ra cả đây, trước mắt đây, dù không nói bằng lời. Cô ta hẳn đã đến bên cửa sổ, đang đứng đó nhìn ra ngoài, có thể là đang trầm tư suy nghĩ, hít thở không khí ban đêm, lên kế hoạch, thì đột nhiên có tiếng điện thoại từ lễ tân gọi. Cô ta làm động tác gì đó sai. Xoay người quá vội vàng chẳng hạn, hoặc là trọng tâm bị lệch. Hoặc cũng có thể là do đôi giày. Chiếc giày này tôi thấy hơi cong, do đi nhiều, không chắc chắn nữa rồi. Tắm tắm bị trượt đi trên nền sàn trơn. Một hoặc cả hai chân của cô ta bị văng theo tắm tắm. Chiếc giày này tuột ra, hất tung lên. Cô ta mất thăng bằng, ngã người ra đằng sau. Như thế cũng chẳng là gì nếu như cô ta không đứng quá sát cửa sổ đang mở. Nếu không thì cùng lắm là một cảnh vồ vịt hay ngã dập mông chứ không phải rơi xuống đó rồi chết.”

Burgess nói tiếp, “Nhưng có điều tôi vẫn không hiểu, cái địa chỉ ấy. Cô ta chỉ định đùa cợt hay sao? Thái độ cô ta thế nào, khi ông ở đây lúc ấy?”

“Không, cô ta không đùa,” Lombard nói. “Cô ta thật sự đang cần số tiền đó, mọi thứ thể hiện rõ lắm.”

“Nếu cô ta cho ông một địa chỉ giả để ông mất thời gian tìm kiếm – trong lúc đó thì cô ta có thể đổi séc ra tiền mặt là xong. Nhưng thế này hơi lạ – địa chỉ đó lại chỉ cách vài khu nhà. Cô ta thừa biết là ông sẽ quay lại trong vòng năm, mười phút. Lý do là gì nhỉ?”

“Có thể là cô ta cho rằng sẽ moi được nhiều tiền hơn từ người phụ nữ kia chẳng hạn, nhiều hơn số tiền tôi đưa, nếu báo cho bà ta. Cái địa chỉ kia chỉ là để tôi biến đi đủ lâu, cho cô ta thời gian thương lượng với người phụ nữ kia.”

Burgess lắc đầu, có vẻ không hài lòng với giả thuyết đó, nhưng rồi cuộc vẫn nhắc lại câu ông ta đã nói lúc đầu. “Tôi vẫn không hiểu.”

Lombard không chờ nghe hết câu mà đã quay người đi sang chỗ khác, bước chân có chiều lảo đảo như kẻ say. Burgess chăm chú nhìn theo với vẻ trầm tư. Lombard dường như đã chẳng còn để ý gì đến sự việc xung quanh nữa, gần như hoàn toàn sập đổ. Ông ta bước đến cạnh tường, đứng đó một lát, ủ rũ, giống như người thường xuyên gặp phải những việc đáng thất vọng, cuối cùng cũng phải chấp nhận bỏ cuộc.

Thế rồi trước khi Burgess đoán được ý định thì Lombard đã vung tay giáng một cú sấm sét vào bức tường im lặng trước mặt, tựa như nó là kẻ thù đang cản trở ông ta.

“Ông điên à!” Burgess kêu lên. “Ông định làm trò gì thế, muốn gãy tay à? Bức tường có tội tình gì chứ?”

Lombard gặp người như ở tư thế hay vặn mở nút chai. Mặt ông ta nhăn nhó vì giận dữ, vì bất lực nhiều hơn là vì đau. Câu trả lời của ông ta như bị bóp nghẹt khi cánh tay đang đau đớn tì vào bụng, “Họ biết cả! Tất cả bọn họ đều biết hết – thế mà tôi không lấy được thông tin gì.”

3 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

Cốc rượu Lombard vừa uống sau khi xuống tàu tại ga gần nhà tù không giúp được gì cả. Uống một cốc thì giúp được gì chứ? Uống nhiều cốc thì có ích gì chứ? Uống rượu cũng không làm thay đổi thực tế được. Uống cũng không biến tin xấu thành tin tốt được. Uống cũng không thể biến kẻ sắp chết thành kẻ được cứu rỗi.

Những ý nghĩ cứ lẩn quẩn trong đầu khi Lombard nặng nề bước trên con đường dốc hướng tới công trình phía trước: Làm thế nào có thể báo cho ai đó rằng anh ta sẽ phải chết? Làm thế nào có thể nói với anh ta rằng hy vọng đã hết, rằng những tia sáng cuối cùng đã tắt? Lombard không biết và đang cố gắng tự tìm ra cách phù hợp – cho lần đầu tiên. Ông ta còn thăm nghĩ liệu không đến nói gì thì có nhân từ hơn không, cứ để Scott Henderson đi mà không gặp lại lần cuối một cách vô dụng như thế này?

Việc này sẽ rất khó khăn, Lombard biết như vậy. Ông ta đã đến nơi rồi, và trong lòng đã thấy run. Nhưng phải vào thôi, không thể vì chuyện đó mà lùi bước. Không thể để Henderson chờ đợi vô vọng, đau đớn trong ba ngày cuối cùng; không thể để Henderson bị kéo đi vào tối ngày thứ Sáu mà vẫn cố ngoảnh lại, chờ đợi điều kỳ diệu là có lệnh hủy án vào phút cuối – điều đến giờ này chắc chắn sẽ không tới.

Lombard lấy tay chùi miệng khi bước tới gần lính gác ở lớp cửa thứ hai. ‘Tối nay, sau khi từ đây ra, mình sẽ phải uống thật say!’ Lombard cay đắng thầm nhủ. ‘Mình sẽ uống đến khi người ta phải đưa mình vào bệnh viện cấp cứu, cho đến khi chuyện này qua đi!’

Lúc này người lính gác đã đứng sang một bên, Lombard đi vào trong chờ đợi tiếng nhạc. Nhạc đám ma.

Bây giờ chính là lúc hành hình. Một cuộc hành hình không máu me mà sạch sẽ, đến trước cuộc hành hình chính thức kia ba ngày. Mọi hy vọng sẽ chết vào hôm nay.

Người lính gác đã đi ra, chỉ còn tiếng bước chân vọng lại. Sau đó là sự im lặng khủng khiếp. Cả hai người đều không nói gì trong một lúc lâu.

“Cuối cùng cũng xong rồi,” Henderson khẽ nói. Hăn đã hiểu.

Bức tường chắn đã bị phá vỡ, ít nhất là vậy. Lombard không đứng nhìn cửa sổ nữa, bước đến vỗ vào vai bạn. “Anh nghe tôi này...” Lombard nói.

“Không sao đâu,” Henderson đáp. “Tôi hiểu mà. Nhìn mặt anh là tôi hiểu ngay rồi. Không cần phải giải thích thêm gì nữa.”

“Tôi lại để tuột mất cô ta... Lần này thì mất hăn.”

“Tôi nói là anh không cần phải giải thích mà,” Henderson tỏ ra kiên nhẫn. “Tôi thấy được anh khổ sở thế nào. Vì Chúa, kệ đi.” Henderson hóa ra lại là người đang vỗ về Lombard chứ không phải ngược lại.

Lombard đổ người xuống thành giường. Henderson là ‘chủ nhà’, cứ để ông ta như thế, đứng lên ra tựa lưng vào bức tường đối diện.

Kế tiếp đó, âm thanh duy nhất trong buồng giam chỉ là tiếng sột soạt do Henderson liên tục gập mép của một bao thuốc lá đã trống rỗng cho đến khi nó cuộn cứng thì lại từng vòng lật mở ra như cũ. Cứ như thế, làm đi làm lại, không ngừng nghỉ, chỉ là để cho ngón tay có việc làm.

Không ai có thể đứng quá lâu trong cái không khí đó. Cuối cùng Lombard nói, “Dừng đi được không? Anh làm tôi phát điên mất.”

Henderson nhìn xuống tay mình, tỏ vẻ ngạc nhiên, như thể chính hăn giờ mới phát hiện ra mình này giờ làm những gì. “Thói quen lâu ngày của tôi ấy mà,” hăn ngượng ngập nói. “Tôi không bỏ được cái tật này, kể cả lúc bình thường ấy. Anh cũng nhớ mà, đúng không? Mỗi khi nào đi tàu là y như rằng cái bảng lịch trình tàu sẽ bị gập tai mèo cả. Tôi ngồi đợi nha sĩ gọi vào thì cũng biến mấy cuốn tạp chí ra như thế cả. Mỗi khi vào rạp xem gì đấy thì tờ chương trình...” Henderson dừng nói, lơ mơ nhìn bức tường phía trên đầu Lombard. “Tối hôm ấy, đi xem nhạc kịch với cô ta, tôi nhớ là cũng

làm thế này... Kể cũng lạ, mấy chuyện lật vạt như thế thì tôi lại nhớ ra, cho đến tận bây giờ nhé, trong khi mấy điều quan trọng tôi cần nhớ thì... Anh sao thế? Anh nhìn tôi thế làm gì? Tôi dừng tay rồi mà.” Hấn xòe chỗ giấy nhàu nhĩ ra cho Lombard xem.

“Nhưng tối hôm ấy anh vứt tờ chương trình đi, đúng không? Anh để lại trên ghế hoặc rơi trên sàn, như mọi người hay làm thế?”

“Không. Cô ta cầm cả hai tờ. Tôi nhớ mà. Lạ nhỉ, cái đó thì tôi lại nhớ. Cô ta bảo để cho cô ta giữ cả hai, có nói gì đó kiểu như là để ghi nhớ những phút bùng bột ấy. Tôi không nhớ chính xác. Nhưng đúng là cô ta giữ hết, tôi còn thấy cô ta nhét vào trong túi cơ mà.”

Lombard lập tức đứng dậy. “Thế là lại có một chút đầu mối, nếu như ta biết cách tận dụng.”

“Ý anh là sao?”

“Đó là cái duy nhất ta chắc chắn là cô ta đang giữ đấy.”

“Nhưng làm sao mà chắc là cô ta vẫn còn giữ lúc này, đúng không?” Henderson chỉnh lại.

“Nếu đã dụng tâm giữ nó từ đầu thì khả năng là bây giờ cô ta vẫn còn giữ. Thông thường thì mấy tờ chương trình đó người ta vứt đi hoặc giữ lại. Nếu vứt thì vứt đi ngay, nếu đã giữ thì giữ rất lâu, hàng năm ấy. Nếu ta có cách nào đó dùng món này làm mồi nhử thì tốt. Ý tôi là cái đó là cái cầu duy nhất lúc này nối hai người với nhau – cái tờ chương trình đó có góc bên phải bị gấp tai mèo, toàn bộ các trang. Nếu có thể khiến cô ta xuất hiện cùng tờ chương trình đó mà không phân vân mục đích là gì thì chẳng phải là tóm được cô ta rồi hay sao.”

“Anh định đăng quảng cáo hay sao?”

“Đại loại như vậy. Người ta sưu tầm đủ loại. Nào là tem, nào là vỏ sò, nào là những vật dụng thùng lỗ chỗ. Thông thường người ta sẽ bỏ rất nhiều tiền để mua những cái mình coi là quý giá trong khi người khác lại coi là rác. Một khi dân sưu tầm đã máu lên thì chẳng kể nghĩa lý gì đâu, chỉ cần có cái mình muốn là được.”

“Thì sao?”

“Tôi là dân sưu tầm chương trình nhà hát. Một tay triệu phú kỳ quặc, lập dị thích vung tiền như cỏ rác. Phải nói đó không chỉ là sở thích, mà là một sự ám ảnh mới đúng. Tôi buộc phải có đủ bộ chương trình diễn của tất cả các vở tại tất cả các nhà hát trong thành phố, của tất cả các mùa. Tôi đột nhiên xuất hiện, thuê một phòng nho nhỏ, rồi quảng cáo. Người ta sẽ kháo nhau rằng tôi là thằng điên, rằng tôi vung tiền mua mấy thứ vô dụng. Khi còn thời hạn thì ai muốn tới cũng được. Báo chí có lẽ còn thổi thêm vào, kèm hình ảnh, giống như mấy cái sự kiện nóng hổi hiện nay ấy.”

“Kế hoạch của anh nhiều lỗ hổng lắm. Cho dù anh rao giá cao đến thế nào đi nữa thì làm sao anh đảm bảo được sẽ thu hút được cô ta? Giả như cô ta giàu có thì sao?”

“Nếu như cô ta không còn giàu có thì sao?”

“Tôi vẫn thấy là chắc chắn cô ta sẽ nghĩ thấy mùi lừa đảo.”

“Với ta thì tờ chương trình đó là ‘quan trọng’, còn với cô ta thì không. Mà sao phải thế? Cô ta có khi còn chẳng để ý mấy vết gập ở mép, mà nếu có để ý thì cũng chẳng bao giờ đoán ra được là vết gập lại cho ta biết điều cần biết. Đến chính anh còn chẳng nhớ cơ mà, trước đây mấy phút ấy. Thế nên cô ta sao mà nhớ được? Cô ta đâu phải kẻ đọc suy nghĩ người khác nên không thể biết là anh với tôi đang bàn mưu tính kế lúc này trong phòng giam.”

“Tôi vẫn thấy mong manh lắm.”

“Dĩ nhiên là mong manh rồi,” Lombard đồng ý. “Tỷ lệ thắng là một phần nghìn thôi, nhưng ta phải chơi. Ăn may thì đừng đòi xôi gấc. Tôi sẽ thử vận may này, Hendy. Tôi có cảm giác là... là sẽ thành công đấy, trong khi những lần khác lại thất bại.”

Ông ta quay người ra chỗ chắn song, gọi người tới mở cửa.

“Mong là...” Henderson không nói hết.

“Tôi sẽ gặp lại anh,” Lombard đáp.

Khi nghe thấy bước chân Lombard xa dần, Henderson trầm nghĩ: ‘Anh ấy chẳng tin là sẽ được, mình cũng chẳng tin.’

* * *

Mục quảng cáo trên tất cả các tờ báo sáng, báo tối đều có bài như sau:

Hãy mang tờ chương trình nhà hát cũ bạn có tới đổi lấy tiền từ một nhà sưu tầm giàu có, chỉ ở thành phố vài ngày, đang cần hoàn thiện bộ sưu tập nên sẽ trả hậu hĩnh. Đây là thú vui cả đời. Hãy mang tới, dù cho tờ chương trình đó là cũ hay mới. Đặc biệt quan tâm: các suất diễn nhạc kịch các mùa gần đây – bị thiếu do ở nước ngoài – tại các rạp Alhambra, Belvedere, Casino, Coliseum. Miễn tiếp trung gian. Địa chỉ J. L. 15 Franklin Square. Mở cửa tới 10 giờ tối thứ Sáu. Sau đó tôi rời thành phố.

NGÀY HÀNH HÌNH

Chín rưỡi. Đến giờ này thì dòng người xếp hàng cũng đã vãn hẳn, một vài người chen ngang cũng đã được mời ra ngoài. Trong cửa hàng lúc này không có ai, hoàn toàn yên tĩnh, ngoài Lombard và người phụ tá trẻ tuổi.

Lombard ngồi ngả người trên ghế, trề môi dưới ra và thổi một hơi dài từ cằm lên trán, khiến cho những sợi tóc lòa xòa trên trán bay tung lên. Ông ta mặc vest, cổ áo sơ-mi để mở. Ông ta lấy từ trong túi – lúc này đang bị kẹp trên ghế do bị ngồi đè lên – ra một chiếc khăn tay, đưa lên chấm chấm chỗ này, chỗ kia trên mặt. Xong việc thì chiếc khăn có thêm những vệt xám. Mọi người chẳng buồn phủi bụi mấy thứ đó khi quẳng xuống trước mặt ông ta. Có vẻ như họ nghĩ rằng bụi càng dày thì sẽ được tính giá càng cao. Lombard dùng khăn lau tay rồi vứt nó đi.

Ông ta ngoái đầu lại, nói với người nào đó ở khuất sau chõng chương trình nhà hát cao như núi. “Cậu về được rồi, Jerry. Sắp hết giờ rồi. Nửa tiếng nữa thì tôi cũng đóng cửa thôi. Qua giờ cao điểm rồi.”

Một cậu thanh niên gầy gò, tầm khoảng mười chín tuổi, nấn chỉnh lại một vài tờ chương trình trên núi rồi bước ra, mặc áo khoác vào.

Lombard lấy một ít tiền. “Đây là mười lăm đô-la tiền công cho ba ngày, Jerry.”

Cậu thanh niên tỏ ra thất vọng. “Ngày mai ông không cần tôi nữa à?”

“Không, ngày mai tôi cũng không còn ở đây,” Lombard trầm ngâm. “Tôi nói với cậu thế này. Cậu có thể bán đồng này như bán giấy vụn, gọi đồng nát đến, chắc cậu cũng kiếm thêm được một ít.”

Cậu thanh niên trở mắt nhìn Lombard. “Trời. Ông ngồi đây tìm mua ba ngày liền chỉ để vứt đi hay sao?”

“Tính tôi lạ đời như thế,” Lombard nói. “Nhưng từ giờ tới lúc đó thì cậu đừng có hở ra nhé.”

Cậu trai trẻ đi ra tới tận vỉa hè rồi vẫn không quên liếc nhìn Lombard với vẻ kinh ngạc. Chắc thằng bé nghĩ mình điên, Lombard thầm nhủ. Mà chẳng trách được. Chính Lombard cũng nghĩ ông ta điên cơ mà. Vì cho rằng việc này sẽ mang lại kết quả, rằng cô ta sẽ cắn câu và xuất hiện. Toàn bộ ý tưởng này từ ban đầu đã là dở người rồi.

Một cô gái đi ngang qua trên vỉa hè, đúng lúc cậu ta ra ngoài. Đó là lý do duy nhất khiến Lombard để ý, bởi vì ông ta đang nhìn cậu trợ lý thì bị cô chặn tầm mắt. Chẳng là ai cả. Chẳng có gì đặc biệt. Một cô gái. Một khách bộ hành. Cô nhìn vào trong khi đi qua cửa. Thế rồi cô thoáng có chút lưỡng lự, có thể là do tò mò, trước khi bước tiếp, khuất hẳn khỏi khung cửa sổ. Lombard cũng thoáng cho rằng cô sẽ đi vào cửa hàng.

Khoảng thời gian yên tĩnh chấm dứt. Một ông già lụ khụ mặc áo cổ lông, kính gọng đen, cổ dài như cổ hươu, chống gậy bước vào. Đằng sau ông ta – là điều khiến Lombard buồn bực – là một tài xế taxi đang kéo theo một chiếc rương cũ kỹ. Vị khách dừng lại trước tấm ván gỗ Lombard đang tận dụng làm bàn, rồi dừng lại với một tư thế mà lúc đầu Lombard còn không dám tin là ông ta đứng như vậy là có chủ đích, tưởng chỉ là một kiểu đùa cợt.

Lombard ngược mắt nhìn lên. Cả ngày hôm nay Lombard đã gặp hàng người này nhiều rồi, nhưng chưa ai từng mang cả một cái rương đến thế này cả.

“A, chào ông,” vị khách già nua cất tiếng nói với giọng sang sảng, chất giọng hẳn cũng giá trị nếu như ông ta chịu để tay yên một chỗ. “Ông thật là người may mắn vì tôi đọc được bài quảng cáo của ông. Tôi tự tin là có thể khiến bộ sưu tập của ông phong phú không thể nào kể xiết. Tôi có thể bổ sung cho ông những món mà không ai trong thành phố này có cả. Tôi có

những món vô cùng hiếm, có thể làm trái tim ông nóng lên đấy. Từ thời nhà hát Jefferson, trước nữa là...”

Lombard lập tức ra dấu khước từ. “Tôi không quan tâm tới nhà hát Jefferson. Tôi có đủ bộ rồi.”

“Nhà hát Olympia vậy, hoặc...”

“Không quan tâm, không quan tâm. Tôi mặc xác những gì ông có. Tôi đã mua đủ hết rồi. Tôi chỉ cần thêm một món là tôi tắt đèn, khóa cửa ngay đây. Rạp Casino, mùa trước. Ông có không?”

“Casino... *ha!*” Ông khách nhăn mặt, như muốn thể hiện một điều gì đó hơn là một hơi khinh thường. “Ông nói rạp Casino với tôi ư? Tôi mà thèm liên quan với mấy thứ hiện đại rác rưởi đó à? Tôi từng là một trong những nghệ sĩ kịch lớn nhất làng sân khấu Mỹ!”

“Cái đó thì tôi thấy rồi,” Lombard kho khan đáp. “Tôi e rằng chúng ta chẳng có gì để làm ăn với nhau cả.”

Chiếc rương và người tài xế taxi lại đi ra ngoài. Chủ của chiếc rương dừng lại ở ngưỡng cửa đủ lâu để thể hiện sự khinh miệt với sàn nhà. “Casino... *hừ!*” Rồi ông ta cũng đi ra ngoài.

Lại có mấy phút yên ả trước khi một bà già có bề ngoài của một nữ giúp việc bước vào. Phục vụ dịp này, bà ta trang trí cho mình một chiếc mũ vành rộng bên trên cắm một bông hoa hồng bạch, dường như được nhặt từ một thùng rác hay trong một cái kho nào nơi nó đã bị bỏ quên hàng thập kỷ. Bà ta cũng đã tô mỗi bên má một vòng tròn đỏ rực với kỹ thuật trang điểm đã quá lâu không thực hành rồi.

Khi Lombard ngược lên nhìn bà khách, nửa quan tâm, nửa thờ ơ, thì ông ta lại tình cờ thấy, qua bờ vai tròn của bà ta, chính cô gái lúc trước, lúc này cũng đi qua cửa, nhưng đi theo hướng ngược lại. Một lần nữa, cô gái lại quay đầu nhìn vào trong. Lần này cô còn làm nhiều hơn thế. Cô đứng hẳn lại, chỉ một hai giây, thậm chí còn lùi một bước để đứng thẳng với cửa vào. Sau đó, khi đã quan sát bên trong, cô lại tiếp bước. Rõ ràng cô rất quan tâm tới những việc đang diễn ra ở đây. Tuy nhiên, Lombard cũng phải thú nhận,

việc này diễn ra công khai, đủ để khiến một người qua đường nhìn thấy và đủ để khiến cô nhìn lần thứ hai. Lúc đầu thậm chí còn có mấy tay đến chụp ảnh nữa. Hoặc cũng có thể là cô chỉ vừa đi đâu đấy rồi quay lại lối cũ mà thôi – thông thường ai chẳng thế, bao giờ cũng theo lối cũ trở về, chuyện đó chẳng có gì là bất thường cả.

Bà già đứng trước mặt ông ta thì tỏ ra khá nhút nhát. “Bây giờ còn kịp không, thưa ông? Có đúng là ông mua mấy tờ chương trình cũ?”

Lombard hướng sự quan tâm trở lại với bà ta. “Một số cái, đúng.”

Bà ta lục trong cái túi đi chợ đang đeo trên tay. “Tôi có mang đến mấy cái đây, thưa ông. Từ thời tôi còn hát hợp xướng. Tôi còn giữ hết. Chúng rất có ý nghĩa với tôi. Bài *Midnight Rambles* bài *Frolics of 1911...*” Bà ta run lên vì xúc động khi đặt chúng xuống mặt bàn. Bà ta lật mở một trong những trang giấy đã ố vàng, như để muốn thêm gia vị cho câu chuyện vừa kể. “Đây, đây là tôi đấy, thưa ông. Dolly Golden. Tên thời con gái của tôi. Tôi còn tham gia vở *Spirit of Youth* khi công diễn lần cuối...”

Thời gian, Lombard thầm nghĩ, là kẻ giết người khủng khiếp nhất. Là kẻ giết người không bao giờ bị trừng phạt. Lombard nhìn đôi bàn tay nhăn nheo của bà khách, không nhìn tờ chương trình chút nào. “Mỗi tờ một đô-la,” ông ta nói, tay lấy ví tiền.

Bà già gần như không tin vào tai mình. “Ôi, Chúa phù hộ ông! Số tiền đó có ích với tôi lắm!” Bà ta cầm chặt lấy tay Lombard trước khi ông ta kịp ngăn lại, đặt môi mình lên đó. Vòng tròn đỏ trên má biến những giọt nước mắt thành màu hồng. “Tôi không dám mơ được ngàn đấy.”

Đúng là không đáng. Không đáng một xu nào. “Đây, tiền đây, thưa cụ,” Lombard nhẹ nhàng đáp.

“Ôi, giờ tôi sẽ đi ăn... sẽ ăn một bữa thật no...!” Bà già bước ra, lão đảo như người say rượu bất ngờ gặp cơn gió lớn.

Một cô gái trẻ đang đứng đó, yên lặng chờ cho đến khi bà khách đi ra hẳn. Hẳn cô đã vào và đứng đằng sau bà khách kia lúc nào mà Lombard không biết. Đó chính là cô gái lúc trước đã hai lần đi qua cửa, mỗi lần một

hướng. Lombard gần như có thể đoán chắc, cho dù lúc trước mới nhìn thoáng qua, không có đủ thời gian để nhìn rõ được.

Cô lúc trước, khi còn ở ngoài kia, trông có vẻ trẻ hơn khi đứng gần, ngay trước mặt Lombard như lúc này. Đó là do cô chỉ còn giữ lại được dáng vẻ thanh mảnh, sau khi những thứ khác gần như đã rời bỏ cô. Cô như một cái cây bị tàn phá, cũng bị tàn phá như bà giúp việc già nua vừa vào trước cô, chỉ là cách thức khác mà thôi.

Một cảm giác hơi ngứa ngáy làm rung động những cọng lông nhỏ trên cổ Lombard. Ông ta cố gắng không nhìn cô quá chăm chú, mà chủ động nhìn xuống sau khi đã lướt qua đánh giá toàn diện, để cô không thể dò đoán được gì trên mặt ông ta.

Ấn tượng của ông ta lúc này khá xáo trộn: cô gái này là người xinh đẹp, cho đến gần đây vẫn vậy, nhưng sắc đẹp đang bỏ đi rất nhanh. Ấn bên dưới, con người cô vẫn toát ra những nét tinh tế, có thể là do văn hóa; phía ngoài là một lớp vỏ cứng, một lớp vỏ xù xì và rẻ tiền, đang dần bóp nghẹt những gì tốt đẹp còn lại, vùi lấp nó vĩnh viễn. Có thể bây giờ muốn giúp cô thoát khỏi quá trình đó cũng đã quá muộn. Quá trình đó đang tăng tốc – theo như Lombard quan sát thấy – có thể là do chuỗi ngày dài chìm đắm trong rượu, hoặc là do bị sự nghèo đói, túng thiếu vùi dập, hoặc là do mượn rượu để quên đi cái nghèo. Có những dấu vết mờ nhạt do yếu tố thứ ba để lại – có lẽ là yếu tố sơ khởi, là nguyên nhân dẫn tới hai yếu tố kia – nhưng dường như nó không còn là yếu tố quyết định lúc này; yếu tố đó xuất hiện trước: trạng thái căng thẳng, suy sụp tinh thần ngoài sức chịu đựng, một nỗi sợ hãi vì một tội lỗi nào đó đã mắc phải, đã bị dẫn dắt liên tục trong nhiều tháng liền. Nó đã để lại dấu vết, nhưng đang mờ dần; những gì nổi bật hiện nay là nghèo và rượu.

Giờ cô có vẻ thông dong, cô cứng rắn, dai dẳng với sức bền của lớp người bản cùng, của những người không thể xếp vào đẳng cấp nào thấp hơn nữa – và như vậy là đủ với cô cho đến khi kết thúc. Có thể là một vòi khí gas tại một phòng trọ nào đó.

Trông cô như chưa được ăn nhiều lắm những ngày gần đây. Hai má cô hõm sâu, để lộ ra cả cấu trúc xương khuôn mặt được bao bằng một lớp thịt mỏng manh. Cô mặc đồ màu đen, không phải trang phục đen của bà góa hay là lựa chọn thời trang, mà là đen một cách nhếch nhác, được khoác lên người chỉ vì nó không dính đất. Đến cả đôi tất cũng màu đen, mặc dù ở sau gót có một lỗ nhỏ màu trắng.

Cô nói. Giọng cô đã bị phá hủy bởi thứ rượu rẻ tiền cô nốc không kể ngày đêm. Nhưng kể cả như vậy, đầu đó vẫn còn dấu vết mơ hồ của người có học. Nếu như bây giờ cô dùng những từ lóng thì đó là do cô chủ động nói như vậy để hợp với những người cô tiếp xúc chứ không phải là do không biết từ nào tốt hơn. “Ông còn tiền mua chương trình của tôi chứ, hay hết giờ rồi?”

“Để xem cô có gì đã,” Lombard cẩn trọng.

Cô lôi từ trong chiếc túi to quá khổ, nhàu nhĩ ra hai tờ chương trình rồi lẳng xuống bàn. Một cặp, cùng một tối. Một buổi nhạc kịch tại Regina, mùa trước nữa. Không hiểu cô này đi cùng ai tối hôm đó đây, Lombard nhủ thầm. Chắc cô ta lúc đó vẫn còn ớn, còn tươi, không nghĩ đến ngày...! Lombard làm bộ tham khảo danh mục những thứ mình cần, những thứ còn thiếu cho ‘bộ sưu tập’.

“Cái này đúng là tôi còn thiếu. Bảy đô, năm mươi xu,” Lombard nói.

Ánh mắt cô gái sáng lên, Lombard thấy thế. Ông ta hy vọng như thế là thuyết phục được cô rồi.

“Còn gì nữa không?” ông ta gợi ý. “Đây là cơ hội cuối đấy nhé, cô nên biết. Tối nay là tôi đóng cửa chỗ này rồi.”

Cô do dự. Ông ta thấy cô lại nhìn chiếc túi. “Ông chỉ mua mỗi lần một tờ hay sao?”

“Không kể số lượng.”

“Đằng nào tôi cũng đã vào đây rồi...” Cô lại mở túi ra một lần nữa, lật nghiêng cái nắp sao cho ông ta không nhìn vào trong được, rồi lấy ra thêm một tờ chương trình nữa. Chiếc túi lại được đóng vào, trước khi cô làm bất

kỳ việc gì khác. Lombard có để ý. Cô đẩy tờ chương trình tới trước mặt Lombard. Ông ta cầm lấy, xoay lại cho đúng chiều.

Rạp Casino. Ba ngày nay đây là lần đầu tiên có tờ chương trình ở rạp này. Ông ta lật giở bên trong xem một cách thờ ơ, qua những phần quảng cáo, tới phần nội dung chính của vở diễn. Ngày trên đó ghi theo tuần, giống như tất cả các tờ chương trình khác. ‘Tuần từ 17 tháng Năm’. Lombard ngừng thờ. Đúng là tuần đó rồi. Đúng rồi. Đó là tối ngày hai mươi mà. Ông ta nhìn lại một lần nữa, sợ bị nhầm. Có điều... góc bên phải phía trên còn nguyên, không phải là do bị vuốt thẳng ra – vì như vậy vẫn còn vết gấp chứ – mà là chúng chưa bao giờ bị gấp lại cả.

Thật khó có thể giữ giọng nói bình thường lúc này. “Tờ kia đâu? Thường thì chương trình đi theo cặp mà. Nếu có thì tôi trả giá cao hơn.”

Cô nhìn ông ta như dò ý. Lombard để ý thấy tay cô hơi nhích về phía chiếc túi, nhưng rồi cô lại ép nó trở về vị trí cũ. “Ông nghĩ sao thế, tôi in được ra chắc?”

“Tôi ưu tiên mua theo cặp, nếu có thể. Cô đi xem với ai thế? Cái tờ chươ...?”

Có điều gì đó khiến cô không thích. Mắt cô đảo quanh cửa hàng với vẻ nghi ngờ, như đang tìm một cái bẫy. Cô rụt rè bước lùi một, hai bước. “Tôi chỉ có một tờ đó thôi. Ông có muốn mua hay là không?”

“Mua đơn lẻ thì không trả giá tốt như mua theo cặp...”

Rõ ràng là cô đang muốn đi ra ngoài. “Cũng được, tùy ông thôi...” Cô thậm chí không bước lại mà cứ đứng đó cúi người lấy tiền. Lombard không thể khiến cô tiến gần tới chiếc bàn được.

Ông ta cứ để cô ra đến tận cửa thì mới gọi lại, nhưng giọng nhẹ nhàng, không gọi giật để cô không bị căng thẳng. “Chờ một chút. Nhờ cô quay lại đây một chút. Tôi có chuyện này quên mất.”

Cô khựng lại ngay, ngoái lại, nhìn ông ta qua vai một cách rất thiếu tin tưởng. Cái nhìn đó không chỉ đơn thuần là phản ứng lại một cách tự động khi được gọi; cái nhìn đó mang đầy sự cảnh giác. Rồi khi thấy ông ta đứng

lên, đưa ngón tay ngoắc gọi, thì cô kêu lên như bị nghẹn rồi bất thần quay người chạy, ra đến cửa liền đổi hướng, thoát khỏi tầm mắt Lombard.

Ông ta hất tung cái bàn đang cản trở trước mặt sang một bên để có thể có đường nhanh chóng đuổi theo cô. Đằng sau ông ta, vài chông tờ chương trình vốn được cậu trợ lý xếp gọn gàng từ trước bị hành vi bạo lực này làm rung chuyển, rồi đổ sụp, hất văng tất cả ra sàn nhà.

Cô lóc cóc chạy được đến góc phố kế tiếp thì ông ta đã ra được tới vỉa hè; đôi giày cao gót đang làm phản cô. Cô vội nhìn lại đằng sau, thấy ông ta đang hết tốc lực lao tới, cô lại kêu lên một lần nữa – lần này to hơn – rồi cố gắng tăng tốc chạy sang con phố bên cạnh trước khi ông ta có thể rút ngắn cự ly xuống còn một nửa.

Nhưng ông ta bắt kịp cô, chỉ quá vài bước nơi ông ta đã để xe ở đó cả ngày hôm nay, hy vọng chính sự việc thế này sẽ có lúc xảy ra. Ông ta vượt lên trên, chặn đường cô, hai tay chộp hai vai cô, rồi cứ thế đẩy cô tới tựa vào tòa nhà phía trước, ghim chặt cô ở đó trong vòng vây tạo bằng hai cánh tay.

“Thôi nào cô gái, đứng im đi... không ích gì đâu,” ông ta thở nặng nhọc.

Cô còn chẳng đủ hơi để nói nữa, rượu đã vắt kiệt khí lực của cô. Ông ta còn có lúc tưởng cô bị nghẹn nữa. “Để... để tôi... yên. Tôi... làm gì... ông?”

“Thế sao cô phải chạy?”

“Tôi không thích,” cô cố gắng ngo nguậy đầu phía trên cánh tay ông ta, tìm chút không khí, “cách ông nhìn tôi.”

“Đưa túi đây cho tôi xem. Mở cái túi đó ra. Nhanh lên, cô tự mở đi, không thì tôi sẽ mở lấy.”

“Ông buông tay ra khỏi người tôi. Để tôi yên!”

Lombard chẳng phí thời gian tranh cãi. Ông ta giật cái túi thật mạnh từ nách cô khiến cái quai sờn cô đang đeo trên người lập tức bị đứt. Ông ta mở túi ra, thò tay vào trong, dùng thân người tì vào cô để cô không thể thoát ra khỏi vị trí đó. Bàn tay ông ta rút ra cùng một tờ chương trình giống

hết tờ lúc trước cô bán cho ông ta trong cửa hàng. Ông ta mặc chiếc túi rơi xuống để rảnh tay. Ông ta cố gắng lật các trang bên trong, chúng bị vướng vào nhau. Ông ta phải tách từng trang ra mới được. Tất cả các trang bên trong, từ bìa đầu tới bìa cuối, đều gấp tai mèo gọn gàng ở góc trên bên phải. Dưới ánh đèn đường mờ mờ, ông ta thấy ngày ghi trên đó cũng giống như trên tờ kia.

Tờ chương trình của Scott Henderson. Tờ chương trình của Scott Henderson tội nghiệp xuất hiện vào phút chót, bao công sức đã được đền đáp...

GIỜ TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

10:55 tối.

Phần cuối của bất kỳ cái gì, ha, phần cuối của bất kỳ cái gì lúc nào cũng cay đắng cả. Hẳn cóng cả người, dù tiết trời khá ấm, hẳn cũng run bần bật, dù hẳn đang đổ mồ hôi. Hẳn cứ lặp đi lặp lại với chính hẳn, “Mình không sợ,” nhiều hơn là để tâm nghe những lời giáo sĩ nói. Nhưng thật sự là hẳn sợ, hẳn cũng biết thế. Ai có thể trách được hẳn chứ? Tự nhiên đã nhồi bản năng sống vào tim hẳn rồi.

Hẳn bị buộc phải nằm sấp trên giường, đầu hẳn – bị cạo một mảng hình vuông ngay trên đỉnh – lúc này đang thò ra ngoài mép giường, nhìn xuống sàn. Vị giáo sĩ đang ngồi cạnh, một tay ấn nhẹ với vẻ cảm thông lên vai hẳn, bộ như để giúp hẳn kiềm chế sự sợ hãi, và mỗi khi cái vai đó rung lên thì bàn tay cũng rung cùng nhịp với nó, mặc dù phía trước vị giáo sĩ còn nhiều năm được sống. Đôi vai đó cứ từng chập đều đặn lại rung lên. Biết được giờ mình phải chết là một điều khủng khiếp.

Vị giáo sĩ đang trích đọc Thánh thi 23, “...nơi đồng cỏ xanh tươi, Ngài bỏ lại linh hồn tôi...” Nhưng thay vì an ủi được hẳn phần nào, điều đó lại càng khiến hẳn khổ sở hơn. Hẳn không muốn sang thế giới bên kia, hẳn muốn ở lại bên này.

Món gà rán, bánh quế và bánh đào hẳn được ăn mấy giờ trước đó lúc này như bị dồn ứ lại ở đâu đó sau ngực hẳn, không chịu đi tiếp xuống bên dưới. Nhưng thế cũng chẳng sao cả, chẳng khiến hẳn mắc chứng khó tiêu được, không đủ thời gian đâu.

Hẳn tự nhủ không biết có đủ thời gian để hẳn rít thêm một điếu thuốc nữa không. Người ta đã mang cho hẳn hai bao cùng với bữa tối, cũng chỉ

vài giờ trước đó mà thôi. Bao thứ nhất thì đã hết sạch, nằm rúm ró, bao thứ hai chỉ còn một nửa. Lo lắng thế thì quả là ngớ ngẩn, hẳn biết chứ, vì hẳn hút trụi cả điếu hay vút luôn cả điếu sau khi mới rít một hơi thì có khác gì đâu chứ? Nhưng hẳn vốn luôn tần tiện với những cái như thế – thói quen cả đời thì khó bỏ lắm.

Hắn hỏi xin vị giáo sĩ, làm đứt đoạn lời ngân nga trầm trầm, và thay vì trả lời trực tiếp, vị giáo sĩ chỉ nói, “Hút một điếu đi, chàng trai,” rồi đánh diêm, châm thuốc cho hắn. Thế có nghĩa là không có đủ thời gian thật rồi.

Đầu hắn lại gục xuống, khiến khói thuốc phì ra từ kẽ môi xám ngoét. Bàn tay vị giáo sĩ lại một lần nữa ấn xuống vai hắn, kiềm chế sự sợ hãi, kiểm soát nó. Những tiếng bước chân vọng tới khẽ khàng với nhịp điệu chậm rãi khủng khiếp từ hành lang lát đá bên ngoài, phòng tử tội đột ngột yên ắng. Không ngẩng lên, Scott Henderson lại gục đầu xuống sâu hơn nữa. Điếu thuốc rơi ra, lăn đi mất. Bàn tay vị giáo sĩ ấn mạnh hơn, gần như là ghim hắn xuống giường.

Bước chân đã ngừng. Hắn cảm thấy được là họ đang đứng bên ngoài nhìn hắn, mặc dù hắn không có ý định nhìn lên, nhưng hắn không kìm được, đầu hắn giờ không còn tuân theo ý chí của hắn nữa mà từ từ quay lại. Hắn nói, “Đến lúc rồi ư?”

Cánh cửa buồng giam trượt mở trên hèm, rồi có tiếng của giám đốc nhà tù, “Đến lúc rồi, Scott.”

* * *

Tờ chương trình của Scott Henderson. Tờ chương trình của Scott Henderson tội nghiệp là thành quả của bao công sức. Ông ta cứ nhìn nó chăm chăm. Chiếc túi ông ta giật lúc trước giờ rơi dưới chân, không ai buồn để ý.

Trong lúc đó, cô gái vẫn cứ tiếp tục quẩn quại, tìm cách thoát khỏi bàn tay đang bấu như hàn vào vai cô.

Ông ta trước tiên cẩn thận nhét tờ chương trình vào túi áo bên trong. Sau đó ông ta dùng cả hai tay lôi cô xềnh xệch trên vỉa hè tới chỗ xe của ông ta đang đợi sẵn. “Vào trong. Cô là cái loại người không có trái tim! Cô sẽ đi cùng tôi! Cô có biết cô suýt nữa gây ra chuyện gì không hả?”

Cô cố xoay người vùng ra trước khi Lombard mở cửa xe và đẩy cô vào trong. Cô bò vào băng đầu gối, sau đó quay người, co chân ngửa trên ghế. “Tôi yêu cầu ông để tôi đi!” Giọng cô vang cả hai đầu phố. “Ông không được phép làm thế này với tôi. Có ai không giúp tôi với. Ở đây có cảnh sát không, ngăn ông này lại...!”

“Cảnh sát? Cô gọi cảnh sát! Cô cứ gọi bao nhiêu cảnh sát đến cũng được! Cô sẽ phát ớn với cảnh sát trước khi tôi xong chuyện với cô!” Trước khi cô có thể lẩn ra ngoài bằng cửa đối diện, ông ta đã vào trong xe, kéo cô giật lại làm cô ngã dúi vào người ông ta, rồi ông ta đóng sập cửa xe lại.

Ông ta phải sử dụng mu bàn tay với cô hai lần thì cô mới chịu im; một lần là dọa, lần thứ hai là thật. Rồi ông ta cúi xuống bảng điều khiển xe. “Tôi chưa từng làm thế với phụ nữ bao giờ,” ông nghiêng răng. “Nhưng cô thì chẳng phải là phụ nữ nữa mà chỉ là một kẻ cặn bã hình hài phụ nữ thôi. Một kẻ cặn bã vô lương tâm.”

Xe tách khỏi vỉa hè, chỉnh hướng thẳng rồi phóng đi. “Giờ thì cô sẽ phải đi với tôi, dù cô có muốn hay là không, thế nên tốt hơn là cô nên yên lặng. Cứ mỗi lần cô rú lên hay định làm gì khi tôi tập trung lái xe thì tôi sẽ phải vả cho cô một cái, nếu thấy cần thiết. Tùy cô đấy nhé.”

Cô ngừng chống cự, thả người bẹp dí trên chiếc ghế da, mắt rục rủa, trong khi chiếc xe vòng qua các góc phố, vượt hết xe này đến xe khác đang đi cùng chiều với họ. Một lần, khi bị đèn đỏ ngăn lại khoảng một phút, cô nói với giọng chấp nhận thất bại, không còn có ý định thử thoát thân nữa, “Ông đang đưa tôi đi đâu?”

“Cô không biết ư?” ông ta cắt ngang. “Chuyện này là mới với cô hay sao, đúng không?”

“Ông ấy, *hứ?*” cô nói như đã yên lặng đầu hàng.

“Phải, ông ấy, *hứ?*! Cô là loại người gì thế nhỉ!” Ông ta lại một lần nữa đập bằng chân ga, khiến cả hai đều đồng loạt bị ngã đầu ra đằng sau. “Cô đáng bị ăn đòn vì đã để cho một người vô tội phải chết trong khi cô hoàn toàn có thể ngăn được bất kỳ lúc nào, từ đầu đến cuối, chỉ cần cô xuất hiện nói cho họ biết những gì cô biết!”

“Tôi cũng nghĩ như vậy,” cô buồn rầu nói. Cô nhìn xuống đôi bàn tay. Một lúc sau cô nói, “Lúc nào nhỉ... tối nay à?”

“Phải, tối nay!”

Ông ta thấy trên bảng đồng hồ phản chiếu mắt cô thoáng mở to, tựa như đến giờ cô mới nhận ra sự việc trầm trọng tới mức nào. “Tôi không biết là... sẽ nhanh đến thế.” Cô nuốt nước bọt.

“Sẽ không như thế đâu,” ông ta hứa. “Khi tôi rút cuộc đã tóm được cô thì sẽ không đâu!”

Lại một lần đèn đỏ nữa. Ông ta chửi thề, ngời đỏ lau mặt bằng một chiếc khăn tay lớn. Sau đó, cả hai người một lần nữa lại bị lật đầu ra đằng sau một chút.

Cô ngời đỏ, nhìn chăm chăm về phía trước. Không nhìn bất kỳ cái gì phía trước cô hay trước xe. Cũng không nhìn bất kỳ cái gì phía dưới kính chắn gió, mặc dù mắt cô đang dán vào chính chỗ đó. Lombard có thể nhìn thấy cô qua gương. Có thể là cô đang nhìn vào chính nội tâm mình. Quá khứ, có lẽ vậy. Tự vực mình dậy. Lúc này không có quây rượu nào giúp cô thoát được. Cô phải ngời đỏ, đối mặt với nó, trong khi chiếc xe tiếp tục lao về phía trước.

“Cô chắc là được nặn thành từ mặt cửa, không có tâm!” Lombard nói với cô.

Cô cuối cùng, và cũng bất ngờ, trả lời, “Ông xem việc đó đã khiến tôi ra nông nổi thế nào. Ông không nghĩ tới việc đó đúng không? Chẳng phải là tôi cũng đã khổ sở lắm hay sao chứ? Tại sao tôi lại phải quan tâm tới chuyện xảy ra với ông ta hay với những người khác? Ông ta là gì với tôi mới được? Tối nay họ sẽ giết ông ta. Nhưng tôi đã bị giết vì việc đó từ

trước rồi. Tôi chết rồi, tôi nói ông biết, chết rồi. Ông đang ngồi trên xe cùng với một xác chết đấy.”

Giọng cô lúc này trở nên trầm đục như bị kịch đã lên tới đỉnh điểm, không phải là những lời rên xiết, than vãn của đàn bà, chỉ là sự rên rỉ phi giới tính về nỗi thống khổ. “Nhiều lúc trong mơ tôi thấy có một người có gia đình yên ấm, có người chồng yêu mình, có tiền, có nhiều thứ xinh xắn, được bạn bè trọng vọng, được an toàn; hơn tất cả mọi thứ là an toàn, an lành. Điều đó nhẽ ra phải tiếp tục cho đến khi cô ta chết. Nhẽ ra phải kéo dài. Tôi không thể tin nổi đó lại là tôi. Tôi biết đó chẳng phải là tôi. Nhưng những cơn mơ đó nhiều lúc lại bảo đó chính là tôi. Ông biết mơ thì hay...”

Lombard chỉ tập trung nhìn về khoảng tối đang trôi đến phía họ, ở giữa tách ra bởi luồng ánh đèn pha màu bạc rồi lại nhập lại phía đằng sau họ, như một dòng sông kỳ bí. Mắt ông ta như hai viên sỏi sẫm màu, không hề cử động. Ông ta không nghe, không quan tâm một chút nào tới rắc rối của cô.

“Ông có biết thế nào là bị ném ra đường hay không? Đúng, bị ném thật ấy, vào hai giờ sáng, trên người chỉ có một bộ quần áo, cửa thì lập tức bị đóng lại phía sau, và những người hầu thì báo trước là sẽ không cho vào vì sợ bị đuổi việc. Tôi đã phải ngồi trên ghế ở công viên cả đêm vào cái đêm đầu tiên. Tôi đã phải vay năm đô-la từ một người giúp việc cũ vào ngày hôm sau, để mà có tiền thuê phòng, tìm được một chỗ trú thân.”

“Thế tại sao cô không ra trình diện? Nếu cô đã mất hết mọi thứ như thế thì còn gì nữa để mà mất?”

“Quyền lực của ông ta đối với tôi đâu chỉ dừng ở đó. Ông ta đã bảo là nếu tôi dám mở mồm, hay làm gì đó gây tai tiếng, hay làm ông ta bị mất mặt, thì ông ta sẽ ký giấy cho tôi vào viện cai rượu. Chuyện đó với ông ta dễ lắm, ông ta vừa có quan hệ lại vừa có tiền. Vào đấy rồi thì tôi không ra được đâu. Áo trói, điều trị bằng nước lạnh.”

“Đấy chẳng phải là cái cớ. Cô chắc chắn là đã biết chúng tôi đang tìm cô, không thể nào có chuyện không biết được. Chắc chắn cô biết là người đàn

ông kia sắp phải chết. Cô hèn nhát, phải, cô là thế. Nhưng nếu trước kia cô từng biết làm điều tử tế một lần, và kể cả như cô không bao giờ có thể làm điều tử tế một lần nữa trong đời, thì bây giờ đây cô sẽ phải làm. Cô sẽ phải kể câu chuyện đó, cứu mạng Scott Henderson!”

Cô yên lặng khá lâu. Rồi cô chậm chậm cúi đầu. “Được,” cô nói. “Tôi sẽ làm thế. Giờ thì tôi muốn thế. Chắc mấy tháng nay tôi mù hay sao mà không thấy được việc như thế. Tôi còn không hề nghĩ gì về ông ta cho đến tận bây giờ. Tôi chỉ nghĩ đến bản thân mình, lo cho những thứ sẽ bị mất.” Cô ngẩng đầu lên nhìn Lombard. “Và tôi cũng muốn làm một chuyện gì đó tử tế ... để thay đổi.”

“Cô sẽ thế,” Lombard trầm trọng hứa. “Tối hôm đó cô gặp anh ấy tại quầy bar lúc mấy giờ?”

“Sáu giờ mười, theo đồng hồ ở trước mặt.”

“Cô sẽ nói với họ thế chứ? Cô có dám thề không?”

“Có,” cô đáp bằng giọng như kiệt sức. “Tôi sẽ nói với họ như thế, và tôi sẽ thề nữa.”

Lombard chỉ nói thêm, “Chúa tha thứ cho cô vì những điều cô làm với người đó.”

Rồi điều đó tới. Bộ như có gì đó đông cứng bên trong cô giờ đã tan chảy, vỡ vụn. Hoặc có thể đó là lớp vỏ cứng mà Lombard đã nghĩ rằng đang hình thành bên ngoài cô, chậm chậm bóp ngạt cô đến chết. Hai tay cô úp lên khuôn mặt lúc này đã cúi thấp, và cứ để như thế, che hết mặt. Cô hầu như không tạo ra một âm thanh nào. Lombard chưa từng thấy ai run như thế. Nội tâm cô dường như đang bị xé thành từng mảnh. Lombard nghĩ rằng cô sẽ chẳng bao giờ ngừng run.

Ông ta không nói gì với cô. Ông ta không nhìn cô, trừ việc để ý qua gương phản chiếu.

Một lúc sau, ông ta thấy chuyện đó đã qua. Hai tay cô đã lại hạ xuống. Ông ta nghe thấy cô nói, nói với chính mình nhiều hơn là với ông ta, “Cảm

giác thật là sạch sẽ, khi chuẩn bị làm một điều trước đây ta sợ không dám làm...”

Họ lao đi trong yên lặng, chỉ có hai người trong không gian sáng mờ tỏa ra từ bộ điều khiển. Xe cộ trên đường giờ đã ít, tất cả đều đi ngược chiều về phía họ, chứ không thấy xe nào đi cùng hướng họ như trước. Họ đã đi quá địa phận thành phố, đang lao vun vút trên trục đường thẳng tắp dẫn ra khu vực nông thôn. Những chiếc xe đi khác lao qua họ để lại những vệt chớp loáng trên cửa sổ xe. Họ đang đi rất nhanh.

“Sao lại đi xa thế này?” cô hỏi khi lơ mờ nhận ra. “Chẳng phải tòa án, chỗ người ta...?”

“Tôi đang đưa cô thẳng tới nhà tù,” Lombard cắt ngang. “Đây là cách nhanh nhất. Bỏ hết các thủ tục rườm rà...”

“Là tối nay... ông nói thế?”

“Khoảng một tiếng rưỡi nữa. Sẽ kịp thôi.”

Họ giờ đã ở vùng nông thôn, với những hàng cây được sơn trắng tạo thành ranh giới cho đường trong bóng tối. Không còn thấy ánh đèn đường nữa, chỉ đôi lúc một chiếc xe tình cờ chạy tới, mờ mờ ẩn sau quầng sáng khi đến gần trước khi nó cụp đèn xuống thay lời chào giống như người ta lấy tay chạm vào mũ.

“Nhưng nếu có chuyện gì khiến ta bị chậm thì sao? Nổ lốp hay gì đó? Gọi điện tới có phải tốt hơn không?”

“Tôi biết việc tôi đang làm. Tự dừng cô lại lo lắng thế nhỉ.”

“Ồ đúng, tôi lo lắng,” cô thờ dốc. “Tôi cứ như người mù. Mù. Giờ thì tôi biết đâu là mơ, đâu là thực rồi.”

“Thay đổi nhiều đấy,” ông ta bực tức nói. “Năm tháng trời, đến một ngón tay cô không buồn nhắc lên giúp. Giờ thì đột ngột, trong có mười lăm phút, cô lại rộn ràng, hồi hả quá.”

“Đúng,” cô ngoan ngoãn đáp. “Bây giờ mọi thứ chẳng còn quan trọng nữa. Về chồng tôi, hay lời đe dọa bị đưa vào viện, hay những thứ khác nữa.

Ông đã giúp tôi nhìn mọi thứ theo một cách khác.” Cô lấy mu bàn tay mỗi một quệt qua lông mày. Giọng cô có chiều phần nộ. “Tôi muốn ít nhất cũng làm được một việc dũng cảm. Tôi đã quá chán phải làm một kẻ hèn nhát cả đời rồi.”

Sau đó họ im lặng. Rồi đột nhiên cô hỏi, có phần lo lắng, “Liệu việc tôi khai có tuyên thệ có đủ để cứu ông ta không?”

“Đủ để trì hoãn... kế hoạch của họ tối hôm nay. Khi đã thành công ở bước đó thì ta có thể chuyển sang cho luật sư, họ sẽ lo nốt những thủ tục còn lại.”

Chợt cô nhận ra rằng họ đã rẽ trái vào một con đường nhỏ, tiến tới một vùng có vẻ rất hoang vắng. Thực ra điều này đã xảy ra được một lúc, trước khi cô nhận thức được. Chiếc xe di chuyển không còn êm như trước. Những người bạn đường lúc trước còn thỉnh thoảng có, giờ không còn ai. Ở đây không có dấu hiệu của sự sống.

“Sao thế này? Tôi tưởng đường cao tốc bắc nam là đường tới nhà tù của bang chứ. Chẳng phải ông ta...”

“Đây là đường tắt,” Lombard đáp vẫn tắt. “Đi đường này thì tiết kiệm được nhiều thời gian.”

Tiếng gió hú bên ngoài lúc này có vẻ đã to hơn, như cũng muốn tỏ ra lo lắng, khi chiếc xe tiến tới, choán chỗ nó.

Ông ta lại nói, cầm găng chạm vô lăng, mắt không cử động và hoàn toàn vô hồn. “Một lúc nữa thôi là tôi sẽ đưa cô đến nơi cần đến.”

Trong xe lúc này không còn chỉ có hai người bọn họ. Tại một thời điểm nào đó trong khoảng thời gian yên lặng trước, một yếu tố thứ ba đã vào xe, và lúc này đang ngồi giữa hai bọn họ. Nó lạnh lẽo, có hình dáng của nỗi sợ hãi, có đôi tay vô hình đang ôm chặt lấy người phụ nữ, ngón tay cứng đờ của nó đang lần tới khí quản của cô.

Đã khoảng mười phút mà xung quanh không có một ánh đèn nào, ngoại trừ đèn xe của chính họ. Hai người cũng không nói với nhau câu nào. Cây cối tạo thành những hình khối mờ mờ ở hai bên. Gió tiếp tục gửi đến lời

cảnh cáo, nhưng không được chú ý tới cho đến khi quá muộn. Trên kính chắn gió có hình bóng hai khuôn mặt ma cạnh nhau.

Ông ta đi chậm lại, lùi, rồi lại rẽ một lần nữa, lần này là vào một con đường đất, chỉ hơn lối đi giữa hai hàng cây một chút. Họ lao đảo khi xe băng qua bề mặt gồ ghề, những chiếc lá khô lạo xạo đằng sau khi bị ống xả quấy nhiễu; bánh xe trèo qua những rễ cây không chịu nằm hẳn dưới đất, trong khi mũi xe húc vào những cành cây dăm chắn ngang đường. Đền pha rọi vào một khoảng cây đan nhau như hang động, khiến những cây ở gần trắng bệch như măng đá, còn những cành ở trong thì đen kịt. Nơi đây trông giống như một khoảng rừng ma muội, mờ ám hay xuất hiện trong những câu chuyện cổ tích: những cánh rừng có yếu tố kỳ bí nơi những chuyện xấu sắp sửa xảy ra.

Cô nói, giọng run rẩy, “Không. Ông đang làm gì thế này?” Nỗi sợ đã ngày càng xiết chặt hơn, thổi những hơi lạnh vào cổ cô. “Tôi không thích ông như thế này đâu. Ông có ý định làm gì đây?”

Chợt xe dừng lại, dừng hẳn. Tiếng xe phanh chỉ kích thích được tri giác của cô sau khi nó đã hoàn thành nhiệm vụ. Lombard tắt máy, xung quan hoàn toàn tĩnh lặng. Cả trong xe và bên ngoài. Tất cả đều bất động: chiếc xe, ông ta, cô và nỗi sợ hãi của cô.

Không hẳn, có một thứ đang cử động. Ba ngón tay của ông ta này giờ vẫn để yên trên vô lăng, giờ đang nhip nhàng, bèn bĩ nhắc lên, hạ xuống luân phiên, như người ta lần lượt đánh ba nốt cạnh nhau trên phím đàn piano, lặp đi lặp lại.

Cô quay sang, bắt đầu đánh thùm thụp vào người ông ta, bằng tất cả nỗi sợ hãi. “Thế này là sao? Ông nói gì đi! Ông nói gì đi! Đừng có ngồi yên như thế! Tại sao lại dừng ở đây? Ông đang nghĩ gì thế? Sao ông lại trông như thế?”

“Ra ngoài.” Ông ta ra lệnh, kèm theo là một cái hất hàm.

“Không. Ông định làm gì? Không.” Cô cứ ngồi đó nhìn ông ta chăm chăm, nỗi sợ hãi càng lớn hơn.

Ông ta chồm qua người cô, mở chốt cửa phía cô ngồi. “Tôi bảo cô xuống xe.”

“Không. Ông định làm cái gì đó. Tôi thấy thế trên mặt ông...”

Lombard dùng một tay đẩy cô ra trước. Chỉ một lát sau cả hai đã đứng bên cạnh xe, ngón chân ngập trong mùn đen và lá vàng. Ông ta sập cửa xe lại. Dưới tán cây vừa ẩm vừa lạnh, khắp nơi không gian đều đen kịt, trừ một chỗ: đường hầm ma mị phía trước xe, tạo bởi ánh đèn pha ô tô.

“Đi ra đằng này,” ông ta nói nhỏ. Ông ta bắt đầu di chuyển theo hướng đó. Ông ta nắm chặt khuỷu tay cô, để đảm bảo cô đi cùng ông ta. Đám lá cây lạo xạo dưới chân họ trong không gian im ắng lạ thường. Đầu xe tụt lại đằng sau, họ vẫn tiếp tục đi tiếp. Cô xoay người, bước đi ngang không hề tự nhiên, nhìn trừng trừng vào khuôn mặt không hề đáp lại của Lombard. Cô nghe thấy được hơi thở của ông ta đang vọng lại từ vòm lá. Ông ta càng lúc càng trầm mặc.

Họ cứ đi như thế trong yên lặng, không một lời giải thích cho đến khi đến chỗ ánh đèn pha không còn rọi sáng mà sắp sửa mất đi. Tại ranh giới giữa ánh sáng và bóng tối, Lombard dừng lại, buông tay khỏi cô. Cô khụy xuống một chút, ông ta tóm kịp, đỡ cô thẳng dậy, rồi lại buông tay khỏi người cô.

Lombard lấy ra một điếu thuốc, đưa cho cô. Cô cố gắng từ chối. “Đây,” ông ta vẫn quả quyết, ấn điếu thuốc vào mồm cô. “Cô nên hút đi!” Ông ta châm lửa cho cô, tay khum khum che cho ngọn lửa. Cái sự chăm chú này có phảng phất một cái gì đó như nghi lễ, khiến nỗi sợ hãi lại lẩn sâu vào trong cô, chứ chẳng hề khiến cô an tâm. Cô rít một hơi, rồi điếu thuốc rơi xuống khỏi đôi môi mất kiểm soát của cô, cô không thể nào giữ nó được. Lombard cẩn thận lấy chân di di cho điếu thuốc tắt hẳn, sợ làm cháy lá cây.

“Thôi được rồi,” ông ta nói. “Giờ cô quay trở lại xe. Cứ đi thẳng theo ánh đèn từ đây, rồi vào xe ngồi, ở trong đó đợi tôi. À, mà đừng có quay lại, cứ đi thẳng một mạch nhé.”

Cô có vẻ như không hiểu, hoặc là quá khiếp đảm mà không thể bước đi một bước nào. Lombard phải đẩy cô đi thì cô mới bắt đầu di chuyển. Cô cứ dò dẫm từng bước trên đám lá lùn quần dưới chân.

“Cứ đi đi, đi thẳng theo hướng ánh đèn như tôi bảo ấy,” tiếng ông ta đuổi theo cô. “Đừng nhìn lại!”

Cô là phụ nữ, một phụ nữ đang hoảng sợ. Lời khuyên đó trên thực tế lại phản tác dụng mong đợi; nó khiến đầu cô tự động quay lại ngoài khả năng kiểm soát.

Ông ta lúc này đã cầm súng trên tay, mặc dù chưa đưa hân lên để ngắm bắn, mà vẫn ở nửa chừng. Chắc hẳn ông ta đã nhẹ nhàng lấy ra sau lưng cô khi cô đang bước đi.

Tiếng kêu của cô như tiếng một con chim đang co quắp và hấp hối, chỉ có thể vút lên khỏi ngọn cây một lần cuối trước khi rơi xuống chết. Cô cố gắng thu hẹp lại khoảng cách với Lombard, như thế càng ở gần ông ta thì càng có được sự an toàn, còn nguy hiểm là khi tách khỏi ông ta.

“Ở yên đó!” ông ta quát. “Tôi đã cố làm cho việc này dễ dàng đối với cô rồi. Tôi đã bảo đừng có nhìn lại.”

“Đừng! Ông làm thế làm gì?” cô van vỉ. “Tôi đã nói là tôi sẽ khai hết mọi thứ như ông muốn cơ mà! Tôi đã nói thế rồi! Tôi sẽ nói...!”

“Không,” lời phản bác bằng sự bình tĩnh khủng khiếp, “cô sẽ không khai gì hết, và tôi sẽ đảm bảo rằng cô sẽ không khai. Có gì nói thì tự nói với ông ta, khi mà ông ta bắt kịp được cô ở thế giới bên kia, khoảng nửa tiếng nữa thôi.” Tay Lombard giơ lên, tạo tư thế ngắm bắn.

Cô tạo thành một khoảng đen hoàn hảo trên nền ánh sáng chói lóa từ ánh đèn pha. Cô bị kẹt, không thể nào kịp thoát sang hai bên để nhờ cây vào bóng tối phía ngoài vùng sáng vì khoảng sáng quá rộng. Cô cứ chạy luẩn quẩn tại chỗ, tạo thành một vòng tròn, để rồi lại trở về đúng vị trí lúc trước, đối mặt với ông ta.

Và cũng chỉ có ngần đó thời gian.

Tiếng súng như sấm dội vào vòm cây phía trên. Tiếng hét của cô chính là sự đối âm.

Hắn ông ta đã bắn trượt, cho dù họ đứng khá gần nhau. Ở phía ông ta không thấy có khói, nhẽ ra phải có chứ, mặc dù tâm trí của cô không có đủ thời gian để xử lý điều đó. Cô không cảm nhận được gì; cô vẫn còn chết sững, quá choáng nên không chạy, cũng không làm được gì khác ngoài việc đứng đó run rẩy, như một sợi ruy-băng đặt trước quạt điện. Chính ông ta là người phải ngã vào một thân cây ở gần đó, tì vào đó một lúc, mặt dí sát vào vỏ cây, như thể đang hồi hận vì những gì ông ta vừa định làm. Thế rồi cô nhận ra ông ta một tay đang tóm chặt bả vai. Khẩu súng lấp loáng vô hại trên thềm lá nơi ông ta đã đánh rơi nó, như một cục than trong ánh lửa.

Một người đàn ông lướt vụt qua cô từ phía sau, theo hướng đèn pha tới chỗ Lombard. Tay ông ta đang cầm súng, cô thấy vậy, nhắm thẳng vào người đang phải tựa vào thân cây. Ông ta cúi xuống, rồi cái ánh sáng lấp loáng trên thảm lá biến mất. Ông ta bước lại gần, trên cổ tay lấp lánh cái gì đó phản chiếu ánh đèn pha, tiếp theo là tiếng kim loại khóa vào nhau. Lombard lao đảo tách khỏi thân cây, tì hẳn vào người đàn ông kia, rồi sau đó đứng thẳng dậy.

Trong không gian im ắng nặng nề, tiếng của người đàn ông thứ hai vang đến cô rất rõ.

“Tôi bắt ông vì tội sát hại Marcella Henderson!”

Ông ta đưa gì đó vào miệng, rồi một hồi còi sàu thảm vang lên báo hiệu sự kết thúc. Sau đó sự yên lặng lại bao phủ cả ba người bọn họ.

Burgess ân cần cúi xuống, đỡ cô đứng dậy từ tư thế đang quỳ khi cô phủ phục xuống nền lá cây, hai bàn tay ôm chặt lấy khuôn mặt đang thốn thức.

“Tôi biết,” ông ta nhẹ nhàng nói. “Tôi biết là tình hình vừa rồi rất tồi tệ. Nhưng đã qua rồi. Xong rồi. Cô đã làm tốt nhiệm vụ. Cô đã cứu được ông ấy. Dựa vào tôi đây, đúng rồi. Cô cứ khóc đi. Khóc đi. Cái gì đến cô cứ thả cho nó đến.”

Như những phụ nữ khác, cô liền ngừng khóc ngay. “Giờ tôi không muốn. Tôi ổn rồi. Chỉ là... tôi cứ tưởng sẽ không có ai đến đây kịp để...”

“Nếu bám đuôi hai người thì chắc không kịp thật. Ông ta chạy xe kinh quá.” Một chiếc xe thứ hai vừa phanh gấp ở đâu đó phía xa xa trên con đường nhỏ; người trên xe đó vẫn chưa kịp tới nơi. “Tôi không thể chấp nhận rủi ro đó được. Tôi ở trên xe cùng hai người từ khi xe chạy đấy, cô không biết ư? Tôi nằm trong cốp xe. Tôi đã nghe thấy hết tất cả. Tôi đã chui vào cốp xe từ khi cô bước ra khỏi cửa hàng đó.”

Burgess cao giọng, gọi to về phía những ánh đèn pin đang lấp loáng dưới những bóng cây khi nhóm cảnh sát tiến tới. “Có phải nhóm Greory đó không? Quay lại đi... không phải tới đây đâu, tới thì lại mất công đi ra thôi. Đi ra đường cái luôn đi, nhanh vào, và chạy tới trạm điện thoại gần nhất. Gọi đến Văn phòng Chương lý. Chỉ còn mấy phút nữa thôi. Tôi sẽ đi theo sau bằng xe khác. Nói với họ là tôi đang giữ một người tên là John Lombard, đã tự thú nhận giết hại bà Henderson, bảo họ chuyển lời tới giám đốc nhà tù...”

“Ông chẳng có một mẫu chứng cứ nào chống lại tôi cả,” Lombard gầm gừ, nhăn nhó vì đau đớn.

“Không ư? Những gì ông vừa cho tôi thấy chẳng phải quá đủ rồi sao? Tôi bắt quả tang ông đang định lạnh lùng sát hại một cô gái mà ông mới chỉ gặp mặt lần đầu cách đây một giờ đồng hồ. Ông có lý do gì để sát hại cô ấy chứ, ngoài việc cô ấy là bằng chứng duy nhất có thể cứu được Henderson, gỡ cho ông ta khỏi bị tội? Và tại sao ông lại quyết tâm không để chuyện đó xảy ra? Bởi vì điều đó nghĩa là sẽ phải lật lại toàn bộ vụ án, và lúc đó tư cách an toàn của ông lập tức sẽ bị đe dọa. Đó chính là bằng chứng của tôi chống lại ông đấy!”

Một viên cảnh sát đến chỗ họ. “Cần giúp một tay không?”

“Đưa cô gái này lên xe. Cô ấy vừa trải qua một sự việc rất khủng khiếp và cần được chăm sóc. Tôi sẽ xử lý tay này.”

Viên cảnh sát vạm vỡ bế thốc cô lên, để cô nằm trên hai cánh tay. “Cô ấy là ai thế?” anh ta hỏi khi đã quay đi, di chuyển ngược trở lại theo vệt sáng của ánh đèn pha.

“Một cô gái xinh đẹp và đáng quý,” Burgess đáp với theo, kéo tù nhân đi theo, “thế nên nhẹ nhàng với cô ấy thôi, đi chậm thôi. Đó là cô gái của Henderson, tên là Carol Richman, người anh đang bế đó. Anh ta là người may mắn nhất.”

1 NGÀY SAU GIỜ HÀNH HÌNH

Họ đang ở cùng nhau trong phòng khách, tại căn hộ xinh xắn của Burgess trong khu nhà Jackson Heights. Đây là nơi họ gặp nhau lần đầu tiên sau khi Henderson được thả. Chính Burgess là người thu xếp chuyện này. Ông ta đã để cô đợi ở đó cho đến khi Henderson bắt tàu tới. Ông ta nói với cô, ‘Làm gì có ai muốn gặp nhau ở cổng nhà tù? Hai người chẳng phải đã thấy quá đủ rồi hay sao? Đợi ở chỗ tôi đi. Chỗ đó chỉ dùng đồ nội thất trả góp, nhưng ít nhất cũng không có gì phạm pháp.’

Họ ngồi sát vào nhau trên sô-pha, trong ánh sáng đèn mềm mại, tâm trạng hết sức thư thái – cho dù nếu còn một chút choáng ngợp. Henderson quàng tay qua người cô, cô dựa đầu vào vai hắn.

Khi đi vào, nhìn thấy cảnh đó, Burgess thấy ở hai người này có điều gì đó khiến ông cảm thấy ghen ghen nơi cổ họng. “Hai người thấy thế nào rồi?” ông ta hỏi, để giấu cảm xúc.

“Hà, mọi thứ rất ổn, chẳng phải sao?” Henderson sung sướng đáp. “Tôi đã suýt quên mất là mọi thứ tuyệt vời như thế nào. Thảm trên sàn. Ánh sáng tỏa ra từ đèn. Đệm mềm mại trên ghế sô-pha. Và đây, điều tuyệt vời nhất trên thế gian...” Hắn dụi cằm vào đỉnh đầu cô. “Giờ tôi lại có tất cả. Tất cả đều là của tôi rồi. Và sẽ còn rất ổn sau bốn mươi năm nữa.”

Burgess và cô liếc mắt trao đổi một nỗi niềm cảm thông không thành lời.

“Tôi vừa ở Văn phòng Chương lý về,” Burgess nói. “Cuối cùng thì họ cũng đã có được toàn bộ lời khai nhận của y rồi. Đóng dấu, ký tên, bàn giao.”

“Tôi vẫn không thể hiểu nổi,” Henderson vừa nói vừa lắc đầu. “Tôi vẫn thấy khó mà tin được. Nguyên do là gì? Ông ta yêu Marcella ư? Theo tôi

biết thì cô ấy mới gặp ông ta không quá hai lần trong đời thôi mà.”

“Theo ông biết thì là thế,” Burgess khô khan đáp.

“Ý ông là còn những lần khác tôi không biết ư?”

“Ông không thấy vợ ông ra ngoài hơi nhiều sao?”

“Có, nhưng tôi cũng không suy nghĩ gì. Tôi với cô ấy cũng không hòa thuận nữa mà.”

“Tôi nghĩ đó chính là mấu chốt đấy.” Burgess đi một vài bước trong phòng. “Có chuyện này tôi nghĩ là cần phải làm rõ cho ông, Henderson. Cho dù lúc này kể cũng là muộn rồi. Đó thực ra là mối tình đơn phương thôi. Vợ ông không yêu gì Lombard cả. Nếu như có yêu thì chắc giờ này cô ấy vẫn còn sống. Cô ấy chẳng yêu ai ngoài bản thân mình hết. Cô ấy thích được ngưỡng mộ, được nịnh nọt; cô ấy là kiểu người thích thả thính, đùa ghẹo người khác mặc dù không có ý định nghiêm túc. Trò đó thì vô hại với chín người đàn ông đầu tiên, nhưng đến lần thứ mười thì sẽ là nguy hiểm. Với cô ấy, Lombard chẳng qua chỉ là một ai đó để đi chơi cùng, là phương tiện để đáp trả lại chính ông thôi: để cho cô ấy thấy rằng cô ấy không cần có ông. Thật không may cho cô ấy, người thứ mười lại chính là Lombard. Y không phải là hạng người hợp với trò này. Y đã sống gần như cả đời ở những mỏ dầu tại những vùng đất bị Chúa bỏ quên; y chẳng có nhiều kinh nghiệm với phụ nữ. Y không hề có khiếu hài hước nào về những chuyện như thế. Y coi chuyện với cô ấy là nghiêm túc. Dĩ nhiên như thế thì cô ấy lại càng thích, vì như thế thì càng giống thật.

“Đương nhiên là cô ấy đã hứa này nọ với y. Cô ấy dắt mũi y từ đầu tới cuối, kể cả sau khi cô ấy hẳn đã nhận ra là chuyện đó sẽ dẫn tới đâu. Cô ấy cứ để y lên kế hoạch tương lai xung quanh cô ấy, cho dù thừa hiểu là cô ấy sẽ chẳng có mặt, chẳng chia sẻ tương lai đó với y. Cô ấy để y ký hợp đồng năm năm với công ty dầu lửa ở Nam Mỹ. Trong khi y thậm chí đã mua một căn nhà nhỏ để họ sống ở đó với nhau, đã có hết đồ đạc rồi. Y hiểu rằng cô ấy sẽ sớm ly dị ông khi họ đến đó, rồi cưới y. Rốt cuộc thì khi đàn ông đến

tuổi đó, chẳng còn là trẻ con nữa, thì sẽ khó chấp nhận khi trái tim bị đùa giỡn như thế.

“Thay vì dần dần dãn ra, cắt đứt từng chút một với y, cho y cơ hội qua được chuyện đó, thì cô ấy lại chọn cách tồi tệ nhất. Cô ấy chẳng chịu nhả miếng bánh cho đến khi bắt buộc phải nhả; những lần y gọi điện, những lần đi ăn trưa, những lần hẹn hò buổi tối, những nụ hôn trên taxi. Cái tôi của cô ấy cần những điều đó. Cô ấy đã quen với những điều đó, nếu không có thì cô ấy sẽ nhớ lắm. Thế nên cô ấy lần nữa, trì hoãn. Cô ấy đợi cho đến tận cái đêm họ theo lịch là phải lên tàu cùng nhau đi Nam Mỹ; đợi cho đến khi y đến tận nhà – ngay khi ông đi khỏi – đón cô ấy ra bến tàu cùng y.

“Tôi chẳng ngạc nhiên là chuyện đó khiến cô ấy mất mạng. Phải nói là nếu không thì tôi mới ngạc nhiên. Y nói là y đã đến trước khi ông ra khỏi nhà, tránh ông ở đợt cầu thang đi lên tầng trên, quá cửa nhà ông, đợi cho đến khi ông âm âm ra khỏi nhà. Cũng tình cờ là hôm đó không có ai trực ở sảnh cả, nên không ai trông thấy y vào. Sau đó chúng tôi cũng biết được là không ai thấy y đi ra nữa.

“Dù sao thì chính cô ấy mở cửa cho y vào rồi trở lại chỗ cái gương, rồi khi thấy y hỏi là đã thu xếp hành lý xong chưa thì cô ấy cười vào mặt y. Có vẻ như tối hôm đó là tối cô ấy cười vào mặt người khác. Cô ấy hỏi lại y rằng là chẳng lẽ y thực sự tin là cô ấy chịu chôn vùi mình ở Nam Mỹ, để y muốn làm gì thì làm, để y thích cưới cô ấy lúc nào thì cưới, một khi không còn đường thối lui hay sao? Rằng cô ấy bỏ một người để chạy theo một người khác hay sao? Cô ấy thích cuộc sống hiện tại và sẽ chẳng chịu từ bỏ một cái chắc chắn để chọn may rủi đâu.

“Nhưng thật ra chính cái tiếng cười kia mới là yếu tố quyết định. Nếu như cô ấy vừa khóc vừa nói với y mấy điều đó, hoặc thậm chí là cứ để bộ mặt lạnh tanh cũng được, thì y nói là chắc y sẽ buông xuôi. Ra ngoài uống cho đến thật say, chắc là thế, nhưng hẳn là cô ấy sẽ vẫn sống sau khi y đi. Tôi cũng nghĩ vậy.”

“Thế là ông ta giết cô ấy,” Henderson nói nhỏ.

“Thế là y giết cô ấy. Chiếc cà-vạt của ông vẫn nằm đó, trên sàn, bên cạnh vợ ông, vẫn nơi ông đánh rơi. Y nhặt nó lên lúc nào không hay từ trước, tay đã cầm sẵn rồi mà không để ý, đúng lúc đó thì y lên cơn.” Burgess búng tay mô phỏng.

“Tôi cũng không trách ông ta,” Carol thở dài, mắt đăm đăm nhìn xuống sàn nhà.

“Tôi cũng không,” Burgess thú nhận. “Nhưng đó chẳng phải là cơ để y làm điều kế tiếp – cố tình dàn cảnh, quy chụp vào người từng là bạn thân cả đời với y, tìm mọi cách để đảm bảo người đó vào bẫy của y.”

“Tôi đã gây ra tội tình gì chứ?” Henderson hỏi, không hề có dấu hiệu hằn thù.

“Thực ra là thế này. Y lúc đó không hiểu, và đến bây giờ vẫn không hiểu, cho dù đã lâu rồi, là chuyện gì thực sự khiến cô ấy lại cư xử như thế với y. Đối xử quá nhẫn tâm với y. Y không thấy được rằng chuyện đó hoàn toàn phù hợp với tính cách của cô ấy, rằng đó chính là con người thực của cô ấy. Y nhầm tưởng rằng đó là vì cô ấy đã làm mới lại tình yêu dành cho ông. Thế nên y đổ lỗi cho ông. Ông phải chịu trách nhiệm về việc y để mất cô ấy. Điều đó làm y căm ghét ông. Y muốn đổ hết lên đầu ông. Một dạng ghen tuông méo mó, bị biến thành điên loạn bởi cái chết của người mình yêu, là điều gần nhất ông có thể suy đoán được.”

“Èo,” Henderson nói nhỏ.

“Y ra khỏi đó, không ai thấy, rồi chủ động đuổi theo ông, tìm cách chặn đường ông. Những lời cãi vã y nghe thấy từ cầu thang là cơ hội quá tốt, khó bỏ qua được. Một cơ hội quá tốt để gài ông hứng tội y mới gây ra. Y nói là ý tưởng ban đầu là y sẽ giả bộ tình cờ gặp ông, như kiểu vô tình gặp trên phố ấy, rồi bám dính lấy ông đủ lâu để khiến ông nói ra những điều sẽ khiến ông bị buộc tội. Ít nhất là khiến ông lâm vào tình cảnh nghiêm trọng. Có thể y sẽ nói là, ‘Chào, tôi tưởng anh đi cùng vợ chứ hả.’ Rồi, rất tự nhiên là ông sẽ trả lời, ‘Vừa cãi nhau xong, ngay trước khi ra khỏi nhà.’ Như thế là đủ để ông kể về việc cãi vã. Y muốn như thế. Mà y thì không

thể nào tự nói ra được mà không khiến người ta biết là y nghe lỏm từ cầu thang. Phải là chính ông nói ra cho y, nói trực tiếp, ông hiểu không?

“Y hẳn sẽ khiến ông uống say – nếu như ông cần thêm sự khích lệ bên ngoài – khi y đi cùng ông. Sau đó y sẽ đưa ông về đến tận cửa. Rồi khi ông phát hiện ra việc nghiêm trọng đó, thì y là người chứng kiến, và sẽ phải miễn cưỡng nói lại với cảnh sát những gì y nghe ông nói về việc cãi nhau với vợ trước khi ra khỏi nhà. Ông sẽ là lá chắn cho y. Chuyện đó thật là khéo – ý tưởng dẫn ông chồng về nhà, nơi y vừa giết vợ ông ta xong. Điều đó tự động đẩy y sang vị trí của một người thứ ba không liên can, chứng kiến tội ác của kẻ khác. Đó là cách thức gạt bỏ hiềm nghi một cách hoàn hảo.

“Tất cả những điều đó là chính y tự nói ra... tôi phải nói là chẳng hề có chút hối hận nào... trong bản nhận tội.”

“Hay thật,” Carol buồn rầu nói.

“Y tưởng ông sẽ chỉ có một mình. Y biết hai chỗ ông nói là ông sẽ tới. Lúc chiều, khi gặp y trên phố, ông có nói tới mà, rằng ông sẽ dẫn vợ tới nhà hàng Maison Blanche ăn tối rồi sau đó đến rạp Casino. Quán bar thì y không biết vì chính ông cũng đâu có dự định mà chỉ bốc đồng quay người vào đó thôi.

“Y đến thẳng nhà hàng Maison, cản trở lánh khỏi tiền sảnh, không để ai thấy. Y thấy ông trong đó. Chắc là ông vừa mới tới. Y nói y thấy ông đi cùng người khác. Việc đó làm mọi thứ thay đổi. Y không thể cứ tiếp tục vào cùng ông với hy vọng là ông tự nói ra những điều có lợi cho y nữa, mà kẻ thứ ba này có khi lại cho ông được bằng chứng ngoại phạm, tùy vào thời điểm cô ta gặp ông sau khi ông ra khỏi nhà. Nói cách khác thì ngay lúc đó, mới nhìn thôi, y đã cảm nhận được vai trò quan trọng của cô ta trong vấn đề này, cả đối với y và đối với ông. Y nương theo đó mà hành động tiếp.

“Y rút lui, lờn vờn bên ngoài phố, đủ xa để theo dõi cửa ra vào nhưng lại không bị ai nhìn thấy. Y biết chỗ ông sẽ tới tiếp theo sẽ là rạp Casino,

nhưng y không dám chắc, dĩ nhiên. Y không đời nào coi thế là mặc nhiên được.

“Hai người ra khỏi nhà hàng, lên taxi, y cũng bắt taxi đi theo. Y đi theo ông vào trong nhà hát. Nghe này, đoạn này thú vị. Y mua một vé đứng – giống như những người thích xem mà chỉ có thời gian xem một tiết mục. Y đứng ở đó, đằng sau dàn nhạc, ẩn sau một cái cột, đảm bảo quan sát được gáy của ông trong suốt buổi diễn.

“Y thấy ông đi ra khi hết giờ. Y suýt nữa thì lạc mất ông trong đám đông khán giả đang ra ngoài, nhưng y gặp may. Vụ việc với ông mù thì y không biết tí nào, vì y không dám ở quá gần sau lưng ông. Xe taxi của ông mãi mới chen tới được nên y có thể bám được theo ông.

“Ông dẫn y trở lại quán Anselmor, mặc dù y trước đó không biết là ông đang trở lại chỗ cũ. Một lần nữa, y lại lẩn quẩn bên ngoài, vì ở gần quầy bar hơn thì y sợ ông sẽ phát hiện ra y mất. Y thấy ông để cô ta lại đó và ngay lập tức y dựa vào việc đó mà đoán ra được, nếu như trước đó chưa đoán ra, rằng ông đã làm đúng lời đe dọa y nghe thấy ông gào thét trong nhà: rằng ông sẽ mời người lạ mặt đầu tiên ông gặp để thế chỗ vợ ông.

“Y phải quyết định ngay là tiếp tục bám theo ông, chịu rủi ro là để lạc mất cô ta mãi mãi, hoặc là chuyển hướng sang cô ta, tìm hiểu xem cô ta có thể có ích gì cho ông hay có hại gì cho y hay không.

“Y không chần chừ lâu. Một lần nữa y lại gặp may, và y lựa chọn đúng chủ yếu dựa vào bản năng. Lúc đó thực là đã quá muộn nếu y muốn tới gặp ông mà vẫn có được lời giải thích hợp lý. Thay việc là khiến ông bị tội, y làm thế chẳng khác gì thú tội. Tàu của y phải ra khơi đúng vào lúc đó, và nhờ ra y phải có mặt trên tàu đó rồi.

“Thế nên y để ông đi, y chọn cô ta, chẳng hề biết là lựa chọn đó là chính xác tới mức nào, và y cứ tiếp tục chờ đợi bên ngoài, quan sát cô ta, biết chắc là cô ta không thể ở quầy bar cả đêm, biết chắc rằng cô ta sẽ phải về đâu đó.

“Khi cô ra ngoài, y tránh mặt đi, để cho cô ta đi trước một quãng. Y thừa tình quái để biết là không nên tóm lấy cô ta ngay lúc đó; làm thế chỉ tổ khiến cô ta biết mặt y mà thôi. Trong trường hợp cô ta có thể làm chứng cho ông thì hóa ra y làm thế khác gì tự thú, chỉ cần xét tới việc là y hỏi cô ta về vấn đề đó, hay quan tâm tới vấn đề đó là đủ rồi. Thế nên y có quyết định khôn ngoan: xác định danh tính và nơi ở của cô ta trước, để rồi y sẽ biết tìm cô ta ở đâu khi cần. Xong được việc đó thì y sẽ tạm thời không quấy rầy cô ta. Về sau, nếu có thể, chỉ cần xác định xem là cô ta có khả năng bảo vệ ông đến đâu – bằng cách dò lại những nơi ông đã đến vào tối hôm đó, tìm hiểu xem hai người gặp nhau lần đầu ở đâu, và quan trọng nhất là gặp nhau sớm hay muộn sau khi ông ra khỏi nhà. Thứ ba, nếu lời cô ta nói ra có ý nghĩa quan trọng trong chuyện này thì y sẽ phải có biện pháp loại bỏ. Lúc đó y sẽ tìm cô ta ở chỗ y đã xác định được từ trước, tìm hiểu xem liệu y có thuyết phục được cô ta giữ yên lặng hay không. Nếu cô ta không nghe lời, y thú nhận rằng y đã có sẵn biện pháp mạnh để xóa sổ mối đe dọa này. Tránh một tội ác bằng cách gây thêm một tội ác khác.

“Y đi theo cô ta. Cô ta đi bộ – vì một lý do khó hiểu nào đó – cho dù lúc đó trời đã khuya: nhưng như thế thì càng khiến y để mắt tới cô ta dễ dàng hơn. Lúc đầu y tưởng rằng cô ta sống ở khu vực cạnh đó, gần chỗ quầy bar thôi, nhưng khi thấy cô ta cứ đi mãi thì y biết rằng không phải. Thế rồi y lại tự hỏi liệu có phải là cô ta đã nhận ra có người đi theo hay không, nên cố tình dẫn đi lung tung, muốn cắt đuôi. Nhưng rốt cuộc thì y cũng thấy không phải là lý do đó. Cô ta chẳng có dấu hiệu nào cho thấy là biết, cũng không thấy tỏ ra cảnh giác, mà cứ lững thững đi vô định, như là đi dạo ấy, nhàn nhã dừng xem đồ trưng bày trên mấy cái cửa sổ tối đèn khi cô ta đi tới, hoặc dừng để xù một con mèo hoang để lấy đường đi tiếp, nhưng rõ ràng bên ngoài không có biểu hiện gì hết. Với lại nếu như cô ta có định tránh y thực sự đi nữa thì hẳn sẽ đơn giản hơn nếu cô ta nhảy lên một chiếc taxi, hay tới bắt chuyện với cảnh sát vài câu. Cả taxi và cảnh sát đều đã xuất hiện vài lần, nhưng cô ta không làm thế. Y chẳng còn biết nghĩ thế nào về việc cô ta cứ đi lang thang như thế, ngoài ý cho rằng cô ta không có đích

đến cụ thể nào cả, cứ tiện đâu đi đấy thôi. Cô ta trang phục lịch sự, hẳn không phải là người vô gia cư. Điều đó lại càng khiến y thêm khó hiểu.

“Cô ta tới đường Lexington, sang đường Năm Mười Bảy, rồi lại đi về phía tây tới tận Đại Lộ Năm. Cô ta đi về hướng bắc qua hai dãy nhà, ngồi một lúc trên một trong mấy cái ghế bên cạnh tượng tướng Sherman, như thể lúc đó đang là ba giờ chiều ấy. Cuối cùng thì cô ta cũng lại đi khỏi đó khi thỉnh thoảng lại có một chiếc xe đi ra, vào công viên đó chạy chậm chậm lại hỏi. Cô ta lại đi về hướng đông, qua đường Năm Mười Chín, lại nghiên cứu đồ trưng bày trên cửa sổ các cửa hàng mỹ nghệ ở đó, để Lombard dần dần phát hiện đằng sau.

“Thế rồi cuối cùng, khi y đã gần như nghĩ rằng cô ta định cuốc bộ qua cầu Queensborough sang khu Long Island, thì cô ta lại rẽ ngang, vào một khách sạn nhỏ, tòi tàn ở cuối đường Năm Mười Chín, y còn nhòm vào và thấy cô ta ký vào sổ nhận phòng. Điều đấy lại cho thấy đây là một hành động bộc phát khác, cũng hệt như cách hành xử của cô ta trước đó.

“Ngay khi cô ta đã vào khuất bên trong, y cũng vào khách sạn, tự thuê một phòng, vì đó là cách nhanh nhất để biết tên cô ta và xem cô ta ở phòng nào. Tên cô ta ở ngay trên tên của y, khi y ký vào trong sổ nhận phòng, là ‘Frances Miller’, và cô ta ở phòng 214. Y thuê được phòng ngay bên cạnh, 216, bằng một quy trình loại trừ khéo léo, chỉ ra những điểm không hay của mấy phòng được giới thiệu trước đó cho y, cho đến khi chỉ còn lại đúng phòng y đã chọn. Cái khách sạn đó đang ở giai đoạn xuống cấp cuối cùng, chỉ hơn nhà trọ một chút thôi, nên kiếm cứ như vậy cũng hợp lý.

“Y lên gác một lúc, chủ yếu là để quan sát cánh cửa phòng cô ta từ bên ngoài lối đi chỗ phòng của y, và tự thuyết phục được bản thân rằng rất cuộc thì cô ta cũng đã quyết định nghỉ qua đêm, rằng cô ta sẽ ở lại đó cho đến khi y quay lại. Y chẳng thể hy vọng có nhiều chứng cứ hơn nữa. Y có thể thấy ánh sáng trong phòng cô ta hắt ra qua ô cửa kính mờ phía trên cửa ra vào. Ở nơi tòi tàn đó, y chẳng khó khăn gì cũng nghe thấy từng hành động của cô trong đó, đoán được cô đang làm gì. Y nghe thấy tiếng móc áo va vào nhau lanh canh trong chiếc tủ trống rỗng khi cô ta treo trang phục

ngoài vào đó. Dĩ nhiên là cô ta đâu có mang theo hành lý gì. Y còn nghe thấy tiếng cô ta ngân nga nhỏ khi di chuyển. Y còn biết được là cô ta đang hát giai điệu gì nữa. *Chica Chica Bum* – buổi diễn ông đã dẫn cô ta theo tối hôm đó. Y nghe thấy tiếng nước long tong chảy khi cô vệ sinh trước khi đi ngủ. Cuối cùng đèn phía sau ô kính cũng tắt, y nghe thấy tiếng lò xo cọt kẹt trong chiếc giường cũ kỹ khi cô ta nằm xuống. Trong bản nháp lời tự thú, y mô tả phần này rất chi tiết, cụ thể.

“Y đi qua căn phòng y thuê, không bật đèn, nhòai người ra cửa sổ - cửa sổ này trông ra một cái giếng kín bưng, để xem có thể thấy được cửa sổ phòng cô ta từ hướng đó hay không. Rèm đã được kéo xuống, cách bậu cửa vài chục phân, nhưng giường của cô ta được kê ở chỗ vừa vặn khiến khi y đứng lên bậu cửa sổ, đu người ra bên ngoài hơn nữa thì y có thể thấy đốm đỏ thuốc lá cô ta đang cầm trên tay lơ lửng cạnh giường trong bóng tối bên đó. Giữa hai cửa sổ có một cái ống thoát nước chạy dọc xuống, được bắt vào tường bằng đai, có thể dùng để đặt chân. Y ghi nhớ điều đó. Ghi nhớ rằng có thể vào phòng bên đó theo lối này, nếu như y thấy cần thiết, khi y quay lại.

“Yên tâm về cô ta, y lại ra khỏi chỗ đó. Lúc đấy là khoảng gần hai giờ sáng.

“Y nhanh chóng quay về quán Anselmo bằng taxi. Lúc này quán đã vắng khách, sắp tới giờ đóng cửa, nên có nhiều cơ hội tâm sự với nhân viên quầy, tìm hiểu xem liệu ông ta có biết điều gì không. Khi nói chuyện, y buông vài lời nhận xét lơ đãng về cô ta, ông biết kiểu đó rồi đấy. ‘Cái cô nàng có vẻ cô đơn lúc này tôi thấy ngòai một mình đầu kia là ai nhỉ?’ Đại khái thế. Như thế là đủ mào đầu rồi.

“Mấy tay phục vụ quầy thì vốn nói nhiều, thế nên chỉ cần mào đầu thế là tự ông ta phun ra hết. ‘Cô ta đã đến trước đó một lần rồi, khoảng sáu giờ, rồi đi ra với ai đó. Tay đó mang cô ta trở lại, rồi lại để cô ta ở đó.’

“Thêm một vài câu hỏi khéo léo nữa thì y có được thông tin mà y quan tâm nhất. Đó là ông ở cùng cô ta từ đầu tới cuối, không ngơi lúc nào, ngay từ khi ông vào, lúc đó là sau sáu giờ vài phút. Nói cách khác thì đó còn hơn

cả nỗi sợ hãi lớn nhất của y nữa. Cô ta không chỉ là tiềm năng bảo vệ cho ông, mà hoàn toàn có thể cứu ông. Cần phải xử lý thôi. Không được chậm trễ.” Burgess ngừng lời, hỏi, “Tôi kể chi tiết thế này có làm ông phát chán không?”

“Mạng sống của tôi đấy,” Henderson đáp khô khan.

“Y không chần chừ chút nào, lập tức có giao kèo đầu tiên ngay tại đó, trước mắt vài người khách ít ỏi còn nấn ná tại quán. Tay phục vụ quầy thực ra là hạng dễ mua chuộc nữa, như quả đã chín, chỉ chờ có thể là rụng vào tay y. Thêm vài lời rào đón, một lần bắt tay qua quầy, thế là xong. ‘Ông cần bao nhiêu để quên là ông đã thấy người phụ nữ ở cùng cái tay ở đây? Ông không cần quên rằng tay đó đã ở đây, chỉ cần quên cô ta thôi.’ Tay phục vụ quầy hẳn sẽ nhận lời với một con số khiêm tốn. ‘Kể cả khi có liên quan tới cảnh sát?’ Tay phục vụ quầy không chắc là y nghe đúng. Lombard giúp ông ta quyết định bằng một con số gấp năm mươi lần mức ông ta nghĩ rằng sẽ nhận được. Y đưa cho ông ta một nghìn đô-la tiền mặt. Trên người y lúc đó có khá nhiều tiền, là số tiền y định dùng cho hai người sinh sống ở Nam Mỹ. Như thế là quá đủ, dĩ nhiên, đối với tay phục vụ quầy. Nhưng không chỉ có thế, Lombard đã chốt vấn đề bằng vài lời đe dọa thầm thì nhưng lạnh lùng. Rõ ràng là y đe dọa giỏi đấy. Hoặc có thể là không chỉ là lời đe dọa suông mà còn có cả khẩu McCoy, và người bị đe dọa cảm nhận được điều đó.

“Từ lúc đó trở đi thì tay phục vụ quầy tuân thủ, ngay cả khi ông ta đã biết tất cả sự tình về vụ án, chúng ta hay ai khác đều không thể moi được gì từ mồm ông ta cả. Cũng không hoàn toàn là vì một nghìn đô-la đó đâu. Ông ta sợ thật sự, những người còn lại cũng vậy. Mọi người cũng đã thấy tác động thế nào tới Cliff Milburn rồi đấy. Lombard toát ra một cái gì đó thực sự trầm trọng. Y đúng là không có một chút hài hước nào hết. Cả đời y đã sống quá gần thiên nhiên hoang dã rồi.

“Xong việc với người phục vụ quầy, y triển khai bước tiếp theo, lần lại tuyến đường ông đã đi vài giờ trước đó. Giờ thì cũng không cần phải nói quá chi tiết nữa nhỉ. Tất nhiên là tới giờ đó thì nhà hàng và và rạp hát đều

đã đóng cửa, nhưng y vẫn tìm hiểu được thông tin về những người y cần, rồi tìm ra họ. Có một lần y đã phải chạy thật nhanh tới tận khu Forest Hills rồi quay lại, chỉ để dựng một người ra khỏi giường. Tới bốn giờ sáng thì xong việc. Y đã liên hệ được thêm ba nhân vật chính mà lời khai có thể cần thiết đối với y: tài xế taxi Alp, tay bồi tửng ở nhà hàng Maison Blanche, tay bán vé ở rạp Casino. Số tiền y đưa cho họ không giống nhau. Tài xế taxi chỉ cần nói là không nhìn thấy cô ta. Tay bồi tửng thì phải chia cho tay bồi bàn – vốn cũng phải phụ thuộc vào ông ta vì công việc – đảm bảo rằng người kia cũng cùng một phe. Tay bán vé thì y khá rộng rãi, đến nỗi biến thành đồng minh của y luôn. Qua tay này mà y biết được là một nhạc công trong rạp có khoác lác rằng hẳn có chú ý tới một cô nào đó – theo cách nhìn của y, cộng thêm lời gợi ý của tay kia, thì y thấy nên cũng cần chăm lo luôn. Lombard không thể lo được chuyện đó trước đêm thứ hai sau khi giết người, nhưng y cũng may mắn thật, là vì chúng tôi cũng không để ý gì đến tay nhạc công đó. Thế nên đối với y hơi muộn cũng không thành vấn đề.

“Khoảng trước bình minh một tiếng thì y xong hẳn mọi việc; y đã khiến cô ta biến mất trong mắt mọi người. Chỉ còn một người là y cần phải xử lý nốt: chính là cô ta. Y quay lại chỗ khách sạn kia, để giải quyết nốt công việc. Y thú nhận rằng lúc đó y đã quyết ý rồi. Y không có ý định mua sự yên lặng của cô ta nữa mà y sẽ đảm bảo sự yên lặng phải kéo dài mãi mãi – bằng cái chết. Lúc đó thì toàn bộ câu chuyện y dựng lên chẳng còn bị nguy hiểm gì nữa. Nếu một người trong số họ lộ ra thì cũng chẳng còn bằng chứng nào cả.

“Y vào căn phòng y đã thuê cạnh phòng cô ta, ngồi đó trong bóng tối một lúc, suy tính cặn kẽ. Y nhận ra rằng lần này thì rủi ro y bị phát giác là giết người lớn hơn nhiều so với khi y giết vợ ông, nhưng y chỉ là một người vô danh ký vào sổ ở dưới gác với một cái tên giả, không phải là John Lombard. Y dự định bắt kịp con tàu rồi sẽ không xuất hiện ở đây nữa, thế nên chẳng may mà bị phát giác thì có sao? Sẽ có thể người ta nghi ‘ông

khách' đã giết cô ta, nhưng chẳng ai biết 'ông khách' là ai cả. Ông hiểu ý tôi chứ?

“Y ra ngoài, đứng nghe ở cửa phòng cô ta. Căn phòng yên ắng, hẳn cô ta đang ngủ rồi. Y cẩn trọng thử mở cửa, nhưng cửa khóa, đúng như y nghĩ tới, nên không vào lối đó được. Vẫn còn cái ống nước chạy dọc giữa hai cửa sổ mà y đã ghi nhớ rồi.

“Khi y nhìn ra cửa sổ, rèm cửa bên đó vẫn kéo xuống cách bậu cửa một đoạn như cũ. Y khéo léo trèo sang ra ngoài cửa sổ, không gây tiếng động, đặt một chân lên đai bắt ống nước, rồi chẳng khó khăn gì cũng có thể lẳng người sang bậu cửa bên kia, khom người chui vào bên dưới rèm. Y không mang gì theo người vì y chỉ định dùng hai tay không và chân là đủ.

“Trong bóng tối, y men đến bên giường, hai tay vươn ra, tóm chặt lấy hình khối lờng cồng của cái chặn trên giường để đề phòng có tiếng kêu phát ra. Cái hình khối đó sụp xuống, bên dưới trống rỗng. Cô ta không có ở đó. Cô ta đi mất rồi. Lại vô định y như lúc cô ta vào chỗ đó, cô ta đi rồi, khi bình minh chỉ còn một tiếng nữa là tới, sau khi nằm nghỉ một lúc. Có hai mẫu thuốc, vài hạt phấn vương trên bàn trang điểm, một cái chặn nhàu nhĩ là tất cả những gì cô ta để lại.

“Khi phần tồi tệ nhất của cơn sốc đã qua, y đi xuống gác và hỏi về cô ta một cách khá rõ ràng, và người ta bảo với y rằng cô ta đi ra không lâu sau thì y về tới, cô ta trả chìa khóa, bình tĩnh bước ra bên ngoài phố. Họ cũng không biết cô ta đi hướng nào, hay đi đâu, hay tại sao phải đi, chỉ là cô ta đi thôi... cũng lạ lùng như khi vào.

“Y trong tình trạng gậy ông đập lưng ông. Người phụ nữ mà y dành cả đêm và hàng trăm đô-la để biến thành một bóng ma đối với ông, Henderson, giờ đã trở thành một bóng ma thực sự, nhưng là đối với y. Đó là điều y không muốn một chút nào. Điều đó khiến sự việc trở nên bất định một cách nguy hiểm. Cô ta có thể thành linh xuất hiện bất kỳ lúc nào.

“Y thực sự khủng hoảng trong vài tiếng đồng hồ ngắn ngủi còn lại mà y có thể dành ra trước khi y phải biến đi, nếu như y vẫn muốn bắt kịp tàu. Y

biết là vô vọng. Y biết, ông và tôi cũng biết, là tìm người ở New York trong thời gian ngắn thì là thế nào.

“Nhưng y vẫn săn lùng cô ta khắp nơi, với sự kiên nhẫn của một kẻ điên, để rồi cũng không tìm được. Ngày hôm đó qua đi, đêm thứ hai cũng qua đi, y hết thời gian, y không thể ở lại lâu hơn nữa. Thế nên y đành chấp nhận buông công việc chưa hoàn tất. Chiếc rìu từ đó cứ lơ lửng trên cổ y, có thể rơi xuống bất kỳ lúc nào.

“Y rời New York vào ngày thứ hai sau án mạng, đi đường sông từ Miami tới Havana cùng ngày hôm đó, vừa kịp để lên con tàu của y khi nó cập cảng vào ngày thứ ba. Y nói với sĩ quan trên tàu là y bị say vào đêm tàu ra khơi nên bị nhớ.

“Thế nên hẳn chộp ngay lấy tin nhắn mà tôi gửi đi thay mặt cho ông; y chỉ cần có thể là vượt mọi thứ và quay lại. Trước đó y vẫn luôn sợ hãi, việc này cho y cơ hội kết thúc công việc. Người ta hay nói là kẻ sát nhân thường bị hút lại hiện trường tội ác. Y cũng bị hút lại như nam châm ấy. Ông nhờ y giúp đỡ là tạo cho y cái cớ cần thiết. Y đã có thể công khai quay trở lại và giúp ông ‘tìm’ cô ta; kết thúc cuộc săn chết chóc mà y chưa có thời gian hoàn thành lúc trước; đảm bảo rằng nếu cô ta bị tìm thấy thì cũng chết rồi.”

“VẬY RA ÔNG ĐÃ NGHI NGỜ LOMBARD KHI ÔNG ĐẾN BUỒNG GIAM HÔM Đấy, RỜI THẢO BỨC ĐIỆN GỬ ĐI DƯỚI TÊN TÔI. ÔNG NGHI NGỜ ÔNG TA TỪ KHI NÀO VẬY?”

“Bảo chính xác ngày giờ thì cũng khó. Thực ra nó cứ từ từ, dần dần thôi, xuất phát là từ lúc tôi thay đổi quan điểm về việc ông có tội. Từ đầu tới cuối, không hề có một mẫu chứng cứ nào chống lại y cả, thế nên tôi mới phải đi đường vòng như vậy. Y không để lại dấu tay trong nhà ông, chắc là đã lau sạch những chỗ y chạm vào. Tôi có nhớ là thấy mấy tay nắm cửa sạch trơn, không dấu vết.

“Lúc đầu y chỉ là một cái tên ông nói ra trong quá trình thẩm vấn. Một người bạn cũ, có mời ông tới bữa tiệc chia tay nhưng ông đành bỏ – dù rất tiếc – cũng vì vợ ông. Theo thủ tục thì tôi phải xác minh về y, cũng mong y cho chúng tôi thêm thông tin về cuộc sống của ông cho đủ hồ sơ. Tôi thấy

rằng y đã lên tàu đi, như ông cũng đã nói về ý định đó. Nhưng tôi cũng lại vô tình phát hiện ra, từ công ty tàu biển, rằng y bị nhỡ chuyến ở đây, và chỉ lên tàu ba ngày sau khi tàu cập bến Havana. Thêm một chuyện nữa. Đó là lúc đầu y đặt chỗ cho hai người, cho y và cho vợ y, nhưng khi lên tàu thì lại chỉ có một mình, rồi đi đến nơi cũng không có ai đi cùng cả. Khi tìm hiểu thêm thì tôi không tìm thấy bất kỳ hồ sơ nào cho thấy y đã từng cưới hay có vợ ở đây.

“Nhưng mà như thế thì cũng chẳng có gì là quá đáng nghi cả, ông hiểu chứ. Người ta nhỡ chuyến suốt mà, nhất là khi lại tiệc tùng ngay trước giờ tàu ra khơi. Mấy cô dâu tương lai thì cũng có người đổi ý vào phút cuối, hay cũng có những trường hợp hai bên cùng thống nhất trì hoãn đám cưới.

“Thế nên tôi cũng không nghĩ thêm về vấn đề đó. Nhưng thế nào mà tôi vẫn nghĩ. Cái chi tiết nhỏ nhỏ rằng y nhỡ tàu, rồi lại lên tàu một mình cứ lẩn quẩn trong tâm trí tôi, ở đó không chịu đi. Y cũng không may ở chỗ là y đã khiến tôi chú ý. Bị cảnh sát chú ý thì hiếm khi là có lợi lộc gì. Về sau, khi việc tôi tin rằng ông có tội đã bốc hơi, thì nó để lại đằng sau một khoảng chân không. Khoảng chân không thì phải có gì đó điền vào, hoặc nó sẽ tự hút vào. Những vấn đề đó của y bắt đầu nổi lên, trước cả khi tôi để ý, và khoảng chân không đó bắt đầu kín.”

“Thế mà ông giữ kín bưng với tôi,” Henderson nói.

“Phải thế thôi. Lúc đó vẫn chưa có gì cụ thể cả, gần đây mới có mà. Thực ra thì phải đến đêm y chở cô Richman vào rừng ấy. Nói cho ông biết thì sẽ gây ra rủi ro lớn. Rất nhiều khả năng là ông không nhất trí với tôi về y, mà thậm chí – vì lòng trung thành đặt nhằm chỗ – sau đó có thể sẽ nói cho y biết. Kể cả nếu như ông có thống nhất với tôi đi nữa, tin những gì tôi tin, thì việc ông biết những gì sắp xảy ra sẽ biến ông thành một diễn viên tồi. Tôi e rằng y sẽ có thể dò đoán được gì đó từ thái độ của ông với y, làm lộ hết kế hoạch của chúng tôi. Ông lúc đó đang vô cùng căng thẳng, ông biết mà. Tôi thấy an toàn nhất là triển khai thông qua ông, sử dụng ông làm vật trung gian mà không để ông biết được mục đích của việc ông làm. Không hề dễ dàng. Ví dụ như trường hợp tờ chương trình nhà hát...”

“Tôi cứ tưởng ông điên – chắc thế thôi nếu như tôi là bình thường – xét từ việc ông cứ dạy đi, dạy lại tôi từng động tác, từng lời nói để dẫn tới việc đó. Ông có biết tôi nghĩ ông làm thế để làm gì không? Một liều giảm đau – để tôi không quá tập trung vào giờ chết đang tới. Thế nên tôi cũng chấp thuận, làm theo lời ông nói, nhưng coi đó là trò vui thôi.”

“Ông coi là trò vui, nhưng tôi thì thật nghiêm túc,” Burgess đáp.

“Thế ông ta có liên quan gì tới mấy vụ tai nạn kỳ quặc cứ bám theo ông đấy không? Ông tìm ra được gì không?”

“Liên quan chứ. Điều lạ lùng ở đây là trường hợp trông có vẻ như án mạng, là vụ Cliff Milburn, thì hóa ra lại là tự tử thật – sau khi chúng tôi đã điều tra kỹ, à, còn trường hợp ông phục vụ quầy bar bị tai nạn chết nữa. Nhưng hai trường hợp trông giống tai nạn nhất thì lại là án mạng. Án mạng do y thực hiện. Tôi đang nói tới cái chết của ông mù và của Pierrette Douglas. Cả hai đều bị giết không dùng vũ khí, nói theo cách thông thường. Cái chết của ông mù quả là một sự việc kinh khủng.

“Y để ông ta lại trong phòng, lấy cớ là để chạy xuống phố gọi điện cho tôi. Y biết là ông ta ớn cảnh sát, rất đặc trưng cho hạng người lừa đảo vặt vãnh. Y biết chắc là ông ta sẽ chuồn ngay khỏi đó khi có cơ hội. Y dựa vào điều đó để lên kế hoạch. Ngay khi ra ngoài cửa là y liền buộc một sợi dây chắc, màu đen, loại thủy thủ hay dùng ấy, chằng ngang qua bậc cầu thang trên cùng, tầm mắt cá chân. Một bên y buộc vào chân tay vịn cầu thang, bên kia thì buộc vào một cái đinh thò ra. Sau đó y tắt đèn, vì y biết là ông mù kia biết dùng mắt, y giả bộ nện chân xuống cầu thang – ông biết mẹo đó rồi – và khom người chờ ở đợt cầu thang bên dưới, khuất khỏi tầm mắt, ngay cạnh chiếu nghỉ thôi.

“Ông mù cũng chạy ra ngay một cách bất cẩn, vội vàng tìm cách biến đi trước khi Lombard cùng ông bạn cảnh sát quay lại, và đã rơi đúng vào cái bẫy y đặt ra. Bị vướng vào sợi dây, ông ta ngã lộn xuống cầu thang, lao đầu vào tường chỗ chiếu nghỉ. Sợi dây bị đứt, dĩ nhiên, nhưng như thế không đủ cứu ông ta. Ông ta ngã nhưng không chết, chỉ bị vỡ xương sọ và nằm ngất

ở đó. Lúc này Lombard chạy lên chỗ chiếu nghỉ, bước qua người ông ta, lên đỉnh cầu thang, gỡ hai đầu sợi dây ở hai bên ra.

“Sau đó y quay lại chỗ ông mù bất tỉnh, dùng tay mò mắt, thấy ông ta vẫn còn thở. Đầu ông ta bị lật, tạo thành một góc không bình thường, áp vào tường, cổ bị bong gân lồi ra. Như cáp treo trên cầu ấy, ông hiểu chú, nằm giữa vai đang phẳng dưới sàn nhà và cái đầu gần như vuông góc khi ộp vào tường. Y xác định được vị trí cái cổ, y đứng thẳng dậy, co một chân lên để giày đúng vào chỗ đó, rồi...”

Carol lập tức quay mặt đi.

“Tôi xin lỗi,” Burgess lẩm bẩm.

Cô quay lại. “Đó là một phần của câu chuyện. Chúng tôi cần biết.”

“Xong xuôi hết thì y mới đi gọi điện cho tôi. Khi y quay lại thì y chỉ ở dưới phố, còn cẩn thận gọi một viên cảnh sát đến nói chuyện trong lúc chờ tôi tới, để cho thấy rằng y ở dưới đó suốt, có người thấy, trong trường hợp cần thiết.”

“Ông hiểu ngay ra mọi việc lúc đó ư?” Henderson hỏi.

“Tôi hôm đó, tôi có kiểm tra thi thể một lần nữa ở nhà xác, sau khi đã cho y về, và phát hiện ra một vết đỏ ở cổ chân nơi sợi dây vướng vào. Tôi cũng thấy dấu bụi ở trên gáy ông ta nữa. Thế nên tôi hiểu ngay ra mọi sự. Nhưng như thế vẫn chỉ là dựng lại sự việc từ hai điểm đó thôi. Khó mà chụp vào người y được. Khả năng thì vẫn có. Nhưng tôi muốn đợi để tóm y vào tội danh chính. Nếu chỉ dựa vào vụ ông mù thì không thể nào khiến y nhận tội danh chính kia được, chắc chắn đấy. Tôi thì không muốn tóm y quá sớm rồi lại phải thả y ra. Khi tôi đã tóm thì sẽ phải tóm chặt cứng. Thế nên tôi kín miệng, tiếp tục thả mồi câu.”

“Ông nói là trường hợp của tay hút cần sa kia thì ông ta không liên quan gì ư?”

“Ngoài vấn đề khúc mắc về lưỡi dao cạo thì đúng là có vẻ như vậy. Cliff Milburn tự cắt cổ mình trong cơn trầm cảm và khiếp đảm do bị phê thuốc. Lưỡi dao cạo an toàn hẳn là do người thuê nhà cũ hay bạn của anh ta vứt lại

ở đó trên giá sau khi đã sử dụng buồng tắm của anh ta để cạo râu. Chuyên gia nghiên cứu hành vi chắc sẽ quan tâm tới vụ này. Thông thường ngay cả khi tự tử thì người ta, theo bản năng, tránh sử dụng những vật dụng của mình ngoài những chức năng vốn có của nó. Đây là điểm chung giữa tất cả chúng ta; thế nên ta mới thấy bức khi vợ dùng lưỡi dao cạo để gọt bút chì.”

Carol lẩm bẩm, “Chắc tôi chẳng dám đến gần dao cạo nữa đâu, kể từ đêm hôm đó.”

“Nhưng cái chết của bà Douglas thì là do ông ta?” Henderson tỏ vẻ quan tâm.

“Vụ đó y ra tay còn khéo hơn vụ trước. Ở nhà bà ta có một tấm thảm dài, trải dọc theo sàn nhà nhẵn bóng, bắt đầu từ chỗ bậc cửa, chạy thẳng tới cái cửa sổ kiểu Pháp ở đầu đằng kia. Lúc đầu y cũng bị trượt chân, suýt ngã trên sàn nhà trơn, khi đang nói chuyện với bà ta, nên mới nghĩ ra cái mẹo đó. Lúc đó bà ta còn cười y. Y dùng mắt ước lượng, trong khi vẫn nói chuyện. Cái tấm thảm trải thẳng tắp đó đúng là một lời mời hấp dẫn. Y đã đánh dấu X vô hình vào nơi bà ta sẽ phải đứng để sao cho phần lớn cơ thể sẽ đổ ra ngoài cửa sổ khi bị mất thăng bằng, y cẩn thận ghi nhớ chính xác vị trí đó trong đầu. Chuyện đó nói thì dễ hơn làm, nhất là khi vừa phải đi vừa nói chuyện với người khác, chỉ có thể dành một phần tâm trí để ghi nhớ thôi.

“Đây không phải là tôi dựng lại trên lý thuyết nhé, tất cả là do y khai nhận, giấy trắng mực đen. Từ lúc đó trở đi thì họ bắt đầu vũ điệu chết chóc, trong đó y là vũ công chính, dẫn bà ta vào đúng vị trí. Khi y ghi xong tờ séc, y cầm séc đứng lên, đi tới chỗ cửa sổ, như thế là cần không khí để cho mực khô nhanh. Y di chuyển cho đến khi y đứng chính xác ở một bên cái điểm y muốn bà ta đứng, nhưng ngoài tầm. Rồi y tìm cách thu hút bà ta đi tới để đưa séc cho bà ta. Y giơ tờ séc về phía bà ta, nhưng chân lại không cử động gì cả, thế nên dĩ nhiên là bà ta phải đến mà lấy. Đó cũng là nguyên tắc trong môn đấu bò. Con bò sẽ lao đầu vào tấm khăn, ngoài phần thân của đấu sĩ. Bà ta đi theo tờ séc sang bên cạnh y. Khi bà ta đã vào đúng điểm y đã đánh dấu thì y buông tờ séc, cho bà ta cầm.

“Bà ta dĩ nhiên là sẽ tập trung xem tờ séc rồi, mất một lát, đứng yên ở chỗ đó. Còn y nhanh chóng di chuyển ra xa, bước thật nhanh sang đầu kia phòng, như thể muốn bỏ đi ngay lúc đó. Khi đã đến đầu kia phòng, chỉ còn một bước nữa là ra ngoài, y quay lại nhìn bà ta và nói, ‘Tạm biệt!’. Đương nhiên là bà ta sẽ nhìn lên, và sẽ quay người lại phía y – nghĩa là lúc đó sẽ quay lưng hoàn toàn ra phía cửa sổ. Bà ta đứng ở đúng như y mong muốn. Nếu bà ta quay mặt ra hoặc quay ngang về phía cửa sổ thì vẫn có khả năng bám vào được khung cửa sổ, tự cứu bản thân. Nhưng quay lưng lại thì không thể làm thế được, vì khớp vai con người không cho phép làm điều đó.

“Y cúi xuống, tóm lấy đầu thảm, vung thật mạnh quá đầu, rồi lại đặt nó xuống; chỉ cần làm thế là đủ. Bà ta bay ra ngoài như ngọn gió. Bà ta còn chẳng kịp kêu, y nói thế. Hẳn là y ra tay đúng lúc bà ta đang hết hơi. Bà ta bay ra ngoài trước khi chiếc giày tuột khỏi chân kia kịp lộn lại, rơi xuống sàn nhà.”

Carol nheo nheo mắt. “Giết người như thế còn ghê hơn cả dùng dao, dùng súng. Quá hiểm độc, quá mưu mô.”

“Đúng đấy, cũng rất khó chứng minh với bồi thẩm đoàn. Y chẳng hề động vào người bà ta, mà y giết bà ta từ khoảng cách sáu, bảy mét. Dấu vết để lại trên tấm thảm, dĩ nhiên. Tôi nhìn thấy là tôi biết ngay rồi. Sóng trên thảm lại ở đầu phía y đứng, còn chỗ bà ta đứng thì lại phẳng lì, chỉ hơi bị tụt lại một chút trên sàn.

“Nếu đó là bị trượt chân ngã thì phải ngược lại. Phần lượn sóng phải ở đầu bà ta mới đúng, vì chân bà ta đá thảm ngược lại cơ mà. Đầu y đứng thì phải phẳng mới đúng, không được xô dịch, cú trượt chân chẳng thể truyền sóng đến tận đó được.

“Lại còn có điều thuốc đang cháy dở ở đó – như thể là bà ta đang hút. Mục đích của điều thuốc là để cho thấy bà ta ngã ngay trước khi chúng tôi đến thôi, vì y mới gọi điện cho tôi mười lăm phút trước đó. Hoặc giả nếu như tôi không để ý chuyện đó thì y cũng đã liên tục ở bên cạnh tôi khoảng tám đến mười phút trước đó, tính từ lúc tôi gặp y ở bên ngoài trạm cứu hỏa.

“Mẹo đó không lừa được tôi chút nào, nhưng mà tôi vẫn phải mất ba ngày mới tìm ra được cách y thực hiện đấy. Cái gạt tàn đứng đó có một lỗ ở giữa, là nơi hứng tàn thuốc, đâm thẳng xuống dưới, dọc theo chân đế, là nơi chứa tàn thuốc. Ở trên có một cái nắp lật, nhưng y kê sao cho nó cứ mở. Y lấy ba điếu thuốc bình thường, hai điếu đầu thì y rút bớt thuốc ở đầu ngậm, rồi nối ba điếu với nhau, tạo thành một điếu dài gấp ba lần bình thường, nhưng vẫn giữ lại nhãn hiệu nho nhỏ ở đầu cuối, phòng trường hợp cần để điều tra. Sau đó y châm lửa, để nó vắt ngang mặt nghiêng của gạt tàn, một đầu chúc vào trong thân đế, phần còn lại trên mặt. Thuốc đang cháy mà để dốc như thế, lại trên một khoảng trống, thì chẳng mấy khi tắt, kể cả khi không được rít hơi tạo gió như hút thật. Đóm lửa cứ âm ỉ cháy hết điếu này sang điếu kia, không bị dừng lại. Khi hai điếu đầu cháy hết, chúng rơi xuống chân đế, không để lại vết tích. Điếu thứ ba nằm hoàn toàn trên mặt nghiêng của gạt tàn, vẫn còn dấu tích ở đó, tạo thành bằng chứng như y muốn, một mẫu thuốc hoàn chỉnh khi chúng tôi đến nơi.

“Tuy nhiên bằng chứng ngoại phạm này lại khiến y bị hạn chế ở một khía cạnh khác. Nhẽ ra nên bỏ qua thì hơn. Nó hạn chế cự ly y có thể đi theo vụ mà y nói rằng bà ta đã lừa y đi ấy; y phải đảm bảo là y có thể quay trở lại vừa kịp thì nó mới có giá trị cho y được. Y phải chọn một nơi nào đó tương đối gần, một nơi mà nhìn một cái là biết ngay bị lừa rồi, để chúng tôi chẳng có cơ gì mà lân la ở đó điều tra, hỏi han thêm gì cả. Vụ trạm cứu hỏa là thế. Nhìn qua một cái là chúng tôi quay trở lại nhà bà ta luôn.

“Nói cách khác thì khi y tự trói mình vào cái bằng chứng ngoại phạm là điếu thuốc đó thì y đã làm suy yếu tính hợp lý của chính câu chuyện y bày ra. Tại sao bà ta lại phải làm như thế? Chỉ khiến y đi đâu đó khá gần bằng một địa chỉ rõ ràng là giả mạo? Bà ta hoặc là cho địa chỉ thật hoặc là không cho địa chỉ nào khác mới đúng, hoặc là... nếu như muốn lừa lấy cái séc đó của y... thì bà ta cho một cái địa chỉ giả, một cái tên giả khiến y mất cả đêm, cả ngày hôm sau mới xác minh được, để bà ta có thời gian chủ động. Nhưng y lại muốn chốt góc nhìn về vụ án, kể cả khi phải hy sinh sự đáng

tin trong hành vi của bà ta. Nói cho cùng thì sự vụ với ông mù còn sờ sờ ra đó, tôi đoán là y không muốn thử vận may lần nữa.

“Ngoài sai lầm tệ hại đó thì quả thực y ra tay tinh tế lắm. Y để cho nhân viên thang máy nghe được y nói chuyện với cái phòng trống, thậm chí để cửa đóng chầm chầm sau lưng y, như thể chính chủ nhà đang đóng lại sau khi y về.

“Tôi cho rằng là đã có thể tóm được y lúc đó rồi.” Rồi Burgess nói thêm, “Nhưng như thế vẫn không có nghĩa là chứng minh được y giết vợ ông. Thế nên tôi lại phải giả ngu. Vấn đề là để y lặp lại những gì y đã làm – nhưng với người chúng tôi bố trí cho y, chúng tôi là người giật dây, chứ không phải là người y chọn mà chúng tôi không biết.”

“Vậy ra việc sử dụng Carol là ý của ông?” Henderson hỏi. “May mà tôi không biết trước. Nếu biết thì ông đừng hòng...”

“Là ý của cô ấy, không phải của tôi. Tôi đã thuê được một cô gái bên ngoài đóng vai mồi nhử. Nhưng cô ấy cứ đòi. Cô ấy vào thẳng chỗ chúng tôi lập chốt theo dõi y trong cửa hàng tối hôm đó, ngay trước hạn chót, bảo thẳng với tôi là chính cô ấy sẽ là người vào đó và xử lý y, không thì thôi. Cô ấy nói là cô ấy sẽ cứ làm, kể cả tôi đồng ý hay không. Đấy, tôi không ngăn được, mà tôi cũng không thể để cả hai cô theo nhau vào đó được, thế nên đành chiều theo ý cô ấy. Chúng tôi gọi chuyên gia trang điểm ở nhà hát đến, bảo ông ta trang điểm cho cô rồi cho cô vào.”

“Cứ tưởng tượng,” cô nói ngang ngạnh với cái phòng, “tôi phải ngồi bó gối ở đó, chịu may rủi từ một diễn viên nghiệp dư đi làm thêm hay sao chứ! Không có thời gian để sai lầm mà! Đã hết thời gian rồi.”

“Cô ta rốt cuộc cũng không đến nhỉ?” Henderson hỏi. “Cái cô thật ấy. Lạ quá. Dù là ai, dù ở đâu thì cô ta cũng quyết tâm chơi trò trốn tìm tới tận phút cuối.”

“Cô ta không cố ý, cô ta không chơi gì cả đâu,” Burgess nói. “Điều đấy còn lạ hơn nữa cơ.”

Henderson và Carol đều hơi nhồm người dậy, cúi về phía trước với vẻ chăm chú. “Làm thế nào mà ông biết? Ông tìm được cô ta rồi ư? Ông biết cô ta là ai à?”

“Phải, tôi đã tìm được,” Burgess nói đơn giản. “Cũng được một thời gian rồi. Tôi biết cô ta từng là ai cũng được mấy tuần, mấy tháng rồi ấy.”

“Từng?” Henderson thở mạnh. “Cô ta chết rồi ư?”

“Không phải là chết như ông nghĩ đâu. Nhưng cũng như chết rồi, xét về ý nghĩa thực tế. Thể xác của cô ta thì vẫn sống. Cô ta đang ở viện tâm thần, bị điên không chữa được.”

Burgess chậm chậm đưa tay vào trong túi, rồi lật giở mấy phong bì, giấy tờ, trong khi hai người tròn mắt nhìn.

“Tôi đến viện đó rồi, mấy lần ấy chứ. Tôi đã nói chuyện với cô ta. Nhìn bên ngoài thì chẳng thể đoán được đâu. Chỉ là một chút mơ hồ, mơ mộng. Nhưng cô ta không nhớ được chuyện hôm trước, quá khứ luôn bị nhòe, bị một đám sương bao phủ. Cô ta chẳng có ích gì cho chúng ta, chẳng giúp gì được hết; không thể lấy lời khai được. Thế nên tôi giữ kín chuyện đó, tiếp tục giảng mồi như cũ. Chỉ có cách đó thôi, mới có thể khiến y nói ra tội ác, chỉ có cách là tìm người thay thế.”

“Khi nào thì...?”

“Cô ta nhập viện trong vòng ba tuần sau tối hôm đi với ông. Trước đó thì còn lúc này lúc kia, sau đó thì cô ta quên hoàn toàn.”

“Làm sao mà ông...”

“Cũng đi vòng vòng thôi, cũng chẳng còn quan trọng nữa. Cái mũ tự nó xuất hiện, trong một cửa hiệu hàng phế phẩm. Ông biết mấy chỗ bán đồ chỉ giá vài xu ấy. Người của tôi phát hiện ra. Chúng tôi cứ thế dò lại từng đầu mỗi một, giống như y làm thôi, nhưng theo hướng ngược lại. Có một bà già nhặt được mũ đấy ở sọt rác, mang đến hiệu đó bán lấy tiền. Chúng tôi lùng ở những căn nhà gần chỗ sọt rác bà già đó nhặt được mũ. Cũng mất mấy tuần đấy. Cuối cùng chúng tôi tìm được một cô hầu là người đã vứt mũ ra đường. Bà chủ của cô ta bị đưa vào viện tâm thần cách đó không lâu. Tôi

hỏi người chồng, những người khác trong nhà nữa, thì chẳng ai biết cụ thể chuyện của ông, ngoại trừ người mới vào viện đó, nhưng thông tin có được thì đủ để tôi biết đã tìm đúng người. Cô ta từng cư xử thất thường như vậy rồi, đi ra ngoài cả đêm, tự vào khách sạn ngủ. Có lần họ còn thấy cô ta ngồi trên ghế đá công viên lúc bình minh ấy.

“Họ đưa cho tôi cái này.”

Burgess đưa cho Henderson một tấm ảnh. Tấm ảnh một người phụ nữ.

Henderson nhìn tấm ảnh rất lâu, gật đầu, nhưng có vẻ là tự gật với mình nhiều hơn. “Đúng,” hắn nói nhỏ, “chắc đúng rồi.”

Carol giật phắt tấm ảnh trong tay y. “Anh đừng nhìn cô ta nữa. Cô ta đã gây ra đủ chuyện rồi. Anh cứ thế này đi, không phải nhớ tới cô ta làm gì. Đây, trả lại ông.”

“Ảnh này cũng có ích,” Burgess vừa nói vừa cất tấm ảnh đi, “khi chúng tôi chuẩn bị cho Carol tối hôm đó, trang điểm cho cô ấy. Chuyên gia trang điểm dựa vào đó có thể tạo cho cô ấy vẻ bề ngoài giống với người này, đủ để lừa y. Dù sao thì y cũng chỉ nhìn thấy cô ta từ xa, trong lúc nhập nhoạng thôi.”

“Tên cô ta là gì?” Henderson hỏi.

Carol lại lập tức phẩy tay. “Đừng nói cho anh ấy biết. Tôi không muốn cô ta bám lấy chúng tôi. Chúng tôi sẽ bắt đầu lại... không có bóng ma nào hết.”

“Cô ấy nói đúng,” Burgess nói. “Chuyện qua rồi. Chôn đi thôi.”

Kể cả như vậy thì họ cũng đều trầm lặng một lúc, cả ba người, suy nghĩ về cô ta, cũng như về sau này có thể là họ sẽ lại tiếp tục nghĩ về cô ta trong suốt phần đời còn lại. Đó là một trong những việc đã xảy ra thì sẽ gắn với con người ta.

Khi ra đến cửa để về, với Carol bám dính lấy tay, Henderson quay lại nói với Burgess, trán hơi nhăn lại. “Nhưng chắc phải có bài học nào đó trong chuyện này chứ nhỉ. Chúng tôi đã trải qua bao nhiêu chuyện – chẳng vì cái gì sao? Phải có bài học gì đó ghi nhớ chứ.”

Burgess vỗ vỗ vào lưng Henderson, thúc hấn đi tiếp. “Nếu ông muốn có bài học thì tôi cho ông đây: đừng bao giờ rủ người lạ đi vào rạp hát nếu như không giới nhớ mặt người ta.”

HẾT

• Chú thích •

^[1] Phim Topper: bộ phim về hiện tượng siêu nhiên, tập đầu công chiếu năm 1937.

^[2] Ray thứ ba: một số hệ thống đường sắt đô thị sử dụng ray thứ ba để cấp điện chạy tàu.

^[3] S-é-c-V-ô-D-a-n-h: séc không ghi tên người là séc sẽ được ngân hàng thanh toán cho người cầm séc đến, khác với séc ghi tên người cụ thể.

Table of Contents

GIỚI THIỆU

150 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

149 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

91 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

90 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

87 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

21 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

18 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

17-16 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

15 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

14-13-12 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

11 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

10 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

9 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

8-7-6 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

5 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

3 NGÀY TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

NGÀY HÀNH HÌNH

GIỜ TRƯỚC KHI HÀNH HÌNH

1 NGÀY SAU GIỜ HÀNH HÌNH